

**KINH
TỨ THẬP NHỊ
CHƯƠNG**

THÍCH VIÊN LÝ

Dịch & Giảng

**PHẬT THUYẾT
TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH
THE BUDDHA SPEAKS THE SUTRA
OF FORTY-TWO CHAPTERS**

佛說四十二章經

*Ca Diếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan
đồng dịch*

KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG
Ca Diếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan đồng dịch
THÍCH VIÊN LÝ *Dịch & Giảng*



Xuất bản lần thứ Nhất, 2019

Thích Viên Lý © Copyright 2019

Tranh bìa: Họa sĩ Đình Trường Chinh

Thiết kế bìa & dàn trang: Lê Giang Trần

DUYÊN KHỞI

Tất cả chúng ta, từ khi vừa mở mắt chào đời, ai nấy cũng đều có những mưu cầu hạnh phúc cho riêng mình. Tuy nhiên, hạnh phúc mà con người đang tìm kiếm thật ra chỉ là mộng tưởng, bào ảnh, không chân thật. Hạnh phúc đó chỉ thoáng qua trong giây phút ngắn ngủi rồi lại đưa chúng ta bước vào vũng lầy của vô minh, khổ lụy. Đã mấy ai biết tìm ra nguyên nhân thật sự dẫn đến khổ đau và khao khát đi tìm con đường diệt khổ. Chỉ có Đức Thế Tôn, đáng đã mở ra cho nhân loại một quang lộ giải thoát, giúp cho nhân sinh xây dựng nếp sống an lạc, hạnh phúc đích thực trong hiện tại và vô lượng kiếp về sau.

Kho tàng giáo lý mà Ngài đã dày công hoằng dương trong suốt 49 năm khi Ngài còn trụ thế vẫn còn lưu lại cho đến ngày nay, bất chấp mọi không gian và thời gian, chân lý của Ngài hoàn toàn tinh túy và luôn có giá trị tuyệt đối. Phù hợp với mọi căn

cơ trình độ và đáp ứng được những nhu cầu tâm linh thiết thực của nhân sinh trong mọi thời đại.

Bộ *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* này là những pháp hành vô cùng thiết thực giúp người thực hành đạt được mục tiêu tối hậu của việc giải thoát sanh tử khổ đau để đạt đến chân hạnh phúc, an lạc.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương là một trong những quyển Kinh mà chúng tôi đã thuyết giảng trong chương trình “*Sống Đúng Chánh Pháp*” trên đài truyền hình.

Do nhu cầu của số đông, chúng tôi đã dành thì giờ để chuyển dịch *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* này từ Hán văn sang Việt ngữ. Bản Hán văn của *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* mà chúng tôi chọn để dịch là bản thông dụng hiện nay, vì *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* bằng Hán văn không phải chỉ có một bản duy nhất mà có những bản dịch khác nhau từ chữ Phạn sang chữ Hán. Hiện nay cũng có một số bản dịch bằng tiếng Việt, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Bản tiếng Anh được sử dụng trong cuốn Kinh này là bản dịch của Thiền sư Daisetsu Teitaro Suzuki. Ngoài việc dịch bản chữ Hán sang tiếng Việt chúng tôi đã phiên âm phần Hán-Việt và in kèm bản chữ Hán cũng như bản dịch tiếng Anh để giúp cho những ai cần sử dụng Hoa ngữ và Anh ngữ có thể dễ dàng hơn trong việc tham cứu.

Hy vọng những đóng góp nhỏ bé của chúng tôi sẽ giúp cho những người có duyên lành với Phật pháp sẽ có được một đời sống thật sự an lạc và giải thoát.

Với những Phật sự khác đa đoan bên cạnh việc thuyết giảng, dịch thuật và sáng tác, chắc chắn không sao tránh khỏi những khiếm khuyết ngoài ý muốn, do vậy cúi mong các bậc cao minh bi mẫn chỉ giáo để trong lần tái bản, *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* này sẽ được hoàn hảo hơn.

Nhất tâm cầu nguyện Phật pháp trường tồn, thế giới hoà bình, chúng sanh an lạc.

Tỳ Kheo Thích Viên Lý
Chớm Đông 2017

DẪN NHẬP

Kinh Tứ Thập Nhị Chương (佛說四十二章經) là bộ kinh đầu tiên được dịch từ Phạn ngữ sang Hán văn, gồm có 42 Chương, được tuyển chọn và ghi lại những lời giảng dạy của Đức Phật từ nhiều bộ kinh khác nhau trong Kinh Tạng của Phật Giáo.

Cho đến nay các nhà nghiên cứu vẫn chưa thống nhất về lịch sử truyền bá của bộ kinh này. Tuy nhiên, căn cứ theo sử liệu của Phật Giáo Trung Quốc thì, năm 67 Tây lịch vào thời Hậu Hán, ngài Ca Diếp Ma Đằng (Kashyapa-maganta) và ngài Trúc Pháp Lan (Gobharana) đã dịch *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* từ Phạn ngữ sang Hán văn, và được một số dịch giả khác phiên dịch, trong đó bao gồm bản dịch của Hiếu Minh hoàng đế thời Tiền Tần, bản dịch của Ngô Chi Khiêm, bản dịch của Tống Nhân Tông hoàng đế chú giải của đời nhà Minh v.v...

Tại Việt Nam cũng có một số bản dịch, trong đó gồm có bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Hòa thượng Thích Hoàn Quan, học giả Đoàn Trung Còn v.v...

Theo Hòa thượng Thích Trí Quang thì *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* có hai bản chính, gọi tắt là bản A và bản B. Bản A là bản xưa nhất nằm trong Đại Tạng Kinh, bản Đại Chính, quyển 17, trang 722-724 có vào khoảng thời Hậu Hán hoặc Tam Quốc. Bản B là bản hiện đang lưu hành, nằm trong Thái Hư Toàn Thư, tập 6, trang 1-74. Bản B này được sửa chữa từ bản A mà thành, có sớm nhất cũng vào đầu nhà Tống.

Theo sử truyền, vào thời Đông Hán (cũng gọi là Hậu Hán), năm thứ ba, triều đại Vĩnh Bình (永平), Minh Đế (明帝) nằm mộng thấy một người bằng vàng có hào quang trên đầu bay vào cung. Khi tỉnh giấc, nhà vua hỏi triều thần xem giấc mơ của ông có ý nghĩa như thế nào. Quan Thái Sử Phó Nghị (傅毅) tâu rằng: “*Đấy là hảo tướng của Đức Phật A Di Đà, ở cảnh giới Tây Phương cực lạc.*”

Sau khi nghe lời giải thích của Quan Thái sử Phó Nghị, Minh Đế đã cử một phái đoàn gồm 18 người, đi về hướng Tây tức nước Ấn Độ để thỉnh kinh.

Đang trên đường đi thì phái đoàn gặp ngài Ca Diếp Ma Đằng và ngài Trúc Pháp Lan, chở nhiều bộ kinh sang Trung Quốc trên lưng con bạch mã. Vì vậy Minh Đế truyền lệnh cho xây Chùa Bạch Mã tại kinh đô Lạc Dương và cung thỉnh hai vị Pháp sư ở lại để

dịch Bộ Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* (佛說四十二章經) từ Phạn Ngữ sang Hán Văn.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nội hàm những giáo lý trọng yếu của Phật Giáo. Những hành giả có thể dùng Kinh Tứ Thập Nhị Chương như hành trang cần thiết trên lộ trình hướng đến giải thoát, giác ngộ.

KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG

佛說四十二章經

THE BUDDHA SPEAKS THE SUTRA OF FORTY-TWO CHAPTERS

後漢·迦葉摩騰、竺法蘭同譯

Hán Văn:

世尊成道已。作是思惟。離欲寂靜。是最為勝。住大禪定。降諸魔道。於鹿野苑中。轉四諦法輪。度憍陳如等五人。而證道果。復有比丘所說諸疑。求佛進止。世尊教敕。一一開悟。合掌敬諾。而順尊敕。

Phiên Âm:

Phật thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Hậu Hán, Ca Diếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan đồng dịch.

Thế Tôn thành Đạo dĩ, tác thị tư duy: “Ly dục tịch tịnh, thị tối vi thắng!” Trụ đại Thiền định, hàng chư ma đạo. Ư Lộc-dã uyển trung, chuyển Tứ-Đế-Pháp-Luân, độ Kiền-Trần-Như đấng ngũ nhân, nhi chứng Đạo quả. Phục hữu Tỳ-khưu sở thuyết chư nghi, cầu Phật tiến chỉ. Thế-Tôn giáo sắc, nhất nhất khai ngộ, hiệp chưởng kính nặc, nhi thuận Tôn-sắc.

Viết dịch:

Sau khi thành đạo, Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng: Xa lìa dục vọng, tịch lặng thanh tịnh là thù thắng nhất. An trụ Đại Thiên-định, Đức Phật hàng phục các ma. Tại vườn Lộc-dã-uyên, chuyên Pháp-luân (thuyết giảng pháp) Tứ Đế, độ năm (anh em Tôn giả) Kiều-Trần-Như, chứng được Đạo quả. Lại có Tỳ-kheo, trình bày những chỗ còn nghi, cầu Phật chỉ dạy điều gì nên tiến, việc gì nên ngưng. Đức Thế Tôn dạy bảo, ai cũng khai ngộ nên đều chấp tay cung kính, vâng thuận theo sự chỉ dạy của Ngài.

Anh ngữ:

Having attained Buddhahood, the World-honored One thought thus: "To be free from the passions and to be calm, this is the most excellent Way."

He was absorbed in Great Meditation, subdued all evil ones, and in Deer Park caused to revolve the Wheel of Dharma, which was the Fourfold Truth and converted the five Bhikshus, Kaudinya, etc., introducing them to attain Enlightenment.

Again, there were other Bhikshus who implored the Buddha to remove their doubts, which they had concerning his doctrine. The World-honored One illumined all their minds through his authoritative teachings. The Bhikshus, joining their hands and reverentially bowing, followed his august instructions.

*Lược giảng:***Pháp Môn Thù Thắng: Xa Lìa Tham Dục**

Phần Tựa Kinh Tứ Thập Nhị Chương đặc biệt nhấn mạnh “*Ly dục tịch tĩnh, thị tối vi thắng.*” Xa lìa tham dục, an trụ trong tĩnh lặng, thanh tịnh là pháp môn thù thắng nhất; chỉ với tâm đại định mới hàng phục được ma quân, đó là lời mà Đức Phật đã lên tiếng cảnh tỉnh. Tuy nhiên, muốn có được tâm an định, Đức Phật dạy: Phải tránh xa tham dục. Xa lìa ái dục là điều kiện tiên quyết.

Tựa của kinh tuy ngắn nhưng rất cô đọng, sâu sắc. Sau khi thành đạo, Đức Phật đã chuyển vận bánh xe chánh pháp lần đầu tiên, Ngài đã giảng dạy bốn sự thật mầu nhiệm mà chúng ta thường nghe qua thuật ngữ “*Tứ Diệu Đế*” (四妙諦 Sa. *Cattvāry āryasatyāni*, pi. *Cattāri ariya-saccāni*) nhằm độ thoát cho năm anh em Tôn Giả Kiều Trần Như: Mã-Thắng (Ashvajit), Tiểu Hiền (Subhadra), Ma-Ha-Nam (Mahanama-kulika), Kiều-Trần-Như (Ajnata-kaundinya) và Thập-Lực-Ca-Diếp (Dashabala-kashyapa). Lúc này chư vị Tôn Giả đang còn tu tập phương pháp khổ hạnh tại vườn Lộc Dã.

Con Đường Thoát Khổ

Vì đã thấu triệt toàn bộ nỗi khổ trong luân hồi sinh tử, Đức Phật đã quán sát và tìm ra cội nguồn khổ đau cũng như phương pháp tận diệt những mầm mống khổ đau để có được giải thoát an lạc; do vậy

ngay trong bài pháp đầu tiên, Ngài đã dạy về Bốn Chân Lý vi diệu. Qua đó cho thấy Ngài như một vị lương y siêu việt, biết rõ bệnh trạng và thấu hiểu mọi căn nguyên của bệnh nên có thể chữa lành bệnh khổ cho chúng sanh. Sự thật này đã được Đức Phật dạy rõ trong *Kinh Chuyển Pháp Luân*:

“Tri kiến phát sinh, minh sát phát sinh, tuệ giác phát sinh, hiểu biết phát sinh, minh kiến phát sinh trong ta, về những điều mà từ trước ta chưa từng nghe đến:

- Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Khổ, khổ đế này cần phải được liễu triệt (*parinneya*), khổ đế này đã được liễu triệt (*parinnata*).

- Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Nguồn Gốc của Khổ, Tập Đế này phải được đoạn diệt (*pahatabba*), Tập Đế này đã được đoạn diệt (*pahinam*).

- Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Sự Diệt Khổ, Diệt Đế này phải được chứng ngộ (*sacchikatabba*), Diệt Đế này đã được chứng ngộ (*sacchikatam*).

- Đây là Sự Thật Tuyệt Đối về Con Đường Diệt Khổ, Đạo Đế này phải được hành trì (*bhavetabbam*), Đạo Đế này đã được hành trì (*bhavitam*).

Này các vị Tỳ Kheo, khi nào mà sự hiểu biết và nhận thức này của ta với ba vòng chuyển và mười hai kết hợp về bốn Sự Thật Tuyệt Đối đó – không tinh thuần, ta không thể khẳng định rằng ta là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, vượt hơn tất cả mọi loài trong vũ trụ, chư thiên, ma quỷ, phàm phu, tu sĩ, vua chúa và

thường dân. Tuy nhiên, ngay khi sự hiểu biết và nhận thức này của ta – với ba vòng chuyển và mười hai kết hợp về Bốn Sự Thật Tuyệt Đối đó – hoàn toàn thật sự tinh thuần, ta đã khẳng định rằng, ta là Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác, vượt hơn tất cả mọi loài trong vũ trụ, chư thiên, ma quỷ, phàm phu, tu sĩ, vua chúa và thường dân. Tuệ giác và tri kiến phát khởi trong ta: Sự Giải Thoát đã xảy ra. Đây là kiếp sống cuối cùng. Không còn phải tái sinh nữa.”

Chân lý về con đường dẫn đến sự chấm dứt Khổ (dukkha – nirodha – gamini – patipada – ariya – sacca) đó là *Tứ Diệu Đế*:

1. Xác định thực trạng khổ đau: *Khổ đế (Dukkha)*

Đây là một sự thật rõ ràng, là chân lý chắc chắn mà Đức Phật đã khẳng định để giúp cho chúng sinh thấy tất cả những khổ đau mà họ đã và đang gánh chịu. Đức Phật dạy, tất cả mọi phiền não trên thế gian này đều gọi là khổ. Phiền não ở đây không chỉ riêng cho trạng thái đau buồn, mà là mọi hình thức khoái lạc đặc biệt là dục lạc; dù là hạnh phúc hay khổ đau đều mang mầm mống của bệnh khổ. Phiền não ở đây là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... Chúng luôn quấy rầy tâm thức con người, làm cho con người mất đi trạng thái tâm tĩnh lạc.

Nói đến khổ là nói đến con số không thể biểu đạt, vì sự đau khổ quá nhiều, vì thế nên ta thường nghe rằng, cuộc đời là bể khổ, tuy nhiên, dù khổ đau vô

lượng nhưng có thể thu phối trong Tam khổ và Bát khổ.

Ba thứ khổ (tam khổ) gồm có:

- **Khổ khổ** (sa. duḥkha-duḥkha): Nghĩa là khổ vì những nỗi khổ như đói khát, bất công, chiến tranh v.v...; hiểu một cái đơn giản thì, cái khổ này chồng lên cái khổ kia.

- **Hành khổ** (sa. saṃskāra-duḥkha): Nghĩa là cái khổ bao hàm cả ba cõi do sự sinh tử luân hồi. Sự đau khổ nối tiếp vận hành từ đời này sang đời khác khi chưa đạt giải thoát giác ngộ.

- **Hoại khổ** (sa. vipariṇāma-duḥkha): Nghĩa là khổ vì sự thay đổi, hủy hoại. Mọi vật trong thế gian này đều bị chi phối bởi luật vô thường, có nghĩa là không có gì là bất biến, cố định mãi mãi. Có sinh tất phải có diệt, có kết tụ tất có phân ly, do vậy khi đối diện với những hủy hoại đó, tâm thức chưa thực sự tỉnh thức của chúng ta cảm nhận vô số khổ đau. Nên hiểu rằng, vì tâm chưa tỉnh thức nên không phải là chơn tâm; với một tâm thức điên đảo, mộng tưởng nên khi đối diện với vô thường tất nhiên khổ đau sanh khởi. Vô thường bao gồm cả thân, tâm và hoàn cảnh và, vì vô thường nên khổ đau. Vô thường, Khổ, Vô ngã là ba dấu ấn quan trọng của Phật giáo (Tam Pháp Ấn).

Xin được đặc biệt nhấn mạnh: Điều quan trọng mà chúng ta cần lưu ý đó là, vì mọi sự đều vô thường nên khổ. Trong mọi sự đó hay nói theo thuật ngữ của

Phật giáo: “các pháp” bao gồm cả tâm pháp, chính vì vậy mà khi tâm chưa đạt được trạng thái hằng thường tức là chân tâm thì vẫn còn bị khổ đau chi phối. Do vậy Tam Pháp Ấn của Phật giáo đã khẳng định Vô thường (Anitya), Khổ (Dukkha), Vô ngã (Anatma).

Sinh ra trong cuộc đời không ai tránh khỏi những nỗi khổ trên và, vì đau khổ quá nhiều nên Đức Phật dạy: “*Đời là bể khổ.*” Đây là một sự thật, một chân lý về ‘khổ’ nên gọi là ‘Khổ đế’.

Tám thứ khổ: Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, cầu nhưng không được là khổ (Cầu bất đắc khổ), sống xa lìa những gì ta thương yêu là khổ (Ái biệt ly khổ), sống chung với những gì không ưa thích là khổ (Oán tắng hội tụ khổ), bản thân của thân năm uẩn là khổ (Ngũ ấm xí thành khổ).

2. Chìa khóa để giải mã nguyên nhân đau khổ: Tập đế (*Samudaya*)

Chân lý này chỉ ra nguyên nhân của khổ, vì vô minh ràng buộc, đầy rẫy tham, sân, si mà nhận lầm thân ngũ uẩn là thật, là cái tôi vô cùng kiên cố. Chúng ta không nhận ra tánh duyên khởi của các pháp. Mọi sự vật, mọi hiện tượng trên thế gian này đều biến đổi từng giây từng phút, từng sát na. Chúng đều hỗ trợ cho nhau mà hình thành, không có bất cứ gì là riêng biệt, là trường cửu. Giống như chúng ta sinh ra, già đi với tháng năm, bệnh và chết. Sau đó tùy theo nghiệp lực do chính mình tạo tác mà tiếp tục tái sanh, cứ luân hồi biến chuyển như vậy. Chứ không thể sinh

ra và giữ nguyên mãi một hình hài như lúc ban đầu. Ngay cả trong tâm niệm của chúng ta cũng thế, ý niệm này phát khởi rồi lại bị tiêu diệt bởi ý niệm sau, cứ thế nối tiếp những tâm niệm khác như một chuỗi liên hoàn không bao giờ dừng lại được. Nguồn gốc của khổ đau gồm mười hai mắc xích tức **Thập Nhị Nhân Duyên**: Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão tử.

Mười hai Nhân duyên đã trình bày giáo nghĩa Duyên khởi (Paticcasamuppada) mẫu nhiệm mà trong *Tứ Diệu Đế* thì 12 Nhân Duyên chính là nguyên nhân đưa đến khổ đau.

Mười hai Nhân duyên gồm có:

1) **Vô minh** (*Avijjà*): Sự si mê của tâm thức, không nhận thức được chân lý. Không nhận diện toàn diện sự thật như chính sự thật đang là.

2) **Hành** (*Sankhàra*): Ý chí tạo tác, động lực của thân, khẩu và ý.

3) **Thức** (*Vinnana*): Tri giác của con người bao gồm 8 thức: Mắt (nhãn thức), tai (nhĩ thức), mũi (tỷ thức), lưỡi (thiệt thức), thân (thân thức) và, ý (ý thức).

4) **Danh sắc** (*Nàma-rùpa*): Sắc thuộc phần vật lý, danh thuộc phần tâm lý.

5) **Lục nhập** (*Chabbithàna*): Chỉ cho sự tương tác giữa sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và, sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

6) **Xúc** (*Phassa*): Sự tiếp xúc giữa các căn và các trần.

7) **Thọ** (*Vedanà*): sự cảm thọ, cảm nhận.

8) **Ái** (*Tanha*): Ham muốn, thèm khát, gồm có dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Thèm khát ngũ dục (*Kama tanha*); thèm khát khoái lạc vật chất, theo quan điểm của thường kiến luận (*Bhava tanha*); thèm khát khoái lạc vật chất theo luận thuyết của đoạn kiến (*Vibhava tanha*).

9) **Thủ** (*Upadàna*): Nghĩa là chấp thủ, bám víu.

10) **Hữu** (*Bhava*): Sự hình thành bao gồm dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

11) **Sanh** (*Jati*): Sự ra đời, xuất hiện.

12) **Lão-tử** (*Jaramrana*): Sự già, chết.

Chính vì không nhận ra được chân lý này nên chúng ta cứ bo bo chấp ngã, không thấu rõ vạn pháp là vô thường, là khổ, không, vô ngã. Do tham ái, ngã chấp nên chúng ta mãi chiều chuộng bản thân, không bao giờ biết hài lòng với những gì mình đang có. Chính vì vậy mà tội ác và xung đột cứ xảy ra khắp nơi, chà đạp và gây đau khổ cho nhau từ kiếp này đến kiếp khác, chính vì vậy, Đức Phật đã dạy:

*Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen.¹*

1. Kinh Pháp Cú, Phẩm *Ái Dục*, PC. 24.

3. Tháo gỡ, chấm dứt, giải thoát mọi khổ đau: Diệt đế (Nirodha)

Đức Phật dạy: “*Này các vị Tỳ Kheo, đây là Diệt Đế về Diệt Khổ: sự tàn lụn và ngưng, không còn tàn dư, sự xuất ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, và sự buông bỏ lòng tham thủ.*”²

Diệt đế này đức Phật đã khai thị về chân diệt (Diệt Đế), thực sự chấm dứt mọi si mê, điên đảo, vọng tưởng và không bao giờ phát sinh lại nữa. Đây là một trạng thái tâm thức đã hoàn toàn thanh tịnh, giải thoát mọi khổ đau của kiếp nhân sinh. Khi chúng ta thấu rõ phương pháp đoạn diệt lòng ham muốn, thì chúng ta mới có thể chấm dứt mọi tham dục. Đức Phật đã dạy về Diệt Đế như sau: “*Này thiện nam tử, thế nào là Đại Bồ Tát trụ nơi Đại Thừa Niết Bàn thấy Diệt cùng thấy Diệt Đế? Chính là dứt trừ tất cả phiền não đã dứt thời gọi là thường. Dứt lửa phiền não thời gọi là tịch diệt. Vì phiền não diệt nên dựng thọ hưởng chơn lạc. Chư Phật và Bồ Tát chẳng nguyện cầu nên gọi là Tịnh, chẳng còn thọ thân trên hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt, khổ, lạc, bất khổ, bất lạc đều chẳng chấp lấy tướng mạo nên gọi là rốt ráo tịch diệt chơn đế. Đây gọi là Đại Bồ Tát trụ nơi Đại Thừa Đại Niết bàn quan sát Diệt Thánh Đế.*”³

2. Tương Ưng, XLVI-11

3. Kinh Đại Bát Niết Bàn, Tập II, phẩm Thánh hạnh thứ 19, 434

Qua hai bài kinh trên, Đức Phật đã cho chúng ta thấy rõ đây là kết quả tất yếu, là mục đích cứu cánh của sự tu tập. Cho dù Ngài có nói hay không nói thì chân lý này vẫn tồn tại, chỉ là vì vọng kiến của chúng sanh nên nó không hiển lộ mà thôi. Nếu tâm ái dục được đoạn diệt, thì khổ đau cũng không còn. Chư hành giả phải thấy rõ tận gốc rễ của ái dục vốn rất nguy hiểm thì mới có thể cố gắng nỗ lực tu tập để đoạn trừ ái dục. Trong *kinh Pháp Cú*, câu 212, Đức Phật dạy rằng:

*“Do ái sinh sầu ưu
Do ái sinh sợ hãi
Ai thoát khỏi tham ái
Không sầu, đâu sợ hãi.”*

4. Con đường chấm dứt khổ đau:

Đạo đế (Magga)

Đây là con đường hướng tới giác ngộ niết bàn mà Đức Phật đã vạch rõ để giúp cho chúng ta thực hành nhằm đạt được an lạc, giải thoát, phần này quan trọng nhất trong Tứ Diệu Đế. Vì nếu đã biết rõ cuộc đời là đau khổ, nguyên nhân gây ra đau khổ và, thiết tha cầu giải thoát nhưng lại không biết được phương pháp để thực hành hoặc nhưng không chịu thực hành thì biết nhiều bao nhiêu cũng trở nên vô nghĩa, chẳng khác nào như người khát nước nhưng không uống nước mà chỉ ngồi và nói “*Uống nước sẽ hết khát*” thì dù nói bao nhiêu đi nữa cũng vĩnh viễn sẽ không bao giờ hết khát, thậm chí có thể gặp nguy hiểm đến tính mạng vì mất nước lâu dài. Do đó, Đạo đế được Thế

Tôn dạy một cách chi tiết, rõ ràng và hết sức chu đáo đó là **Bát Chánh Đạo** và, mở rộng ra thì bao gồm **37 phẩm trợ đạo**, trong đó được chia ra làm 7 loại theo thứ tự như sau:

- 1- **Tứ niệm xứ**: Quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên pháp.
- 2- **Tứ chánh cần**: ngăn ác pháp, diệt ác pháp, sinh thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp.
- 3- **Tứ như ý túc**: Dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, nhất tâm như ý túc, quán như ý túc.
- 4- **Ngũ căn**: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.
- 5- **Ngũ lực**: Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực và huệ lực.
- 6- **Thất giác chi**: Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.
- 7- **Bát chánh đạo**: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Trong Tứ Diệu Đế thì Bát Chánh Đạo (Majjhimà Patipadà) chính là con đường đưa đến giải thoát, chấm dứt toàn bộ khổ đau.

Hình Thành Ngũ Tối Sơ Tam Bảo

Trong phần mở đầu, dù rất ngắn gọn nhưng tối ư quan trọng vì qua đó đã cho thấy, ngũ Tối sơ Tam

bảo được hình thành và, có thể khẳng định rằng, xuất phát từ ngôi Tối sơ Tam bảo này mà Phật pháp đã lưu bố khắp nơi. Dù là người xuất gia hay tại gia, bước đầu đến với đạo Phật đều thực hiện pháp quy y Tam Bảo. Khi chúng ta đang thấy mình chìm đắm trong vũng bùn của tội lỗi, đời sống chúng ta chẳng khác nào như con thuyền đang bấp bênh trôi dạt giữa bể khổ trần gian, cầu mong được cứu vớt thì Phật là ngọn hải đăng, làm mục tiêu cho chúng sanh hướng đến, Ngài là người sẵn sàng đưa tay cứu vớt mọi sinh linh lâm than đau khổ. Giáo pháp của Ngài là cánh buồm lộng gió giữ cho thuyền vượt bao cơn sóng dữ và cũng là những giọt nước cam lồ rửa sạch bao cấu uế tội lỗi của chúng sanh. Chư Tăng như người trưởng thuyền cầm lái, đưa con thuyền thẳng tiến đến bờ giác cũng như là người trung gian đem nước cam lồ ban bố cho chúng sanh.

Chính vì vậy, nếu muốn mau chóng dứt sạch mọi vô minh, tắt cạn sông ái nhiễm, não phiền, cần phải quy y Tam Bảo, vì Tam Bảo bảo đảm cho muôn sinh dễ dàng cập bến Niết bàn an tịnh.

Đại ý của phần Tựa nêu bật phẩm hạnh thanh tịnh của người xuất gia. Nhờ công phu tu tập Giới, Định và Tuệ mà đạt giải thoát, an lạc. Và, đến đây cho chúng ta thấy rõ rằng, Tứ Diệu Đế là giáo lý căn bản và cốt yếu nhất trong toàn bộ hệ thống giáo lý của Đức Như Lai.

Là đệ tử Phật chúng ta phải biết suy gẫm và tinh tấn thực hành lời Phật dạy để có thể diệt trừ đau khổ

cho chính mình và cho toàn thể muôn sinh. Hạnh phúc chẳng ở đâu xa mà nó nằm ngay ở trong tâm mình, nếu mình biết buông bỏ đau khổ, ái nhiễm, dục lạc xuống thì sẽ dễ dàng nắm bắt được hạnh phúc mà không cần một thế lực siêu nhiên hay thần linh nào giúp đỡ.

Đức Phật đã vạch ra cho chúng ta con đường diệt khổ rất rõ ràng và đầy đủ, muốn thoát khổ thì mỗi người chúng ta phải tự cất bước trên con đường ấy.

Chương I
XUẤT GIA CHỨNG QUẢ
第一章。出家證果

Hán văn:

佛言。辭親出家。識心達本。解無為法。名曰沙門。常行二百五十戒。進止清淨。為四真道行。成阿羅漢。阿羅漢者。能飛行變化。曠劫壽命。住動天地。次為阿那含。阿那含者。壽終靈神。上十九天。證阿羅漢。次為斯陀含。斯陀含者。一上一還。即得阿羅漢。次為須陀洹。須陀洹者。七死七生。便證阿羅漢。愛欲斷者。如四肢斷。不復用之。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bản, giải Vô-vi Pháp, danh viết Sa-Môn. Thường hành nhị bách ngũ thập giới, tiến chỉ thanh tịnh, vi tứ chân đạo hạnh, thành A-la-hán. A-la-hán giả, năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mạng, trú động thiên địa. Thứ vi A-na-hàm. A-na-hàm giả, thọ chung linh thần thượng thập cửu thiên, chứng A-la-hán. Thứ vi Tu-đà-hàm. Tu-đà-hàm giả, nhất thượng nhất hoàn, tức đắc A-la-hán. Thứ vi Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn giả, thất tử thất sanh, tiện chứng A-la-hán. Ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Từ biệt người thân để xuất gia, nhận thức thấu triệt tâm tánh, rõ pháp Vô-vi, gọi là Sa-môn. Thường hành trì 250 giới, lúc tiến hay ngưng thảy đều thanh tịnh, tu hành bốn chân Đế, đạo hạnh mô phạm, thành bậc A-la-hán. Bậc A-la-hán, phi hành, biến hóa, thọ mạng nhiều kiếp lâu dài, chỗ trụ rủng động trời đất. Kế đến là A-na-hàm. Lúc A-na-hàm mạng chung, linh-thần sanh lên cõi trời thứ mười chín, chứng quả-vị A-la-hán. Thứ đến là Tư-đà-hàm. Bậc Tư-đà-hàm còn một lần lên và một lần trở lại liền đắc quả A-la-hán. Thấp hơn là quả Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn trải qua bảy lần sanh và bảy lần tử mới chứng được quả A-la-hán. Đoạn trừ ái dục như chặt tứ chi, không dùng lại nữa.”

Anh ngữ:

Chapter 1: Renounce the Secular Life and Attain the Fruit of Arhatship

The Buddha said, “Those who leave their parents, go out of the home, understand the mind, reach the source and comprehend the immaterial, are called Çramana.

“Those who observe the two hundred and fifty precepts of morality, who are pure and spotless in their behavior, and who exert themselves for the attainment of the four fruits of saint-ship are called Arhats.

“The Arhat is able to fly through space and assume different forms; his life is eternal, and there are times when he causes heaven and earth to quake.

“Next is the Anâgâmin. At the end of his life, the spirit of the Anâgâmin ascends to the nineteenth heaven and obtains Arhat-ship.

“Next is the Skridâgâmin. The Skridâgâmin ascends to the heavens [after his death], comes back to the earth once more and then attains Arhat-ship.

“Next is the Srotaâpanna. The Srotaâpanna dies seven times and is born seven times, when he finally attains Arhat-ship.

“By the severance of the passions is meant that like limbs severed they are never again made use of.”

Lược giảng:

Đức Phật dạy: Giả biệt người thân để xuất-gia học đạo, nhận-thức thấu triệt tâm tánh, thấu-suốt được cội gốc và hiểu rõ được pháp vô-vi, mới gọi là “Sa-môn.” Vị Sa-môn thường giữ hai trăm năm mươi giới, khi tiến, khi ngưng, đều ở trong niệm thanh-tịnh và thực-hành đạo-hạnh của bốn chân-đế, để thành bốn Thánh-quả như bậc A-La-Hán v.v...

A-La-Hán (Arahat) là vị tu-chứng có thể phi-hành, biến-hóa, kéo dài thọ-mệnh nhiều kiếp và khi an-trụ có thể làm rung-chuyển trời đất.

Thứ đến, *A-Na-Hàm* (Angâmi). A-Na-Hàm là vị tu-chứng, sau khi mất, tinh thần sinh lên cõi trời thứ mười chín, chứng quả A-La-Hán.

Thứ đến, *Tư-Đà-Hàm* (Sakrdâgâmi). Tư-Đà-

Hàm là vị tu-chúng, chỉ còn một lần sinh lên cõi trời và một lần trở lại cõi người trong Dục-giới là chúng được quả A-La-Hán. Thứ nữa là Tu-Đà-Hoàn (Sotàpanna-phala). Tu-Đà-Hoàn là vị tu-chúng còn phải bảy lần sinh, bảy lần tử nữa, mới chúng được quả A-La-Hán.

Chặt đứt ái-dục như chặt tứ chi, không dùng gì nữa, (tức là vượt khỏi luân-hồi)!

Chí xuất trần thượng sĩ của người xuất gia:

Xuất gia gồm có ba ý nghĩa chính:

- Xuất thế tục gia
- Xuất phiền não gia
- Xuất tam giới gia

Xuất gia gồm có 5 đức:

- 1- *Phát tâm xuất gia, hoài bội đạo cố.* Nghĩa là: Phát tâm xuất gia vì thiết tha với đạo pháp.
- 2- *Hủy kỳ hình hảo, ứng pháp phục cố.* Nghĩa là: Hủy bỏ hình tướng tốt đẹp để xứng hợp với pháp phục.
- 3- *Cát ái từ thân, vô thích mặc cố.* Nghĩa là: Cắt đứt mối dây thân ái, vì không còn thân sơ.
- 4- *Ủy khí thân mạng, tôn sùng đạo cố.* Nghĩa là: Xả bỏ thân mạng vì tôn sùng đạo pháp.
- 5- *Chí cầu Đại thừa, vị độ nhân cố.* Nghĩa Là: Chí cầu Đại thừa, vì độ thoát chúng sanh.

Chí nguyện người xuất gia rất cao rộng, nguyện xả bỏ thân tướng tốt đẹp để hoàn thành lý tưởng Bồ Tát đạo vô biên.

Kinh *Di Giáo* dạy rằng: “*Nhữ đấng Tỳ kheo đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khát tự hoạt, tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn, đương tật diệt chi.*” Nghĩa là:

Các thầy Tỳ kheo, hãy tự xoa đầu, đã xả bỏ những trang sức tốt đẹp, mặc áo hoại sắc, ôm bình bát khát thực để nuôi thân, phải tự thấy như thế, nếu còn khởi tâm kiêu mạn phải nhanh chóng đoạn diệt ngay.

Trong *Sám Hồng Danh* có câu: “*Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhân thiên phước báo, Thanh Văn, Duyên Giác, nữ chí Quyền thừa chut vị Bồ Tát, duy y Tối thượng thừa Bồ Đề tâm. Nguyên dĩ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-Đề.*”

Nghĩa là: Con nay phát tâm không vì riêng cầu phước báo trời người, các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác nhắm đến Quyền thừa Bồ Tát. Chỉ hướng đến Tối thượng thừa mà phát tâm Bồ Đề. Nguyên cùng pháp giới chúng sinh đồng một lúc chúng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Điều thứ 8 trong Kinh *Bát Đại Nhân Giác* dạy rằng:

Đệ bát giác tri:

*“Sanh tử xí nhiêu
Khổ não vô lượng
Phát Đại thừa tâm
Phổ tế nhất thiết
Nguyên đại chúng sanh
Thọ vô lượng khổ*

*Linh chư chúng sanh
Tất cánh đại lạc”*

Nghĩa là:

*“Sanh tử thiêu đốt,
Khổ não vô lượng,
Phát tâm Đại thừa,
Rộng độ tất cả,
Nguyện thay chúng sinh,
Chịu vô lượng khổ,
Khiến các chúng sinh,
Trọn an lạc lớn.”*

Tổ đức dạy rằng:

*“Thiện tai! Đại trượng phu
Năng liễu thế vô thường
Xả tục thú Nê-hoàn
Công đức nan tư nghì”*

Nghĩa là:

*“Lành thay! Đại trượng phu,
Hiểu rõ đời vô thường,
Bỏ tục hướng Niết Bàn,
Công đức khó nghĩ bàn.”*

Tổ Quy Sơn tức ngài Linh Hựu dạy rằng:

*“Phù xuất gia giả, phát túc siêu phàm, tâm hình
dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân,
dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu. Nhược bất như thử,
lạm xí tăng luân, ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín
thí...”*

Nghĩa là: Mỗi bước chân của người xuất gia vượt tới phương trời cao rộng, tâm thức và hình tướng khác hẳn thế tục, tiếp nối rạng rỡ dòng giống của Phật, khiến cho ma quân rung động, quy phục, nhằm báo đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi. Nếu không như thế thì chỉ là kẻ lạm dụng xen lẫn vào hàng ngũ Tăng đoàn, ngôn ngữ và hành động rỗng tuếch, thọ dụng một cách vô ích sự cúng dường của tín đồ...

Bốn Quả Vị Thanh Văn.

Nhờ xuất gia tinh tấn tu học mà đạt được phẩm hạnh thanh tịnh khả kính của Sa môn. Và từ đó tiến xa hơn để chứng 4 thánh quả.

Hàng Thanh Văn gồm có bốn thánh quả như sau:

1. Sơ quả *Tu-Đà-Hoàn* còn gọi là *nhập lưu*, được tham dự vào dòng chảy uyên nguyên của bậc thánh, từ đó dẫn đến quả vị giác ngộ, giải thoát. Tu-Đà-Hoàn cũng được gọi là nghịch lưu, có nghĩa là đi ngược lại dòng sinh tử luân hồi, dù phải đi một mình và, chấp nhận sự cô độc. Chẳng khác nào như Đức Phật ở trong hoàng cung có nhiều thị vệ, cung nữ; nhưng ngài đã đi vào rừng sâu, sống rất cô độc, cô độc nhưng không cô đơn. Chỉ có sự cô độc như vậy, mới có thể tạo ra niềm bình an trong tâm hồn của chúng ta.

Sự trống rỗng tiêu biểu cho trạng thái vô ngã, nhờ đó chúng ta mới tái khám phá được bản chất đích thực của chính mình và của muôn hữu vũ trụ. Mỗi một người phải tự khám phá bản lai diện mục của

chính mình, thực hiện cuộc trở về với tự thân, đối diện với chính mình, đối diện với sự tham dục, sự thèm khát, sự ao ước để vượt lên trên mọi ham muốn. Nói chung là phải đối diện với tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, v.v... để diệt trừ mọi tham độc.

Một khi đã tri nhận được bản thân, chúng ta sẽ chủ động, không để bị cuốn hút theo tham dục, thèm khát, ao ước viển vông; ngược lại chúng ta có khả năng điều phục, chế ngự dục vọng. Người đạt quả Tu-Đà-Hoàn còn có danh xưng là “*Thất Lai,*” nghĩa là “*sẽ sinh lại trên thế gian này bảy lần.*”

2. Cao hơn nữa là nhị quả *Tư-Đà-Hàm*, còn gọi là “*Nhất Lai,*” nghĩa là “*sẽ trở lại thế gian một lần nữa,*” sau đó mới chứng được quả vị A La Hán.

3. Sau quả Tư-Đà-Hàm là quả *A-Na-Hàm*, còn gọi là “*Bất Lai,*” hay “*Bất Hồi,*” nghĩa là “*không trở lại nữa.*”

4. Cuối cùng là tứ quả *A-La-Hán*. Người đạt quả vị A-La-Hán có khả năng chinh phục được *kẻ thù trong chính mình*. Kẻ thù ấy không gì khác hơn chính là sự nóng nảy, ghen tức, loạn tưởng, ham muốn, những điều mà chúng ta gọi là tham lam, sân, hận, si mê. Chúng ta chinh phục được kẻ thù của bản thân không phải bằng vũ khí, mà bằng trí tuệ. Chúng ta nhận ra chúng, như đứng trong một tòa nhà tối, nhưng khi bật công-tắc điện lên cả tòa nhà rực sáng, bóng tối tan biến đi. Những điều xấu xa chỉ xuất hiện trong đêm đen. Một căn nhà đầy đủ ánh sáng, kẻ trộm không dám lên vào. Tâm hồn hoàn toàn được

chiếu sáng bằng tuệ giác, tất nhiên sự xấu ác sẽ bị tiêu trừ, phải tan biến.

Bốn quả vị: Sơ quả Tu-Đà-Hoàn, nhị quả Tư-Đà-Hoàn, tam quả A-Na-Hàm và, tứ quả A-La-Hán là những Thánh Quả rất quan trọng trong hàng Thanh Văn.

Cách Tu Giữa Đời Thường Và Tu Trong Cô Độc.

Đức Phật là bậc đại giác, với lòng từ bi vô lượng nên bất cứ lúc nào Ngài cũng muốn giúp chúng ta trở về với thế giới nội tại, thể nhập vào bản thể bất biến mà trong các kinh gọi là Phật Tánh, do vậy mỗi chúng ta cần nỗ lực tu tập để hiển lộ được Phật Tánh. Muốn thành tựu được điều này, chúng ta không có cách gì khác ngoài việc đoạn trừ tham dục, phiền não, vô minh. Nếu bất cứ ai bị tham-sân-si cuốn hút, sai sử, chắc chắn không thể nào có thể chứng đạo được.

Sơ quả Tu-Đà-Hoàn là giai đoạn kiến đạo.

Nhị quả Tư-Đà-Hoàn, tam quả A-Na-Hàm là giai đoạn hành giả đang tu đạo.

Tứ quả A-La-Hán là lúc hành giả đã chứng đạo. Muốn kiến đạo, tu đạo và muốn chứng đạo một cách rốt ráo cần phải xuất gia học đạo.

Hai chữ “*xuất gia*” ở đây mang ba ý nghĩa quan trọng đó là: *Xuất thế tục gia*, *Xuất phiền não gia*, và *Xuất tam giới gia*.

Ai đã đi tu rồi mà còn sống cuộc đời thế tục, lại dùng cuộc đời thế tục này để biện minh cho sự hòa hợp đạo đời, là điều sai lầm. Hành giả đi vào cuộc đời bằng thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, không bị ô nhiễm. Họ sống giữa đời nhưng không lệ thuộc bởi đời, không để cho bụi trần bám víu, che phủ. Nói cách khác, người tu hành không thể nói: Vì muốn cảm thông, hiểu rõ nỗi niềm cay đắng lao lung của cuộc đời nên họ phải hút á phiện, phải uống rượu, phải nháy đăm, phải đến vũ trường... Sống như vậy hoàn toàn không đúng với chánh pháp, không phải là chánh nghiệp, chánh mạng, không phải là chánh tinh tấn. Chúng ta phải hiểu được thực tế này, để không bị những ai tu hành lồi thồi, dùng ngôn ngữ huyền hoặc lôi kéo đi theo con đường bất chánh của họ.

Người Xuất Gia Cần Phải Phòng Hộ Sáu Căn Khi Ra Xã Hội Hoằng Pháp.

Sáu căn là nơi có khả năng truyền cảm xúc và xúc tác với đối tượng xung quanh, yêu ghét, thù hận, tham lam, tật đố, v.v... đều từ đó mà phát sinh. Chính vì vậy người xuất gia cần phải phòng hộ, khi đã phòng hộ được sáu căn rồi thì đi, đứng, nằm, ngồi..., luôn được sống trong chánh niệm và nhận thức chân xác từng suy nghĩ, lời nói và hành động của mình. Tuy nhiên, không phải vì thế mà người xuất gia phải sống khép kín, ẩn dật tự lợi cho riêng mình. Chúng ta phải gánh vác trách nhiệm và sứ mệnh hoằng pháp lợi sanh, chính vì vậy mà phải giao thiệp với mọi người

trong xã hội, vẫn làm Phật sự khắp mọi nơi chốn, chẳng hạn như đi cúng, tham dự các hoạt động xã hội... Nhưng trong mọi hoàn cảnh, họ không để đời sống của họ bị ô nhiễm bởi tham lam, bởi dục tình, bởi ham muốn... Tất cả tham dục cần phải đoạn trừ. Chúng ta chỉ có thể trở thành nạn nhân, khi chúng ta đồng lõa, hợp tác với tham lam, dục vọng. Nhưng nếu chúng ta thường xuyên quán chiếu, thường xuyên thấy rõ, thì tham lam, dục vọng... sẽ tan biến.

Một người chân tu luôn quán chiếu để thấy rõ sự bất thiện trong tâm thức. Khi đã thấy rõ, họ có thể chuyển hóa tức khắc. Người chân tu cố gắng phát huy những điều tốt, nỗ lực đoạn trừ những điều xấu. Đây chính là sự tu tập, phải được thực hành liên tục từng mỗi một phút giây trong đời sống, ở mọi nơi mọi lúc. Dù ở trong phòng riêng hay hiện diện trước đám đông, người tu sĩ luôn cố gắng giữ ba nghiệp ngôn ngữ, thân thể và tâm thức hoàn toàn thanh tịnh, đặc biệt đối với quả vị Sa Môn như Đức Phật đã khai thị trong chương này.

Bốn Nỗ Lực Chân Chánh.

Có 4 nỗ lực chân chánh mà chúng ta cần tinh tấn hành trì đó là *Tứ Chánh Cần* (Catvāri prahāṇāni):

- 1- Tinh tấn ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh.
- 2- Tinh tấn đoạn trừ những điều ác đã phát sinh.
- 3- Tinh tấn phát triển những điều lành chưa phát sinh.

- 4- Tinh tấn tiếp tục phát triển những điều lành đã phát sinh.

Kinh *Tap A Hàm* gọi là **Tứ Chánh Đoạn**:

- 1- **Đoạn Đoạn**: Nỗ lực đoạn trừ các điều ác đã sinh.
- 2- **Luật Nghi Đoạn**: Nỗ làm cho các điều ác chưa sinh không thể sinh khởi, bằng cách nghiêm trì giới luật.
- 3- **Tùy Hộ Đoạn** hay **Phòng Hộ Đoạn**: Nỗ lực làm cho những điều thiện chưa sanh phát sanh.
- 4- **Tu Đoạn**: Nỗ lực làm cho những điều thiện đã sanh tăng trưởng.

Với Đức Phật thì lòng từ bi vô lượng của Ngài chính là động lực thúc đẩy Ngài xuất gia để đoạn trừ tham ái vô minh và cứu độ chúng sanh như đã được ghi lại trong Kinh *Đại Bảo Tích* khi Ngài nói với Trưởng giả Hiền Thủ:

“Này Trưởng giả! Ta xem thấy tất cả chúng sinh ở thế gian bị mười sự khổ bức bách: Một là sinh khổ. Hai là lão khổ. Ba là bệnh khổ. Bốn là tử khổ. Năm là sầu khổ. Sáu là oán hận. Bảy là khổ thọ. Tám là ưu thọ. Chín là thống não. Mười là bị nỗi khổ lớn sinh tử lưu chuyển.

Này Trưởng giả! Ta thấy mười sự khổ ấy bức bách chúng sinh. Ta vì được Vô thượng Bồ-đề để xuất ly sự khổ ấy, nên ta dùng lòng tịnh tín bỏ cung dòng Thích thẳng đến đạo Vô thượng.

Muốn tuyên lại nghĩa ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Ta thấy các phàm phu
 Bị nhốt ngục lưu chuyển
 Thường bị sinh, lão, bệnh
 Các khổ làm bức bách,
 Sầu lo và oán hận
 Những chết chóc kéo dài
 Vì trừ khổ lao ngục
 Nên ta thích xuất ly.”¹*

Từ chư Phật, đến các vị Bồ tát và chư vị Tổ sư, sở dĩ quý ngài xuất gia là vì lòng từ bi lớn muốn độ thoát chúng sanh, do vậy, người xuất gia phải học theo hạnh Phật, Bồ tát và lịch đại Tổ Sư mà tinh tấn tu trì không ngừng nghỉ.

Việc gì cần làm hãy làm ngay vì vô thường không bao giờ hẹn với bất cứ ai, do vậy chư Tổ thường dạy:

*“Mạc đãi lão lai phùng học đạo.
 Cô phần tận thị thiếu niên nhơn.”*

Nghĩa là:

*“Chớ hẹn tuổi già mới học đạo,
 Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.”*

Tổ Qui Sơn cũng đã từng dạy:

無常老病不與人期。朝存夕亡。剎那異世。譬如春霜。曉露。倏忽即無。岸樹。井藤。豈能長久念念迅速。一剎那間。轉息即是來生。何乃晏然空過。

1. Dịch giả: Sa Môn Thích Tịnh Hạnh. Đại Tập 42 - Bộ Bảo Tích I - Số 310 (Quyển 1-40)

Dịch âm:

“Vô thường lão bệnh bất dữ nhân kỳ. Triệu tồn tịch vong, sát-na dị thế. Thí như xuân sương, hiểu lộ, thúc hốt tức vô, ngạn thọ, tỉnh đằng, khởi năng trường cửu. Niệm niệm tấn tốc, nhất sát-na gian, chuyển tức tức thị lai sanh. Hà nãi yển nhiên không quá?”

Việt dịch:

Vô thường già bệnh chẳng hẹn một ai. Sớm còn tối mất, chỉ trong sát-na đã qua đời khác. Giống như sương của mùa xuân, móc của sớm mai, thoáng chốc chợt không, như cây bên bờ vực thẳm, như dây leo trên vách giếng, làm sao có thể lâu bền. Niệm niệm liên li nối nhau, chỉ một sát-na, chuyển đổi hơi thở, tức khắc trở thành đời sau. Làm sao có thể yên tâm để cho đời mình trôi qua một cách vô ích?

Tóm lại, chí nguyện cao cả của người xuất gia là hướng tới sự giải thoát tối thượng, nếu không vì mục tiêu này thì dù cạo đầu, ăn chay nằm đất suốt cuộc đời cũng chỉ luống uổng thời gian, không xứng đáng thọ dụng phẩm vật của đàn việt hiến cúng. Chúng ta cần phải sinh tâm tầm quý, chuyên cần tinh trì tịnh giới, phải luôn giữ chánh niệm để không bị các lậu hoặc sai khiến. Ngoài việc tu cho tự thân chúng ta phải trao dồi giáo lý vững chắc, để có thể truyền trao giáo pháp của Như Lai đến cho nhân loại. Có vậy

thì tự lợi và lợi tha mới thành tựu viên mãn. Và đây cũng chính là hình mẫu lý tưởng của người xuất gia chân chánh.

Niệm (Sati) luôn gắn liền với *tỉnh giác* (sampajanna), khi quán thân trên thân thì chỉ biết rằng đây là thân chứ không phải là ta. Chánh niệm rất quan trọng vì nó là nhân tố quan yếu giúp chúng ta có được Hiện pháp Lạc trú.

Chương 2

ĐOẠN DỤC TUYỆT CẦU

Trừ Dục Vọng, Dứt Mong Cầu

Hán văn:

第二章。斷欲絕求

佛言。出家沙門者。斷欲去愛。識自心源。達佛深理。悟無為法。內無所得。外無所求。心不繫道。亦不結業。無念無作。非修非證。不歷諸位。而自崇最。名之為道。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Xuất gia Sa-môn giả, đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ Vô-vi pháp. Nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ Đạo, diệc bất kết nghiệp. Vô niệm vô tác, phi tu phi chứng, bất lịch chư vị, nhi tự sùng tối. Danh chi vi Đạo.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Xuất gia làm bậc Sa-môn, dứt bỏ ái dục, nhận biết nguồn tâm, thông đạt Phật lý thâm sâu, tỏ ngộ pháp Vô-vi. Bên trong không có chỗ chứng đắc, bên ngoài chẳng có gì để sở cầu; tâm không ràng buộc nơi Đạo, cũng chẳng kết tạo nên nghiệp. Không nhớ nghĩ, không tạo tác, chẳng phải tu, chẳng phải chứng, không trải qua các quả-vị mà tự nhiên cao tột. Đó gọi là Đạo!”

Anh ngữ:

Chapter 2: No-mind is the Way

The Buddha said: “The homeless Çramana cuts off the passions, frees himself of attachments, understands the source of his own mind, penetrates the deepest doctrine of Buddha and comprehends the Dharma which is immaterial. He has no prejudice in his heart, he has nothing to hanker after. He is not hampered by the thought of the Way, nor is he entangled in karma. No prejudice, no compulsion, no discipline, no enlightenment, and no going up through the grades, and yet in possession of all honors in itself – this is called the Way.”

Lược giảng

Ái dục là gốc rễ của sanh tử. Sở dĩ chúng sinh từ vô lượng kiếp đến nay cứ chìm đắm mãi trong bể khổ luân hồi là do lòng ái dục mà ra. Người đã phát tâm xuất gia, vấn đề căn bản nhất trong quá trình tu tập đó là đoạn trừ ái dục. Vì vậy trong chương 2 này, Đức Phật dạy về tiêu chuẩn của một vị Sa Môn, đặc biệt là về công hạnh tu tập để có thể liễu triệt chân lý, đạt đến cứu cánh của đạo, có nghĩa là con đường dẫn đến giải thoát, giác ngộ. Đức Phật dạy: Người xuất gia làm Sa-môn phải từ bỏ ái dục, biết rõ tự tâm, thấu triệt giáo pháp của Phật, hiểu được ý nghĩa giải thoát. Bên trong không có cái để được. Bên ngoài không có chỗ để cầu. Tâm không chấp thủ nơi đạo, không bị lệ thuộc vào nghiệp, không bị hệ lụy vì nghiệp.

Không có suy tưởng, không có tạo tác, không có tu, không có chứng, chẳng cần trải qua những thánh vị mà tự nhiên lại cao tột bậc. Đó gọi là Đạo. Ý nghĩa này thâm sâu, cao siêu, vượt qua tất cả mọi ngôn từ, mọi danh từ, mọi hình thức, mọi tiêu chuẩn. Những điều vừa kể ra chỉ là giới hạn của những người phạm phu tục tử. Nhưng với một vị Sa Môn đúng nghĩa, đang đi trên con đường đạt đến quả vị giải thoát, thì mọi hư ngôn, mọi tên gọi, mọi hình tướng, đều phải rũ bỏ vì đó chỉ là giả danh. Sự *tịch chỉ tất cả hành* “*sabbasaṅkhārasamatho.*”

Kinh *Potthapàda sutta* trong kinh *Trường Bộ* do HT Thích Minh Châu dịch, đã ghi lại lời dạy của Đức Phật, vì lý do gì Ngài im lặng, như sau:

“Bạch Đức Thế tôn, Tại sao Thế tôn không trả lời?”

Này Potthapàda, câu hỏi này không thuộc về mục đích giải thoát, không thuộc về Pháp, không thuộc căn bản của phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, không đưa đến ly tham, tịch diệt, tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Vì thế nên ta không trả lời.”

Trong *Trung Luận*, bài tụng XVIII, Tổ Long Thọ (Nagarjuna) đã nhấn mạnh:

*“Chư pháp thực tướng giả
 Tâm hành ngôn ngữ đoạn
 Vô sinh diệt vô diệt
 Tịch diệt như Niết bàn.”*

Nghĩa là:

*“Thật tướng của các pháp,
Đoạn bất ngôn ngữ lẫn tâm hành,
Không sanh cũng không diệt,
Tịch diệt như Niết bàn.”*

Tổ Long Thọ còn nhắc nhở rằng:

*“Chư pháp bất khả đắc
Diệt nhất thiết hý luận
Vô nhân diệc vô xứ
Phật diệc vô sở thuyết.”*

Nghĩa là:

*“Các pháp không thể nắm bắt,
Diệt tất cả hý luận
Không người và nơi chốn
Phật và Pháp cũng không.”*

Lời dạy trên mục đích là để phá trừ mọi chấp trước, điên đảo vọng tưởng, chứ không phải phủ nhận Phật và Pháp. Do vậy, dù tu hành đạo cao đức trọng nhưng tâm của bậc Sa môn hoàn toàn vô chấp; đây là điều tối ư quan trọng nói lên đạo phong phi thường, ngời sáng của vị Sa Môn, nhằm bổ túc cho những gì mà Đức Phật đã giảng dạy trong Chương 1.

Có một câu chuyện vui trong cửa thiền mà nhiều người vẫn thường nghe, đó là *“Con Cọp Dễ Thương.”*

“Xưa có một thiền sư sống ẩn dật tại một thâm sơn cùng cốc nọ. Trong một dịp tình cờ, Sư nhật được một chú bé bị bỏ rơi, đem về hang núi nuôi dưỡng.

Chú bé lớn lên dưới sự chăm sóc của nhà sư giàu lòng bi mẫn, sống giữa những động đá thâm u dưới những cội tùng xanh lá. Tâm tình chú rất đơn sơ và bình yên như dòng nước trong vắt chảy róc rách qua các hòn cuội trắng. Ngoài Sư phụ ra, chú không hề thấy mặt một nhân vật nào khác. Bạn bè thân thuộc của chú là những thú rừng hiền lành thường đoan vầy quẩn quít quanh chú, như hươu nai, khỉ vượn.

Chú tiểu lớn lên giữa khung trời bao la của thiên nhiên... mãi đến lúc trưởng thành chú vẫn có màu mắt trong xanh như trẻ thơ... chú chưa từng biết buồn lo là gì cả.

Giang san của chú chỉ có một nhân vật đáng đề phòng là con cọp chúa thỉnh thoảng mò ra ven suối uống nước ngắm trăng và kêu “cà um” inh ỏi. Mỗi lần vị chúa rừng này về, chú theo lệnh Thầy, rút lên ngồi trên một cây cao cho an toàn... Và theo óc tưởng tượng của chú, cọp là con thú có bộ dạng dữ dằn ghê lẫm, nhưng chưa một lần nào chú giáp mặt nó... nên rừng núi vẫn là một tổ ấm an ổn hồn nhiên che chở cho chàng trai mới lớn.

Đến một hôm, vị Thiền Sư nhận được tin người bạn cố tri của ông lâm bệnh nặng, Sư liền quảy túi hạ sơn, và chú tiểu được dịp theo thầy xuống núi để học khôn luôn thể.

Những trần cảnh xôn xao đa diện của thế nhân kêu gọi óc hiếu kỳ của chàng trai hơn là ham muốn. Chàng bỡ ngỡ nhìn ngắm và lắng nghe tất cả nhưng với thái độ lạnh nhạt của người ngoài cuộc. Dòng đời thì miên man trôi chảy và chàng nhìn nó với cặp mắt

xanh của trẻ thơ. Tất cả cảnh vật đều có vẻ lạ lùng đến buồn cười.

Khi trên đường trở về, hai thầy trò tình cờ gặp một thiếu nữ gánh lụa bán đi ngang qua mặt. Chàng trai kinh ngạc và say sưa nhìn gương mặt của người khác phái mà lần đầu tiên chàng thấy và toát ra một sự thu hút kỳ lạ... Thấy vẻ sững sờ của đệ tử, thiền sư vội vàng nắm tay cậu học trò rảo nhanh bước, chàng trai bỗng hỏi thầy:

- Bạch Thầy... đây là con gì vậy?

Nhà sư buông thông:

- Cọp đó! Đi lẹ lên kẻo mất mạng bây giờ.

Hai thầy trò trở về sơn động... Vị sư để ý thấy sau chuyến viễn du, người đệ tử của mình đâm ra thần thờ, bỏ ăn, bỏ ngủ... có điều gì thay đổi trong tâm tư chàng trẻ tuổi... Và một hôm, sau cơn dần vật tột độ, chàng tìm đến Thầy, thú thật:

- Bạch Thầy! Sao con nhớ con cọp hôm ấy quá... Thà rằng... con đến gặp nó, cho nó nhai xương con... cho rồi. Tán thân mất mạng về tay con cọp dễ thương còn dễ chịu hơn ở đây mà dần vật nhớ thương nó... Từ 20 năm qua, chưa bao giờ con nếm phải một sự đau đớn kịch liệt như thế này. Con phải làm sao đây?"

Qua câu chuyện vui trên cho chúng ta thấy rằng, ái dục là nguồn gốc của Khổ. Người đuổi theo sắc dục không biết chán như người uống nước muối, càng uống càng thấy khát, rồi dần dần tự hại mình, tự đưa mình vào hang hùm nguy hiểm. Sắc dục làm cho

không chỉ cơ thể suy nhược mà tinh thần cũng bị lún vào muôn trùng phiền não. Sắc dục cũng có thể làm biến đổi tâm tính của một con người từ lương thiện, hiếu thuận trở nên tàn ác ngỗ nghịch đối với cha mẹ và người thân, thậm chí làm cho gia đình ly tán, con cái bơ vơ. Trong lịch sử của các triều đại thuở xưa, rất nhiều vị vua chúa, các anh hùng hảo hán cũng vì sắc dục mà làm cho đất nước suy vong, thân bại danh liệt, tiếng xấu lưu truyền đến muôn đời. Những kẻ phạm phu, vì đam mê sắc dục mà tự chìm mình xuống vũng lầy của tội lỗi. Đức Phật còn dạy, kẻ đam mê sắc dục được ví như một đứa trẻ khờ, thềm giọt mật trên lưỡi dao bén, đưa lưỡi liếm mà phải chịu hoạ đứt lưỡi.

Trong Tiểu Kinh *Khổ Uẩn*, thuộc *Trung Bộ Kinh* (Majjahima – Nikāya) do HT Thích Minh Châu dịch, Đức Phật dạy rằng:

“Này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-ly tranh đoạt với Sát-đế-ly, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ; mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ; cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha; anh em tranh đoạt với anh em; anh tranh đoạt với chị; chị tranh đoạt với anh; bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi chúng dẫn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt, chúng tấn công nhau bằng tay, chúng tấn công nhau bằng gạch đá, chúng tấn công nhau bằng gậy gộc, chúng tấn công nhau bằng đao kiếm. Ở đây, chúng đi đến tử vong, đi đến đau khổ gần như tử vong.”

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, chúng cầm mâu và thuẫn, chúng đeo cung và tên, chúng dàn trận hai mặt và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Chúng bắn, đâm nhau bằng tên, chúng quăng, đâm nhau bằng đao, chúng chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây, chúng đi đến tử vong, đi đến đau khổ gần như tử vong.”

Qua lời dạy của Đức Phật, cho chúng ta một bài học vô cùng giá trị. Chính ái dục làm cho ta phải luân hồi sanh tử khổ đau. Chính yếu tố vị kỷ trong ái dục gây ra nhiều tai hại cho con người, tâm ái dục không bao giờ biết đủ, mong muốn này vừa thành tựu thì mong muốn khác khởi sinh. Chúng ta mãi chạy theo những thú vui tạm bợ của thế gian, rượt đuổi những hình bóng huyền ảo và dưỡng nuôi ngọn lửa tham ái. Chính điều này đã đẩy con người vào đại dương trùng điệp đau khổ của kiếp nhân sinh. Do vậy, người xuất gia cần phải quyết tâm đoạn trừ ái dục. Bạc Sa môn phải khước từ mọi hình thức thế tục. Xuất gia bao gồm ba nghĩa: Xuất thế tục gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia. Ba ý nghĩa căn bản nhưng cũng là ba nhân tố quan yếu này đòi hỏi bậc gia môn phải luôn luôn tâm niệm và nỗ lực thành tựu nhằm giúp chúng ta diệt trừ tham ái, làm tròn bổn phận và trách nhiệm của bậc Sa môn Thích Tử *“thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh,”* cuối cùng là đạt được mục đích tối hậu đó là giác ngộ giải thoát. Giác ngộ giải thoát là cứu cánh của người xuất gia.

Chương 3

CẮT ÁI KHỬ THAM

Cắt Đứt Ái Dục, Xả Bỏ Lòng Tham

第三章·割愛去貪

Hán văn:

佛言。剃除鬚髮。而為沙門。受道法者。去世資財。乞求取足。日中一食。樹下一宿。慎勿再矣。使人愚蔽者。愛與欲也。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Thế trừ tu phát, nhi vi Sa-môn, thọ Đạo Pháp giả, khứ thế tư tài, khát cầu thủ túc, nhật trung nhất thực, thọ hạ nhất túc, thân vật tái hỷ! Sử nhân ngu tế giả, ái dữ dục dã.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Cạo bỏ râu tóc, làm bậc Sa-môn, lãnh thọ Đạo Pháp, từ bỏ của cải thế gian, khát thực chỉ mong đủ dùng, giữa ngày ăn một bữa, dưới cội cây chỉ nghỉ một đêm, thân trọng, không mong nhiều hơn, vì chính ái và dục làm cho con người bị ngu si!”

Anh ngữ:

Chapter 3: Desire Makes People Foolish.

The Buddha said, “Those who shaving their heads and faces become Çramanas and who receive instruction in the Way, should surrender all worldly

possessions and be contended with whatever they obtain by begging. One meal a day and one lodging under a tree, and neither should be repeated. For what makes one stupid and irrational is attachments and the passions.”

Lược giảng

Từ xưa đến nay, tham ái dục vọng như một dòng chảy miên mật bất tận, ăn sâu vào trong tiềm thức do chúng ta huân tập nhiều đời nhiều kiếp, chỉ cần chúng ta một niệm lơ là mất chánh niệm thì tâm tham ái của chúng ta liền lập tức trỗi dậy vô cùng mãnh liệt. Trong *Quy Sơn Cảnh Sách*, Tổ dạy:

“Một thuở đưa vui, chẳng biết vui là nguyên nhân của khổ, nhiều kiếp đuổi theo trần chuta từng tỉnh trở lại, thời giờ qua sông năm tháng dần già, thọ dụng quá nhiều lợi hưởng càng đậm. Nhiều năm dồn tới chẳng nghĩ buông rời, chất chứa càng thêm, lo giữ gìn thân huyễn.”¹

Vì chấp ngã mê lầm, cứ nghĩ cái thân mộng huyễn này là thật, rồi cứ thế mà bám víu chấp trước nên say mê, tham đắm không biết khi nào mới thoát ra được. Vì vậy nên Phật dạy, ái dục chính là đầu mối phát sinh ra đau khổ, chúng sinh cứ như con thiêu thân, cứ thấy ánh sáng là lao vào để chết. Hết kiếp này đến kiếp khác rong ruổi theo duyên trần không bao giờ biết tỉnh ngộ. Ngày nay chúng ta được chút tỉnh giác nên phát tâm xuất gia, nhưng nếu không quyết chí

1. Thiền sư Thích Thanh Từ

hành trì, chỉ ham lợi dưỡng, quên mất chí xuất trần ban đầu thì thật đáng tiếc lắm thay!

Hình Thức Và Lối Sinh Hoạt Của Bậc Sa Môn.

Đức Phật dạy trong Chương 3 rằng: “*Cạo bỏ râu tóc để trở thành một vị Sa Môn, lãnh thọ giáo pháp của Phật phải xa bỏ của cải thế gian, mong cầu vừa đủ. Giữa ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây một đêm, cẩn thận không trở lại lần thứ hai. Điều làm cho người ta ngu muội chính là Ái và Dục.*”

Đức Phật muốn nhấn mạnh Ái và Dục là nguyên nhân làm cho con người trở thành mê muội.

Ái Dục có sức mạnh vô cùng mãnh liệt, làm cho chúng ta mê muội, loạn tưởng, đảo điên. Vì thế phải từ bỏ Ái Dục, sống cuộc đời thật sự trong sạch, thanh tịnh. Như vậy mới xứng đáng với danh xưng của một vị Sa Môn.

Nếu một vị Sa Môn không cạo đầu, vẫn mặc y phục thối cà vạt như người thường, v.v..., thì không phải là Sa Môn. Người xuất gia phải mặc áo cà-sa tức là Cát Triệt Y, phải cạo đầu, phải lìa bỏ những điều thuộc về của cải thế gian. Thí dụ thế gian thích có tiền, thích lái xe Mercedes; người xuất gia còn muốn có Mercedes, muốn lái xe đẹp, ở nhà sang, thì cũng chẳng khác gì người thế tục. Trong Tích Truyện Kinh Pháp Cú có câu chuyện “Thầy Tỳ Kheo Bỏ Đạo” ví dụ về lòng tham ái như sau:

“Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại tinh xá Trúc lâm, liên quan đến một thầy Tỳ-kheo hoàn tục.

Thầy Tỳ-kheo kia vốn là đồ đệ Trưởng lão Đại Ca-diếp, tuy đã đạt Tứ thiên nhưng một hôm đến chơi nhà ông chú làm thợ vàng, trông thấy nhiều đồ trang sức đẹp mắt, thầy sanh lòng tham luyến, bèn hoàn tục. Thầy lại có tính làm biếng, chẳng chịu mót tay vào việc gì nên bị đuổi ra khỏi nhà. Từ đấy thầy kết bạn với kẻ xấu, chuyên sống bằng nghề cướp bóc. Một hôm người ta bắt thầy, trói chặt hai tay sau lưng, mang đi hành hình, trên đường cứ đến mỗi ngã tư lại dùng roi da đánh đập thầy.

Trưởng lão Đại Ca-diếp vào thành khất thực, thấy thầy Tỳ-kheo bỏ đạo bị dẫn ra cửa Nam liền làm cho dây trói lỏng đi, và bảo thầy.

- Ông hãy quán tưởng lại đề mục *định* như đã từng làm.

Vâng lời dạy, thầy Tỳ-kheo bắt đầu thiền định, và nhập Tứ thiên. Lính áp tải đưa thầy đến chỗ hành hình, bảo:

- Bọn ta sẽ cho người chết.

Rồi chúng nung đỏ chông sắt lên. Nhưng thầy tỳ kheo hoàn tục chẳng hề lo sợ mảy may. Lính xử tội vây tứ phía đưa cao gươm giáo, lao phóng sáng lòe.

Thấy “tên cướp” không tỏ dấu sợ hãi chi, chúng phải kêu:

- Thưa các Ngài, hãy nhìn người này xem. Đứng giữa trăm người lăm lăm vũ khí, ông ta chẳng run chẳng sợ. Thật là điều lạ lùng.

Quá kinh ngạc và thán phục, chúng reo hò âm ì, rồi đến tâu lên vua. Nghe hết chuyện, vua phán:

- Hãy thả người ấy ra.

Họ đến bạch Phật câu chuyện. Đức Thế Tôn phóng hào quang, phân thân đến pháp trường nói kệ:

*Lìa rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc. (kệ 344)*

Nghe pháp âm mâu nhiệm, thầy Tỳ-kheo bỏ đạo đang nằm trên bàn chông lính vây quanh kín đặc liền quán tưởng đề mục *sanh tử*, quán tam pháp ấn, thấu rõ ngã không và đắc quả Dự lưu. Trong niềm an lạc của đạo quả vừa đắc, thầy bay lên không, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài. Ngay giữa chúng hội, trong đó có cả nhà vua, thầy đắc quả A-la-hán.”²

Sức mạnh của một vị xuất gia, đó là có đủ can đảm khước từ những ham muốn của một con người bình thường. Từ cái ăn, giấc ngủ, tiện nghi trong đời sống..., tất cả những điều này không làm vướng bận người xuất gia. Họ sống một đời hoàn toàn trong sạch. Phải tri túc tức là biết đủ, thực hiện đúng như lời Đức Phật dạy: *Một ngày chỉ ngủ dưới gốc cây một lần, không ngủ lần thứ hai dưới cùng một gốc cây.* Điểm này cho thấy tinh thần vô ngã, không cố chấp của một vị Sa Môn quan trọng như thế nào.

2. Buddhist Legends, E. W. Burlingame, Tích truyện Pháp Cú, phẩm XXIV *Tham Ái, Thầy Tỳ Kheo Bỏ Đạo, kệ 344, 650.*

Ngài Động Sơn trong bài *Quy Giới*, dạy một cách tha thiết: “*Sa-môn Thích Tử thì phải lấy cái đức cao thượng làm đầu, đã dứt phan duyên nên theo đạm bạc, cắt ân ái với cha mẹ, bỏ lễ nghĩa về vua tôi, cắt tóc nhuộm áo, cầm khăn bưng bát đi vào nẻo tắt xuất trần, bước lên bậc thang nhập Thánh, trong trắng như sương, thanh tịnh tựa tuyết, rỗng thần phải cung kính, ma quỷ quy hàng, vì thế phải chuyên tâm dụng ý báo đền ơn Phật.*”³

Đã là Sa-môn Thích tử thì phải lấy chí cao thượng làm đầu, đừng sống theo vọng tình của thế gian, phải giữ gìn giới luật nghiêm minh, giữ tâm ý trong như sương, sạch như tuyết. Có như thế, thì chư thiên trời rồng mới quy kính được và, cũng mới có thể đền đáp tứ trọng ân.

Đây chính là phần chủ yếu trong chương 3 của Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

Kinh *Tương Ưng Bộ* (*Samyutta Nikàya*) III, Kinh *Vô Ngã Tướng* (*Anattalakkhana sutta*), Đức Thế Tôn dạy cho năm vị Tỳ Kheo như sau:

Này các thầy Tỳ Kheo, sắc (rūpa, thể chất, xác thân này) là vô ngã (anattā), Cũng giống như thế, thọ (vedana), tưởng (sanna), hành (samkhara) và thức (vinnana) đều hoàn toàn vô ngã.

Này các thầy Tỳ Kheo:

Tất cả các sắc, dù thuộc quá khứ, hiện tại hay tương lai, ở trong hay ở ngoài, thô hay tế, thấp hay

3. Thiền sư Thích Thanh Từ dịch

cao, xa hay gần, cần phải nhận thức theo thực tướng của chính nó: Cái này không phải của tôi, đây không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi.

Tất cả các thọ, tưởng, hành, thức cũng phải nhận thức như thế... Nhờ thế, tri kiến trở nên sáng suốt và được giải thoát...

Lìa bỏ ái dục, ngã chấp chắc chắn sẽ giải thoát, an lạc. Trong *Di Lạc Nạn Kinh* (Nghĩa Túc Kinh), Đại Tạng Tân Tu 198, gồm có 13 bài kệ, Đức Phật đều khuyên dạy phải từ bỏ ái dục nếu muốn được giải thoát. Vì ái dục chính là đầu mối của si mê, là nguồn gốc của sanh tử. Bài kệ đầu tiên và bài kệ thứ 3 Đức Phật dạy rằng:

Bài kệ thứ nhất

婬欲著女形
大道解癡根
願受尊所戒
得教行遠惡

Dịch:

*Dâm dục trước nữ hình
Đại đạo giải si căn
Nguyện thọ tôn sở giới
Đắc giáo hành viễn ác.*

Bài kệ thứ 3

本獨行求諦
後反著色亂
犇車亡正道
不存捨正邪

Dịch:

*Bốn độc hành cầu đế
Hậu phản trước sắc loạn
Bôn xa vong chánh đạo
Bất tồn xả chánh tà*

Bài kệ thứ 9 và thứ 10 Đức Phật dạy rằng:

Bài kệ thứ 9

遠可獨自處
諦見為上行
有行莫自憍
無倚泥洹次

Dịch:

*Viễn khả độc tự xử
Đế kiến vi thượng hành
Hữu hành mạc tự kiêu
Vô y nê hoàn thứ.*

Bài kệ thứ 10

遠計念長行
不欲色不色
善說得度痛
悉世婬自食

Dịch:

*Viễn kế niệm trường hành
Bất dục sắc bất sắc
Thiện thuyết đắc độ thống
Tất thế dâm tự thực.*

Phương Pháp Đối Trị Tham Dục

Đoạn trừ ái dục là mục tiêu hàng đầu của người xuất gia cầu đạo giải thoát. Không tinh tấn đoạn trừ ái dục thì dù đầu tròn áo vuông cũng không phải là sa môn Thích tử. Thiên sư Từ Thọ ở Đông Kinh, Thời nhà Tống có dạy rằng:

“Các ông nhất thiết phải xa danh và lợi lấy khổ nhọc làm vui, tâm danh lợi thế gian giảm xuống thì niệm đạo thanh tịnh tự nhiên tăng trưởng. Như Hòa Thượng Biển Đảm Sơn suốt đời ăn trái lịch để sống (trái rừng). Còn Đại sư Huyền Giác không ăn rau trồng, bởi trồng thì phải cuốc đất sợ tổn thương tiểu trùng, đồng thời kính trọng giọt mồ hôi khổ nhọc của người nông phu. Pháp sư Huệ Hư ba mươi năm chỉ một đôi giày, gập đất bằng thì đi chân đất. Các ông hiện tại y phục đầy đủ, thọ hưởng đủ thứ chửa đói đã ăn, chửa lạnh đã mặc thêm áo, chửa dơ đã tắm, chửa buồn đã ngủ. Như vậy thì đường sinh tử chửa thấu rõ, cấu nhiễm chửa trừ tận, hoặc chướng không đoạn lấy gì để tiêu của đàn na tín thí.”⁴

Sống trên đời này có mấy ai mà không tham, không tham kiểu này thì tham kiểu khác, vì vậy người tu chúng ta cần phải tinh tấn tu học, đừng để lòng tham dục sai khiến dẫn đến xa lìa chánh pháp, rơi vào biển lửa sinh tử.

Để đối trị với bệnh tham dục, chúng ta cần phải nỗ lực công phu hành trì với nhiều phương pháp mà

4. Thiên sư Thích Thanh Từ dịch

Đức Phật đã khai thị sẵn chứ không nhờ hay ỷ lại vào bất cứ một đấng nào đó có thể tu thế cho mình để mình chấm dứt tham dục. Đức Phật dạy: “*nếu tâm dục mà còn thì không thể vào đạo được,*” đạo ở đây chính là sự thanh tịnh, giải thoát, niết bàn.

Phương pháp tiêu biểu để chữa trị những căn bệnh của tâm mà chúng ta có thể dễ dàng thực tập đó là **Ngũ Đình Tâm Quán**:

- 1- **Quán số tức**, để đối trị bệnh tán loạn của tâm trí.
- 2- **Quán bất tịnh**, để đối trị lòng tham sắc dục.
- 3- **Quán từ bi**, để đối trị lòng sân hận.
- 4- **Quán nhân duyên**, để đối trị lòng si mê.
- 5- **Quán giới phân biệt**, để đối trị chấp ngã.

Phải quán xét thân tâm một cách rất ráo không nên chệnh mảng xem thường, người xuất gia là phải ra khỏi nhà tam giới – dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Đây mới chính là mục đích cứu cánh của người cầu đạo giải thoát. Chư tổ có câu: “*Xuất gia giả, phi tướng tướng chi sở năng vi,*” có nghĩa là việc làm của người xuất gia không phải tướng võ, tướng văn có thể làm được, mà đó là chuyện phi thường.

Chúng ta phải luôn nhớ niệm về đại nguyện của mình, dẹp bỏ những vọng tưởng không thật, xoay về với chơn tâm thì mới kiến tánh thành Phật được.

Chương 4

THIỆN ÁC TINH MINH

Thiện, Ác Phân Minh

章四。善惡精明

Hán văn:

佛言。眾生以十事為善。亦以十事為惡。何等為十。身三。口四。意三。身三者。殺。盜。婬。口四者。兩舌。惡口。妄言。綺語。意三者。嫉。恚。癡。如是十事。不順聖道。名十惡行。是惡若止。名十善行耳。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Chúng sanh dĩ thập sự vi thiện, diệc dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: Sát, đạo, dâm. Khẩu tứ giả: Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ. Ý tam giả: Tật, nhuế (khu), si. Như thị thập sự, bất thuận Thánh Đạo, danh Thập Ác Hạnh. Thị ác nhược chỉ, danh Thập Thiện Hạnh nhĩ.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Chúng sanh lấy mười việc làm thiện, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười? Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Thân có ba: Sát, đạo, dâm. Miệng có bốn: Nói lưỡi hai chiều, nói lời ác độc, nói sai sự thật, nói lời thêu dệt. Ý có ba: Đố kỵ, sân hận và ngu si. Mười việc này không thuận Thánh Đạo, gọi là

Mười Ác Hạnh. Nếu chấm dứt những việc ấy thì gọi là Thập Thiện Hạnh!”

Anh ngữ:

Chapter 4: The Ten Evils and Ten Virtues

The Buddha said: “There are ten things considered good by all beings, and ten things evil. What are they? Three of them depend upon the body, four upon the mouth and three upon thought.

“Three evil deeds depending upon the body are: killing, stealing and committing adultery. The four depending upon the mouth are: slandering cursing, lying and flattery. The three depending upon thought are: envy, anger and infatuation. All these things are against the Holy Way and therefore they are evil.

When these evils are not done, there are ten good deeds.”

Lược giảng:

Chương 4 của Tứ Thập Nhị Chương Kinh nhấn mạnh đến việc bỏ mười điều ác, thực hiện mười điều lành. Mười điều ác phát sinh từ Thân-Khẩu và Ý.

Thân có ba nghiệp ác: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

Khẩu có bốn nghiệp ác: Vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Có nghĩa là nói những lời không thành thật, nói những lời nịnh bợ, nói những lời ác độc, cái lưỡi hai chiều nói lời đòn xóc, gây hiềm họa, gieo tiếng ác cho người khác, tạo ra ly gián...

Ý có ba nghiệp ác: Tham, sân và si.

Ba nghiệp ác của thân, bốn điều ác của khẩu, ba điều ác của ý, tổng cộng 10 ác nghiệp, cần phải đoạn trừ. Trong kinh *Tăng Nhất A Hàm*, Đức Phật đã dạy về nguyên nhân khiến vật bên ngoài bị suy giảm:

“Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Do gốc mười điều ác, ngoại vật còn suy giảm hưởng gì nội pháp. Thế nào là mười? Là sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi dâm thọc gây rối đôi bên, tật đố, sân hận, tà kiến.

Do quả báo của sát sanh nên thọ mạng của chúng sanh rất ngắn. Do quả báo trộm cắp nên chúng sanh sanh ra liền bị nghèo đói. Do quả báo của dâm dục nên gia đình chúng sanh không trinh bạch. Do quả báo nói dối nên miệng chúng sanh có mùi hôi thối, không được sạch thơm. Do quả báo nói thêu dệt, nên đất đai không bằng phẳng. Do quả báo của nói hai lưỡi dâm thọc nên đất đai sanh gai góc. Do quả báo nói lời ác nên có nhiều ngôn ngữ. Do quả báo tật đố nên lúa thóc không dồi dào. Do quả báo của sân hận nên có nhiều vật uế ác. Do quả báo của tà kiến nên tự nhiên sanh trong tám địa ngục lớn.

Do quả báo của mười điều ác này nên khiến vật bên ngoài bị suy giảm, hưởng chi vật bên trong. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên nhớ nghĩ xả bỏ xa lìa mười pháp ác, tu hành mười pháp lành. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.”¹

Như lời Đức Thế Tôn dạy, mỗi chúng ta cần phải tự thức tỉnh, tin sâu lý nhân quả, nhằm chuyển hóa mười ác nghiệp của chính mình. Đây chính là chìa khóa quan trọng để chuyển hóa tất cả ác nghiệp của thân, miệng, ý giúp kiến lập hạnh phúc cho tự thân cũng như thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Những gì đã được đoạn trừ từ ba nghiệp ác của Thân-Khẩu-Ý, chính là thiện nghiệp.

Không cần phải diễn giải thiện như thế nào. Chỉ cần đoạn trừ mười điều ác, tất nhiên đời sống của chúng ta trở nên thánh thiện.

Trong mười điều ác của thân-khẩu-ý, Ý là quan trọng nhất.

Trong Kinh *Pháp Cú* Đức Phật dạy: “*Ý dẫn đầu các pháp.*” (*Tâm như công họa sư, năng họa nhất thiết pháp*). Ý giống như một họa sĩ tài ba có khả năng vẽ thành những bức họa. Ý hướng dẫn tất cả những sự khác đi theo, giống như cái cày đi theo đằng sau con trâu.

Ý là một trong 8 món tâm vương, có oai quyền rất lớn. Được mất, bại thành trên thế gian này đều do Ý quyết định. Nếu suy nghĩ ác thì Ý sẽ sai khiến thân và khẩu làm điều xấu ác, hại mình, hại người, Đức Phật dạy, *nó giống như cái cày theo sau con trâu.*

1. Kinh Tăng nhất A-hàm, tập III, phẩm *Thiện ác*, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr.307.

Mọi điều tai hại tàn khốc, chiến tranh, khủng bố triền miên xảy ra khắp nơi trên thế giới từ xưa đến nay đều do tâm tạo tác. Cũng vậy, ngược lại nếu tâm nghĩ những điều thiện lành, thì sẽ hưởng dẫn thân và khẩu làm và nói những chuyện ích lợi cho chính mình và cho hết thảy chúng sanh. Cho nên chúng ta cần phải thật cẩn trọng, phải giữ 3 nghiệp thân, khẩu và ý luôn thanh tịnh. Nhất là Ý, người xuất gia hay tại gia nếu lơ là, buông lung để tâm chạy nhảy thì sẽ dẫn đến nhiều tác hại khôn lường cho chính mình và tha nhân.

Si Là Gốc Của Ba Điều Ác.

Điều nào trong ba điều ác của ý cũng quan trọng cả. Nhưng si được xem là quan trọng nhất, vì khi si mê, chúng ta không thấy được thực tướng, tự tánh của các pháp.

Vì si nên tưởng điều gì cũng thật, không hiểu được đó chỉ là huyền hóa, đó chỉ là giả tạo, đó chỉ là vô thường, luôn luôn đổi thay.

Vì si người ta trở nên tham lam. Vì tham lam người ta trở nên sân hận. Như thời gian vừa qua tại Ai Cập, nếu Tổng Thống Hosni Mubarak từ chức sớm, để cuộc cách mạng dân chủ diễn tiến tốt, cải tổ được đất nước, thì ông không cần phải lo lắng, không cần phải trốn tránh. Với khối tài sản trị giá từ 50 tỷ đến 70 tỷ Mỹ kim, Tổng Thống Mubarak giàu hơn ông Bill Gate, nếu so sánh theo thời điểm hiện nay. Thế nhưng bây giờ, phải chăng khối tài sản này đã bị chính phủ Ai Cập tịch biên. Ông Hosni Mubarak mất tất cả tiền tài, danh vọng, quyền lực.

Không chỉ riêng Tổng Thống Mubarak, rất nhiều người, từ địa vị lãnh đạo cao nhất có đầy đủ mọi thứ, cuối cùng cũng chỉ còn lại hai bàn tay trắng.

Tất cả mọi người, từ người nắm giữ quyền cao chức trọng cho đến người bình thường, đều có lòng tham. Người nhận chức vị cao có sự tham lam lớn. Người ở chức vị thấp có sự ham muốn nhỏ. Người xưa nói rằng “*Lòng tham không có đáy*” chính vì thế si là điều đầu tiên dẫn đến tham lam và sân hận.

Phật dạy thì rất nhiều, pháp môn vô lượng vô số không thể tính đếm, nhưng chỉ với một bài kệ ngắn 4 câu đã thu tóm tất cả lời Phật dạy:

*“Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành.
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.”*²

諸惡莫作。
眾善奉行
自淨其意
是諸佛教。

Nghĩa là:

*“Chớ làm các điều ác
Hãy thực hiện các việc lành
Tự thanh tịnh tâm ý
Đó là lời Phật dạy.”*

Người đời do vô minh, không phân biệt được

2. Kinh Pháp Cú 183

thiện ác nên không phát huy điều thiện, không đoạn trừ điều ác, chính đó là lý do tại sao xã hội bất ổn, thế giới luôn ở trong tình trạng chiến tranh khủng hoảng.

Các Triết gia từ Đông sang Tây như Adi Shankara, Khổng Tử, Aristotle, Platon, Pythagoras, Socrates, v.v.. đều đưa ra những lý thuyết về thiện ác, tốt xấu...; tuy nhiên, một triết gia Hoa Kỳ, ông Thomas Nagel (1937- ?), đã phân chia các lý thuyết đạo đức thành 2 loại là những lý thuyết “*suy luận*” (deductive), hay “*độc đoán*” (autoritariste) dựa trên những tiền đề (axiomes a priori) hoặc những sự kiện tự nó hiển nhiên (évidents an soi) về thiện và ác, mà điển hình nhất là triết lý của Triết gia Đức, Immanuel Kant (1724-1804) hay triết lý “*vị lợi*” (utilitaire) của Triết gia Anh, Jeremy Bentham (1748-1832).

Đã không phải ít người cho rằng hành động Bọ ngựa cái giết Bọ ngựa đực và ăn thịt ngay sau khi giao hoan là một hành động cần thiết vì mục đích để nuôi trứng bằng chất đạm. Theo nghiên cứu được công bố trên tạp chí Proceedings of the Royal Society B thì, bọ ngựa đực bị bọ ngựa cái ăn thịt trong khoảng 13-28% số lần giao phối... Khác với các quan niệm thế gian, khi dạy về thiện hay ác, Đức Phật đã không dựa trên nền tảng của suy luận hay độc đoán mà hoàn toàn dựa vào tuệ giác siêu việt. Với tuệ giác siêu việt của một bậc đại giác, Đức Phật thấy rõ mọi hiện tượng như chính hiện tượng đang là.

Dù có một số kinh dạy rằng cần siêu việt thiện ác như Lục Tổ Huệ Năng: “*Không nghĩ thiện không*

ngã ác, v.v.” Nhưng đó là lời dạy đừng chấp vào nhị nguyên phân biệt mà phải thể nhập vô phân biệt, nhưng không phải vì vậy mà bất phân thiện ác, tạo những ác nghiệp, Kinh *Pháp Cú*, *Thi kệ 12* dạy rằng:

*Chân thật biết chân thật
Phi chân biết phi chân
Do tư duy chân chánh
Chân thật tự nhiên thành*³

Từ những điều nói sơ lược ở trên, cho chúng ta cái nhìn đúng đắn hơn về thiện hay bất thiện. Thiện không chỉ là một quy tắc đạo đức mà còn là một phương pháp tu tập giúp chuyển hóa tâm thức nhằm đưa các hành giả mau chóng đến bờ giải thoát. Do đó cần phải tuệ tri về thiện và bất thiện là điều vô cùng quan trọng trong quá trình tu tập của người xuất gia, cũng như cho tất cả nhân loại chúng sanh muốn thoát khỏi mọi ràng buộc khổ đau trong tam giới. Như trong Trung Bộ Kinh Phật có dạy:

*“Chư hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bản bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bản thiện, chư hiền, khi ấy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.”*⁴

3. HT Thích Thiện Siêu dịch, Kinh Thí Dụ, kệ 12.

4. Trung bộ kinh, kinh Chánh tri kiến / Sammāditthi sutta, số 9

Chương 5

CHUYỂN TRỌNG LINH KHINH

Chuyển Nặng Thành Nhẹ

第五章·轉重令輕

Hán văn:

佛言。人有眾過。而不自悔。頓息其心。罪來赴身。如水歸海。漸成深廣。若人有過。自解知非。改惡行善。罪自消滅。如病得汗。漸有痊損耳。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Nhân hữu chúng quá, nhi bất tự hối, đôn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng. Nhược nhân hữu quá, tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt, như bệnh đắc hãn, tiệm hữu thuyên quyên nhĩ.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Người có nhiều lỗi lầm mà không tự sám hối, khiến sớm dứt tâm tạo tác ấy, thì tội lỗi càng chồng chất vào mình, như nước đổ về biển cả, lâu dần trở thành sâu rộng. Nếu người có lỗi tự biết nhận lỗi, đổi ác làm lành, thì tội sẽ tự tiêu diệt, như bệnh mà được ra mồ hôi, dần dần sẽ thuyên giảm.”

Anh ngữ:

Chapter 5: Reducing the Severity of Offenses

The Buddha said, “If a man who has committed many a misdemeanor does not repent and cleanse his heart of the evil, retribution will come upon his person as sure as the streams run into the ocean which becomes ever deeper and wider

“If a man who has committed a misdemeanor come to the knowledge of it, reform himself and practice goodness, the force of retribution will gradually exhaust itself as a disease gradually loses its baneful influence when the patient perspires.”

Lược giảng:

Trong chương này, Đức Phật dạy, là người ai cũng đều có những sai lầm dù ít hay nhiều. Có những lỗi lầm bắt nguồn từ sự suy nghĩ. Có những lỗi lầm bắt nguồn từ lời nói. Có những lỗi lầm bắt nguồn từ hành động. Nếu người có lỗi lầm nhưng không biết sám hối, tội lỗi mỗi ngày sẽ gia tăng. Khi tội lỗi gia tăng, phước đức sẽ bị tiêu biến. Một khi phước đức trong đời sống của chúng ta giảm dần, đến lúc phải thọ quả báo xấu ác thì bao nhiêu tật bệnh, hiểm họa, tai nạn, sẽ đổ ập đến.

Vì vậy chúng ta cần phải sửa đổi những lỗi lầm mà mình đã phạm, nhất là đối với người xuất gia, cần phải nghiêm trì giới luật, giữ thân tâm thanh tịnh, nếu đã lỡ để thân tâm nhiễm ô thì phải phát lồ sám hối (*thành*

tâm sám hối) làm cho nó thanh tịnh trở lại. Việc phát lồ sám hối là một nét văn hóa cơ bản và rất nhân văn ở trong bất cứ một đoàn thể tổ chức nào trong xã hội. Khi phạm sai lầm, mỗi người đều biết nhận lỗi và hối lỗi bằng cách sửa sai, như Đức Phật đã dạy: “*Trên đời có hai hạng người đáng quý nhất, một là người không mắc phải lỗi lầm gì, hai là người có lỗi nhưng biết sai và sửa chữa.*” Đây là một bài học đạo đức vô cùng giá trị và rất lợi ích đối với chúng ta.

Vào thời Phật còn tại thế, vua A Xà Thế đã mang tội ngũ nghịch vì giết cha. Nhưng nhờ vào oai lực từ bi của Đức Phật hóa độ, ông đã tự hóa giải được tâm sân hận và ăn năn sám hối trước Đức Phật. Sau đó ông phát tâm quy y theo Phật và trở thành người Phật tử thuần thành, hết lòng phụng sự chánh pháp.

Trong kinh *Trung Bộ*, số 86 và *Trường lão Tăng kệ* (Thera. 80-câu 866 đến 891). Có ghi lại câu chuyện Đức Phật độ một tướng cướp khét tiếng tên là Angulimāla (Vô Nảo), Vô Nảo là một tên sát nhân ghê rợn, mỗi lần giết người, Vô Nảo cắt ngón tay trở xỏ vào làm vòng hoa mang vào người, chờ đủ 1.000 ngón tay sẽ dùng để trả học phí cho ông thầy dạy.

Đức Phật quán chiếu thấy nhân duyên đã đủ để độ người này nên vào một buổi sáng như thường lệ, Đức Phật đắp y mang bát, vào thành Savatthi khát thực. Sau khi khát thực và dùng bữa xong, Ngài quay trở về và đi trên con đường tên cướp Angulimāla đi mỗi ngày. Dù nhiều người hết lòng can ngăn, nhưng Đức Phật vẫn giữ im lặng, tiếp tục đi, không hề lo sợ.

Thấy Đức Phật đang đi một mình, tên cướp Angulimāla liền xuất hiện. Hắn vui mừng và khởi tâm muốn giết Ngài vì chỉ còn thiếu một ngón tay nữa thôi là đủ số cho vòng hoa 1.000 ngón tay. Hắn lăm lăm vũ khí đi sau lưng Đức Phật, nhưng dù đi nhanh cách gì cũng không đuổi kịp Đức Phật đang đi với tốc độ bình thường, hắn bèn la lớn: *“Hãy dừng lại, Sa-môn! Hãy dừng lại, Sa-môn!”* Đức Phật khoan thai đáp: *“Ta đã dừng rồi, này Angulimāla! Và người hãy dừng lại!”* Tên cướp nghĩ Sa-môn Cồ Đàm không bao giờ nói dối, vậy lời nói này có ý nghĩa gì? Thế là Angulimāla hỏi: *“Ông đang đi mà lại nói ‘Ta đã dừng rồi’, còn tôi dừng thì ông nói ‘sao tôi không dừng’ nghĩa là sao?”* Đức Phật giải thích: *“Với mọi chúng sanh, Ta bỏ trượng, kiếm; còn người, không tự kiếm ché, gieo rắc giết chóc và hận thù, đó là nghĩa ta đã dừng mà người chưa dừng.”* Sau khi nghe những lời chỉ dạy này của Thế Tôn, tên cướp bạo tàn liền buông đao tủy ngộ, theo Phật xuất gia, gia nhập Tăng Đoàn, gột rửa mọi tâm ý xấu ác, tinh tấn thực hành theo giáo pháp của Đức Phật và mau chóng chứng vào hàng thánh quả.

Khi gây ra nhiều tội lỗi, thường thì tâm của chúng ta luôn trong trạng thái nơm nớp lo sợ, áy náy, không biết mình có bị báo ứng hay không?, có gặp những rắc rối gì trong cuộc sống tương lai của mình hay không? Vì vậy sám hối chính là phương pháp giúp cho tâm hồn chúng ta được thanh thản hơn. Đem lại hạnh phúc an vui cho cuộc sống hiện

tại và là điều kiện căn bản để đi đến chỗ giải thoát rốt ráo.

Một người vun bồi phước đức luôn an trú trong chánh niệm, dù sống trong khu rừng vắng vẻ họ vẫn cảm thấy thoải mái an lạc và cảm nhận họ là người giàu có nhất. Sự giàu có của họ chính là trạng thái an lạc thanh thản trong tâm hồn. Đây là hạnh phúc đích thực chứ không phải là thứ hạnh phúc có được bởi tiền tài danh vọng hay nhà lầu biệt thự nguy nga. Vật chất chỉ là những hiện hữu tạm bợ, và giới hạn.

Rất nhiều người sống trong lầu đài sang trọng, chung quanh có hàng hà sa số bảo vật, nhưng họ vẫn cảm thấy thiếu thốn, vẫn cảm thấy thèm khát, vẫn cảm thấy sợ hãi, vẫn cảm thấy lo âu, bất an và đau khổ.

Yếu tố giúp cho đời sống của chúng ta thật sự an lạc, giải thoát, đó là rũ bỏ tất cả những ham muốn. Không tạo các nghiệp dữ, nếu lỡ tạo thì phải thành khẩn sám hối và sửa lỗi đừng bao giờ tái phạm. Phải làm được những điều này thì đời sống của chúng ta mới thật sự có giá trị.

Cách Bày Tỏ Sự Hối Lỗi.

Tất cả những lỗi lầm do bản thân chúng ta tạo ra, thì chính chúng ta phải sám hối. Sám hối có nghĩa là ăn năn những lỗi trước, chừa bỏ những lỗi sau, quyết tâm thay đổi điều sai lầm “*Sám tiền kỳ khiên, Hối hậu kỳ quá.*” Sám hối không có nghĩa là van xin, cầu khẩn; bởi vì chỉ van xin hay cầu khẩn, lỗi lầm không thể tan biến. Trong kinh Giáo giới Rāhula, Đức Phật đã dạy Tôn Giả La Hầu La như sau:

“Khi thân nghiệp đã phạm sai lầm thì phải:

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết như sau: ‘Thân nghiệp này ta đã làm. Thân nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; thời thân nghiệp này là bất thiện đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ’. Một thân nghiệp như vậy, này Rāhula, ông cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ, cần phải trình bày trước các vị Đạo sư, hay trước các vị đồng Phạm hạnh có trí. Sau khi đã thưa lên, tỏ lộ, trình bày, cần phải phòng hộ trong tương lai.

Khi ý nghiệp đã sai lầm thì phải:

Nếu trong khi phản tỉnh, này Rāhula, ông biết như sau: ‘Ý nghiệp này ta đã làm. Ý nghiệp này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai; ý nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ’. Một ý nghiệp như vậy, này Rāhula, ông cần phải lo âu, cần phải tầm quý, cần phải nhàm chán. Sau khi lo âu, tầm quý, nhàm chán, cần phải phòng hộ trong tương lai.”¹

Theo lời Phật dạy trong hai đoạn kinh trên thì việc kiểm điểm lại ba nghiệp thân khẩu và ý là việc làm vô cùng quan trọng. Dù cho chúng ta làm bất cứ việc gì thì cũng phải giữ ba nghiệp thanh tịnh. Nếu lỡ có phạm sai lầm từ hành động cho đến ý nghĩ thì phải nên dừng lại sám hối, xem xét thử mình đã sai chỗ nào liền lập tức sửa sai hoặc nếu không biết mình đã phạm sai lầm gì thì phải tìm bậc các bậc thiện tri thức chỉ dẫn cho mình. Đừng vì ngã ái mà sinh ngã

1. Trung bộ kinh, kinh Giáo Giới Rāhula ở Ambalaṭṭhika (M.i.419)

mạn, cố chấp không chịu sám hối lỗi lầm, chính đó là lý do tạo nên vô số tội lỗi.

Ngày xưa vua Philippos II của Macedonia (tiếng Hy Lạp: Φίλιππος Β' ο Μακεδών – *philos*, (382-336 trước Tây lịch) là vua của Vương quốc Macedonia (một quốc gia của người Hy Lạp cổ đại), ông là cha của Alexandros Đại Đế, Philipos III, khai quốc của Vương triều Ptolemaios. Vua Phillippos II là một nhà cải cách và sáng tạo quân sự có công lớn trong việc xây dựng Vương quốc Macedonia, thế nhưng vua đã quan niệm rằng, nhiều vị vua rất kiêu ngạo do chiến thắng được quân thù. Vì vậy ông ra lệnh cho người hầu cận của ông vào mỗi buổi sáng sau khi ông vừa thức dậy, nói lớn lên rằng: “*Này Philippos nhà người chỉ là một con người tầm thường!*” Sở dĩ vua Philippos quyết định như thế vì muốn nhắc nhở ông không nên tự phụ kiêu ngạo, vì ông biết, kiêu ngạo sẽ dẫn đến hậu quả thất bại nặng nề trên nhiều phương diện.

Phương Pháp Sám Hối.

Trong Kinh *Sám Hối Tội Lỗi* do Ngài An Thế Cao dịch từ Phạn văn sang Hán Văn, có đoạn ghi rằng:

Tôn giả Thu Lộ Tử bạch với Đức Phật rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân nào phát tâm cầu Phật Đạo, nhưng trong đời quá khứ đã tạo các nghiệp ác thì phải sám hối như thế nào?”

Đức Phật dạy:

“Nếu có thiện nam tử hoặc thiện nữ nào muốn cầu Đạo Ứng Chân, Đạo Độc Giác, hay Phật Đạo,

hoặc muốn biết rõ những việc trong quá khứ và vị lai, thì hãy ngày đêm sáu thời, thường xuyên tắm rửa, súc miệng sạch sẽ, y phục trang nghiêm, thành tâm chắp tay đánh lễ mười phương chư Phật và thành tâm sám hối như sau:

‘Từ vô số kiếp đến nay, bởi do tham sân si, chẳng biết Phật Pháp Tăng, chẳng biết thiện ác, nên con đã trót tạo bao ác nghiệp...

... Con nay xin thành tâm sám hối tất cả ác nghiệp mà con đã tạo, ngưỡng mong mười phương chư Phật từ bi thương xót, khiến con đời này và nhiều đời sau sẽ không tái phạm các nghiệp ác như thế.’

Đã là người thì không ai không có lỗi lầm, nhưng có lỗi lầm mà không chịu sám hối thì tội lỗi ngày một gia tăng. Tội nhiều thì phước ít, do vậy đời sống không thể hạnh phúc, an lạc, nhất là người xuất gia, cần phải ai cầu sám hối nghiệp chướng. Nhờ sám hối mà thân tâm thanh tịnh, khi ba nghiệp thanh tịnh thì sự tu tập sẽ thăng hoa.

Khoa Nghi Sáu Thời Sám Hối của Vua Trần Thái Tông là một Nghi thức Sám Hối cần được quan tâm thực hiện. Dĩ nhiên có nhiều Sám pháp khác như Hồng Danh Sám Hối, Thủy Sám, Lương Hoàng Sám Pháp v.v... Sám Pháp nào cũng có thể giúp chúng ta như pháp sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng, nhưng Sám hối đúng nghĩa nhất, đó là: ăn năn lỗi trước, chừa bỏ lỗi sau.

*“Sám giả sám kỳ tiền khiên,
Hối giả hối kỳ hậu quá.”*

Chương 6

NHÂN ÁC VÔ SÂN

Nhìn Kẻ Ác Và Không Oán Hận

第六章 · 忍 惡 無 瞋

Hán văn:

佛言。惡人聞善。故來擾亂者。汝自禁息。當無瞋責。彼來惡者。而自惡之。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Ác nhân văn thiện, cố lai nhiễu loạn giả, như tự cấm tức, đương vô sân trách, bỉ lai ác giả, nhi tự ác chi.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Kẻ ác nghe ai làm việc thiện và cố ý đến nhiễu loạn, các ông hãy tự ngăn dứt, không nên giận trách. Kẻ mang điều ác đến sẽ phải tự chuốc lấy điều ác.”

Anh ngữ:

Chapter 6:

Tolerance without Resentment

The Buddha said, “When an evil-doer, seeing you practice goodness, comes and maliciously insults you, you should patiently endure it and not feel angry with him, for the evil-doer is insulting himself by trying to insult you.”

Lược giảng:

Người có tâm ác nhìn thấy ai làm điều thiện thường tìm cách phá hoại. Chỉ những người ác mới suy nghĩ và hành động như vậy. Họ viết lách, chửi bới, tuyên truyền, bôi nhọ, v.v... Nhưng bất cứ điều gì họ làm, cuối cùng, chỉ tự hại họ mà thôi. Theo lời dạy của Đức Phật, khi phải đương đầu với sự chống phá, chúng ta đừng phản ứng. Bởi vì những phản ứng của chúng ta, nhất là những phản ứng được khởi đi từ sự bực tức, nóng nảy, và thù hận, chỉ mang lại sự bất lợi cho bản thân và kéo theo vô số hệ quả tai hại cho tha nhân.

Chúng ta từng nghe câu chuyện về ngài Bạch Ẩn. Ngài là tấm gương tiêu biểu về **hạnh nhẫn nhục**.

Ngài Bạch Ẩn thuộc dòng Lâm tế, ở nước Nhật. Ngài khấn công án. Một hôm, không hiểu vì lý do gì, ngài bị Thầy đánh một cái rơi từ trên thềm xuống. Vì chùa ở trên dốc núi nên Ngài bị rơi xuống rất sâu và bất tỉnh. Khi tỉnh dậy, Ngài đã ngộ Đạo. Ngài đến trình Thầy và được Thầy chấp nhận. Sau đó, Ngài về làng quê chăn bò thuê. Việc làm này không rõ nhằm mục đích gì, có thể Ngài muốn rèn luyện hay hàm dưỡng điều gì đó. Khi sống ở làng, Ngài ăn chay, tụng kinh lễ Phật, tỏ ra hiền lành, nên mọi người gọi là ông sư, và ai cũng thương quý Ngài.

Ngài cất chòi ở và chăn bò thuê được một thời gian thì trong làng xảy ra chuyện. Một cô gái chưa chồng bỗng dưng bụng ngày một to. Khi cha mẹ tra hỏi, lúc đầu cô chối quanh co, sau đó cảm thấy không ổn nên

cô đã đổ tội cho ông sư. Có lẽ cô cho rằng như vậy là đỡ rắc rối nhất. Cha mẹ cô nghe vậy, đến mắng chửi Ngài thậm tệ. Ngài chỉ hỏi: “Vậy à” rồi im lặng.

Từ đó, người làng coi Ngài không ra gì nữa. Giá trị quan trọng nhất của một người tu là phạm hạnh trong sạch. Ngài phạm tội nặng như vậy còn gì giá trị nữa. Khi đứa bé được sinh ra, người ta mang đến giao cho Ngài nuôi. Ngài nhận em bé nhưng không biết nuôi như thế nào. Hằng ngày, Ngài phải ẵm em bé đi xin sữa hàng xóm. Thời gian trôi qua chừng vài năm, cô gái cảm thấy ray rứt bèn thú thật, bố đứa bé không phải là vị sư tội nghiệp kia mà là anh chàng bán cá ngoài chợ. Biết sự thật, cha mẹ cô gái đến xin lỗi Ngài. Lúc này, Ngài cũng chỉ nói: “Vậy à,” rồi trả đứa bé lại cho mẹ nó, coi như không có chuyện gì xảy ra.

Đó là một tấm gương nhẫn nhục tuyệt vời. Ngài đã chịu đựng sự vu khống, nhục nhã, mất thể diện, mất danh dự, một cách bình an, không hề oán ghét giận hờn. Quả là một sự nhẫn nhục rất tiêu biểu, rất đúng nghĩa.

Đó là thái độ rất đúng của người tu theo đạo Phật. Bởi vậy, trong cuộc sống, có lúc bị người ta chỉ trích, nói xấu, chúng ta giữ không phản ứng, không trả đũa, không cãi chính, không biện minh, và đặc biệt là lòng không hề oán hận.

Những ai chống phá chúng ta chỉ vì chúng ta nỗ lực làm việc thiện, thì những điều xấu do họ tạo ra sẽ trở về với chính bản thân họ. Chúng ta không cần sợ

hãi, không cần lo lắng, cũng không cần phải có bất cứ phản ứng nào.

Trong truyện cổ Phật Giáo kể về tiền thân của Đức Phật trong vô lượng kiếp có câu chuyện về hạnh nhân của Đức Thế Tôn như sau:

Câu chuyện xảy ra trong mùa an cư thứ 9 của Đức Phật. Khi ấy Đức Phật mới 44 tuổi, trung niên, cường tráng, với 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, lại càng thêm uy nghi đẹp đẽ hấp dẫn. Đức Phật an cư ba tháng tại Kosambi, Ngài quán sát thế gian biết được một người Bà La Môn đã đủ cơ duyên nên Ngài đến nơi ông ta đang tế thần Lửa. Vị Bà La Môn thấy dung mạo tuyệt vời của đức Phật, ông nghĩ ngay đến người con gái rượu của ông, vì mấy năm liên tiếp ông có ý tìm kiếm một chàng rể xứng đáng nhưng chưa có người nào vừa ý cả; bởi vậy sau khi thăm hỏi chuyện trò thích ý, ông yêu cầu đức Phật ở lại, chờ không lâu ông trở về nhà lấy tặng một món quà đặc biệt. Đức Phật biết ý ông nên đi đến một chỗ gần đấy nhưng cố ý để lại dấu chân. Ông Bà La Môn trở lại không thấy đức Phật nhưng nhận ra vết chân trên đất, nên dẫn vợ, dắt con gái trẻ đẹp với trang phục lộng lẫy, trang điểm mỹ lệ, đi dò theo vết chân.

Khi gặp mặt, ông giới thiệu vợ con và tỏ ý muốn gả con gái cho đức Phật. Đức Phật từ chối và muốn độ cho Bà La Môn nên nói:

“Tôi đã thấy ái dục, bất mãn, tham vọng là con của Ma Vương, tôi không ham muốn thích thú trong

nhục dục của ái tình trần tục, thể xác đầy dục lạc là gì? Nó là khổ, là ràng buộc của sinh tử luân hồi, tôi không bao giờ muốn rời đến nó, dù chỉ sờ bằng chân.”

Nghe những lời ấy, cả hai ông bà Bà La Môn đều chứng ngộ A Na Hàm là bậc chứng thứ ba trong Tứ Thiên. Nhưng cô con gái Magandhiya thì trái lại tức giận trong lòng, cho rằng “Như thế là nhục mạ cô, chửi mắng cô.” Đó là lòng tự ái của một cô gái trẻ đẹp trong gia đình giàu có quyền thế địa vị.

Chỉ mấy năm sau, nàng giai nhân này trở thành thứ hậu của vua Udena. Dựa trên thế lực đã có, cô sai thuộc cấp đi mua chuộc và sai bảo người đến chửi mắng nhục mạ đủ điều, xua đuổi đức Phật ra khỏi thành ấy. Mỗi ngày đi khát thực đều bị hết toán người này đến toán người khác rửa rới chửi rửa, họ nói: “Ông là tên ăn trộm, Ông là tên khờ dại, Ông là người ngu si, Ông là tên điên cuồng, Ông là con bò, là con lừa, là con lạc đà, Ông là con thú vật khờ dại v.v... Khi chết ông sẽ đọa địa ngục, khi chết ông sẽ đọa chỗ nghèo khổ v.v... Ông hãy cút khỏi nơi đây, ở đây mọi người không muốn nhìn mặt ông, mọi người đều ghét không ưa ông v.v...”

Các Tỳ Kheo đệ tử của đức Phật thấy nhiều người dữ dằn dùng lời thô tục chửi rửa Ngài như vậy, chịu không nổi nên thưa:

- Người ta chửi rửa và nhục mạ chúng ta quá thậm tệ, xin Thế Tôn dời đi nơi khác.”

Đức Phật nói:

- Bây giờ chúng ta đi đâu?

- Thưa Thế Tôn, nên đi đến thành khác.
- Nếu ở thành đó người ta cũng chửi mắng và nhục mạ thì ta đi đâu?
- Thưa Thế Tôn, lại đi đến thành khác.
- Các Thầy: không nên nói vậy, nơi nào gặp chuyện khó khăn chính nơi ấy ta phải giải quyết cho ổn thỏa; chỉ khi nào chuyển hóa những người cần chuyển hóa xong ta mới có quyền đi nơi khác, nhưng ai chửi rửa nhục mạ ta?
- Thưa Thế Tôn, rất nhiều người chửi mắng nhục mạ.

Đức Phật dạy: “Như voi ra trận phải bị làn tên từ bốn phía bắn tới, cũng như thế, ta phải chịu đựng những lời nguyên rửa chửi mắng từ mọi phía, vì phần đông sống không có đạo đức, sống không giới đức. Nhiều voi ngựa được dẫn tới chỗ vua để lựa con thuần thực tốt nhất để cưỡi; giữa đám đông đảo người tụ hội, người xứng đáng nhất là người chịu đựng được những lời chửi mắng nguyên rửa; dù những con ngựa con voi trang trọng quý báu, nhưng người thuần thực giới đức trang nghiêm là hơn hết tất cả.”

Và đức Phật bảo:

- Các Thầy không nên lo ngại, vì họ chỉ chửi mắng trong bảy ngày, ngày thứ tám họ sẽ ngừng, vì mọi chuyện khó khăn đến với Như Lai không bao giờ quá bảy ngày.

Đúng như lời đức Phật đã nói, đến ngày thứ tám, khi đức Phật đi khất thực, không còn thấy một người nào có hành động lỗ mắng với Ngài nữa.

Chúng ta thấy sự nhẫn nhục chịu đựng của đức Phật thật là có một không hai, đây mới thật là nhẫn nhục kiên cố; bảy ngày vào thành khát thực, bảy ngày đều bị hết toán người này đến toán người khác chửi bới nhục mạ xua đuổi thậm tệ suốt từ lúc bắt đầu vào thành cho đến lúc khát thực xong trở về nơi ngụ.

Vì vậy, Chương 6 trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh Đức Phật dạy: Chúng ta đừng trách mắng hay giận hờn kẻ đã phá hoại những điều tốt mà chúng ta hết lòng thực hiện, để tạo cho phúc lợi lâu dài của tha nhân. Bản chất của người ác lúc nào cũng như vậy, chúng ta không nên mất thì giờ để ý đến thái độ, hành động của họ. Nếu có thể chúng ta tìm cách chuyển hóa, giúp họ tỉnh thức, trở thành người tốt trong xã hội. Đây mới là điều chúng ta cần quan tâm.

Nếu là người thật sự có tâm thiện, chúng ta không nên giận hờn hay trả đũa người ác. Nhưng nếu cứ sống như vậy, phải chắng những người hiền và hiếu hòa như chúng ta phải chịu thiệt thòi, bởi vì kẻ ác luôn luôn tìm đủ mọi cách hãm hại chúng ta.

Kinh *Hiền Ngụ* dạy rằng:

*“Thường làm theo tâm từ,
 Từ bỏ tưởng giận hại
 Đại bi thương chúng sanh
 Quặn lòng rơi nước mắt
 Tu làm thân đại hỷ
 Với mình cùng đắc pháp
 Cứu giúp bằng đạo lý
 Đó là hạnh Bồ tát”*

Có một câu chuyện vui về chữ Nhẫn như sau:

Có một tăng sĩ chọn tu pháp Nhẫn nhục Ba la mật, sau nhiều năm tháng nỗ lực tu tập, vị ấy thành tựu được rất nhiều công hạnh, trụ vững như kim cương khi bình an trước mọi nghịch cảnh; dù có bị người khác ganh ghét, lăng nhục, mưu hại, thầy vẫn luôn nở nụ cười trên môi, thản nhiên như không.

Rất nhiều người tán thán thầy và thường xuyên đến chỗ thầy để đàm đạo và thực tập hạnh tu này, thầy luôn vui vẻ tiếp đón và chia sẻ những kinh nghiệm thực tập được của mình cho họ.

Một hôm có một thanh niên đến tham quan chùa, anh ngưỡng mộ hạnh tu của thầy nhưng vì mới tìm hiểu đạo nên không biết chuyện gì để tham vấn, nhìn quanh thấy trên tường treo tấm bảng gỗ có một chữ thầy viết rất bay bướm, anh liền hỏi:

- Thưa Thầy, đây là chữ gì ạ?

Thầy trả lời đầy vẻ tự hào:

- Chữ Nhẫn viết theo lối thư pháp, ta phải tập viết hàng trăm lần mới được như ý đấy con à!

Anh gật gù vẻ tán thưởng, sau khi đi lòng vòng ngó nghiêng đây đó, anh lại đứng trước tấm bảng gỗ gõ đầu gõ tai:

- Thưa Thầy chữ gì đây ạ?

Vị Tăng sĩ tươi cười trả lời:

- Ta tu hạnh nhẫn nhục nên viết chữ Nhẫn đó mà.

Một lúc sau, anh lại ngắm nghía tấm bảng và hỏi:

- Thưa Thầy, Thầy viết chữ gì đây ạ?

- Chữ “NHẪN”

Trước khi ra về, anh lại tần ngần trước tấm bảng:

- Thưa Thầy, chữ gì đây ạ?

Vị Tăng sĩ không chịu nổi nữa, nộ khí xung thiên:

- Chữ nhẫn! nhẫn! nhẫn! Đồ ngu, ngu gia truyền!

Có một chữ mà này giờ hỏi hoài, hỏi hoài! Cút ngay!

Qua câu chuyện mang tính hài hước trên, cho chúng ta thấy có rất nhiều người không tự chế được cơn nóng giận của mình, mất tự chủ và gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho chính tự thân và đối phương. Đôi khi không thể kiềm chế được cơn thịnh nộ còn gây ra án mạng mà phải ân hận suốt đời.

Cần phải bình tĩnh, kiên nhẫn và chịu đựng thì mới có thể vượt qua được những nghịch cảnh ngang trái của cuộc đời, đừng vội vàng, nôn nóng, dẫn tới hành động thiếu suy nghĩ. Có như vậy mới có thể thành công trong mọi công việc, và giúp cho gia đình ấm êm, hạnh phúc bền vững được.

Người học đạo cũng vậy, khi gặp nghịch cảnh, không nhẫn nhục sẽ làm cho tâm luôn luôn dao động. Chẳng những không có lòng hận thù, giận dữ; không có tâm hãm hại dù là hại người hay hại vật mà còn đem hết lòng từ bi để cứu giúp, sống với tâm hỷ xả và mong cho mọi loài cùng với bản thân mình chứng đắc giác ngộ giải thoát, đó là những gì mà chư Phật thường dạy bảo.

Nhẫn nhục, từ bi hỷ xả, sẵn sàng tha thứ, giúp đỡ, đã không chỉ không bị thiệt thòi mà còn tạo ra vô

số lợi ích cho mình và cho người. Thật ra không có chi gọi là thiệt thòi, vì Đức Phật đã dạy: *Nhân nào quả đó*. Là người Phật tử, chúng ta phải tuyệt đối tin tưởng vào luật nhân quả do Đức Phật khai thị.

Phải ý thức thật rõ, nóng giận rất nguy hiểm, nóng giận còn nguy hiểm hơn hỏa hoạn; khi đã ý thức rõ sự nguy hiểm của tâm nóng giận, chúng ta sẽ tìm cách dập tắt cơn nóng giận như tìm cách dập tắt ngọn lửa dữ. Nếu không dập tắt cơn giận dữ, bao nhiêu công đức sẽ bị thiêu rụi; tai họa, đổ vỡ, thất bại... sẽ xảy ra; hạnh phúc, an lạc sẽ tiêu tan, và khổ đau là điều không thể tránh!

Chương 7
ÁC HOÀN BẢN THÂN
Ở Ác Gặp Ác
第七章·惡還本身

Hán văn:

佛言。有人聞吾守道。行大仁慈。故致罵佛。佛默不對。罵止。問曰。子以禮從人。其人不納。禮歸子乎。對曰。歸矣。佛言。今子罵我。我今不納。子自持禍。歸子身矣。猶響應聲。影之隨形。終無免離。慎勿為惡。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “*Hữu nhân văn ngô thủ Đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật. Phật mặc bất đối. Mạ chỉ, vấn viết: Tử dĩ lễ tòng nhân, kỳ nhân bất nạp, lễ quy tử hồ?*”

Đôi viết: “*Quy hỷ.*”

Phật ngôn: “*Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp; tử tự trì họa quy tử thân hỷ. Du hưởng ứng thanh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly, thân vật vi ác!*”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Có người nghe ta (Phật) giữ đạo, làm việc rất nhân từ, nên cố ý đến nhục mạ Phật. Phật im lặng, không trả lời. Khi người kia ngưng mắng, Phật hỏi: Ông đem lễ vật

tặng người, người ấy không nhận; ông mang lễ vật về chứ?”

Đáp rằng: Tôi mang về!

Phật bảo: “Nay ông mắng nhiếc ta nhưng ta không nhận, ông tự mang họa về thân. Giống như vang ứng theo tiếng, như bóng theo hình, hoàn toàn chẳng thể tránh được. Hãy thận trọng, chớ làm điều ác!”

Anh ngữ:

Chapter 7: Evil Deeds Return to the Doer

The Buddha said, “Once a man came unto me and denounced me on account of my observing the way and practicing great loving-kindness. But I kept silent and did not answer him. The denunciation ceased. I then asked him ‘If you bring a present to your neighbor and he accepts it not, does the present come back to you?’ The man replied, ‘It will.’ I said, ‘you denounce me now, but as I accept it not, you must take the wrong deed back on your own person. I is like echo succeeding sound, it is like shadow following object; you never escape the effect of your own evil deeds. Be therefore mindful, and cease from doing evil’.”

Lược giảng:

Nếu người ác mắng chửi chúng ta, chúng ta không cần phản ứng gì cả. Như Đức Phật đã dạy: Họ mắng chửi chúng ta, chúng ta không nhận. Lời lẽ đó lại trở về với họ. Phàm những ai làm điều ác

điều xấu, đều phải chuốc lấy những quả xấu ác do chính họ tạo ra.

Sau khi Phật thành đạo, Phật thuyết pháp làm cho vua quan, các nhà giàu có và dân chúng đều theo quy y Phật. Các ngoại đạo lép vế, nên họ tìm cách hạ uy tín Phật.

Các người Bà La Môn đến nói với cô gái Chiến Già (Cinca Manavika) là tín đồ của họ. Hàng ngày cô trang điểm xinh đẹp, ôm bó hoa đi về hướng tịnh xá Kỳ Hoàn. Lúc Phật tử nghe pháp xong, trở về thấy cô xinh đẹp, có người hỏi cô đi đâu thì cô lặng thinh, mỉm cười, trông có vẻ bí mật.

Một tháng sau nữa thì cô trả lời thẳng thừng rằng, *“Tôi đến tịnh xá Kỳ Hoàn. Đức Thế Tôn là người yêu của tôi.”* Khi cô đến trước cổng tịnh xá Kỳ Hoàn thì cô sẽ qua trụ xứ của ngoại đạo để nghỉ đêm.

Rồi một hôm, Phật đang thuyết pháp. Cô với 500 ông Bà La Môn đến. Cô đứng lên cắt ngang lời Phật. Cô nói, *“Lời đức Thế Tôn nói thì hay lắm, nhưng việc làm của Ngài không tốt chút nào. Hôm nay em đã bụng mang dạ chửa mà đức Thế Tôn không ngó nghĩ gì hết. Nếu Ngài không làm gì thì giao em cho ông Cấp Cô Độc hay bà Tỳ Xá Khư lo liệu. Ngài thật là người bạc tình bạc nghĩa.”*

Năm trăm ông Bà La Môn liền mắng chửi Phật thậm tệ.

Đức Phật hỏi, *“Này, Chiến Già (Cinca Manavika), người nói thật hay là vu khống? Chuyện này chỉ có ta và người biết mà thôi.”*

Cô Chiến Già trả lời, “*Việc này chỉ có em và Thế Tôn biết mà thôi.*”

Đế Thích thấy việc đối trá trá trở của ngoại đạo liền hóa ra bốn con chuột, leo lên mình cô, cắn các dây chằng phía trong. Một khúc gỗ tròn và một cái gổi rớt xuống trước mặt mọi người.

Cô Chiến Già quá hổ thẹn, liền chạy, chạy mãi và rơi xuống hố mà chết. Năm trăm ông Bà La Môn cũng liền chuồn mất.

Qua câu chuyện vô cùng cảm phục về hạnh nhẫn nhục của Đức Phật trên cho chúng ta thấy, nhẫn chính là hạnh tu căn bản của chư hành giả. Khi nói đến nhẫn là phải nói đến sự chịu đựng mọi ô nhục, khổ hại bức bách và đầy ngang trái của thế gian mà không bao giờ khởi tâm hờn trách hay oán thù. Phải luôn giữ tâm bình tĩnh, an nhiên thì mới có thể thực hành được thực hành hạnh nhẫn nhục Ba-la-mật.

Thực hành pháp nhẫn.

Nói thì dễ nhưng để thực hành được hạnh nhẫn thì là một điều vô cùng khó, phải thấu rõ được lý vô ngã, nếu tu tập mà cái tôi quá lớn, ai nói gì cũng chấp vào cái ngã đó thì có tu vô lượng kiếp cũng uổng công mà thôi, khó đạt được an lạc và giải thoát tối hậu. Có hai điều mà chúng ta cần phát huy khi thực hành hạnh nhẫn. Đó là tâm từ bi và trí tuệ. Nhờ trí tuệ, chúng ta thấy rõ bản chất hư huyễn, vô thường của sự chống phá, của sự quấy rối. Nhờ tâm từ bi, chúng ta có đủ độ lượng và bao dung. Thay vì thù ghét người

ác tâm, chúng ta cảm thương họ do vô minh, đã làm những việc đầy tội lỗi. Họ phải nhận chịu quả báo, vì những tội lỗi đã gây ra. Họ sẽ bị đọa vào địa ngục, trở thành ngựa quỷ, hay súc sinh, vô cùng thống khổ. Vì thương họ, chúng ta tìm cách giáo huấn, cảm hóa để họ trở thành người thiện. Giúp họ hoàn thiện những gì cần hoàn thiện là trách nhiệm và sứ mệnh thiêng liêng của những người con Phật.

Có câu chuyện tiền thân của Đức Phật như sau:

Thuở xưa, ở thành Ba-la-nại, có vị vua tên Ca-lam-phù (Kalābu) trị vì vương quốc Ca-thi (Kāsi). Bấy giờ, Bồ-tát sanh vào một gia đình Bà-la-môn có tài sản tám mươi triệu đồng tiền vàng. Lúc thiếu thời, Bồ-tát có tên là Khôn-đạt-già-khố-mã-lạp (Kuṇḍaka kumāra). Khi đến tuổi trưởng thành, Ngài đến Xoa-thi-la (Takkasilā) để học các kiến thức về khoa học và sau đó trở thành một vị gia chủ.

Khi cha mẹ Ngài qua đời, nhìn vào số tài sản để lại, Ngài nghĩ: *“Người thân của ta tích lũy số tài sản này nay đã ra đi mà không mang theo được một thứ gì, bây giờ ta sở hữu số tài sản này và một ngày nào đó rồi cũng đến lượt ra đi.”* Thế rồi Ngài cẩn trọng chọn những người có hạnh bố thí – xứng đáng được nhận số tài sản của mình và bố thí tất cả cho họ, sau đó vào Tuyết Sơn xuất gia làm ẩn sĩ. Ngài trú ở đấy một thời gian dài, sống nhờ vào trái cây rừng. Sau đó, để kiếm muối và giấm, Ngài đi xuống những vùng có dân chúng sống và dần dần đi đến Ba-la-nại. Ở đấy, Ngài trú trong ngự viên của nhà vua. Ngày kế tiếp, Ngài đi

quanh kinh thành khất thực, cho đến khi đến trước nhà một vị tướng quân. Hoan hỷ trước oai nghi của ảnsĩ, vị tướng quân đưa Ngài vào nhà, mời Ngài dùng thức ăn được chuẩn bị sẵn cho mình, sau đó đưa Ngài trở lại ngự viên.

Một hôm, trong cơn phấn khích do thắm rượu nồng, vua Ca-lam-phù bằng một nghi thức long trọng, cùng với một đám vũ công đi đến ngự viên. Rồi vua cho đặt long sàng trên một chỗ bằng đá và nằm kê đầu lên người cung phi mà ông yêu thích nhất, trong khi các vũ nữ điêu luyện đàn hát ca múa trình diễn mua vui. Về nguy nga tráng lệ của vua tuyệt diệu như Thiên chủ Đế thích (Sakka). Và nhà vua ngủ thiếp đi. Thấy thế các tỳ nữ nói:

- Chúng ta biểu diễn âm nhạc vì đức vua, nay đức vua đã ngủ, cần gì phải trình diễn nữa.

Thế là họ vút đàn sáo đây đó và bắt đầu đi dạo vườn. Ở đấy, bị quyến rũ bởi cây cối đang ra hoa trở trái nên họ cứ mãi miết vui chơi.

Bấy giờ, Bồ-tát như một con voi chúa hùng dũng, đang ngồi dưới gốc cây sa-la trở hoa trong khu vườn hưởng thọ phước lạc của người từ bỏ thế tục. Họ khi dạo chơi trông thấy Ngài, các nữ tỳ này nói:

- Nay các chị, hãy đến đây và ngồi xuống nghe vị ảnsĩ đang ngồi tại gốc cây này thuyết giảng, đợi khi nào đức vua thức dậy thì trở lại.

Thế là họ đến chỗ Bồ-tát, ngồi xuống xung quanh Ngài và nói:

- Thưa Tôn giả, xin giảng cho chúng tôi những điều đáng nghe.

Bồ-tát thuyết pháp cho họ. Trong khi đó vị cung phi được sủng ái kia cử động thân thể đã đánh thức nhà vua dậy. Không nhìn thấy các nữ tỳ đâu cả, nhà vua hỏi nàng cung phi:

- Bọn nữ tỳ đâu cả rồi?

Cô này đáp:

- Thưa hoàng thượng, họ bỏ đi dạo và đang ngồi hầu hạ vị ẩn sĩ ở đằng kia.

Nhà vua tức giận, nắm lấy thanh gươm đi vội đến hướng ấy và nói:

- Ta sẽ cho vị ẩn sĩ đối trá này một bài học.

Khi thấy nhà vua tức giận đi đến như vậy, những tỳ nữ được yêu mến nhất bèn đến nắm lấy thân gươm nơi tay nhà vua và làm cho vua nguôi giận. Nhà vua đến đứng bên Bồ-tát và hỏi:

- Nay Sa-môn, ông đang thuyết giảng gì vậy?

- Thưa đại vương, tôi đang thuyết giảng về hạnh nhẫn nhục.

- Hạnh nhẫn nhục là gì? Nhà vua hỏi.

- Là không tức giận khi bị người khác phỉ báng, lăng mạ hay đánh đập.

- Bây giờ ta muốn thấy hạnh nhẫn nhục của ông thực sự thế nào.

Nhà vua nói xong cho gọi đao phủ thủ tới. Người đao phủ theo nhiệm vụ mình, cầm một cây rìu, một sợi dây gai, mặc y phục màu vàng, đeo tràng hoa màu đỏ, đến khấu bái nhà vua và hỏi:

- Thưa đại vương, ngài muốn con làm gì?

Nhà vua bảo:

- Hãy túm và kéo gã ẩn sĩ đối trá đê mạt này ném y xuống đất, dùng dây gai của người đánh vào phía trước, phía sau và hai bên người y; đánh cho y một ngàn cái.

Khi gã đao phủ ra tay xong, lớp da của Bồ-tát bị tuốt khỏi thịt, máu chảy ướt đầm khắp thân. Nhà vua lại hỏi:

- Này Sa-môn, ông thuyết giảng điều gì?

Bồ-tát trả lời:

- Thưa đại vương, tôi giảng về hạnh nhẫn nhục. Nhưng ngài chớ tưởng hạnh nhẫn nhục của tôi chỉ nằm ở nơi da. Nó không chỉ nằm nơi da mà nằm tận ở nơi tim tôi, chỗ ngài không thể nhìn thấy.

Tên đao phủ lại hỏi:

- Thưa đại vương, đại vương muốn con làm gì?

Nhà vua nói:

- Hãy chặt lia hai bàn tay tên ẩn sĩ đối trá này ra.

Thế là gã đao phủ xách rìu, đặt nạn nhân vào trong vòng tử tội và chặt hai bàn tay của Ngài. Rồi nhà vua lại bảo:

- Chặt hai chân của ông ta ra.

Hai bàn chân của Bồ-tát lại bị chặt. Máu từ chân và tay chảy giống như sữa chảy ra từ chiếc bình bị thủng. Nhà vua lại hỏi Ngài thuyết giảng điều gì, và Bồ-tát đáp:

- Thưa đại vương, tôi giảng hạnh nhẫn nhục.

Nhưng ngài chớ tưởng hạnh nhãn nhục của tôi nằm ở nơi hai bàn tay và hai bàn chân. Nó không phải ở đó, nó nằm sâu ở nơi khác.

Nhà vua nói:

- Hãy xẻo mũi và tai của ông ta.

Tên đao phủ đã làm như vậy. Toàn thân của Ngài bây giờ nhuốm đầy máu. Nhà vua lại hỏi Ngài thuyết giảng điều gì, và BỒ-tát lại nói:

- Ngài chớ nghĩ hạnh nhãn nhục của tôi nằm nơi chóp mũi và vành tai tôi. Hạnh nhãn nhục của tôi nằm tận trong tim tôi.

Nhà vua nói:

- Nay Sa-môn dối trá kia, hãy nằm xuống đó mà ca tụng hạnh nhãn nhục của người.

Nói xong, ông giẫm chân lên ngực BỒ-tát và bỏ đi. Khi nhà vua đi rồi, vị đại tướng quân đến lau máu me nơi thân BỒ-tát, băng bó tay chân, tai mũi cho Ngài, sau đó nhẹ nhàng đặt Ngài lên một chỗ ngồi, đánh lễ Ngài rồi ngồi một bên và nói:

- Thưa Tôn giả, nếu Ngài căm giận kẻ gây tội ác cho Ngài thì hãy căm giận nhà vua chứ đừng căm giận ai khác.

Còn nhà vua vừa rời khỏi ngục viên, mới ra khỏi tầm mắt của BỒ-tát thì mặt đất rắn chắc dài hai trăm bốn mươi dặm liền nứt ra làm hai. Lửa từ dưới đất phun lên giống như một chiếc hoàng bào bằng len đỏ trùm lên túm chặt lấy người ông. Như vậy, nhà vua bị nhấn chìm vào trong lòng đất ngay tại nơi cổng ngục

viên và bị giam hãm dưới đại ngục A-tỳ. Bồ-tát ngày hôm đó cũng qua đời. Những người hầu của nhà vua và dân chúng mang nước hoa, vòng hoa và nhang trầm đến làm tang lễ cho Bồ-tát.

Qua câu chuyện tiền thân vô cùng ý nghĩa trên cho chúng ta một bài học giá trị về hạnh nhẫn nhục của Đức Phật từ vô lượng kiếp Ngài đã tu tập.

Trí tuệ và từ bi là hai yếu tố hết sức quan trọng, là sức mạnh vô địch giúp chúng ta có được sự bình thản cần thiết để đương đầu với sự chống phá của những người ác.

Cổ nhân bảo:

*“Nhẫn nhẫn nhẫn, trái chủ oan gia từng thử tận.
Nhiều nhiều nhiều, thiên tai vạn họa nhất tề tiêu
Mặc mặc mặc, vô hạn thân tiên từng thử đắc
Hutu hutu hutu, cái thể công danh bất tự do.”*

(Nhẫn, nhẫn, nhẫn (Thân nhẫn, khẩu nhẫn, ý nhẫn) thì những trái chủ oan gia từ đây chấm dứt.

Nhịn, nhịn, nhịn (Thân nhịn, khẩu nhịn, ý nhịn) thì ngàn tai vạn họa cùng lúc tiêu tan.

Nín, nín, nín cảnh giới thân tiên không giới hạn từ đây mà được.

Dừng, dừng, dừng công danh trùm thiên hạ cũng chẳng tự do.

Nhẫn nhục là vì lòng từ bi chứ không phải vì ẩn nhẫn để phục thù như Việt Câu Tiễn ném phân của Ngô Phù Sai nhằm tạo lòng tin tưởng của vua, sau đó đã sử dụng nhiều mưu chước để báo thù.

Lạn Tương Như là nhân tài của nước Triệu, nhờ tài ngoại giao thương thuyết, ông đã thuyết phục được vua Tần và tạo hòa khí giữa hai nước Tần và nước Triệu. Lạn Tương Như được vua phong làm Thừa Tướng, khiến cho Đại tướng Liêm Pha ganh tỵ vì nghĩ rằng mình là người có công xông pha trận mạc, nên tìm cách làm nhục Thừa tướng Lạn Tương Như. Thế nhưng, vì việc lớn, Lạn Tương Như đã nhẫn nhục nhường nhịn Đại tướng Liêm Pha. Người tầm thường không hiểu được ý lớn của Thừa tướng Lạn Tương Như nên sinh tâm chê cười, nhưng cuối cùng Đại tướng Liêm Pha đã hiểu và rất kính phục Thừa tướng Lạn Tương Như.

Nhờ nhẫn nhục mà chúng ta có được sức mạnh nội tại đủ khả năng vượt qua mọi chướng thách đố. Nếu phân loại, thì nhẫn nhục có nhiều loại khác nhau, tuy nhiên, một cách tổng quan thì nhẫn nhục gồm có 3 loại chính:

- 1- **Sinh nhẫn:** Nhẫn nhục đối với chúng sinh như kiến, muỗi v.v... dù bị chúng cắn chích cũng không giận thù tìm cách sát hại.

Kinh *Tap A Hàm* dạy:

無著忍辱鎧
安隱如法行
直進不退還
永之無憂處
智士乘戰車
摧伏無智怨

Nghĩa là:

*Nhẫn, vô trước: giáp sắt,
An ổn, hành đúng pháp.
Thẳng tiến không lùi bước
Mãi không gì lo sợ;
Người trí cười chiến xa,
Trừ kẻ thù vô trí*

2- **Pháp nhẫn:** Nhẫn chịu trước mọi áp lực từ thiên nhiên bao gồm mọi vô tình chúng sanh.

3- **Vô sinh pháp nhẫn** (*Anutpattikadhamma Ksanti*): Nhẫn nhục ở trình độ cao tột mà Kinh *Thập Địa* gọi là “Vô công dụng hạnh.” Trình độ tu chứng cao của hàng Bồ Tát Bát Địa, tức Bất Động Địa.

Kinh *Đại Bảo Tích* cuốn thứ VI, Đức Phật dạy:

*“Nhẫn nhục gốc thập lực
Chư Phật thân thông nguyện
Trí vô ngại đại bi
Đều lấy nhẫn làm gốc
Tứ đế, niệm, chánh cần
Căn, lực, giác đạo phần
Đều lấy nhẫn làm gốc
Người trí nên tu nhẫn
Phật tại ba la mật
Chuyển pháp luân vô thượng
Cũng lấy nhẫn làm gốc.”*

Nhẫn Nhục là đức tính cần thiết trong cách hành xử hằng ngày. Người biết Nhẫn Nhục sẽ tự nâng cao phẩm hạnh đạo đức của mình. Nhẫn Nhục là một

hạnh trong Lục Độ Ba La Mật, giúp chúng ta tự đem lại hạnh phúc an vui cho tự thân và mọi người xung quanh. Tu hạnh Nhẫn Nhục tức thực hiện tinh thần vô ngã, là phát huy tâm Từ Bi Hỷ Xả.

Trong Kinh *Pháp Hoa* Đức Phật đã khai thị: “*Tam giới bất an du như hỏa trạch,*” thế giới quanh ta biến đổi không ngừng, vô thường sẽ ập tới bất cứ lúc nào, chúng sanh thì cứ tranh chấp hơn thua, sân si tật đố, khởi tham sân si, gieo rắc biết bao đau khổ cho nhân sinh. Chính vì vậy mà chúng ta luôn sống trong sự bất an nơm nớp, lo sợ như đang ở trong nhà lửa.

Là một Phật tử khi đã nhận thức được điều này cần phát khởi tín tâm nghe theo lời Phật, ngừng than oán trời đất, trách móc tha nhân mà phải nhận diện được chân tâm để không còn tạo tác ác nghiệp nữa, lúc ấy chúng ta cũng như tất cả chúng sanh sẽ sống trong cảnh thanh bình, kiến lập cõi Tịnh Độ ngay tại nhân gian. Vậy ngay từ bây giờ trong cuộc sống hiện tại chúng ta hãy phát tâm tu tập một trong những phương pháp thù thắng mà Đức Phật đã dạy đó là hạnh Nhẫn Nhục.

Nguyện cầu chúng ta luôn vững vàng nhẫn nhục trước sự chống phá của những kẻ xấu ác.

Chương 8

TRẦN THÓA TỰ Ô

Gieo Gió Gặt Bão

第八章·塵唾自污

Hán văn:

佛言。惡人害賢者。猶仰天而唾。唾不至天。還從己墮。逆風揚塵。塵不至彼。還坌己身。賢不可毀。禍必滅己。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Ác nhân hại hiền giả, du ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên hoàn tòng kỷ đọa; nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ hoàn bộn kỷ thân; hìn bất khả hủy, họa tất diệt kỷ.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Kẻ ác hại người hiền, như người ngửa mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng không tới trời mà trở lại rơi vào mình; ngược gió tung bụi, bụi chẳng đến người kia, mà trở lại tấp vào mình – người hiền không thể hại được, mà tai họa chắc chắn sẽ hủy diệt mình.”

*Anh ngữ:***Chapter 8: To Fling Dust into the Wind**

The Buddha said, “Evil-doers who denounce the wise resemble a person who spits against the sky; the spittle will never reach the sky, but comes down on himself. Evil-doers again resemble a man who stirs the dust against the wind; the dust is never raised without doing him injury. Thus the wise will never be hurt, but the curse is sure to destroy the evil-doers themselves.”

Lược giảng:

Một kẻ xấu nết và ác độc muốn tìm cách hãm hại người hiền lương nhưng không thể được, bởi vì người hiền lương không hề bị hại. Ngược lại những kẻ tìm cách hại họ, lại bị tổn hại rất lớn. Đây là luật Nhân-Quả, dù ở bất cứ hoàn cảnh hay thời điểm nào cũng không thể tránh.

Cái đáng lo sợ đó là mình đã và đang làm những gì không đúng với chánh pháp, ngược lại đừng sợ hãi đối với những gì mà người ác tìm cách vu hãm, xuyên tạc, bôi nhọ, sỉ nhục mình... Một khi biết rõ những điều mà chúng ta thực hiện hoàn toàn phù hợp với chân lý, thì sự chỉ trích, bôi nhọ, lăng nhục của những kẻ xấu ác, không thể nào có thể làm mất đi sự thanh thản, an tịnh trong đời sống của chúng ta.

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi các con sóc. Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvāja được nghe Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvāja đã xuất gia với Thế Tôn,

từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ông phẫn nộ, không hoan hỷ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói những lời nói không tốt đẹp, ác ngữ, phỉ báng và nhiếc mắng Thế Tôn.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvàja:

- Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Các thân hữu bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm Ông không?

- Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng, các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đến thăm tôi.

- Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếm không?

- Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng tôi soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm, các loại đồ nếm.

- Nhưng này Bà-la-môn, nếu họ không thâm nhận, thời các món ăn ấy về ai?

- Thưa Tôn giả Gotama, nếu họ không thâm nhận, thời các món ăn ấy về lại chúng tôi.

- Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu Ông phỉ báng chúng tôi là người không phỉ báng; nhiếc mắng chúng tôi là người không nhiếc mắng; gây lộn với chúng tôi là người không gây lộn; chúng tôi không thâm nhận sự việc ấy từ Ông, thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông. Nay Bà-la-môn, sự việc ấy chỉ về lại Ông. Nay Bà-la-môn, ai phỉ báng lại khi bị phỉ báng, nhiếc mắng lại khi bị nhiếc mắng, gây lộn lại khi bị gây lộn, thời như vậy, này Bà-la-môn, người

ấy được xem là đã hưởng thọ, đã san sẻ với Ông. Còn chúng tôi không cùng hưởng thọ sự việc ấy với Ông, không cùng san sẻ sự việc ấy với Ông, thời này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông! Nay Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông!

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*“Vị vị không phần nộ,
Phần nộ từ đâu đến?
Sống chế ngự, chánh mạng,
Giải thoát, nhờ chánh trí.
Vị ấy sống như vậy,
Đời sống được tịch tịnh.
Những ai bị phỉ báng,
Trở lại phỉ báng người,
Kẻ ấy làm ác mình,
Lại làm ác cho người.
Những ai bị phỉ báng,
Không phỉ báng chống lại,
Người ấy đủ thắng trận,
Thắng cho mình, cho người.
Vị ấy tìm lợi ích,
Cho cả mình và người.
Và kẻ đã phỉ báng,
Tự hiểu, lắng nguôi dần.
Bậc Y sư cả hai,
Chữa mình, chữa cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Vì không hiểu Chánh pháp”¹*

1. Tương Ưng Bộ - Samyutta Nikaya, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, Việt Tập I - Thiên Có Kệ, Chương VII Tương Ưng Bà La Môn, phần *Phỉ Báng*

Qua đoạn kinh trên, Đức Phật dạy chúng ta, bản chất của con người nếu không được tôi luyện, nếu không được tu sửa, thì sẽ luôn có mưu đồ bất chính do tính vị kỷ mà ra, họ tìm cách để hãm hại người lương thiện. Vì thế, nếu chúng kiến hay phải chịu đựng sự hãm hại này, chúng ta đừng quá ngạc nhiên hay lưu tâm. Như trong chương 8 này, Phật ví dụ người ác mắng chửi người thiện, người thiện không nhận lời mắng chửi đó thì người ác giống như người ngửa mặt lên trời phun nước bọt, nước bọt không tới trời mà rơi xuống ngay mặt người phun. Vì vậy nếu chúng ta cứ thọ nhận hay dính mắc vào cái lưỡi của thiên hạ thì tự mình chuốc lấy phiền não, khổ đau mà thôi.

Đức Phật dạy, “*đời là bể khổ*” chính vì chúng ta đang sống trong bể khổ nên thỉnh thoảng gặp chướng duyên là lẽ thường tình. Tuy nhiên, cách chúng ta xử lý, hòa giải chướng duyên đó như thế nào đó mới là tu. Chúng ta hãy cứ xem nghịch cảnh như là những thách thức mà chúng ta cần phải vượt qua trên bước đường tiến tới giải thoát giác ngộ. Đừng để dư luận dẫn dắt, rồi thọ nhận những lời cay độc đó, sau cùng chúng ta cũng chỉ là những kẻ khờ mà thôi. Chúng ta không sống bằng cái lưỡi bất thiện của một ai đó mà sống bằng chính cái tâm thánh thiện của mình.

Thiền sư Bạch Ẩn vì lòng từ bi nên dù bị vu oan vẫn hết lòng nhẫn nhục “*Con ai đem bỏ chùa này, A Di Đà Phật con thầy thầy nuôi.*”

Đức Phật bị Hoàng hậu vợ vua U Điền mắng nhiếc, tìm đủ cách làm nhục Ngài vì trước kia ba

mẹ của bà thỉnh cầu Đức Phật cưới bà nhưng Đức Phật đã từ chối. Trước bao hủ nhục nhưng Đức Phật vẫn từ bi hỷ xả, và cuối cùng Ngài đã cảm hóa được Hoàng hậu cũng như những người có ác tâm.

Một vị Thiên sư nọ khi đến hóa duyên tại nhà một thí chủ, viên ngọc quý của vị thí chủ bị một con ngỗng nuốt vào bụng, vị Thiên sư thấy ngỗng nuốt viên ngọc nhưng vì lòng từ bi không muốn con ngỗng bị giết. Do vậy, dù bị chủ nhà hiểu lầm Ngài là người đã lấy trộm viên ngọc quý, nhưng Ngài vẫn hoan hỷ nhẫn nhục chấp nhận tất cả sự khinh bỉ, mắng nhiếc. Khi tức giận, người thí chủ đó chẳng những đánh Ngài còn đánh chết con ngỗng vì con ngỗng đến rủa uống máu của Ngài khi thấy Ngài bị đánh đổ máu. Sau khi ngỗng chết, vị Thiên sư mới cho biết viên ngọc quý đang ở trong bụng con ngỗng. Khi mổ bụng ngỗng quả nhiên viên ngọc nằm trong đó. Nhờ lòng từ bi, Thiên sư đã cảm hóa vị thí chủ kia bằng sự không chút buồn phiền giận dữ.

Kinh *Tăng Chi III*, Chương 15 dạy về 8 Pháp, Đức Phật đã khẳng định: “*Nhẫn nhục là sức mạnh của Sa môn.*” Điều này đủ thấy nhẫn nhục đóng nhân tố quan trọng như thế nào. Trong *Luật Tỳ Bà Thi* đã dạy rằng: “*Nhẫn nhục đệ nhất đạo.*” Nghĩa là: “*Nhẫn nhục là pháp môn cao tột.*”

Tôn giả Xá Lợi tử vì muốn giáo hóa độ sanh mà luôn thực hành hạnh nhẫn nhục, lúc nào Ngài cũng ôn hòa, từ ái, dù là đối với người thất lễ với ngài. Vì

không tin rằng Tôn giả Xá Lợi tử là người có lòng nhẫn nhục lớn nên đã có một vị Bà-la-môn tìm cách thử ngài. Một ngày nọ, khi Tôn giả đang đi khát thực, người Bà-la-môn đó đi theo phía sau ngài và chửi nhiếc thậm tệ, tuy nhiên Tôn giả Xá Lợi Tử nhẫn nhục vẫn im lặng. Người Bà-la-môn lại đâm vào lưng ngài thật mạnh, nhưng ngài vẫn nhẫn nhục không phản ứng, không giận ghét. Vị Bà-la-môn này đã ăn năn sám hối và thỉnh ngài về nhà để cúng dường.

Một ngày khác, trong lúc đang ôm bình bát đi khát thực, Tôn giả Xá Lợi Tử bị một vị Trưởng giả keo kiệt khạc nhổ vào bình bát của ngài nhưng ngài vẫn an nhiên nhẫn nhục, không một chút phiền giận, trách móc, cuối cùng ngài đã cảm hóa được vị Trưởng giả keo kiệt và bạo ngược ấy.

Đức Phật dạy, có năm điều nguy hại cho những người không kham nhẫn:

1. *Quần chúng không ái mộ, không ưa thích.*
2. *Có nhiều người hận thù.*
3. *Nhiều người tránh né không muốn gặp.*
4. *Lúc sắp chết tâm bị mê loạn*
5. *Sau khi chết rơi vào Địa ngục.”²*

Bài học nhẫn nhục vì lòng từ bi là bài học lớn mà chúng ta cần phải học và áp dụng vào đời sống hàng ngày.

2. *Anguttāra Nikāya Tāng Chi Bộ, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch, phẩm Không Kham Nhẫn.*

Chương 9
PHẢN BỔN HỘI ĐẠO
Về Nguồn Gặp Đạo
第九章。返本會道

Hán văn:

佛言。博聞愛道。道必難會。守志奉道。
其道甚大。

Phiên Âm:

***Phật ngôn: “Bác văn, ái Đạo, Đạo tất nan hội.
Thủ chí phụng Đạo, kỳ Đạo thậm đại.”***

Việt dịch:

**Đức Phật dạy: “Mến đạo bằng cách học rộng
nghe nhiều, thì đạo ắt khó gặp. Giữ chí phụng
sự đạo, thì đạo ấy rất lớn.”**

Anh ngữ:

**Chapter 9:
Knowledge and Practice**

The Buddha said, “If you endeavor to embrace the Way through much learning, the Way will not be understood. If you observe the Way with simplicity of heart, great indeed is this Way.”

*Lược giảng:***Giá trị của Tri và Hành.**

Chương 9 của Tứ Thập Nhị Chương Kinh được mệnh danh là “*Giá Trị Tri Và Hành.*” Đức Phật dạy: “*Những người học rộng nghiên cứu nhiều, đắm say đạo lý, thì đạo khó lãnh hội. Những người kiên trì tâm trí thực hành thì đạo đó vĩ đại, rất cao trọng và to lớn.*”

Ngài muốn dạy rằng, học đạo không đặt nặng lý thuyết thuần túy. Mục đích của việc học đạo chẳng phải để thu thập kiến thức, hay tích lũy thật nhiều thông tin, mà là để hiểu đạo, hành đạo, và đạt đến mục đích cuối cùng là chứng đạo.

Người Phật Tử hay bất cứ ai muốn học hỏi Phật Pháp, sau khi hiểu rõ giáo lý phải đem áp dụng sự hiểu biết của giáo pháp vào đời sống thực tế.

Nếu chỉ tụng kinh suông, thì lợi ích sẽ không được nhiều nếu không muốn nói là chẳng có ích lợi gì. Thí dụ như Đức Phật dạy, hãy từ bi, hãy hỷ xả. Nhưng chúng ta luôn luôn cố chấp, sân si, tật đố, không từ bi, không hỷ xả, thì chúng ta chẳng bao giờ có được đời sống thật sự an lạc.

Theo vua Trần Thái Tông trong lời bực của *Khóa Hư Lục* thì:

*“Lễ Phật giả kính Phật chi đức
Niệm Phật giả cảm Phật chi ân
Trì giới giả hành Phật chi hành*

*Khán kinh giả minh Phật chi lý
Tọa thiền giả đạt Phật chi cảnh
Tham thiền giả hiệp Phật chi tâm
Thuyết Pháp giả mãn Phật chi ý.”*

Tạm dịch:

*“Lễ Phật là tôn kính đức hạnh của Phật
Niệm Phật là cảm niệm ân đức của Phật
Giữ giới là hành trì giới hạnh của Phật
Xem kinh là để thấu rõ giáo lý của Phật
Tọa thiền là để chứng đạt cảnh giới của Phật
Tham thiền là để hợp nhất với tâm của Phật
Thuyết pháp là để viên mãn tâm nguyện của Phật.”*

Do vậy mục đích của sự tụng kinh là để “*Minh Phật Chi Lý*,” thấu hiểu giáo lý được Đức Phật chỉ dạy để áp dụng, chứ không phải để thỏa mãn nhu cầu trí thức. Có nhiều điều lý giải về lời dạy cô đọng ngắn gọn của Đức Phật trong Chương 9 này: Đó là phải thể hiện chân lý, phải đồng nhất bản thể với chân thân thực tại, sống bằng chân lý chứ không phải chỉ nói về chân lý. Thường thì chúng ta thích nói về chân lý, mà không sống bằng chân lý. Đây là một sai lầm rất lớn. Đức Phật dạy phải buông bỏ, phải từ bi, phải hỷ xả. Nếu chúng ta đang cầm cục than hồng rất nóng, muốn hết nóng cần phải nhanh chóng bỏ cục than hồng xuống, nếu không cục than này sẽ khiến tay chúng ta bị phỏng. Cũng giống như vậy, chỉ có thể dập tắt ngọn lửa tham sân si trong tâm của mỗi một người bằng cách thực nghiệm chánh pháp, chứ không phải chỉ học theo những ngôn ngữ tùy tiện.

Chúng tôi xin nhấn mạnh thêm một lần nữa: Tứ Thập Nhị Chương Kinh được tuyển chọn từ rất nhiều bộ kinh lớn trong kho tàng Kinh Tạng của Phật Giáo. Bộ kinh bao hàm và tàng trữ những giáo lý trọng yếu của Phật Pháp. Những người sơ học có thể dùng Tứ Thập Nhị Chương Kinh, như hành trang cần thiết trên lộ trình hướng đến giác ngộ, giải thoát.

Có một vấn đề hết sức nóng hổi, có thể gọi là “*thời thượng*” hiện nay, đó là “*phẫu thuật thẩm mỹ*.” Chúng ta thường thích đến các viện thẩm mỹ để giải phẫu nhằm muốn có một dung mạo, một nhân dáng, một thân hình sang đẹp như ý; nhưng chúng ta lại bỏ quên việc giải phẫu đời sống tâm linh. Diện mạo, ngoại hình chỉ có thể đẹp khi nào nội tâm của chúng ta thật sự thanh tịnh, an lạc, cao thượng.

Muốn bảo vệ đạo pháp phải hành trì chánh pháp, chỉ tìm cách thỏa mãn nhu cầu tri thức bằng cách học rộng nghe nhiều nhưng không tu tập thì sẽ không khác gì Tôn giả A Nan như đã được Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* ghi lại. Tôn giả A Nan vì ỷ lại mình là em của Phật, sẽ được Đức Phật thương tưởng nên không chịu tinh tấn hành trì, do vậy khi bị ma nữ Ma Lãng Già tìm cách làm hại, ngài đã không thể tự mình vượt thoát mà phải cầu cứu Đức Như Lai. Bài học của Tôn giả A Nan trong Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* là bài học vô cùng quan yếu cho những ai chỉ lo tích lũy kiến thức mà không chịu hành trì. Muốn bảo vệ Phật pháp, chúng ta phải phát tâm sống đời sống Phật. Đại sư Ấn Quang nhắc nhở rằng: “*Người học Phật cần phải đích thân thực hành.*”

Kinh *Đại Bảo Tích* quyển 3, Pháp hội Bồ Tát Tạng, Đức Phật dạy rằng: “*Đại Bồ Tát tinh tấn hướng đến Đạo quả dù phải băng qua biển lửa mênh mông vô cùng nguy hiểm nhưng không chút sợ hãi, không thối thất đạo tâm...*”

Trong *Chứng Đạo Ca* của Thiền sư Vĩnh Gia -Huyền Giác có câu:

上士一決一切了
中下多聞多不信
但自懷中解垢衣
誰能向外誇精進

“*Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu
Trung hạ đa văn đa bất tín.
Đản tự hoài trung giải cấu y,
Thùy năng hướng ngoại khoa tinh tiến?*”

Dịch nghĩa:

“*Bậc cao một quyết là xong hẳn,
Kẻ thấp càng nghe lại lăm gờ.
Hãy vứt trong lòng manh áo bẩn,
Sá gì tinh tiến hướng ngoài khoe?*”
(Trúc Thiên dịch)

Chương 10

HỖ THÍ HOẠCH PHÚC

Hoan Hỷ Bồ Thí Tất Được Phước

第十章·喜施獲福

Hán văn:

佛言。睹人施道。助之歡喜。得福甚大。沙門問曰。此福盡乎。佛言。譬如一炬之火。數千百人。各以炬來分取。熟食除冥。此炬如故。福亦如之。

Phiên Âm:

Phật ngôn: “Đồ nhân thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phúc thậm đại.”

Sa-môn vấn viết: “Thử phúc tận hồ?”

Phật ngôn: “Thí như nhất cự chi hỏa, số thiên bách nhân, các dĩ cự lai phân thủ, thực thực, trừ minh; thử cự như cố. Phúc diệc như chi.”

Việt dịch:

Đức Phật dạy: “Thấy người tu đạo bố thí mà hoan hỷ hỗ trợ thì được phúc rất lớn.”

Có vị Sa-môn hỏi Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, Phước ấy có hết chăng?”

Đức Phật dạy: “Ví như lửa của một cây đuốc, dù có vài trăm ngàn người mang đuốc đến lấy lửa ấy để về nấu ăn và xua tan bóng tối, nhưng ngọn đuốc kia vẫn y như cũ. Phước báo cũng như thế!”

Anh ngữ:

Chapter 10: Joyfully Aid Others in Giving

The Buddha said, “Those who rejoice in seeing others observe the way will obtain great blessing.” A Çramana asked the Buddha, “Would this blessing ever be destroyed?” The Buddha said, “It is like a lighted torch whose flame can be distributed to ever so many other torches which people may bring along; and therewith they will cook food and dispel darkness while the original torch itself remains burning ever the same. It is even so with the bliss of the Way.”

Lược giảng:

Trong chương này Đức Phật dạy, chúng ta nên hỗ trợ, ủng hộ những người phát tâm Bồ Tát thực hành hạnh bố thí. Không nên vì ghen ghét, ganh tức, hay đố kỵ, mà tìm cách phá hỏng hạnh nguyện bố thí của người khác. Bởi vì đây là một tội rất lớn và phải lãnh lấy quả báo vô cùng khổ đau.

Vào thời Đức Phật còn tại thế, có một vị Tỳ Kheo thường xuyên bị đói khát, khát thực chẳng ai cho. Vị Tỳ Kheo này xuất thân từ một gia đình nghèo khổ, ngay cả khi mẹ Thầy mang thai Thầy thì gia cảnh sa sút. Xóm làng xung quanh cũng gặp cảnh tai ương, làm ăn thất thoát. Vì không chịu nổi cảnh nghèo đói và sự kỳ thị hắt hủi của dân làng nên mẹ Thầy đã bỏ Thầy rồi trốn đi nơi khác. Từ đó Thầy không còn người thân, hàng ngày đi xin ăn nhưng luôn bị xua đuổi, đói khát quanh năm, rất đáng thương.

Cho đến khi được Tôn giả Xá Lợi Phất độ cho xuất gia, nhờ tinh tấn tu trì nên sớm chứng được quả vị A La Hán. Nhưng do ác nghiệp đã tạo từ trước nên đi khát thực cũng chỉ có ba muống cơm, vì thế thân hình ốm gầy.

Phật từ bi, thương thầy nên cho quét phòng hương của Phật. Nhờ phước đức này, thầy được tạm no đủ. Nhưng sau đổi người khác, thầy tiếp tục nhịn đói.

Đến khi thầy sắp bỏ báo thân, thầy đi phó trai đến thí chủ thì hai vợ chồng cãi lộn. Thầy đành nhịn đói, đi về. Và sau đó thầy không đi khát thực nữa.

Ngài Mục Kiền Liên thương xót, khi thọ trai xong liền khát thực cho thầy một bình bát cơm, nhưng khi đi giữa đường, trâu báng lộn, bể bát cơm. Ngày hôm sau ngài Mục Kiền Liên cũng khát thực bát cơm cho thầy, sợ trâu báng lộn nên ngài bay lên hư không lại bị bầy quạ giành cơm, bình bát rơi xuống bể nát. Thế là Thầy nhịn đói đã ba ngày.

Ngày thứ tư, ngài Xá Lợi Phất thương xót, ăn xong lại xin cho thầy một bát bánh đem về, hai tay nắm bát bảo thầy ăn. Nhưng thầy sợ, vì ngài Xá Lợi Phất là thầy lớn mà cầm bát cho thầy ăn, sợ có lỗi. Ngài Xá Lợi Phất nói, “*Đại đức cứ ăn. Nếu thầy thả tay ra thì bánh sẽ không còn.*”

Thầy tỳ kheo bắt đắc dĩ ăn vài ba cái rồi thôi. Khi ngài Xá Lợi Phất thả tay ra thì bình bát liền biến mất. Sau đó, thầy uống một bát nước no và nhập diệt.

Thấy thế, ngài A Nan bạch Phật, “*Thầy Tỳ Kheo*

này do tội gì mà phải chịu đói khát, cho đến chứng quả A La Hán còn phải nhịn đói, uống nước no mà nhập diệt? Và cũng do phước gì mà được xuất gia chứng quả giải thoát?”

Phật dạy: Đây cũng do ác nghiệp gây ra. Vào thời quá khứ, thời Phật Tỳ Bà Thi có một thí chủ giàu có, cất một tịnh thất trong vườn cây trái, mời một thầy Tỳ Kheo đến ở và tứ sự cúng dường.

Một hôm, có một vị Bích Chi Phật từ núi tuyết xuống nhà thí chủ khát thực. Thí chủ thỉnh vào tịnh thất nghỉ đêm cùng với thầy Tỳ Kheo kia. Nhưng vị Tỳ Kheo này lại sanh ý nghĩ xấu là nếu vị Trưởng lão ở đây, thí chủ sẽ cung kính ông mà quên mình đi. Sáng ra, thầy đến gõ cửa phòng trưởng lão nhưng không nghe trả lời, tưởng ngài do đi xa mỗi mệt nên ngủ quên. Thầy ôm bát xuống nhà thí chủ. Thí chủ hỏi, “*Ngài trưởng lão có lên tịnh thất không? Sao sáng nay không đi xuống với thầy?*” Thầy Tỳ kheo nói, “*Chắc ngài đi xa mỗi mệt nên ngủ quên.*”

Khi thầy tỳ kheo ăn xong, thí chủ bới một bình bát cơm với thức ăn thượng vị, nhờ thầy mang về cho trưởng lão. Thầy mang đi được nửa đường, suy nghĩ nếu Trưởng lão được thức ăn ngon sẽ ở lại luôn, vậy mình nên đổ bát cơm này là xong! Nhưng đổ trên đất, chim ăn còn dư, thí chủ biết. Đổ dưới nước, cá ăn còn dư, thí chủ cũng biết. Chi bằng chôn dưới đất là tốt. Thầy làm theo ý đã nghĩ rồi rửa bát ra về. Khi đến tịnh thất, đẩy cửa phòng trưởng lão vào thì không thấy đâu. Bấy giờ thầy mới ăn năn, sợ sệt, khóc lóc,

cầu xin sám hối, chỉ vì miếng ăn mà ta đã đổ bát cơm của vị thánh.

Vị Tỳ kheo này là tiền thân của vị Tỳ Kheo đã chứng quả A La Hán nhưng vẫn bị đói. Nhưng sau nhiều kiếp giữ tịnh giới nên có đủ phước duyên gặp Phật và chứng quả.

Vì vậy, hoan hỷ, cổ súy, đón nhận việc làm đầy thiện ích của người khác, là một điều hết sức quan trọng mà Đức Phật chỉ dạy trong chương này.

Thấy người khác thực hiện *hạnh nguyện bố thí*, hoan hỷ làm theo, chúng ta sẽ được công đức rất lớn. Công đức này mang lại cho chúng ta đời sống giàu sang, hạnh phúc, tránh được những tai họa, những chướng ngại, những hiểm họa trong đời. Bản chất của đời sống là vô thường, đầy đầy tai nạn. Không thể biết cũng không thể ngăn chặn bất hạnh, chỉ có thể chuyển hóa bằng cách thực hiện những pháp hạnh như bố thí, cúng dường, làm việc thiện.

Nói rằng bố thí là một đại hạnh nguyện, vậy phải hiểu câu “*của một đồng công một nén*” như thế nào? Tại sao lại có sự so sánh giữa việc bố thí này với việc bố thí khác? Tại sao việc thiện này lại kém hơn, nhỏ hơn, hay không bằng việc thiện kia?

Đời sống của con người là một phạm trù tương đối, triết học gọi là khái niệm nhị nguyên, chưa thể đi đến sự hợp nhất hay thuần nhất. Vì thế có sự so sánh. Sự so sánh ở bước đầu này mục đích để tác động, để khích lệ chúng ta nỗ lực nhiều hơn nữa trong sứ

mệnh làm việc thiện, làm điều tốt. Thật ra, khi đi đến chỗ không còn phân biệt thì tất cả mọi hành động mọi nghĩa cử đều giống nhau, không hề có một mảy may sai biệt. Điều này vượt ra khỏi mọi hư ngôn, mọi danh tướng. Không có một danh từ nào có thể diễn tả trọn vẹn về điều được gọi là “*vô phân biệt*” mà Đức Phật đã khai thị.

Có câu chuyện về bố thí trong cuốn *Hoa Sen Trên Tuyết* của dịch giả Nguyễn Phong, kể về chuyến đi của bác sĩ Alan Havey cùng một người bạn tên Dennis đến Lamayuru, một thị trấn nhỏ vùng bắc xứ Ấn Độ, giáp giới Tây Tạng:

“Chúng tôi đi dọc theo con đường chính duy nhất của thành phố, con đường vắng tanh không một bóng người. Mọi nhà đóng cửa im ỉm, thỉnh thoảng có vài con chó hoang gầy ốm chạy rong. Chúng tôi nhìn thấy một bà lão hành khất thân hình còm cõi chỉ còn da bọc xương đang lê lét trên vỉa hè, tôi bèn dúi cho bà 5 rupee, nhưng bà vẫn giơ tay ra trước mặt như muốn xin thêm một cái gì. Dennis rút ổ bánh mì trong chiếc túi đeo trên vai đưa ra, bà lão mừng rỡ chụp lấy ăn ngay, thì ra bà quá đói. Trong lúc bà đang ăn ngấu nghiến chợt một con chó hoang ở đâu chạy đến. Trước cặp mắt kinh ngạc của chúng tôi, bà lão bẻ đôi ổ bánh mì chia cho con chó.

Cảnh tượng một bà lão không có một thứ gì ngoài bộ quần áo rách tơi tả, đang lả đi vì đói lại nhẫn nại chia nửa phần ăn của mình cho một con chó hoang, đã làm chúng tôi xúc động. Bà lão hành động một cách

tự nhiên, không ngại ngần hay suy nghĩ, mà hình như bà không hề phân biệt giữa bà và con chó...

Trong lúc tôi đang ngỡ ngác trước cảnh tượng này thì Dennis bất chợt run rẩy cả người rồi thốt lên: “*Đó mới thật là tình thương tuyệt đối.*” Hắn quỳ xuống, trút tất cả mọi thứ trong chiếc túi ra cho bà lão hành khát. Hành động bất ngờ của Dennis làm tôi rất ngạc nhiên, nên trên đường về tôi hỏi, “*Tại sao bạn cho rằng đó là một thứ tình thương tuyệt đối?*” Hắn trả lời ngay không do dự, “*Khi cho mà không suy nghĩ, không đòi hỏi gì đổi lại, không hối tiếc hay phân biệt một cái gì, đó mới thật là tuyệt đối. Tôi đã suy nghĩ về vấn đề này rất lâu, thắc mắc không biết có người nào thực sự bố thí một cách tuyệt đối như vậy không? Tôi đã đi khắp nơi và chỉ thấy bất cứ cái gì cho ra cũng đều hy vọng một điều gì trả lại, đôi lúc điều muốn đạt được lại nhiều hơn điều người ta cho ra là đàng khác... Sự ích kỷ được che đậy khéo léo và nguy tạo dưới nhiều danh nghĩa tốt đẹp, nhưng tựu chung vẫn là một hình thức ích kỷ.*”

Một câu chuyện nghe thoáng qua thấy hết sức bình thường, nhưng nghiệm lại thì nó ẩn chứa một bài học vô cùng giá trị. Khi thực hành hạnh bố thí, chúng ta không mong cầu đền đáp, dù đó chỉ là hai tiếng cảm ơn; vì cầu đền đáp nghĩa là thi ân mà có mưu đồ, như trong Luận Bảo Vương Tam Muội, điều thứ 8 đã dạy:

“*Thi ân đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là có ý mưu đồ.*”

Đức Phật dạy:

Ai bố thí sẽ có 5 công đức luôn theo sát bên mình.

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*“Tâm thường vui bố thí
 Công đức đầy đủ thành
 Tại chúng không nghi nan
 Cũng lại không sợ hãi
 Người trí nên bố thí
 Không có tâm luyến hối
 Ở cõi trời Ba (mười) ba
 Ngọc nữ vây chung quanh.*

Như thế, Sư Tử! Ông nên biết, đàn-việt, thí chủ sanh hai chỗ lành, thân hiện đời hết lậu hoặc, đến chỗ vô vi.

Thế Tôn liền nói kệ:

*Thí là lương đời sau
 Muốn đến chỗ cứu cánh
 Thiện thân thường ủng hộ
 Cũng lại đến hoan hỷ.*

Như thế, này Sư Tử! Ông nên biết, lúc bố thí thường ôm lòng vui vẻ, thân ý vững chắc, các công đức lành thay đều đầy đủ, đắc tam-muội, ý cũng không lầm lẫn. Như thật mà biết. Thế nào là như thực mà biết? Khổ tập, khổ tận, khổ xuất yếu; như thực mà biết. Thế nên, này Sư Tử! Hãy tìm phương tiện tùy thời bố thí. Nếu muốn được đạo Thanh văn, đạo Phật Bích-chi thì đều được như ý. Như thế, Sư Tử, hãy học điều này.

Bấy giờ Sư Tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Trong Kinh dạy về Bồ Thí, Đức Phật đã phân loại thành 37 thứ và Bồ thí một trong 37 thứ cũng đều có được phước báo lớn lao. Bồ thí và tùy hỷ công đức bồ thí không chỉ giúp tăng trưởng tâm từ bi mà còn đạt được vô lượng phước báo thù thắng.

Chương 11

THÍ PHẠM CHUYỂN THẮNG

Bồ Thí Thức Ăn Gia Tăng Công Đức

第十一章。施飯轉勝

Hán văn:

佛言。飯惡人百。不如飯一善人。飯善人千。不如飯一持五戒者。飯持五戒者萬。不如飯一須陀洹。飯百萬須陀洹。不如飯一斯陀含。飯千萬斯陀含。不如飯一阿那含。飯一億阿那含。不如飯一阿羅漢。飯十億阿羅漢。不如飯一辟支佛。飯百億辟支佛。不如飯一三世諸佛。飯千億三世諸佛。不如飯一無念無住無修無證之者。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Phạm ác nhân bách, bất như phạm nhất thiện nhân. Phạm thiện nhân thiên, bất như phạm trì Ngũ-giới giả. Phạm Ngũ-giới giả, vạn bất như phạm nhất Tu-đà-hoàn. Phạm bách vạn Tu-đà-hoàn, bất như phạm nhất Tu-đà-hàm. Phạm thiên vạn Tu-đà-hàm, bất như phạm nhất A-na-hàm. Phạm nhất ức A-na-hàm, bất như phạm nhất A-la-hán. Phạm thập ức A-la-hán, bất như phạm nhất Bích-chi-Phật. Phạm bách ức Bích-chi-Phật, bất như phạm nhất tam thể chư Phật. Phạm thiên ức tam thể chư Phật, bất như phạm nhất Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng chi giả.

Viết dịch:

Đức Phật dạy: Cho cơm một trăm người ác, không bằng đãi cơm một người thiện. Đãi một ngàn người thiện ăn, không bằng đãi một người trì Ngũ-giới ăn. Đãi một vạn người trì Ngũ-giới ăn, không bằng cúng dường cơm (nước) cho một vị Tu-đà-hoàn. Cúng dường một trăm vạn vị Tu-đà-hoàn, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm. Cúng dường một ngàn vạn vị Tư-đà-hàm, không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm ăn. Cúng dường một ức vị A-na-hàm, không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán ăn.

Cúng dường ức vị A-la-hán, không bằng cúng dường cơm (nước) cho một bậc Bích-Chi-Phật. Cúng dường một trăm ức bậc Bích-Chi-Phật, không bằng cúng dường cơm cho một đức Phật trong Tam Thế Chư Phật. Cúng dường một ngàn ức đức Phật trong Tam Thế Chư Phật, không bằng cúng dường cơm cho một bậc Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng.

Anh ngữ:

Chapter 11: Fields of Blessings

The Buddha said: “It is better to feed one good man than to feed one hundred bad men. It is better to feed one who observes the five precepts of Buddha than to feed one thousand good men. It is better to feed one Srotaâpana than to feed ten thousands of those

who observe the five precepts of Buddha. It is better to feed one Skridâgâmin than to feed one million of Srotaâpannas. It is better to feed one Anâgâmin than to feed ten millions of Skridâgâmins. It is better to feed one Arhat than to feed one hundred millions of Anâgâmins. It is better to feed one Pratyekabuddha than to feed one billion of Arhats. It is better to feed one of the Buddhas, either of the present or of the past, or of the future, than to feed ten billions of Pratyekabuddhas. It is better to feed one who is above knowledge, one-sided-ness, discipline and enlightenment than to feed one hundred billions of Buddhas of the past, present, or future.”

Lược giảng:

Trong chương này Đức Phật dạy về “*Đối Tượng Và Phước Đức Của Bồ Thí, Cúng Dường*” có thể tạo ra những vấn nạn về khái niệm nhị nguyên, về sự phân ly không thể thu hẹp được giữa hai loại sự việc hay hai sự vật. Tuy nhiên điều quan trọng mà chúng ta phải hiểu đó là, khi dạy về bất cứ điều gì, Đức Phật đã không những chỉ giảng về Đệ Nhất Nghĩa Đế mà ngài còn từ bi giảng rõ về Tục đế. Công đức vô lậu và phước báo hữu lậu đều được Đức Phật phân giải một cách rõ ràng, nhờ vậy mà chúng hiểu được những gì cần thực hiện và những gì không nên thực hiện. Điều quan trọng mà chúng ta lưu ý ở đây là, nếu không quan tâm thực hiện tâm từ bi hữu hạn của mình để có được những phước báo hữu lậu thì khó lòng thực hiện lòng từ bi vô lượng của các vị Bồ Tát để có được công đức bất khả tư nghì.

Đức Phật đưa ra 9 đối tượng để phân tích, giúp chúng ta thấy rõ: Khi chúng ta cúng dường hay bố thí cho đối tượng nào thì phước của chúng ta sẽ nhiều hơn.

Ví dụ: Chúng ta giúp đỡ một người ác, cho kẻ này cơm ăn, áo mặc nước uống, thuốc men v.v... thì cho dẫu có giúp đỡ 100 người ác đi nữa, cũng không bằng giúp đỡ một người thiện, vì giúp đỡ người ác nhưng nếu tâm họ không cải thiện thì khả năng thực hiện những điều ác của họ sẽ nhiều hơn và trở thành mối bất ổn cho xã hội.

Cũng giống như vậy, cho dẫu chúng ta cúng dường 100 vị Bích Chi Phật, cũng không bằng cúng dường một vị Phật. Cuối cùng cúng dường hằng hà sa số tam thế chư Phật, cũng không bằng cúng dường cho một vị vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng.

Không có một ký hiệu nào, không có một con số nào, cũng không có một tên gọi nào, có thể chỉ đích danh về thực tại vô tướng – một điều chỉ có thể thình lảng cảm nghiệm, bởi vì vượt quá khỏi sự thông minh của con người. Nói cách khác, trí năng của con người không thể với tới được. Ngôn ngữ của con người rất giới hạn và mang tính ước lệ, chỉ có thể mô tả một số khái niệm đơn giản ở bề mặt; nhưng ở đáy tầng sâu thẳm của một vấn đề nào đó, ngôn ngữ không thể diễn tả nổi.

Đó là lý do tại sao Đức Phật dạy: *“Bố thí cho các vị vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng, thì công đức vô lượng.”*

Đem điều này áp dụng vào đời thường, bằng một thí dụ về cuộc bầu cử vừa qua. Nếu chúng ta chọn bỏ phiếu cho những vị có tài đức, có khả năng, có tấm lòng muốn cải tổ xã hội để giúp xã hội này trở thành một xã hội tốt đẹp, việc đó phải chẳng tốt hơn là bỏ phiếu cho những người không có tài đức, chỉ cậy dựa vào dân nhưng làm hại dân, hại nước? Từ thí dụ này, nếu diễn dịch đến kỳ cùng, chúng ta sẽ thấy lời dạy của Đức Phật rất sâu sắc, không đơn giản như một số ngôn từ mà chúng tôi vừa trình bày quá tổng quát.

Cúng dường cho ai công đức nhiều hơn.

Trong kinh *Trung bộ III*, phẩm *Phân Biệt Cúng Dường*, Phật có phân ra 14 loại như sau: Này Ananda, có 14 loại cúng dường được phân loại theo hạng người:

- 1- Bố thí cho các đức Như Lai.
- 2- Bố thí cho các vị Độc Giác Phật.
- 3- Bố thí cho các vị A La Hán.
- 4- Bố thí cho các vị trên đường chứng quả A La Hán.
- 5- Bố thí cho các vị chứng quả Bất lai.
- 6- Bố thí cho các vị trên đường chứng quả Bất lai.
- 7- Bố thí cho các vị chứng quả Nhất lai.
- 8- Bố thí cho các vị trên đường chứng quả Nhất lai.
- 9- Bố thí cho các vị chứng quả Dự lưu.
- 10- Bố thí cho các vị trên đường chứng quả Dự lưu.
- 11- Bố thí cho các vị ngoại học đã ly tham trong các dục vọng.
- 12- Bố thí cho những phạm phu giữ gìn giới luật.

13- Bồ thí cho những phàm phu theo ác giới.

14- Bồ thí cho các loài bàng sinh.

Tuy nhiên, với tâm vô phân biệt, thì khi thực hành hạnh bố thí, cúng dường, chúng ta phải thực hành với tâm vô phân biệt. Đẳng tam luân không tịch: Người cúng dường, phương tiện dùng để cúng dường và đối tượng được cúng dường đều hoàn toàn bình đẳng, rỗng lặng, vô ngã. Trên căn bản của tinh thần vô ngã, Trong Kinh *Địa Tạng Bốn Nguyên* đã ghi rõ lời dạy của Đức Phật đối với Bồ tát Địa Tạng Vương như sau:

“Trong cõi Nam Diêm Phù Đề có các vị quốc vương, hàng tể phụ quan chức lớn, hàng đại trưởng giả v.v... nếu gặp kẻ nghèo túng, nhân đến kẻ tật nguyền câm, ngọng, điếc, mù v.v... mà có thể đủ tâm từ bi, lại có lòng vui vẻ tự hạ mình, tự tay mình đem của ra bố thí cho tất cả những kẻ đó, hoặc bảo người khác đem cho, lại dùng lời ôn hòa dịu dàng an ủi, thì các vị đó sẽ được phước lợi bằng phước lợi công đức cúng dường cho trăm hằng hà sa chư Phật. Vì sao?

Vì các vị đó phát tâm đại từ bi đối với kẻ nghèo cùng và tàn tật. Phước lành được hưởng quả báo như thế này: Trong trăm nghìn đời thường được đầy đủ những đồ thất bảo, hưởng là những thứ để thọ dụng như y phục, đồ uống ăn v.v...”

Ước mong tất cả chúng ta, tùy theo cách riêng của mỗi người, có thể phát tâm cúng dường với cả lòng thành kính và thanh tịnh.

Chương 12

CỬ NAN KHUYẾN TU

Khó Nhọc Nên Gắng Tu

第十二章·舉難勸修

Hán văn:

佛言。人有二十難。貧窮布施難。豪貴學道難。棄命必死難。得睹佛經難。生值佛世難。忍色忍欲難。見好不求難。被辱不瞋難。有勢不臨難。觸事無心難。廣學博究難。除滅我慢難。不輕未學難。心行平等難。不說是非難。會善知識難。見性學道難。隨化度人難。睹境不動難。善解方便難。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Nhân hữu nhị thập nan:

- 1- *Bần cùng bố thí nan.*
- 2- *Hào quý học đạo nan.*
- 3- *Khí mạng tất tử nan.*
- 4- *Đắc đồ Phật kinh nan.*
- 5- *Sanh trị Phật thế nan.*
- 6- *Nhẫn sắc nhẫn dục nan.*
- 7- *Kiến hảo bất cầu nan.*
- 8- *Bị nhục bất sân nan.*
- 9- *Hữu thế bất lâm nan.*
- 10- *Xúc sự vô tâm nan.*
- 11- *Quảng học bác cứu nan.*
- 12- *Trừ diệt ngã mạn nan.*
- 13- *Bất khinh vị học nan.*

- 14- Tâm hành bình đẳng nan.
- 15- Bất thuyết thị phi nan.
- 16- Hội thiện tri thức nan.
- 17- Kiến tánh học đạo nan.
- 18- Tùy hóa độ nhân nan.
- 19- Đồ cảnh bất động nan.
- 20- Thiện giải phương tiện nan.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Làm người có hai mươi điều khó:

- 1- Bần cùng mà bố thí là khó;
- 2- Hào quý mà học đạo là khó;
- 3- Bỏ thân mạng quyết chết là khó;
- 4- Được thấy kinh Phật là khó;
- 5- Sinh vào thời có Phật là khó;
- 6- Nhịn sắc, nhịn dục là khó;
- 7- Thấy tốt nhưng chẳng mong cầu là khó;
- 8- Bị sỉ nhục nhưng chẳng tức giận là khó;
- 9- Có thể lực nhưng không lạm dụng là khó;
- 10- Gặp việc mà vô tâm là khó;
- 11- Học rộng, nghiên cứu sâu là khó;
- 12- Diệt trừ ngã mạn là khó;
- 13- Không khinh người chưa học là khó;
- 14- Thực thi tâm bình đẳng là khó;
- 15- Chẳng nói thị phi là khó;
- 16- Gặp được bậc Thiện-tri-thức là khó;
- 17- Học Đạo, thấy được tánh là khó;
- 18- Tùy căn cơ hóa độ người là khó;
- 19- Thấy cảnh mà không động là khó;
- 20- Khéo hiểu phương tiện là khó.

Anh ngữ:

Chapter 12: Twenty Difficulties in Cultivation

There are twenty difficult things to attain [or to accomplish] in this world:

- 1- It is difficult for the poor to practice charity;
- 2- It is difficult for the strong and rich to observe the Way;
- 3- It is difficult to disregard life and go to certain death;
- 4- It is only a favored few that get acquainted with a Buddhist sutra;
- 5- It is by rare opportunity that a person is born in the age of Buddha;
- 6- It is difficult to conquer the passions, to suppress selfish desires;
- 7- It is difficult not to hanker after that which is agreeable;
- 8- It is difficult not to get into a passion when slighted;
- 9- It is difficult not to abuse one's authority;
- 10- It is difficult to be even-minded and simple-hearted in all one's dealings with others;
- 11- It is difficult to be thorough in learning and exhaustive in investigation;
- 12- It is difficult not to feel contempt toward the unlearned;
- 13- It is difficult not to belittle those who are unlearned;

- 14- It is difficult to be one in knowledge and practice;
 15- 15. It is difficult not to express an opinion about others;
 16- 16. It is by rare opportunity that one is introduced to a true spiritual teacher;
 17- 17. It is difficult to gain an insight into the nature of being and to practice the Way;
 18- 18. It is difficult to follow the steps of a savior;
 19- 19. It is difficult to be always the master of oneself;
 20- 20. It is difficult to understand thoroughly the Ways of Buddha.

Lược giảng:

Trong chương này, Đức Phật dạy rằng: “*Làm người có 20 điều khó.*”

Đức Phật đưa ra 20 điều rất khó thực hiện, và muốn chúng ta vượt qua sự thách đố này. Ngài không muốn chúng ta thối thất bồ đề tâm, chán nản, hay nhụt chí; ngài chỉ muốn chúng ta thấy được một cách cụ thể bản chất những khó khăn trong đời sống thường nhật. Có nhận diện toàn diện, thấy rõ khó khăn, ý thức rõ khó khăn là một thực tế trong đời sống, chúng ta mới tinh tấn tu học để vượt qua mọi khó khăn, giải thoát mọi đau khổ.

Điều khó khăn đầu tiên Đức Phật đưa ra, đó là “*Nghèo khổ phải bố thí là điều rất khó khăn.*” Chữ “*nghèo*” ở đây không có nghĩa là trong trương mục ngân hàng của chúng ta không có đồng nào. Nghĩa của chữ “*nghèo*” không tùy thuộc vào số tiền nhiều hay

ít mà chúng ta đang có. Chúng ta có thể nghèo tâm từ bi, nghèo khả năng kiến thức, kinh nghiệm và trí tuệ. Hiểu theo một nghĩa khác chúng ta có thể nghèo đủ cách, nghèo vì tâm đạo không phong phú, nghèo vì lòng thiện không đầy đủ. Nhiều người thích biến họ trở thành luật sư, tự biện hộ biện minh cho bản thân. Họ hay nói: *Tôi như thế này, tôi như thế kia..., nên tôi có thể không bố thí, không thể cúng dường. Chứ lẽ ra tôi nếu tôi được như thế này, hoặc như thế khác, chắc chắn tôi sẽ bố thí, sẽ cúng dường, v.v...*

Có hàng trăm ngàn lý do viện dẫn, biện hộ cho những điều chúng ta nghĩ là chúng ta đúng. Suy nghĩ như vậy rất nguy hiểm. Bởi vì càng tìm cách biện hộ, chúng ta càng đi xa chánh pháp, càng lún sâu vào ích kỷ, tiêu cực.

Điều 1: “*Nghèo nàn bố thí là khó*” chính là tiếng chuông đầu tiên Đức Phật muốn cảnh tỉnh chúng ta. Chính đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp trước khi Ngài thị hiện Thành Phật ở cõi ta bà, Ngài đã thực hành hạnh bố thí một cách rất ráo. Có một kiếp Ngài sinh ra trong một gia đình người Bà La Môn nổi tiếng mộ đạo, Ngài là một học giả uyên thâm và là một thầy giáo giỏi. Nhưng Ngài không tìm cầu danh vọng cao sang, ngài vào rừng tu khổ hạnh. Trong rừng này, ngài gặp một con hổ cái gầy yếu sau khi sinh con, đang sắp chết vì đói ăn, nó đang nghĩ đến cách phải ăn thịt những con hổ con là những đứa con của nó, để sống còn. Bồ Tát nhìn chung quanh nhưng không thấy thức ăn gì cho hổ ăn, ngài vì lòng từ bi với tâm

vô hạn nên ngài đã hiến tặng thân thể của mình cho hổ ăn. Đây chính là lòng vị tha của Bồ Tát, vì để cứu sống hổ con mà ngài đã quên mình, hy sinh mạng sống của chính mình.

Vì vậy, trước khi trở thành người từ bi, chúng ta phải có tâm từ bi. Có tâm từ bi rồi, chúng ta mới dần trải sự từ tâm của bản thể cho mọi loài. Không có điều gì khó khăn cả, ngoại trừ chính tâm hồn của chúng ta đang bị mất đi sự khoan dung, lòng độ lượng, chỉ vì bản ngã quá lớn. Nên nhớ rằng, bố thí không phải chỉ bằng của cải, vật chất, vì vật chất của cải chỉ là một phần trong ba loại bố thí: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. Với ba loại bố thí này, ai trong chúng ta cũng đều có khả năng để bố thí cả.

Để giới hạn phạm vi sâu rộng, Đức Phật chỉ nêu lên một thực tế về sự nghèo khó. Thực tế này hàm ngụ một ý nghĩa sâu xa đó là, muốn bố thí vật chất chúng ta phải có tiền của hoặc điều kiện sức khỏe tốt (nội tài), mà muốn có tiền của và sức khỏe tốt chúng ta phải gieo trồng những hạt giống tốt, cũng thế, muốn thực hiện hạnh Pháp thí và Vô úy thí, chúng ta phải tinh cần tu học, vì chỉ có tu học, chúng ta mới có được trí tuệ và từ bi.

Điều 2: “*Giàu sang học đạo là khó.*” Những người giàu có thường kiêu hãnh, không chịu khó học đạo. Người giàu có thích bận rộn với tiệc tùng, thích giao du với những người có quyền lực trong xã hội nên không quan tâm nhiều đến việc học đạo nhằm giải thoát sanh tử luân hồi.

Trong lịch sử Phật Giáo, Trưởng giả Cấp Cô Độc là tấm gương sáng của người giàu mà còn thiết tha tham cầu học đạo giải thoát. Từ sau khi gặp Đức Phật, được đức Phật khai thị, ông chứng quả Tu Đà Hoàn và quy y Tam Bảo, giữ gìn ngũ giới. Ông phát tâm cúng dường Tam Bảo không biết mệt mỏi, nhằm chán, còn giúp đỡ cho những người nghèo khó, cô độc, cơ nhỡ, không nơi nương tựa. Đó là lý do tại sao Ông có danh hiệu là Cấp Cô Độc. Ngoài việc bố thí cúng dường, ông còn là người rất tinh tấn trong việc tu học, hành trì theo lời Phật dạy và còn hướng dẫn toàn thể gia tộc tin sâu nhân quả và tín tâm Tam bảo. Nhờ phước báo vô lượng đó mà sau khi mất ông được sinh lên cõi trời.

Thời đại ngày nay cũng có nhiều những tài năng xuất chúng vừa giàu, vừa có tâm hướng thiện và tu trì theo lời dạy của Phật như, Marc Russell Benioff - Ông chủ của Công ty Salesforce. Ông là một nhà công nghệ xuất chúng, nhà tiên phong trong lãnh vực điện toán đám mây. Giàu sang và quyền lực khó ai bì nhưng đặc biệt hơn nữa là Ông tìm đến Phật giáo, thực hành thiền định và đã thiết lập nhiều phòng thiền trong toàn bộ các cơ sở của Salesforce. Xây dựng hình ảnh công ty hướng tới phục vụ xã hội, tôn trọng lẫn nhau. Công ty thường xuyên tổ chức thăm viếng giúp đỡ cho những người vô gia cư. Ông cố gắng giải quyết tình trạng vô gia cư trên đường phố bằng một kế hoạch trong 5 năm, đưa hàng trăm gia đình vào nhà, với kinh phí hàng trăm triệu Mỹ kim.

Từ đó góp phần mang lại sự ổn định cho cộng đồng và thế giới nhân loại.

Đúng như lời Phật dạy, “*giàu sang mà biết học đạo là khó.*” Có chăng thì đó là những tấm gương của chư vị Bồ Tát. Vì thế chúng ta cần phải tôn kính, trân trọng họ.

Điều 3: “*Bỏ thân mạng quyết chết là khó.*”

Những điều khác có thể xảy ra, hay không xảy ra. Nhưng cái chết là điều chắc chắn ai trên thế gian này chắc chắn phải đối mặt. Dù chúng ta có là tử phú, là tổng thống, hay có học vị, bằng cấp cao đến đâu chẳng nữa, chúng ta cũng không thể thoát khỏi cái chết. Thế nhưng hầu như ai cũng sợ hãi, tránh né cái chết, mặc dù cuối cùng ai rồi cũng đều phải bước vào cõi chết. Sợ chết là điều dễ hiểu, bởi vì không ai hiểu biết rõ về sự chết. Giống như ban đêm bỗng dưng bị lạc vào sa mạc, bị lạc trong rừng sâu, chúng ta không thấy gì hết. Thấy dây thừng tưởng là con rắn, khiến chúng ta càng thêm hoảng hốt. Nhưng nếu có ánh sáng đầy đủ, nhìn thấy mọi sự rõ ràng thì, không có lý do gì chúng ta lại bị rơi vào trạng thái tâm lý sợ hãi.

Ít ai trong chúng ta sẵn sàng cho cái chết bằng những hành trang Giới, Định và Huệ. Khi hiểu rõ cái chết như là chính nó, chúng ta sẽ đón nhận cái chết như đón chào người bạn thân yêu. Chết không phải là hết mà chết chỉ là một sự bắt đầu, bắt đầu cho một đời sống mới. Chết chỉ là một đổi thay, đổi thay từ cảnh giới này cảnh giới khác, từ thân này sang một

thân khác, đẹp hay xấu, cao hay thấp hoàn toàn tùy thuộc và nghiệp nhân mà chính mỗi chúng ta tạo tác, do vậy cái đáng sợ không phải là cái chết mà chính là hạt giống mà chúng ta đã gieo trồng.

“*Bỏ thân mạng quyết chết*” không phải là điều dễ dàng. Khi đối diện với cái chết, chớ khởi tâm sợ hãi mà hãy để tâm thức của chúng ta an trú trong hải đảo của chánh niệm. Sống và chết luôn đi đôi, luôn đồng hành với nhau chẳng khác nào hai mặt của một đồng xu. Khi chúng ta vừa mới chào đời, cái chết đã hiện hữu. Nếu không hiểu rõ thực tế này, chúng ta sẽ tiếp tục sợ hãi về sự chết. Càng tìm cách tránh né cái chết, sự sợ hãi càng trở nên lớn lao hơn. Bởi vì mỗi một ngày kết thúc cũng là lúc chúng ta cận kề, tiến gần hơn đến cái chết.

Tết vừa qua nhưng vẫn đang Tháng Giêng, chúng ta chỉ mới “*thêm một tuổi, già hơn mấy ngày thôi,*” mà chúng ta đã nhận ra nhiều khiếm khuyết trong đời sống. Đây là một thực tế không ai có thể phủ quyết.

Điều 4: “*Hiểu được kinh Phật là khó.*”

Xin hãy tự hỏi, bao nhiêu người trong số chúng ta thật sự thấu triệt những lời Phật dạy? Trả lời câu hỏi này cũng có nghĩa là chúng ta ý thức rõ thế nào là “*Hiểu được kinh Phật là khó.*”

Điều 5: “*Sinh nhằm thời Phật, thấy được Phật là khó.*”

Bao nhiêu người trong số chúng ta có phước báo sanh nhằm thời Đức Phật thị hiện?

Bao nhiêu người trong số chúng ta đã thật sự thấy được Phật?

Trả lời được hai câu hỏi này cũng có nghĩa là chúng ta hiểu được lời dạy của Đức Phật: *“Sinh nhằm thời Phật, thấy được Phật là khó.”*

Điều 6: *“Nhẫn sắc nhẫn dục là khó.”*

Nhẫn ở đây không chỉ hạn chế ở sự chịu đựng, mà bao quát hơn là khống chế được mọi sự đam mê, đắm nhiễm vào sắc dục, tiền tài, danh vọng của thế gian. Bao nhiêu người trong chúng ta có khả năng nhẫn nhịn được trước sắc đẹp, nhẫn nhịn được trước dục tình. Con người được sinh ra bởi dục tình, khi chết đi họ cũng bị cám dỗ bởi dục tình. Vì dục tình họ sinh vào những cảnh giới rất xấu và ác. Đức Phật dạy: *“Dục tình là căn bản, là đầu mối của vấn đề sống chết.”* Hiểu được điều này, chúng ta sẽ dễ dàng tránh xa dục tình. Nhưng hầu như không ai trong chúng ta có thể dễ dàng vượt thắng sự cám dỗ của sắc và dục. Chính vì thế Đức Phật đã nhấn mạnh: Trong số hai mươi điều khó có trong cõi người ta, điều 6 *“nhẫn sắc nhẫn dục là khó,”* là điều khó thực hành nhất.

Điều 7: *“Thấy tốt không ham cầu là khó.”*

Mọi sự, mọi vật trên thế này đều là vô thường huyễn hóa. Bản chất của nó là không trường tồn, chính những cái tốt đẹp cũng chỉ tạm bợ, chợt đến chợt đi. Quán chiếu được rõ điều này thì mới có thể làm chủ được tâm mong cầu của mình. Tuy nhiên, có được mấy ai có đủ tri kiến và tuệ giác để thấy được điều này, ai

thấy tốt cũng ham, ai thấy tốt cũng thích, ngoại trừ chư Phật và những Bồ tát lớn. Do vậy nên Đức Phật mới dạy: “*Thấy tốt không ham cầu là khó.*”

Điều 8: “*Bị nhục không tức là khó.*”

Trong nhà Thiên có một câu chuyện rất hay. Ngày xưa, có một bậc cao Tăng đức độ thu phục được đông đảo đồ chúng, nhưng cho đến tuổi xế chiều mà vẫn không tìm ra được người truyền thừa. Đến lúc cấp bách do bệnh hoạn suy yếu, Ngài mới bày ra kế diệu hổ ly sơn, nhằm tìm ra bậc chân truyền. Ngài tung tin đồn là có người lấy trộm tiền của Tam bảo, làm cho mọi người trong chùa ai nấy đều hoang mang, nghi ngờ lẫn nhau. Một hôm, khi mọi người đang say giấc, Ngài la lớn lên: “*Có trộm, có trộm,*” thầy đệ tử lớn nghe tiếng thầy mình la lên, liền vội vàng chạy vào phụ thầy bắt trộm, nhưng lập tức bị Ngài túm cổ và nói lớn: “*Đây chính là tên trộm.*” Người đệ tử có phân trần cách gì cũng không ai tin, vì bằng chứng trước mắt là đang bị thầy mình túm cổ.

Sau đó thầy bị đuổi khỏi chùa mà không có một cơ hội nào để minh oan cho mình. Trước đây thầy là người có chức sắc trong chùa, lại thêm tướng mạo đoan nghiêm, nên rất được mọi người tôn trọng và tín nhiệm, nhưng nay đã trở thành tội đồ trộm của Tam Bảo, bị chính Thầy mình sỉ nhục trước đại chúng, mọi người khinh chê. Tiếng xấu đồn khắp nơi, không chùa nào chấp thuận thu nhận thầy nữa. Tiền đồ rạng ngời trước mắt bỗng chốc tan thành mây khói, ngậm ngùi chịu oan ức và đáng thương. Nhưng đáng kinh

ngạc hơn, là Thầy vẫn một lòng kính trọng Thầy mình, không một chút tỏ ra hờn oán hay ghét Thầy mình. Chỉ mong được Thầy từ bi cho ở tạm ngoài cổng tam quan để ngày ngày có thể theo chúng tu học và làm công quả phụ giúp việc chùa. Nhưng Bạc Cao Tăng trụ trì vẫn làm khó dễ, bắt phải trả tiền mới cho ngủ nhờ ở cổng tam quan. Cay đắng, tủi nhục đến thế, nhưng thầy đệ tử vẫn an nhiên, không một lời than vãn hay tìm cách minh oan. Ngày ngày siêng năng, tinh tấn theo chúng tu học. Trải qua một thời gian, vị Cao Tăng thấy được hạnh nguyện rộng lớn của người đệ tử, đã vượt qua được mọi sóng gió, chướng duyên, thử thách của cuộc đời; cũng chính lúc này sức khỏe của Ngài đã đến hồi suy sụp, Ngài cho gọi các đệ tử lại, tuyên bố Thầy đệ tử bị oan này chính là truyền nhân của Ngài, mong mọi người sau khi Ngài viên tịch hãy tin tưởng và nương tựa vào thầy mà học hỏi. Nói xong, Ngài an nhiên thị tịch.

Đức Phật dạy: *“Bị sỉ nhục không sân là khó.”* Ai chịu đựng được những hoàn cảnh trái ngang như vậy mà không sân giận hay tỏ ra oán ghét thì coi như đã thành tựu đạo pháp. Có ai trong chúng ta bị sỉ nhục mà không giận tức? nếu chúng ta là vị thầy đệ tử ở câu chuyện trên, có lẽ ta đã bỏ vị Thầy Cao Tăng ấy mà đi rồi. Như chúng tôi đã chia sẻ với quý vị: Đừng bao giờ tự biến mình thành nạn nhân của sự sỉ nhục. Nếu chúng ta thánh thiện, bao nhiêu lời sỉ nhục cũng thành vô nghĩa.

Người ta không thể tự biến thành những điều kẻ khác diễn dịch. Vì thế đừng sợ hãi khi phải đối diện

với sự lăng nhục, sự phỉ báng, hay sự ganh tỵ. Hãy như con tê giác đơn độc lên đường, như kinh nghiệm sống một mình mà Đức Phật đã chỉ dạy.

Điều 9: “*Có thể lực không dựa vào là khó.*”

Ai cũng muốn cậy vào quyền thế để mong được điều này hay việc khác, tâm lý phổ quát này của con người là một thực tế không thể phủ bác, ngoại trừ những bậc siêu nhân hay những đấng đại giác. Chính vì thế mà xã hội thường phát sinh những bất công, oan trái... Do vậy, thấy được thực tế này sẽ giúp ta tránh được những điều cần nên tránh.

Điều 10: “*Gặp việc vô tâm là khó.*”

“Việc” là những ngoại cảnh bên ngoài. Cảnh và tâm là hai pháp đối đãi và luôn chi phối, tương tác với nhau. Trong cuộc sống, tâm luôn đối diện với những ngoại cảnh thuận nghịch, tốt xấu... rồi sanh ra phân biệt thương ghét, tham sân... Như vậy tâm bị ngoại cảnh trói buộc rồi khởi lên phiền não, khổ đau, nếu chúng ta sống với vọng tâm chứ không phải chân tâm.

Vua Trần Nhân Tông, tức Ngài Điều Ngự Giác Hoàng, vị Sơ Tổ của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, trong bài phú *Cư Trần Lạc Đạo* đã dạy rằng: “*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*” có nghĩa là đối với mọi trần cảnh, nếu tâm vẫn an nhiên tự tại, không bị chi phối, vướng mắc thì không cần phải hỏi về thiền. Tuy nhiên bao nhiêu người trong chúng ta có khả năng an nhiên tự tại trong mọi cảnh huống? Chính

vì vậy, Đức phật đã dạy rằng: *“Gặp việc vô tâm là khó.”*

Điều 11: *“Học rộng nghiên cứu sâu là khó.”*

Bao nhiêu người trong chúng ta có được kiến văn quảng bác như Tôn giả Ananda?

Bao nhiêu người trong chúng ta là những học giả lớn có sự hiểu biết uyên bác thượng đẳng, nhất là có trình độ bác lãm, xuất chúng về Phật pháp? Hỏi như thế để chúng ta thấy rằng *“Học rộng nghiên cứu sâu là khó.”* Nhà thiền có câu chuyện rất hay về vị Cư Sĩ và Phượng Hoàng:

Có một vị cư sĩ nọ đi ngang qua khu rừng thiêng, ông bắt gặp một con phượng hoàng đang bị mắc bẫy. Ông nghĩ: *“Con chim đẹp quá, hay ta bắt nó đem về nuôi, khách đến thăm tệ xá trông thấy sẽ thích lắm.”*

Bỗng ông nghe có tiếng nói vọng lại:

- Ông không nên nghĩ như vậy!

Vị cư sĩ lấy làm lạ, nhìn chung quanh không thấy ai, quanh đi quẩn lại chỉ có mình và con chim đang bị mắc bẫy kia. Ông bèn hỏi:

- Có phải là mi vừa nói đó không?

Phượng hoàng đáp:

- Vâng đúng là tôi đây! Tôi không phải là con chim bình thường, tôi có thể nói tiếng người và tôi là một nhà thông thái... Nếu ông thả tôi ra, tôi sẽ tặng ông ba lời khuyên tốt nhất.

Vị cư sĩ nói:

- Được, ta sẽ thả tự do cho mi. Nhưng hãy nói cho ta biết ba lời khuyên đó là gì?

Phượng hoàng nói:

- *Lời khuyên thứ nhất:* Đừng bao giờ tin theo những lời nói sai trái bất kể người đó là ai, cho dù có danh tiếng hay địa vị cao đến mấy đi chăng nữa.

- *Lời khuyên thứ hai:* Đừng cố làm những việc quá sức mình, sẽ chỉ chuốc lấy thất bại mà thôi. Vì thế, trước khi làm gì hãy liệu sức mình mà làm. “Người biết được sức mình là người thông thái – Người muốn vượt quá sức mình là một kẻ ngu ngốc.”

- *Lời khuyên thứ ba:* Nếu làm việc thiện thì không nên hối tiếc, nếu làm việc xấu thì phải biết hối cải.

Vị cư sĩ nghe xong, thấy phượng hoàng khuyên phải lắm, những lời khuyên thật sâu sắc và rất có ý nghĩa, có thể làm thay đổi cả cuộc đời của một con người. Ông bèn gỡ bỏ cạm bẫy cho phượng hoàng. Vừa thoát ra khỏi cạm bẫy, phượng hoàng liền vỗ cánh bay lên đậu tít trên cành cao mà cười nhạo vị cư sĩ nọ:

- Ha ha ha... Cư sĩ kia, ông thật là ngốc nghếch..!

Vị cư sĩ đáp lại:

- Này phượng hoàng! Sao mi lại cười ta ngốc?

Phượng hoàng đáp:

- Trong bụng ta có một viên tiên đơn, nếu ông bắt ta và mổ bụng ta thì ông sẽ có được nó. Ông sẽ sớm tu luyện thành chính quả.

Vị cư sĩ lấy làm hối tiếc vì đã thả cho phượng hoàng đi... Ông bèn leo lên cây toan bắt phượng

hoàng lại, nhưng ông càng trèo lên cành cao thì phượng hoàng lại nhảy lên một cành cao hơn, cho tới khi ông trèo lên đến ngọn cây thì phượng hoàng liền vỗ cánh bay vút lên không trung. Vị cư sĩ thất vọng đành phải tụt xuống, nhưng chẳng may ngã từ trên cây xuống khiến ông bị gãy một chân, chảy cả máu đầu...

Phượng hoàng lượn một vòng trên cao rồi lại đậu xuống một cành cây gần đó, nói vọng tới:

- Ông đúng thực là ngốc, trong bụng ta làm gì có tiên đơn kia chứ! Ông đã tin vào một lời sai trái rồi. Ông lại còn liều lĩnh leo lên ngọn cây cao mà bắt ta, làm sao mà ông bắt được ta? Ông hối hận vì đã thả cho ta đi. Tại sao ông lại phải hối tiếc vì đã làm một việc tốt và thiện lương như thế? Ông hãy đi về, tĩnh tâm lại mà suy nghĩ cho kỹ về những lời khuyên của ta!

Nói rồi phượng hoàng vỗ cánh bay đi... Vị cư sĩ tỉnh ngộ!

Ở đời có nhiều người nói đạo lý rất hay nhưng đến khi thực hành thì chả ra gì cả. phải học rộng, nghiên cứu nhiều, hiểu sâu cạn kẽ chánh pháp, rồi đem ứng dụng thực hành, có vậy mới có thể lãnh hội được giáo lý của Thế Tôn một cách đúng đắn. Vậy nên Phật mới dạy *“học rộng nghiên cứu sâu là khó.”*

Điều 12: *“Diệt trừ tâm ngã mạn là khó.”*

Mỗi một người trong chúng ta là một ông trời con. Cái ngã của chúng ta rất lớn, chúng ta không chịu khuất phục; chính người tu hành như chúng tôi

cũng vậy, rất nhiều khi cũng tự biến bản thân thành nạn nhân của những điều thị phi.

Điều 13: “*Không khinh người chưa học là khó.*”

Thấy ai học thấp hơn mình hay chưa đạt được sở học ngang mình thì sanh tâm khinh bỉ, rẻ rúng. Tôn trọng mọi người quả thật là một điều không phải dễ dàng nếu chúng ta chưa hiểu và hành trì lời Phật dạy. Đức Phật dạy: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh “*Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tánh,*” tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật và sẽ là một vị Phật tương lai, do vậy cần phải tôn trọng lẫn nhau chứ không nên khinh thường, khi dễ nhau.

Điều 14: “*Thực hành tâm bình đẳng là khó.*”

Kỳ thị chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, phân biệt giai cấp, địa vị, giàu nghèo, phái tính v.v... đã và đang là một nan đề lớn của xã hội, đây chính là lý do tại sao Đức Phật dạy: “*Thực hành tâm bình đẳng là khó.*”

Điều 15: “*Không nói chuyện phải trái là khó.*”

Thị phi, bỉ thử là căn bệnh trầm kha của con người, chính vì thế mà cổ nhân thường dạy: “*Các nhân tự tạo môn tiền tuyết, htu quản tha nhân ngoã thượng sương*” Có nghĩa là, mỗi người hãy nên tự quét dọn đồng tuyết trước cửa của mình, chứ đừng quan tâm đến hạt sương trên mái ngói của người.

Ở đời khi gặp nhau người ta thường đem chuyện của người này hay người khác để bàn tán, xoi mói, thêu dệt, xuyên tạc đủ điều, trong khi đó tội lỗi của mình thì tày trời nhưng lại không tự ăn năn sám hối mà

cứ dương dương tự đắc, chính đó là lý do tại sao Đức Phật đã dạy: *“Không nói chuyện phải trái là khó.”*

Điều 16: *“Gặp được thiện tri thức là khó.”*

Thân cận những bậc thiện hữu tri thức để học hỏi không phải là điều dễ dàng nếu chúng ta không có những duyên lành đã tạo ra từ nhiều kiếp trong quá khứ.

Điều 17: *“Kiến tánh, học đạo là khó.”*

Thấy tánh và quyết tâm học đạo là việc rất khó khăn, đây là điều Đức Phật muốn nhắc nhở để chúng ta thấy rõ nhằm tinh tấn không ngừng trên lộ trình hướng đến bảo sở.

Điều 18: *“Tùy duyên hóa độ người là khó.”*

Phương tiện thiện xảo, kế cơ, kế thời để hóa độ quần sanh không phải là điều mà ai cũng có khả năng ứng xử, do vậy Đức Phật đã dạy: *“Tùy duyên hóa độ người là khó.”*

Điều 19: *“Thấy cảnh sinh tâm bất động là khó.”*

Câu chuyện *“Phượng động hay gió động”* là câu chuyện rất đáng ghi nhớ. *“Không phải phượng động, cũng không phải gió động mà chính là tâm của nhân giả đang động.”* Không bị chi phối trước mọi hoàn cảnh. Không bị vướng mắc bởi mọi sắc trần, không bị phân tâm bởi mọi đối tượng cho dù đó là đối tượng của tai hay của mắt... mỗi khi có dịp tiếp xúc rõ ràng không phải là việc dễ dàng. Hiểu được thực tế này là hiểu được điều Phật dạy.

Có câu nói: “Học bất học” (*Học mà không học – không học mà học*). Có học thì phải có hành, học mà không hành được thì chẳng phải học cũng như không ư? Ở đời, có nhiều người khi nghe những điều có đạo lý thì thấy hay lắm, phải lắm, ấy vậy mà lại không thể theo đó mà làm cho được. Mới hay, nói thì dễ mà làm được thực là khó. Ví như vị cư sĩ nọ, mới nghe được lời khuyên của phượng hoàng thì khen là phải lắm, ấy thế mà quay đi trong tích tắc đã té ngã rồi.

Điều 20: “*Khéo biết phương tiện là khó.*”

Nếu dựa vào ngôn ngữ, hai mươi điều Đức Phật đưa ra rất đơn giản. Nhưng trên thực tế, chân lý không nằm trong một mớ ngôn ngữ suông như vậy. Bởi vì tự bản thân của tên gọi, của ký hiệu, của con số không thể nào chỉ đích danh về thực tại vô tướng siêu việt, không thể biểu đạt chân lý tuyệt đối. Hơn nữa khả năng hiểu biết của con người rất giới hạn.

Nhận biết và thấy được sự giới hạn của bản thân, giúp chúng ta cố gắng lướt thắng những trở ngại, những chướng duyên trước mắt để thành tựu đạo nghiệp thiêng liêng cao cả – một điều vô cùng quan trọng mà Đức Phật đã chỉ dạy trong chương 12.

Những ai muốn thành tựu mọi ước vọng tốt đẹp thì chớ ngại chướng duyên nghịch cảnh. Muốn thành công mà ngại khó khăn là một mơ ước thiếu thực tế. Muốn hiện thực hóa ước vọng tốt đẹp của mình phải can đảm đối diện với nghịch cảnh. Nhiều người đã bỏ lỡ cơ hội bằng vàng vì e ngại trước một vài thử thách! Nên ý thức rằng mỗi thử thách là một cơ hội tiềm ẩn.

Cavett Robert quan niệm rằng: “*Cuộc đời giống như một hòn đá, bạn là người chính quyết định để hòn đá ấy trở thành viên ngọc tỏa sáng hay bị phủ bởi rong rêu.*”

Hãy xem khó khăn như một trở duyên cần thiết. Mỗi một khó khăn chính là tăng thượng duyên giúp ta tăng trưởng hạnh nguyện Bồ tát, phát huy dụng lực Bồ đề tâm.

Mười Điều Tâm Niệm trong *Luận Bảo Vương Tam Muội* đã dạy:

- 1- Nghĩ đến thân thể đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì tham dục dễ sanh.
- 2- Ở đời đừng cầu không khó khăn hoạn nạn, vì không khó khăn hoạn nạn thì kiêu xa nổi dậy.
- 3- Tự xét tâm tính đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo.
- 4- Xây dựng đạo hạnh đừng mong không bị ma chướng, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không kiên cường.
- 5- Việc làm đừng mong dễ thành, vì dễ thành thì lòng khinh thường kiêu ngạo.
- 6- Giao tiếp đừng mong lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa.
- 7- Với người đừng mong tất cả đều thuận theo ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng.
- 8- Thi ân đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là có ý mưu đồ.

- 9- Thấy lợi đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì si mê phải động.
 10- Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân ngã chưa xả.

Bởi vậy, Đức Phật dạy:

*“Lấy bệnh khổ làm thuốc thân
 Lấy hoạn nạn làm giải thoát
 Lấy khúc mắc làm thú vị
 Lấy ma quân làm bạn đạo
 Lấy khó khăn làm thích thú
 Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ
 Lấy người chống đối làm nơi giao du
 Coi thi ân như đôi dép bỏ
 Lấy sự xả lợi làm vinh hoa
 Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh*

Nên chấp thuận trở ngại thì lại thông suốt, mà mong cầu thông suốt thì sẽ bị trở ngại, Đức Thế Tôn thực hiện huệ giác Bồ Đề ngay trong sự trở ngại, như Ương Quật hành hung, Đề Bà quấy phá, mà Ngài giáo hóa cho thành đạo cả. Như vậy há không phải chính sự chống đối lại làm sự thuận lợi và sự phá hoại làm sự tác thành tác thành cho ta?”

Ngày nay, những người học đạo, trước hết không dẫn mình vào trong mọi sự trở ngại, nên khi trở ngại áp đến thì không thể ứng phó. Chánh pháp chí thượng vì vậy mất hết, đáng tiếc đáng hận biết ngần nào!

Chương 13

VẤN ĐẠO TỨC MẠNG

Hỏi Về Đạo & Túc Mạng

第十三章。問道宿命

Hán văn:

沙門問佛。以何因緣。得知宿命。會其至道。佛言。淨心守志。可會至道。譬如磨鏡。垢去明存。斷欲無求。當得宿命。

Phiên Âm:

Sa-môn vấn Phật: Dĩ hà nhân duyên đắc Tri-túc-mạng, hội kỳ chí Đạo?

Phật ngôn: Tịnh tâm, thủ chí, khả hội chí Đạo. Thí như ma cảnh, cấu khứ minh tồn; đoạn dục, vô cầu, đương đắc Túc-mạng.

Việt dịch:

Có vị Sa-môn hỏi Phật: Bạch Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà biết được thân mạng của kiếp trước và hiểu thấu đạo cao tột?

Đức Phật dạy: Tâm thanh tịnh, chí bền vững, thì có thể hiểu thấu đạo cao tột. Ví như lau gương, lau hết bụi nhơ thì còn lại ánh sáng; đoạn trừ tham dục, không tìm cầu, tất sẽ biết được thân mạng kiếp trước.

Anh ngữ:

Chapter 13: Questions about the Way and Past Lives

A monk asked the Buddha: “Under what conditions is it possible to come to the knowledge of the past and to understand the most supreme Way?”

The Buddha said: “Those who are pure in heart and single in purpose are able to understand the most supreme Way. It is like polishing a mirror, which becomes bright when the dust is removed. Remove your passions and have no hankering, and the past will be revealed unto you.”

Lược giảng:

Chương 13 nói về *Túc mạng minh* là một trong Tam minh rất quan trọng. Muốn thấy được bản tánh chơn thật của mọi vật trên cuộc đời trước phải cắt đứt ái dục, sống đời sống thiếu dục, nghĩa là thực hành hạnh thiếu dục, tức là ít ham muốn. Không có nhiều tham vọng hay nhiều ham muốn, phải đoạn trừ tận gốc những ái dục có trong tâm thức. Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, Đức Phật có dạy:

“Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước uest nhớp, bị khuấy động, đục bùn. Tại đấy có người có mắt, đứng trên bờ, không thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá qua lại, đứng yên. Ví có sao? Vì nước bị khuấy đục. Này các Tỷ-kheo, cũng vậy, vị Tỷ-kheo với tâm bị khuấy đục biết được lợi ích của mình, hay biết được lợi ích của người, hay biết được lợi ích cả hai, hay sẽ chứng ngộ

các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng các bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì cố sao? Vì rằng tâm bị khuấy đục, này các Tỷ-kheo.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước trong sáng, sáng suốt, không bị khuấy đục. Tại đấy có người có mắt, đứng trên bờ, có thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá qua lại, đứng yên. Vì cố sao? Vì nước không bị khuấy đục, này các Tỷ-kheo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm không bị khuấy đục biết được lợi ích của mình, hay biết được lợi ích của người, hay biết được lợi ích cả hai, hay sẽ chứng ngộ các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng các bậc Thánh; sự kiện như vậy có xảy ra. Vì sao? Vì rằng tâm không bị khuấy đục, này các Tỷ-kheo.”¹

Như lời Phật dạy, nếu chúng ta không đoạn dục, cứ mãi ôm lòng ái dục, chạy theo vọng tưởng điên đảo thì sẽ không bao giờ thấy được đạo, cũng như hồ nước bị khuấy động, mãi mãi không bao giờ thấy được đáy hồ hay những thứ quý giá trong hồ ấy. Vì vậy, nếu muốn thấy biết được thân mạng của kiếp trước và hiểu thấu đạo cao tột, thì phải diệt ái dục, gột sạch phiền não trong tâm.

Giới định Tuệ là con đường tối thượng để diệt trừ ái dục.

Chỉ có Giới, Định và Tuệ mới có đủ khả năng

1. Kinh Tăng Chi Bộ, tập 1, chương *Một pháp*, phẩm *Đặt hương và trong sáng*, kinh *Tâm đặt sai hương*, Thích Minh Châu dịch, Viện NCPHVN, 1996, tr.23-24

cắt đứt mọi gốc rễ của ái dục. Ngoài Giới-Định-Tuệ, không có con đường nào khác để đoạn trừ tham dục. Một khi tham dục chưa đoạn trừ, chúng ta vẫn trầm luân trong sự khổ đau của ba đường sáu nẻo. Giới-Định-Tuệ như kiềng ba chân, sẽ không thể đứng vững nếu bị mất đi một chân, người tu hành cũng vậy, nếu không giữ giới vĩnh viễn hạt giống định và tuệ không thể nảy mầm. Trong kinh *Lăng Nghiêm* có dạy: “*Dẫu có người tu hành được đắc định, đắc tuệ mà không có giới, thì cũng như ma đạo mà thôi.*” Tóm lại, nếu muốn diệt trừ mọi vô minh, phiền não, tham ái thì cần phải thực hành giới định và tuệ có như vậy mới có thể đạt được an lạc đích thực.

Lại nói về Túc Mạng Minh, biết được tiền kiếp là một trong những vấn đề ngày nay được con người quan tâm tìm hiểu. Gần đây có nhiều phát hiện rất đáng kinh ngạc bởi sự nghiên cứu và khám phá của các nhà khoa học. Các hiện tượng tương tự như *luân hồi* thuộc về khoa học phi vật chất được giới khoa học nghiên cứu kỹ, như Nikola Tesla đã khẳng định: “*Ngày mà khoa học bắt đầu nghiên cứu về các hiện tượng phi vật chất thì sự tiến bộ trong vòng một thập kỷ nghiên cứu còn hơn cả một thế kỷ nghiên cứu trước đây.*”

Theo Collective-evolution, vào năm 2008, Jim Tucker, Nhà tâm thần học của Đại học Virginia, phổ biến một bài nghiên cứu chứng minh về sự luân hồi, điển hình qua việc cậu bé Sam Taylor nhớ lại tiền kiếp của mình.

Sam Taylor chào đời sau khi ông nội của Sam Taylor qua đời 18 tháng trước đó. Cháu Sam Taylor

đã nói về kiếp quá khứ một cách chi li khi cháu chỉ mới hơn một tuổi.

“Khi cậu bé vừa được 1 tuổi rưỡi, cậu nhìn người cha mình đang thay tã và nói: Lúc ta ở tuổi của con, ta cũng đã thay tã cho con như thế. Và, cậu bé bắt đầu nói nhiều, rằng cậu ta chính là ông nội của cậu đã qua đời.

Cậu bé còn kể một cách chi tiết về cuộc đời của ông nội, cậu nói rằng cha mẹ của ông nội đã không quan tâm khi ông không thể học cách băng qua đường, hay sự việc chị gái của ông bị sát hại, và vợ của ông chăm sóc cho ông vào những ngày cuối đời...”

Còn một số trường hợp nhớ lại tiền kiếp mà nhà phân tâm học Jim Tucker đã nghiên cứu và viết rõ, như trường hợp cậu bé Ryan đến từ MidWest đã nói về đời quá khứ lúc cậu về nhà ở Hollywood gặp gỡ ngôi sao điện ảnh Rita Hayworth trong công ty sản xuất Broadway v.v...

Thực tế này cho thấy, với Túc Mạnh Minh, Đức Phật đã thấy rõ vô số tiền kiếp của mình và đã đi trước các nhà tâm thần học rất nhiều thế kỷ. Và kết luận mà chúng ta có thể rút ra ở đây là, nếu chúng ta dụng công hành trì chánh pháp, một ngày nào đó chúng ta sẽ đạt đại giác ngộ, và khi đã trở thành bậc Đại giác, chúng ta không chỉ có khả năng biết được một tiền kiếp mà còn biết được vô số kiếp của quá khứ.

Chương 14

THỈNH VẤN THIỆN ĐẠI

Hỏi Về Tánh Thiện Và Đại

第十四章·請問善大

Hán văn:

沙門問佛。何者為善。何者最大。佛言。
行道守真者善。志與道合者大。

Phiên Âm:

Sa-môn vấn Phật: Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại?

Phật ngôn: Hành Đạo, thủ chân giả thiện. Chí dữ Đạo hợp giả đại.

Việt dịch:

Có vị Sa-môn hỏi Phật: Điều gì là thiện? Điều gì là tối đại?

Đức Phật dạy: Thực hành đạo, giữ sự chân thật là thiện. Chí nguyện và đạo hợp nhau là đại.

Anh ngữ:

Chapter 14: Virtue and Greatness

A monk asked the Buddha, “What is good, and what is great?”

The Buddha answered: “Good is to practice the Way and to follow the truth. Great is the heart that is in accord with the Way.”

Lược giảng:

Thiện có nghĩa là sống đúng với chân lý, sống đúng với sự thật. Sự vĩ đại nhất chính là chí nguyện. Một khi đánh mất chí nguyện, cho dầu có bao nhiêu ước vọng tốt đẹp đến đâu chẳng nữa, chúng ta cũng không thể nào hoàn thành đạo nghiệp tối thượng của bản thân.

Chúng ta cố gắng làm sao có thể thực hành những điều thiện; bởi vì điều thiện chính là chánh đạo. Chánh đạo có rất nhiều, chúng ta tạm đơn cử như “*Bát Chánh Đạo*”; sự hiểu biết và tư duy đúng đắn, v.v..., đều là điều rất quan trọng. Cuộc đời chúng ta được thiết lập trên nền tảng chánh đạo. Nếu thiếu đi nền tảng này, ngày-tháng-năm sống còn của chúng ta sẽ biến thành vô nghĩa. Chúng ta cần nỗ lực để thực hiện chân lý một cách liên lý và thường xuyên.

Ngày nay khi nói về sự vĩ đại, người ta không nói về cái Thiện như Đức Phật đã dạy mà người ta thường nói về những nhân vật này hay những hành tinh khác, ví dụ một số sách báo đã ghi nhận: NASA đã tìm thấy hành tinh DENIS-P J082303.1-491201 b, là hành tinh có khối lượng lớn gấp 28,5 lần sao Mộc và là hành tinh lớn nhất, vĩ đại nhất từ trước đến nay.

Với Đức Phật thì, “*Thực hành chánh đạo, giữ sự chân thật là thiện. Chí nguyện hợp với đạo đó là sự vĩ đại nhất.*”

Chương 15

THỈNH VẤN LỰC MINH

Hỏi Về Sức Mạnh & Sáng

第十五章·請問力明

Hán văn:

沙門問佛。何者多力。何者最明。佛言。忍辱多力。不懷惡故。兼加安健。忍者無惡。必為人尊。心垢滅盡。淨無瑕穢。是為最明。未有天地。逮於今日。十方所有。無有不見。無有不知。無有不聞。得一切智。可謂明矣。

Phiên Âm:

Sa-môn vấn Phật: Hà giả đa lực? Hà giả tối minh?

Phật ngôn: Nhẫn nhục đa lực, bất hoài ác cố, kiêm gia an kiện. Nhẫn giả vô ác, tất vi nhân tôn. Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uế, thị vi tối minh. Vị hữu thiên địa, đãi w kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn. Đắc Nhất-thiết Trí, khả vị minh hỷ.

Việt dịch:

Sa-môn hỏi Phật: Bạch Đức Thế Tôn, điều gì mạnh nhất? Điều gì sáng nhất?

Đức Phật dạy: Nhẫn nhục mạnh nhất, vì chẳng dung chứa ác tâm, nên tăng trưởng sự an lạc khỏe mạnh. Người nhẫn nhục không

làm việc ác, tất được mọi người tôn kính. Tâm ô nhiễm diệt sạch, thanh tịnh không còn vết dơ, đó là sáng nhất. Bao nhiêu sự vật trong mười phương từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, không có gì chẳng thấy, không có gì chẳng biết, không có gì chẳng nghe. Đạt được Nhất-thiết Trí, đáng gọi là sáng nhất.

Anh ngữ:

Chapter 15: Tolerance and Purification

A monk asked the Buddha: “What is most powerful, and what is most illuminating?”

The Buddha said: “Meekness is most powerful, for it harbors no evil thoughts, and moreover, it is restful and full of strength. As it is free from evils, it is sure to be honored by all.

“The most illuminating is a mind which is thoroughly cleansed of dirt, and which, remaining pure, retains no blemishes. From the time when there was yet no heaven and earth till the present day, there is nothing in the ten quarters which is not seen, or known, or heard by such a mind, for it has gained all-knowledge, and for that reason it is called ‘illuminating’.”

Lược giảng:

Sức mạnh của nhẫn nhục.

Nhẫn nhục chính là Dũng và Tuệ, tiêu biểu cho nhất thiết trí, tiêu biểu cho sức mạnh và ánh sáng tối thượng nhất.

Nhiều người bảo: Thiên hạ nói thế này thế kia... nếu không phản ứng té ra ta là người ương hèn, thiếu liêm sỉ, thiếu tự trọng, v.v... Nhưng dựa trên những lời Đức Phật dạy, không ai có thể nói Ngài đã dạy sai, nhất là những người Phật Tử. Cách thức chúng ta biện hộ cho hành động sai lầm của bản thân đi ngược lại với những điều do Đức Phật thuyết giảng, đi ngược lại với chân lý. Như thế chỉ làm tổn hại chính chúng ta.

Trong *Lưu Hâu Luận* của Tô Thức có đoạn như sau: *“Cổ chi sở vị hào kiệt chi sĩ, tất hữu quá nhân chi tiết. Nhân tình hữu sở bất năng nhẫn giả, thất phu kiến nhục, bạt kiếm nhi khởi, đĩnh thân nhi đấu, thử bất túc vi dũng dã. Thiên hạ hữu đại dũng giả, tốt nhiên lâm chi nhi bất kinh, vô cố gia chi nhi bất nộ. Thử kì sở hiệp trì giả thậm đại, nhi kì chí thậm viễn dã.”*

Tạm dịch, người được gọi là hào kiệt, ắt phải có chí khí hơn người, do vậy, kẻ thất thế chịu nhục phải vùng kiếm đấu lại, việc này chưa hẳn là anh dũng. Những bậc đại dũng trong thiên hạ, trái lại, thành linh gặp những việc “kinh thiên động địa” cũng không kinh sợ, vô cố gặp những điều ngang trái cũng không oán giận. Đó là nhờ chỗ hoài bão của họ rất lớn và chí của họ ở rất xa.

Trong trang sử hào hùng của dân tộc ta còn ghi lại nhiều điển tích về hạnh “*Nhẫn*,” điển hình là Trần Quốc Tuấn.

Năm 1281, Vua Trần Nhân Tông lên ngôi giữa lúc nhà Trần đang có nhiều biến động. Nhà Nguyên sai Lễ Bộ Thượng Thư Sài Thung cùng ngàn quân hộ tống sang Sứ nước ta. Hấn trách Vua Trần Nhân Tông lên ngôi nhưng không sang nhà Nguyên để châu. Vừa đến kinh thành hấn đã kiêu ngạo hống hách bắt Vua phải sang châu và triều cống cho nhà Nguyên.

Vua sai Trần Quang Khải đến tiếp Sứ thần Sài Thung, nhưng hấn không thèm đứng dậy chào đón. Nghe tin như vậy, Trần Quốc Tuấn xin vua cho đi tiếp Sứ. Ông dùng kế cạo tóc, giả làm nhà sư khiến Sài Thung khi gặp liền đứng dậy vái chào và mời dùng trà. Sau đó biết người đối diện là Trần Quốc Tuấn nên ông ra hiệu cho lính làm trò bắt kính, lấy mũi giáo đâm vào đầu Trần Quốc Tuấn chảy máu, dù đau nhưng vì nước Việt đang ở thế yếu, vận nước rối ren, nên Ông nhẫn nhịn, thản nhiên tiếp chuyện để trì hoãn cuộc chiến, giúp Đại Việt có thời gian để chuẩn bị lực lượng mới, đủ sức chống trả.

Khi quân Nguyên kéo 50 vạn quân tàn bạo đánh chiếm nước ta, cha của ông là An Sinh Vương Trần Liễu nhắc lại thù xưa: *“Con không vì cha mà lấy được thiên hạ, thì cha chết dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được.”* Nhưng ngược lại, ông không muốn vì trả thù riêng mà làm hỏng đại sự của đất nước, vận mệnh của dân tộc đang nặng trĩu trên vai, buộc ông phải hoàn thành sứ mệnh cao cả này. Nhẫn đến mức, trên đường hành quân ông cầm thanh kiếm xuống đất, mạnh đến mức gãy cả mũi kiếm.

Nhờ vào sự Đại Nhân của ông mà đánh thắng 2 lần quân Mông Nguyên, khiến toàn quân tâm phục khẩu phục, quân thù bỏ chạy. Từ đó không dám có ý định xâm chiếm thêm lần nào nữa.

Như Chương 8 của Kinh Tứ Thập Nhị Chương mà chúng tôi đã chia sẻ, nói về kẻ ác tìm cách hãm hại người hiền thiện, đó là một việc bất khả. *“Kẻ ác mutu hại người hiền chẳng khác nào ngược mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng thể đến trời mà trở lại rơi vào mặt mình. Hắt bụi ngược gió, bụi không đến người, trái lại bám vào mình. Hãm hại người hiền là một việc làm bất khả, nếu tìm cách hãm hại người hiền thì tai họa sẽ đến với người đó và sẽ tự tiêu diệt bản thân.”*

Vào ngày 6 tháng 8 năm 1945, quả bom mang tên Little Boy được thả xuống Hiroshima ở Nhật Bản với sức công phá 15 kiloton, tương đương 15.000 tấn thuốc nổ TNT và, hiệu suất của nó chỉ đạt 1,5%, tức là chỉ có 1,5% nguyên liệu hạt nhân tham gia phản ứng, nhưng đã tạo ra một vụ nổ hủy diệt kinh khiếp.

Vào ngày 9 tháng 8 năm 1945, quả bom mang tên Fat Man lại được thả xuống Nagasaki ở Nhật Bản với sức công phá 23 kiloton và đạt hiệu suất 17%, đã khiến cho xứ sở mặt trời kinh hoàng và tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Tuy nhiên, sức mạnh của bom nguyên tử vẫn còn thua xa nếu so với sức mạnh của nhân nhục, vì chính sự nhân nhục mà thế giới này và vô lượng quốc độ khác không bị hủy diệt, và có khả năng phát triển vững mạnh giúp muôn loài chúng

sanh hạnh phúc an vui chứ không làm cho con người bị bất an, sợ hãi và khổ đau.

Đoạn trừ tham ái là ánh sáng tối thượng

Cái gì được cho là sáng nhất? Mới đây nhất, các khoa học gia tại Đại học Nebraska-Lincoln (UNL), ở Hoa Kỳ đã chiếu máy phát laser có cường độ cực mạnh có tên là Diocles vào electron lơ lửng trong khí Heli. Kết quả của thí nghiệm cho thấy rằng, ánh sáng thu được mạnh hơn một tỷ lần so với ánh sáng của Mặt Trời. Cũng theo các nhà khoa học, thì chùm laser có tên Diocles bắn vào electron tạo ra những tia X cực mạnh, tuy nhiên chúng chỉ có khả năng tồn tại trong thời gian rất ngắn và được lưu giữ bên trong dải năng lượng hẹp.

Qua những khám phá này thì dù ánh sáng cực mạnh hơn một tỷ lần so với mặt trời đi nữa cũng không thể tồn tại lâu dài và có khả năng soi thấu mọi hiện tượng như trí tuệ siêu việt của một bậc Đại giác. Chính đó là lý do tại sao Đức Phật đã khẳng định: *Đoạn trừ tham ái chính là ánh sáng tối thượng.*

Một người đàn ông tìm đến nơi thâm sơn cùng cốc gặp một vị Thiền Sư ở ẩn, hy vọng sẽ tìm được lời giải cho những nghi hoặc trong lòng. “*Con người thường thất bại vì chính dục vọng của bản thân, vậy xin thiền sư cho biết, thế nào là dục vọng?*” Người đàn ông hỏi.

Thiền sư nhìn anh ta, nói: “*Anh hãy quay về đã, truta mai lại tới đây, nhưng nhớ là không được ăn uống bất cứ thứ gì.*”

Dù không hiểu dụng ý của thiền sư, nhưng người đàn ông vẫn làm theo. Ngày hôm sau, anh ta quay lại. “*Anh hiện giờ chắc đang đói ngấu, khát cháy cổ đúng không?*” Thiền sư hỏi. “*Vâng, giờ nếu được thì con có thể ăn cả nửa con bò, uống hết bảy vại nước.*” Thiền sư bật cười, “*vậy hãy theo ta.*”

Hai người đi một quãng đường xa, khá lâu mới đến một vườn cây trái sum suê. Thiền sư đưa cho người đàn ông một chiếc bao tải, nói: “*Bây giờ anh hãy hái những quả táo tươi ngon nhất ở đây, chúng là của anh, nhưng nhớ là phải mang về tới thiền viện mới được phép ăn.*”

Thiền sư quay về trước. Mãi đến khi trời tối hẳn mới thấy người đàn ông vác một bao tải nặng đầy táo mang về. Bước đi nặng nhọc, mồ hôi ướt đầm toàn thân, anh ta mệt mỏi đặt bao táo xuống trước mặt thiền sư. “*Giờ anh có thể ăn rồi,*” thiền sư nói.

Người đàn ông dường như không đợi được thêm, lập tức vồ lấy hai quả táo, cắn từng miếng to nhồm nhoàm nhai. Trong phút chốc, hai quả táo đã bị anh ăn sạch. Ăn xong, người đàn ông đứng vuốt bụng nhìn thiền sư nghi hoặc. “*Giờ anh còn đói khát không,*” thiền sư hỏi. “*Không, giờ có cho ăn tiếp con cũng không ăn được nữa.*”

“*Vậy anh bỏ công vất vả vác cả bao tải táo mà mình không thể nào ăn hết về đây để làm gì?*” Thiền sư chỉ vào chiếc bao tải đầy táo, hỏi. Người đàn ông ngay lập tức ngộ ra.

Chúng sinh là vậy, nhu cầu thực ra chỉ có “*hai trái táo*,” nhưng vì dục vọng chất chứa nên cứ bắt chấp, giành lấy mọi thứ về mình. Do vậy mà đắm nhiễm trong bóng tối vô minh. Phật dạy:

*Nếu muốn được an lạc
Phải đoạn trừ tham ái
Tham ái đoạn tận rồi
Hỷ lạc vô biên đến
Chạy đuổi theo tham ái
Chỉ thấy lòng bất mãn
Ai ngược dòng tham ái
Trí tuệ đạt an ổn.*

Chương 16

XẢ ÁI ĐẮC ĐẠO

Bỏ Ái Dục Tất Đắc Đạo

第十六章。捨愛得道

Hán văn:

佛言。人懷愛欲。不見道者。譬如澄水。致手攪之。眾人共臨。無有睹其影者。人以愛欲交錯。心中濁興。故不見道。汝等沙門。當捨愛欲。愛欲垢盡。道可見矣。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Nhân hoài ái dục, bất kiến Đạo giả; thí như trừng thủy trí thủ giáo chi, chúng nhân cộng lâm, vô hữu đồ kỳ ảnh giả. Nhân dĩ ái dục giao thố, tâm trung trọc hưng, cố bất kiến Đạo. Nhữ đẳng Sa-môn đương xả ái dục; ái dục cầu tận, Đạo khả kiến hỷ.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người ôm ấp ái dục, chẳng thể thấy được đạo, ví như nước trong lắng, lại thò tay khuấy lên, khiến mọi người đến xem đều không thấy được bóng của họ. Người đời vì bị ái dục khuấy động, làm cho tâm vẫn đục nổi dậy, nên chẳng thấy được đạo. Các thầy Sa-môn phải xả bỏ ái dục, cầu niêm ái dục hết sạch mới có thể thấy đạo!

Anh ngữ:

Chapter 16: Renounce Desire to Attain the Way

The Buddha said, “Those who have passions are never able to perceive the Way; for it is like stirring up clear water with hands; people may come there wishing to find a reflection of their faces, which, however, they will never see. A mind troubled and vexed with the passions is impure, and on that account it never sees the Way. O monks, do away with passions. When the dirt of passion is removed the Way will manifest itself.”

Lược giảng:

Trong những chương trước đây của Kinh Tứ Thập Nhị Chương, chúng ta đã nghe Đức Phật dạy rất rõ về sự thiện và sự bất thiện. Ngài cũng giảng giải thế nào là nhẫn nhục và sức mạnh phi thường của đức tính này. Đặc biệt trong Chương này Đức Phật dạy rõ về sự nguy hiểm của người ôm ấp tâm ái dục.

Giáo pháp do Đức Phật thuyết giảng cho thế giới nhân loại được đặt căn bản trên *Tứ Tất Đàn*, trong đó *Vị Nhân Tất Đàn* là Tất đàn vô cùng quan trọng với tất cả chúng ta. Ngoài ra còn có *Thế Giới Tất Đàn*, *Đối Trị Tất Đàn*, và *Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn*; dĩ nhiên Tất Đàn nào cũng mang một dụng lực vô cùng thù ứng. Nếu chúng ta chỉ khai thác những từ ngữ suông nhằm đáp ứng nhu cầu tri thức, thì đây là một sai lầm rất lớn.

Đại ý chính của chương này, Đức Phật dạy chúng ta phải từ bỏ ái dục. *Ái dục* là nguồn gốc, cội rễ của sinh tử, của khổ đau. “*Sinh tử căn bản dục vi đệ nhất.*” Căn bản của sinh tử là gì? Căn bản của sinh tử là ái dục. Sở dĩ có sinh tử là do ái dục mà ra. Giống như một khúc cây còn tươi ngâm dưới nước, không thể đốt cháy. Phải là thân cây khô mới dễ dàng bắt lửa. Trong tích Kinh *Pháp Cú* có câu chuyện về “Ông trưởng giả keo kiệt”:

Vào thời Đức Phật còn tại thế, gần thành Xá Vệ, có gia đình một ông trưởng giả rất giàu có nhưng lại tham lam, bòn sẻn, keo kiệt, không bao giờ biết chia sẻ, giúp đỡ hay cúng dường cho bất cứ ai.

Một bữa nọ, ông thèm ăn thịt gà liền bảo gia nhân bắt con gà nào to mập nhất làm thịt cho ông, sau đó đóng kín cửa lại để thưởng thức với vợ con. Đức Phật nhập định thấy nhân duyên hóa độ cho ông trưởng giả này đã đến, nên Ngài vận thần thông vào thẳng nơi bàn tiệc của gia đình ông trưởng giả keo kiệt này để khát thực. Ông trưởng giả thấy thế liền quát lớn: “*Sa môn tu hành mà chẳng biết xấu hổ, nhà của người ta mà tự nhiên đi vào chẳng thèm hỏi ai hết.*”

Đức Phật ôn tồn đáp, “*Tôi đi khát thực có gì phải xấu hổ. Ông mới thật là người đáng xấu hổ, ăn thịt cha mình, lấy mẹ làm vợ mà không hay, không biết.*”

Ông trưởng giả tức tối đáp lại: “*Cha mẹ tôi chết đã lâu, tại sao Ngài lại ăn nói xằng bậy như thế?*”

Đức Thế Tôn vận thần thông cho ông thấy kiếp quá khứ, rồi giải bày rõ cho ông nghe: “*Con gà ông*

đang ăn là cha ruột của ông đó, vì si mê tham ái, luyến tiếc quá độ, mà sinh lại làm gà để cho ông và vợ con cùng làm thịt để ăn. Đến như vợ của ông bây giờ là mẹ của ông đời trước, vì yêu thương, ham thích ái ân, nên mới sinh lại làm vợ ông đó. Ông ngu si, mê muội, lấy cha làm oán thù, lấy mẹ làm ân ái vui vậy, mà không biết tu nhân tích đức, nên phải chịu nhiều hệ lụy khổ đau trong ba cõi sáu đường không có ngày thôi dứt.”

Nghe Phật nói, ông liền tỉnh ngộ, lòng ăn năn hối hận, liền quỳ xuống xin sám hối và phát tâm quy y Tam Bảo. Phật dạy: “*Nhân quả nghiệp báo luôn theo ta như bóng với hình, dù trăm kiếp, ngàn đời vẫn không mất; khi hội đủ nhân duyên, quả báo hoàn tự hiện. Tham ái, yêu thương, luyến chấp, nên vợ chồng, cha mẹ, người thân cứ như thế mà tái sinh trở lại; khi thì làm cha mẹ, khi thì làm vợ con, rồi cứ thế mà ăn nuốt, giết hại lẫn nhau từ đời này sang kiếp khác.”*

Vì vậy, muốn thấy đạo, muốn đạt đạo, điều căn bản trước tiên đó là phải đoạn trừ ái dục.

Ái dục là nói về tình cảm giữa nam nữ, nói về tình cảm thể xác, hay là một loại tình cảm nào khác?

Con người có ba phần khác nhau:

- 1- Thể xác
- 2- Ý thức
- 3- Bản thể

Chúng ta vẫn nghe nói con người có hai phần: tinh thần và thể xác. Đây chỉ là một cách nói, trên thực tế không hẳn vậy. Chúng ta bị đóng khung trong những

khái niệm được lập đi lập lại nhiều lần, vì thế yên trí rằng con người chỉ có hai phần thể xác và tinh thần.

Đạo Phật đưa nhân loại đi xa hơn. Ngoài hai phần bình thường gọi là thể xác và ý thức, còn có một phần khác vô cùng quan trọng, đó chính là bản thể, đó chính là tính thể, Phật tánh. Trong khi chúng ta chỉ quen sống với hai phần thể xác và ý thức. Đức Phật nói đến phần thứ ba là bản thể.

Nhục dục không thể giúp con người tìm được điều họ muốn thấy: Đó là hạnh phúc. Bởi vì hạnh phúc không nằm trong tình dục đầy dẫy nhiễm ô. Càng đuổi theo dục tình, con người càng khổ đau. Đức Phật minh chứng và giảng dạy rất rõ bằng thí dụ về một người khát nước. Đang khát nước, không uống nước lọc lại múc nước biển uống, thì cơn khát của người này càng lúc càng nghiêm trọng hơn.

Chúng ta không thể làm thỏa mãn nhục dục, bằng cách chạy đua theo cơn ham muốn của thể xác. Ngược lại phải đoạn trừ sự ham muốn này. Chúng ta phải tự chủ, không để dục tình sai khiến, thống trị, lôi cuốn đời sống. Đi xa hơn khái niệm tình dục còn liên quan đến những ham muốn về địa vị, danh vọng, tiền tài, và sắc đẹp, v.v...

Từ những việc nói trên, chúng ta ý thức rất rõ ràng rằng là, hạnh phúc không tùy thuộc vào của cải mà chúng ta sở hữu, không tùy thuộc vào số tiền chúng ta ký gửi trong nhà bank. Hạnh phúc cũng không tùy thuộc vào địa vị, mà chúng ta đang nắm giữ. Tất cả những điều này đều hư huyễn. Đến một lúc nào đó

nếu chúng ta không từ bỏ tiền tài, danh vọng, sắc dục, chúng cũng sẽ từ bỏ chúng ta. Đây là định luật vô thường mà Đức Phật đã dạy là sự biến dịch có mặt trong mỗi từng một sát na.

“*Sinh tử căn bản dục vi đệ nhất*” được ghi trong giới luật thứ ba “*Tam viết bất dâm*” của “*Bản Yếu Lược Về Giới Luật Và Oai Nghi Của Sa Di.*” Một vị Sa Môn còn bị ái dục khuấy động tâm tư thì không thấy được Đạo. Thấy Đạo ở đây là thấy điều gì?

Thấy Đạo có nghĩa là thấy được chân lý, thấy được chánh pháp. Chúng tôi đơn cử một thí dụ: Khi nhìn một bình hoa, chúng ta đã nhìn bằng ý thức, không nhìn bằng trí tuệ. Hằng hà sa số ý thức dẫn đưa chúng ta đến sự phân biệt nguồn gốc, đánh giá loại hoa đang có trước mặt là xấu hay đẹp. Ý thức phân biệt như vậy, không thể giúp chúng ta thấy được sự thật mà kinh này dạy là thấy Đạo.

Đức Phật dạy rất chi tiết trong chương 16 của Tứ Thập Nhị Chương Kinh. Ngài dạy rằng: Nước ở ao hồ rất trong, nếu dùng tay khuấy động bùn cát nổi lên, chúng ta không thể nhìn thấy khuôn mặt của mình dưới dòng nước lẩn cấn bùn đất ấy. Bởi vì khuôn mặt này đã bị vờ vụn thành hàng muôn ngàn mảnh. Một khi làm méo mó thực tại, chúng ta không thể nào tiếp xúc được với những thực tại mẫu nhiệm. Chỉ thấy được chân lý, chỉ thấy được đạo, khi tâm hoàn toàn tĩnh thức, hoàn toàn thanh tịnh. Nếu để dục vọng làm ô nhiễm tâm thức, chúng ta vĩnh viễn không thể thấy được đạo, không thể thấy chân lý.

Một người trải qua nhiều giai đoạn đau khổ trong đời như mặt hồ nước trong phẳng lặng bị khuấy động nổi đầy bùn đất, sau đó tâm hồn tĩnh lặng, bình thản suy nghĩ lại những gì đã xảy ra. Sự bình tâm suy nghĩ này có thể gọi là “*một phần giác ngộ*” hay không?

Nhiều người không hiểu được “*Lục tướng*” của ngài Hiền Thủ trong Hoa Nghiêm Tông¹, nhất là không hiểu được Thập Huyền Môn², Thập Như Thị³. Vì vậy họ đã bỏ nước đi tìm sóng, bỏ sóng đi tìm nước; hay bỏ vàng đi tìm sư tử, bỏ sư tử đi tìm vàng. Vĩnh viễn không bao giờ có thể tìm thấy những điều nói trên. Từ sự ô nhiễm, chúng ta tìm thấy sự thanh tịnh. Từ dòng nước vẩn đục, chúng ta tìm thấy nguồn nước trong sạch. Từ cái tâm đầy phiền não, thị phi, đố kỵ, chúng ta sẽ có được cái tâm vô cùng thanh tịnh, khi đã diệt trừ ái dục.

Chúng ta cần ý thức rằng, nếu con người phải đối diện với quá nhiều đau khổ, thì chính trong sự khổ đau này đã có sẵn niềm an lạc. An lạc và khổ đau chỉ là hai mặt của một thực thể. Vì thế Đức Phật dạy: Trong cái vô thường luôn luôn có sự thường hằng. Trong sự

1. Ngài Hiền Thủ - Pháp Tạng (643-712), **Lục tướng**: Tổng tướng, Biệt tướng, Đồng tướng, Dị tướng, Thành tướng, Hoại tướng.
2. **Thập Huyền Môn**: 1. Đồng thời cụ túc tương ưng môn. 2. Nhân Đà La Vông cảnh giới môn. 3. Bí mật ẩn hiển câu thành môn. 4. Vi tế tương tục an vị môn. 5. Thập thể cách pháp dị thành môn. 6. Chư tạng thuần tạp cụ đức môn. 7. Nhất đa tương dung bất đồng môn. 8. Chư pháp tương tức tự tại môn. 9. Duy tâm hồi chuyển thiện thành môn. 10. Thác sự hiển pháp sanh giải môn.
3. **Thập Như Thị**: 1. Như thị tướng, 2. Như thị tính, 3. Như thị thể, 4. Như thị lực, 5. Như thị tác, 6. Như thị nhân, 7. Như thị duyên, 8. Như thị quả, 9. Như thị báo, 10. Như thị bản mặt cứu cánh đẳng.

khổ đau luôn luôn có yếu tố thường lạc, ngã, tịnh, đi ngược lại với vô thường, an lạc, vô ngã và bất tịnh. Những ai thường phải trần trở với sự đau khổ trong đời sống, là những người dễ ngộ đạo nhất. Nếu họ tìm hiểu giáo pháp, đem những điều Đức Phật giảng dạy áp dụng vào đời sống, họ giác ngộ nhanh hơn những người sống trong nhung lụa, không có kinh nghiệm về sự đau khổ của chính bản thân.

Ái dục bao gồm cả ngũ dục.

Phần đầu khi nói về chương 16, chúng tôi đã nói đến ái dục, ngoài ham muốn tình dục thể xác, còn có ham muốn về tiền tài, danh vọng, địa vị, v.v... Có nghĩa là không phải chỉ có tình dục, mà ái dục còn bao gồm nhiều ham muốn khác.

Một bậc thầy không có phẩm hạnh, sống không trong sạch, không đúng giáo pháp, không hết lòng vì tha nhân, vị đó không thể gọi là Thầy đúng nghĩa.

Chúng ta phải xem lại định nghĩa: Thế nào là một vị Sa Môn. Để được gọi là Sa Môn, vị đó phải: xuất thế tục gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia. Sa Môn phải sống đời thanh tịnh, sống vì tha nhân, không vì bản ngã. Người Sa Môn đi tu để phục vụ tha nhân, không phải để được kính trọng, hay được người khác cúng dường. Đi tu mà còn mong sự khen tặng của người khác, thì rõ ràng không phải là bậc chân tu. “*Giả trang thiền tướng cầu bỉ cung kính*” là điều mà chư Tổ dạy là tuyệt đối không được. Sống trong sạch cũng gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Đức Phật dạy rất kỹ về tiêu chuẩn của một vị Sa Môn. Chư Tổ cũng dạy rằng: “*Nếu một vị thầy không phải là bậc minh sư, chúng ta phải cầu học vị thầy tốt.*”

Tuy nhiên bất cứ sự kiện nào cũng có hai mặt, như tấm gương trong sáng thì bất cứ ai đứng trước tấm gương, đều cũng thấy hình ảnh của mình phản chiếu rõ ràng. Người xấu nhìn vào gương, thấy rất xấu. Người đẹp nhìn vào gương, thấy rất đẹp. Đôi khi tâm ta xấu nên thấy Thầy mình xấu là trường hợp chúng ta vẫn thường chứng kiến. Có rất nhiều góc cạnh để lý giải về thực tại mâu nhiệm. Những lý giải này sẽ đưa chúng ta đi xa hơn những gì chúng ta muốn đạt đến. Chỉ có thể nghiệm, thực nghiệm, sống trong chân lý, mới thấy rõ chân lý. Đây là điều rất quan trọng.

Tấm gương ngụ ý phản ánh tâm hồn hay phản ánh thể xác?

Khi nói đến sự vật là nói đến một số yếu tố thể hiện một sự thật nào đó, chứ không hẳn là hoàn toàn sự thật. Sáu tướng Đức Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là “*Lục Tướng*” gồm có: “*Tổng Tướng, Biệt Tướng, Đồng Tướng, Dị Tướng, Thành Tướng, Hoại Tướng.*” Nhìn vào bất cứ sự vật nào đó, không thể nhìn phiến diện, cũng không thể nhìn vào một khía cạnh nhỏ, để rồi đi đến kết luận rằng, sự vật này là như vậy.

Nói về Tánh, không thể không đề cập đến Tướng. Nói về Tướng, trong đó hàm tàng cả Tánh bao gồm

những thể trạng như sóng và nước, ngày và đêm, trắng và đen, v.v...

Cách để tiết chế ái dục.

Trong pháp quán “*Ngũ Đình Tâm Quán,*” người muốn diệt trừ ái dục, muốn diệt sự ham muốn, v.v..., phải “*quán bất tịnh*” để thấy rõ sự nhơ nhớp, không trong sạch, khi đã thấy rõ bản chất nhơ nhớp của nó thì chắc chắn sẽ không còn có sự ham muốn về thể xác nữa.

Phải quán về bản ngã để thấy rõ duyên sinh của các pháp. Đã là duyên sinh thì vô ngã. Đã là vô ngã, chúng ta không thể nắm bắt. Hiểu được điều này, chúng ta dễ dàng buông bỏ, không còn ham muốn, không còn thèm khát, không còn cố chấp.

Chúng ta phải hiểu: Vì duyên hợp nên vô ngã; vì vô ngã nên một là tất cả, tất cả là một. Không hiểu rõ điều này sẽ không thể hiểu được nghĩa Thường Hằng và Vô Thường của các pháp.

Đức Phật dạy rằng: “*Chư hành vô thường, thị sinh diệt pháp. Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc.*” Có nghĩa là: Sự vật vô thường, vì đó là những hiện tượng sinh diệt. Sinh diệt đã chấm dứt. Tịch diệt chính là an lạc.

Chúng ta phải hiểu vấn đề qua nhiều khía cạnh khác nhau. Nhưng nếu hiểu qua nhiều lăng kính màu thì không đúng. Chúng ta phải nhận biết bằng cái nhìn trực thị, nghĩa là thấy vấn đề như là chính vấn đề đang là, không phải thấy qua trí năng, không phải thấy qua sự suy đoán, không phải thấy qua khuôn

mẫu do thế hệ trước đặt ra, kể cả sách vở đã sẵn có một định nghĩa về một điều gì đó. Nói ngắn gọn, chúng ta phải thấy bằng trí tuệ của bản thể.

Những phương pháp giúp thực hiện song song với phép “quán bất tịnh” trong “Ngũ Đình Tâm Quán.”

Điều chúng ta cần thực hiện hàng ngày đó là đời sống thiểu dục, nghĩa là phải ít ham muốn. Con người luôn luôn có nhiều nhu cầu, nhiều tham vọng, nhiều thèm khát. Chúng ta phải thấy được sự ham muốn này là bất thiện, chỉ đưa chúng ta đến khổ đau không thể diễn tả được. Khi thấy được sự nghiêm trọng, sự nguy hiểm của ái dục, chúng ta mới có thể từ bỏ. Nếu không yếm thì không ly, nghĩa nếu không nhàm chán thì không thoát ly. Một khi nhìn thấy thật rõ bản chất hư huyền, đau khổ của ái dục, tự nhiên ái dục rời xa chúng ta, không còn khả năng bám dính. Giống như chúng ta bật công-tắc điện, ánh sáng xuất hiện tất nhiên xua tan bóng tối.

Hãy thường xuyên thấp sáng ngọn lửa của bản thể, của tuệ giác trong đời sống. Lúc đó vô minh, vọng động, hệ lụy trần tục, lập tức tan biến.

Không thể thấy được Đạo, khi tâm của chúng ta bị thèm khát, bị dục vọng bao phủ. Muốn nhận biết Đạo, mỗi một người phải cắt đứt ái dục, không để lòng ham muốn, dục vọng thống trị tâm trí.

Trong Kinh *Trung bộ*, Đức Phật đã đặc biệt nhấn mạnh: “*Chính tham, sân và si là cội nguồn của mọi*

ý tưởng và hành vi bất chánh, khiến con người trở thành mù lòa, gây khổ đau cho mình, cho người, không đưa đến an lạc hòa bình.”

Kinh Bát Bát Đại Nhân Giác dạy rằng:

“Đệ nhị giác tri: Đa dục vi khổ, sinh tử bì lao, tòng tham dục khởi; thiếu dục vô vi, thân tâm tự tại.”

Nghĩa là:

Điều giác ngộ thứ hai: Tham muốn nhiều là khổ, sinh tử nhọc nhằn, đều khởi sanh từ tham dục; ít muốn an nhiên, thân tâm tự tại.

Nếu sống mà ít muốn biết đủ, tri nhận rõ vì nhiều ham muốn mà phải nhọc nhằn khổ đau và sở dĩ có sanh tử luân hồi là do tham dục thì sẽ thực hành hạnh thiếu dục tri túc một cách dễ dàng.

Trong kinh *Di giáo*, Đức Phật dạy rằng: *“Tri túc giả tuy ngọa địa thượng do vi lạc, bất tri túc giả tuy xử thiên đường diệc bất xứng ý.”* Nghĩa là:

“Người biết đủ dù nằm ở trên đất cũng an lạc; người không biết đủ dù ở thiên đường cũng không vừa ý.”

Nguyên nhân của chiến tranh, loạn lạc, nghèo đói, đau khổ chính là tham dục, ý thức được điều này chúng ta sẽ quyết tâm tu tập để đoạn trừ mầm móng của chiến tranh và kiến tạo hoà bình cho thế giới nhân loại cũng như mang lại sự giải thoát an lạc cho muôn loại chúng sanh.

Chương 17

MINH LAI ÁM TẠ

Ánh Sáng Đến, Bóng Tối Tan

第十七章。明來暗謝

Hán văn:

佛言。夫見道者。譬如持炬。入冥室中。其冥即滅。而明獨存。學道見諦。無明即滅。而明常存矣。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Phù kiến Đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung; kỳ minh tức diệt, nhi minh độc tồn. Học Đạo kiến đế, vô minh tức diệt, nhi minh thường tồn hỷ.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người thấy được đạo ví như người cầm đuốc đi vào nhà tối, bóng tối tức khắc tan biến, chỉ còn lại ánh sáng. Học đạo mà thấy được chân lý thì vô minh liền diệt nhưng trí tuệ thường còn.

Anh ngữ:

Chapter 17: Light Dispels Darkness

The Buddha said: “Seeing the Way is like going into a dark room with a torch; the darkness instantly departs, while the light alone remains. When the Way

is attained and the truth is seen, ignorance vanishes and enlightenment abides forever.”

Lược giảng:

“*Minh Lai Âm Ta*” mang ý nghĩa “*Ánh Sáng Đến Bóng Tối Tan,*” hay “*Ánh Sáng Người Đạt Đạo.*” Nội dung câu Phật Ngôn nêu trên tuy ngắn ngủi, nhưng hàm chứa ý nghĩa vô cùng cao siêu và hết sức quan trọng, chỉ rõ sự ngộ đạo, nhận biết chân lý của các vị hành giả đang tu tập, dù họ đang tu tập bất cứ pháp môn nào.

Khi chúng ta cầm bó đuốc đi vào căn nhà đầy bóng tối, tất nhiên bóng tối bị đẩy lui. Điều này cho thấy vô minh cũng như bóng tối vốn không có thật tánh. Bởi vì thật tánh của vô minh chính là Phật Tánh. Nếu bóng tối có một ngả rẽ, cho dầu có hàng ngàn lượt ánh sáng, hay hàng ngàn ngọn đuốc cũng không thể xóa tan bóng tối.

Ngày xưa có một người cha có ba đứa con trai. Ông vốn sinh ra nghèo khổ, nhưng nhờ chuyên cần làm việc và cần kiệm, ông trở nên một điền chủ giàu có. Lúc về già gần đất xa trời, ông nghĩ tới chuyện chia gia tài cho các con. Nhưng ông muốn xem đứa con nào thông minh nhất để phó thác phần lớn gia sản cho nó. Ông gọi ba đứa con đến bên giường bệnh, trao cho mỗi đứa năm đồng bạc, bảo chúng hãy mua cái gì có thể lấp đầy căn phòng trống rỗng ông đang ở.

Ba đứa con vâng lời cha cầm tiền ra phố. Người anh cả nghĩ đây chỉ là một công việc dễ dàng. Anh ra

tối chợ mua ngay một bó rơm rất lớn mang ngay về nhà. Người con thứ hai suy nghĩ kỹ lưỡng hơn, sau khi rảo quanh chợ một vòng, anh ta quyết định mua những bao lông vịt rất đẹp mắt.

Còn người con trai thứ ba suy đi nghĩ lại: làm sao mua được cái gì với năm đồng bạc này mà có thể lấp đầy căn phòng lớn của cha mình? Sau nhiều giờ đắn đo, bỗng mắt chàng thanh niên sáng lên hơn hở, anh đi đến căn tiệm nhỏ nằm hút trong con đường hẹp sau chợ, anh mua cây đèn cây và một hộp diêm. Trở về nhà, anh hỏi hộp không biết hai anh mình đã mua được món đồ gì.

Ngày hôm sau, ba người con trai họp lại trong phòng của cha già. Mỗi người mang theo quà tặng của mình cho cha.

Người con cả mang rơm trải trên nền của căn phòng, nhưng phòng quá lớn, rơm chỉ phủ được một góc nền nhà.

Người con thứ hai mang lông vịt ra, nhưng cũng chỉ phủ được hai góc của căn phòng. Người cha có vẻ thất vọng.

Đến phiên người con trai út đứng ra giữa phòng, chẳng thấy trong tay mang gì, hai người anh tò mò chăm chú nhìn em mình và hỏi: “Mày không mua cái gì sao?” Bấy giờ đứa em mới từ từ rút trong túi quần ra một cây nến và hộp que diêm. Thoáng một cái, căn phòng đầy ánh sáng.

Mọi người đều mỉm cười. Người cha già rất sung

sống về quà tặng của đứa con út. Ông quyết định giao phần lớn ruộng đất và gia sản của mình cho con trai út vì ông thấy anh đủ thông minh để quản trị gia sản của mình, và nhờ đó cũng có thể giúp đỡ các anh của nó nữa.

Ánh sáng của bó đuốc tượng trưng cho ngọn lửa của bản thể, tượng trưng cho trí giác vô thường. Bóng tối tượng trưng cho sự vô minh. Nếu trong lòng chúng ta thấp sáng ngọn lửa của bản thể, bóng tối vô minh sẽ hoàn toàn bị tiêu diệt. Đây là lý do tại sao mỗi một người phải nỗ lực hành trì, tu tập, để xóa tan sự vô minh trong chính tâm thức của chúng ta.

Ánh sáng của bó đuốc trí tuệ xóa tan vô minh. Nếu vô minh quá nhiều, quá lớn, một người kiến đạo phải thực hiện điều gì đầu tiên để có thể soi rọi tâm thức, xóa tan bóng tối?

Muốn xóa tan bóng tối, muốn triệt tiêu vô minh, bước đầu tiên cần thiết đó là phải học hỏi giáo pháp. Nếu chỉ học tập những kỹ thuật hay những điều thuộc về thế tục, không thể nào nhìn thấy chân lý. Bởi vì muốn thấy chân lý phải hành trì và thể nhập chân lý.

Một khi đã hiểu chân lý, chúng ta mang sự hiểu biết này áp dụng vào đời sống thực tế. Chỉ bằng sự tu tập mới có thể chứng được đạo. Đây là bước tiếp theo cần thực hiện.

Trí tuệ được ví như ngọn đuốc xóa tan vô minh, nhưng đến một lúc nào đó ngọn đuốc cũng tàn lụi thành tro, cũng như cây đèn cạn dầu không còn chiếu sáng nữa. Như vậy nếu đã chứng đạo, đạo này có tồn

tại mãi mãi hay không? Và ánh sáng đó, trí tuệ đó, sự giác ngộ đó, có vĩnh hằng hay không?

Ngọn đuốc người đời thường dùng được chế biến bằng những vật dụng bình thường. Khi vật liệu bình thường này bị đốt hết, tất nhiên lửa không còn. Nhưng chúng ta phải hiểu: Bỏ đuốc dù tắt nhưng lửa vẫn tồn tại, giống như khi chúng ta tắt công-tắc, bóng đèn không còn sáng, nhưng năng lượng của điện không hề mất.

Nếu điện mất, bật công tắc lên bóng đèn sẽ không sáng.

Nếu lửa mất, chúng ta khó có thể khơi lò nhúm lại.

Có một người rất nghèo, chuyên làm nến và bán nến. Tuy nhiên chẳng mấy ai mua nến cả. Ông cũng ít giao thiệp nên càng ngày càng sống khép kín với mọi người. Cứ mỗi buổi tối ông đóng cửa, tắt đèn, tự giam mình trong nhà và than thở thầm về số phận.

Dần dần ông đi tới tuyệt vọng. Ông nghĩ rằng, ông nên kết liễu đời mình là hơn cả. Một buổi tối, ông quyết định thực hiện suy nghĩ đó. Đột nhiên có tiếng nói:

- Ông làm nến, sao không tự thắp cho mình một ngọn nến...

Nghe giọng nói không biết từ đâu, ông hoảng sợ:

- Ai đó...

- Ta là một vị thần. Nếu người muốn, ta có thể

thắp sáng ngọn nến hy vọng cho người. Ngọn nến ấy có thể đem lại hạnh phúc cho người đó.

Ông lưỡng lự và cuối cùng thì ông đồng ý.

Ông cảm thấy yêu đời hơn. Suốt ngày ông chỉ chăm chú cho ngọn nến đó cháy sáng mãi. Tuy nhiên, ngọn nến cũng tàn dần theo quy luật tất yếu. Ngày một ngày hai, niềm tin yêu cuộc sống của ông lụi dần, cho đến một ngày ông hoàn toàn cảm thấy chán đời và mệt mỏi vì phải sống như thế này. Ông lại tự giam mình trong nhà, khóc lóc. Dĩ nhiên, vị thần giấu mặt kia lại cất tiếng nói:

- Người khóc lóc điều gì... Người đã không dùng ngọn nến đó để thắp sáng những ngọn nến khác trong người. Đó là lỗi của người.

Ngọn đuốc được chế tạo bằng vật liệu bình thường có thể tắt. Nhưng ngọn đuốc của trí tuệ, ngọn lửa của trí giác, ngọn lửa của bản thể không bao giờ bị tắt. Đây chính là sự thật. Chỉ khi nào thể nghiệm được, chúng ta mới có thể nhận biết một cách rõ ràng.

Những điều chúng tôi diễn giải chỉ là những khái niệm, chỉ là những hư ngôn, không thể giúp chúng ta hiểu được bản thân của thực tại, của sự thật như sự thật một cách rõ ràng.

Mức độ quan trọng của người chứng quả Tu Đà Hoàn.

Sơ quả Tu-Đà-Hoàn là quả vị thấp nhất trong bốn quả vị thánh của bậc Thanh Văn. Người đạt quả Tu-Đà-Hoàn còn có danh xưng là “*Thất Lai*,” nghĩa

là “*sẽ sinh lại trên thế gian này bảy lần.*” Sơ quả Tu-Đà-Hoàn còn gọi là nhập lưu, được tham dự vào dòng chảy uyên nguyên của bậc thánh, từ đó đi đến quả vị giải thoát, giác ngộ cao nhất, đó là tứ quả A-La-Hán. Đi xa hơn nữa sẽ là Phật Quả.

Tu-Đà-Hoàn cũng được gọi là *ngịch lưu*, có nghĩa là đi ngược lại dòng sinh tử luân hồi, dù phải đi một mình, và chấp nhận sự cô độc. Chẳng hạn như Đức Phật ở trong hoàng cung có hằng hà sa số thị vệ, cung nữ; nhưng ngài đã đi vào rừng sâu, sống rất cô độc nhưng không cô đơn. Bởi vì có sự cô độc, tịch lặng như vậy mới có thể tạo ra niềm an lạc trong tâm hồn.

Nếu so sánh với Thập Địa, từ “*Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa,*” đến “*Phát Quang Địa,*” thì Tu Đà Hoàn là giai đoạn kiến đạo có thể ngang hàng với giai đoạn thứ tư là “*Diệm Huệ Địa,*” được coi là người có giác tánh, thực hành viên mãn hạnh tinh tấn.

Cái nhìn, sự hiểu biết về giáo pháp, về chân lý của người đạt sơ quả Tu-Đà-Hoàn, hoàn toàn khác với người bình thường. Có thể so sánh người đạt quả vị Tu-Đà-Hoàn, với một người trưởng thành được giáo dục hoàn hảo. Sự nhận biết của họ khác xa một người chưa học tập giáo pháp chân lý, chỉ hiểu biết như trí khôn của một em bé hai tuổi.

Thí dụ: Cắm một chiếc đũa vào ly nước đầy, nhìn thấy hình ảnh chiếc đũa bị gãy, người trưởng thành biết rằng đó là ảnh ảo. Nhưng em bé hai tuổi tin rằng

đã nhìn thấy chiếc đũa bị gãy. Thời niên thiếu khi đi xe lửa hay đi thuyền trên sông, chúng ta thấy cảnh vật ở hai bên đường hay hai bên bờ sông cũng đang chạy, và chúng ta tin như vậy. Khi trưởng thành và đã có nhận thức rõ ràng, cho dẫu vẫn nhìn thấy cảnh vật ở hai bên đường rầy, ở hai bên bờ sông vẫn như đang chạy, nhưng chúng ta hiểu và khẳng định rằng, chỉ có đoàn tàu đang vận hành trên thiết lộ, chỉ có thuyền đang trôi trên sông, cảnh vật thì vẫn đứng yên tại chỗ, không trôi chảy theo con thuyền, không mãi miết đi theo đoàn tàu.

Nhận thức của người lớn, khác với sự hiểu biết của một em bé.

Nhận thức của vị kiến đạo đạt sơ quả Tu-Đà-Hoàn, hoàn toàn khác với người phạm phu tục tử.

Mức độ chứng quả của người phạm phu tục tử nếu tu tập giáo pháp, tìm hiểu chân lý để kiến đạo.

Người phạm trần ở thứ bậc rất thấp, chưa thể đạt đến sơ quả Tu-Đà-Hoàn. Chúng ta vẫn nhìn sự vật theo khái niệm, làm méo mó thực tại. Do trí năng, do sự nhận biết bởi ý thức phân biệt, chúng ta không nhìn sự vật đúng như bản tánh của sự vật đang là.

Đức Phật dạy về những cảnh giới đã vượt xa lục đạo luân hồi, đó là “*Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác.*”

Thập Địa dưới lăng kính Phật Pháp.

Thập Địa [sa. dasabhumi] là mười quả vị tu chứng của các vị Bồ Tát. Có nhiều hệ thống khác nhau, nhưng theo *Bồ Tát Địa* [sa. bodhisattva-bhumi] và *Thập Địa Kinh* [sa. dasabhumi-sutra] thì Thập Địa gồm có:

- 1- *Hoan Hỷ Địa*: tâm hoan hỷ.
- 2- *Ly Cấu Địa*: sạch hết mọi cấu nhiễm phiền não.
- 3- *Phát Quang Địa*: tâm phát sáng.
- 4- *Diệm Huệ Địa*: tâm bừng sáng như núi lửa.
- 5- *Nan Thắng Địa*: hàng phục tà ma ngoại đạo.
- 6- *Hiện Tiền Địa*: tâm Phật hiển hiện.
- 7- *Viễn Hành Địa*: tâm như người đi xa gần đến đích.
- 8- *Bất Động Địa*: tâm bất biến, không bị ngoại cảnh làm lay động.
- 9- *Thiện Huệ Địa*: trí tuệ bừng sáng muôn nơi.
- 10- *Pháp Vân Địa*: mọi giáo pháp đều thông suốt tự tại như mây.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói về phẩm hạnh của Thập Địa rất rõ ràng. Danh từ “*Địa*” ở đây dùng để chỉ giai đoạn tu chứng. Khi một người tu tập đã an trú hay đạt đến một cảnh giới nào đó, tất nhiên sự hiểu biết của họ hoàn toàn khác với người không hề tu tập, không hề tìm hiểu giáo pháp.

Đối với Bồ Tát Đạo, người kiến đạo đã đạt được Diệm Huệ Địa trong Thập Địa. Diệm Huệ Địa còn gọi là Phát Diệm Địa, Huy Diệm Địa, nói đến việc phát huy ngọn lửa của trí tuệ, của trí giác.

Xuất gia là thực hành hạnh giải thoát, vậy làm cách nào để tránh và diệt trừ vô minh?

Nếu một vị Sa Môn mà vẫn có hành động vô minh, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của đạo pháp. Chỉ nói riêng trong phạm vi Phật Giáo, nếu người lãnh đạo tinh thần chạy theo danh vọng, dục vọng..., chỉ biết hơn thua, chỉ biết thị phi bỉ thử, không nhìn thấy sự khổ đau của muôn loài, không nhìn thấy sứ mệnh thiêng liêng cao cả của một tu sĩ, chắc chắn vị Sa Môn này sẽ tạo ra sự hủy hoại khốc liệt, khủng khiếp, đối với đức tin của người Phật Tử nói riêng, đối với quần chúng mọi giới nói chung. Trong tích chuyện Pháp Cú có câu chuyện về “*Thầy Tỳ Kheo Lạc Bầy.*”

Khi đức Phật ở tại Trúc Lâm, có một thầy Tỳ-kheo kết bạn thân với một thầy Tỳ-kheo ly khai Tăng đoàn, thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa. Một ngày kia, đi khát thực về, gặp thầy Tỳ-kheo bạn, thầy nọ hỏi thăm:

- Huynh đi đâu thế?
- Tôi đi khát thực về.
- Có được ai cúng dường không?
- Có.
- Nơi chỗ tôi ở, có nhiều vật thực và tặng phẩm giá trị, Hãy đến chỗ tôi vài hôm.

Thầy Tỳ-kheo nhận lời, lưu lại nhóm của Đề-bà-đạt-đa vài ngày, và sau đó trở về với Tăng đoàn. Các vị Tỳ-kheo trong Tăng đoàn đến mách Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ-kheo kia đã thọ lãnh vật

thực, tặng phẩm của nhóm Đề-bà-đạt-đa, thầy ấy đã theo Đề-bà-đạt-đa rồi.

Đức Phật cho gọi ông thầy họ đến và hỏi:

- Có phải họ mách thầy như vậy là đúng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con ở trong nhóm Tỳ-kheo của Đề-bà-đạt-đa vài ngày, nhưng con không hợp với quan điểm của Đề-bà-đạt-đa.

- Ta thừa nhận rằng ông không theo tà kiến, nhưng ông không có lập trường nhất định nên hay bị lung lạc bởi ý kiến người khác. Trong thuở quá khứ ông cũng đã làm như vậy.

Theo lời các vị Tỳ-kheo yêu cầu, Phật bèn kể chuyện con Voi Damsel-face:

Voi Damsel-face rất ngoan, nhưng khi đi đường nghe một nhóm trộm cướp du đảng nói chuyện thô lỗ với nhau, nó cũng đâm ra hung hăng, bất trị và chạy bậy, giết người. Rồi sau đó, nghe các vị Bà-la-môn luận đạo, nó trở lại ngoan ngoãn. Voi Damsel-face thuở ấy là thầy Tỳ-kheo để tin hôm nay.

Đức Phật kết luận:

- Là một Tỳ-kheo, nên hài lòng với những gì mình nhận được, và không ham muốn những gì người khác có. Nếu ham muốn như vậy chẳng bao giờ đắc Thiền định, Trí tuệ, hoặc Thánh quả. Nếu hài lòng với những gì đang có, ông sẽ có tất cả.

Vì ham mê danh lợi, người tu sĩ có thể bị những thế lực vô minh sai khiến, họ có thể chạy theo những ác đảng tà kiến rất nguy hiểm. Người tu sĩ phải luôn luôn quên mình, hết lòng phục vụ sự an lạc lâu dài

của tha nhân. Cho dầu vì sự phục vụ này có làm cho họ bị tù đày, bị chỉ trích, bị phản đối, người tu sĩ Phật Giáo vẫn quyết tâm đi tới, không để cho những thế lực đen tối nghiền nát sứ mệnh thiêng liêng mà họ đã phát tâm thực hành.

Người tu sĩ Phật Giáo phải tắt sáng ngọn đuốc tuệ giác của bản thân, để soi sáng cho mọi người. Họ không thể bị khuất phục vì danh vọng hay vì dục vọng. Họ cũng không vì quyền lợi của một cá nhân, cũng không vì bản ngã của người A hay người B, buộc phải làm theo chỉ thị của những người sai trái, bởi vì điều này gây hiểm họa khôn lường, làm đổ vỡ mối đạo ngay bây giờ và cả trong tương lai.

Nhiều người quan niệm, nếu không có tham dục, không mong cầu một cuộc sống giàu sang sung sướng hơn, thì cuộc sống vô vị, chẳng có mục đích, chẳng còn lý tưởng. Quan niệm này được hiểu như thế nào?

Tham dục hoàn toàn khác biệt với ước vọng, với hoài bão tốt đẹp. Ác dục khác với thiện dục. Đức Phật không ngăn cấm người ta làm giàu. Ngài chỉ khuyên chúng ta: Đừng vì lòng ham muốn giàu sang của bản thân mà giẫm đạp lên sự đau khổ, sự sống còn hay xương máu của người khác. Ngài khuyên chúng ta nên theo đuổi lý tưởng cao đẹp, nên có thiện nguyện. Đừng để ác dục sai khiến hay thống trị mà hãy dũng mãnh hưng phát Bồ đề tâm.

Đức Phật khuyên chúng ta tăng triển tâm từ bi, phát huy tuệ giác, nỗ lực trau giồi hạnh tinh tấn, nhẫn nhục trước những điều khó khăn, Nhưng ngài

cũng dạy chúng ta phải kiên trì theo đuổi những điều cần thực hiện: Đó là sống đúng với chân lý, cho dầu chúng ta phải chấp nhận thử thách, phải chấp nhận sự chỉ trích, phải chấp nhận những cái nhìn đầy ác kiến của những người mà chúng ta không thể đáp ứng đúng theo bản ngã của họ.

Đứng trên căn bản của Phật Pháp, bóng tối tượng trưng cho vô minh. Nếu trong lòng chúng ta thấp sáng ngọn lửa của bản thể, bóng tối vô minh hoàn toàn bị tiêu diệt. Đây là lý do tại sao mỗi một người phải nỗ lực hành trì, tu tập, để xóa tan sự vô minh trong tâm thức.

Một vấn nạn được đặt ra là, đem trí huệ nhận biết từ ánh sáng của Phật Pháp, nhìn vào thời đại hiện nay, phải chăng ngoài vấn đề tu tập giáo pháp chúng ta cần nên nghĩ đến quốc gia dân tộc. Những thế lực vô minh ở ngoài đời đang tạo ra vô số khổ đau cho đất nước, cho dân tộc. Nhiều vị lãnh đạo tinh thần nói rằng “*Chúng tôi chỉ biết tu hành, không làm chính trị.*” Hai chữ “*chính trị*” ở đây nên được hiểu như thế nào? Phải chăng dù chúng ta không làm chính trị nhưng chúng ta cần có một lập trường, một quan điểm chính trị rõ ràng đối với những thế lực vô minh nào đó?

Nên hiểu tu hành theo nghĩa đơn giản, đó là tạo ra những thay đổi cần thiết đối với bản thân. Thí dụ: Trước đây chúng ta có nhiều sự ham muốn bất thiện, hay nóng giận, nhiều ngã mạn. Chúng ta phải thấy được những khuyết điểm này, để thay đổi, để đời

sống của chính chúng ta có sự quân bình, không hỷ-nộ-buồn-vui bất chợt, không còn nóng giận, không còn những ham muốn phi pháp.

Chỉ tu tập để thay đổi bản thân không thôi vẫn chưa đủ. Chúng ta phải nỗ lực để thay đổi hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh đất nước, như đất nước Việt Nam đang đắm chìm trong khổ đau vì mất tự do, mất dân chủ, không có nhân quyền. Thế giới nhân loại đang chìm ngập trong bất an bởi nạn khủng bố, nghèo đói, thiên tai, nhân họa, kỳ thị, phân biệt, ô nhiễm môi sinh v.v... Chúng ta phải làm thế nào để giúp cho mọi người đều được sống một đời sống thật sự đời an lạc. Bởi vì sứ mệnh của người hành giả là phục vụ tha nhân, mang lại hạnh phúc, sự giải thoát, sự an nhiên tự tại cho muôn loài. Nếu chỉ bình thân ngồi trên bồ đoàn lẩn tránh chuỗi, thiền quán, mà không quan tâm gì để nổi thống khổ của muôn loài thì rõ ràng chưa thể hiện được lòng từ bi mà ba đời mười phương chư Phật đã khai thị. Đức Phật dạy những ai mang tâm vị kỷ, xoay lưng lại với nỗi khổ đau của tha nhân, người đó là hàng “*tiêu nha bại chủng*.”

Khi người tu sĩ thực hiện một hành động gì đó mang lại an lạc, hạnh phúc cho toàn thể xã hội vì tâm từ bi, vì lòng hướng thiện, vì lẽ phải, nhiều người hiểu lầm cho rằng vị tu sĩ đó làm chính trị. Hiểu như vậy là đã hiểu không đúng giáo pháp của Đức Phật. Vì không hiểu lời dạy của Đức Thế Tôn, vì không hiểu sự lợi hành của một bậc Sa Môn nên một ít người đã bị họ chỉ trích, lên án những người đã hy hiến

cuộc đời cho tha nhân là đang làm chính trị, trong khi những vị chân tu này chỉ vận động tranh đấu cho tự do, dân chủ, cho sự an lạc đích thực của con người.

Nói đến bóng tối và ánh sáng, ai cũng thích chọn ánh sáng, không ai muốn bị sống trong bóng tối, đầy đau khổ. Cầu nguyện mỗi một người trong chúng ta thành tâm nỗ lực nghiên cứu, áp dụng giáo pháp của Đức Phật vào đời sống thực tế để chúng ta không những chỉ tắt sáng đời sống của bản thân, mà còn giúp tắt sáng tuệ giác cho nhân loại. Ngọn lửa được tắt lên từ bản thể thanh tịnh của mỗi một chúng ta sẽ chiếu phá vô minh và chấm dứt đau khổ cho vô lượng sinh thể.

Chương 18

NIỆM ĐẲNG BỔN KHÔNG

Ý Niệm Và Mọi Thứ Vốn Là Không

第十八章。念等本空

Hán văn:

佛言。吾法念無念念。行無行行。言無言言。修無修修。會者近爾。迷者遠乎。言語道斷。非物所拘。差之毫釐。失之須臾。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Ngô Pháp, niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu. Hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ. Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu, sai chi hào ly, thất chi tu du.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Pháp của ta niệm, nhưng không có người và đối tượng niệm; làm, nhưng không chấp làm hay việc làm; nói, nhưng không chấp nói hay ngôn ngữ; tu, mà không chấp tu hay pháp môn tu. Người hiểu được thì gần đạo, người mê thì cách xa; dứt đường ngôn ngữ, chẳng bị vật gì ràng buộc; sai chỉ một hào ly, mất trong khoảnh khắc.

*Anh ngữ:***Chapter 18: The No-mind Doctrine**

The Buddha said, “My doctrine is to think the thought that is unthinkable, to practice the deed that is not-doing, to speak the speech that is inexpressible, and to be trained in the discipline that is beyond discipline. Those who understand this are near, those who are confused are far. The way is beyond words and expressions, is bound by nothing earthly. Lose sight of it to an inch, or miss it for a moment, and we are away from it forevermore.”

Lược giảng:

Chương 18 “*Niệm Đẳng Bốn Không*” của Kinh Tứ Thập Nhị Chương là giáo pháp uyên áo chứa đựng toàn bộ tư tưởng cốt lõi của Giáo Pháp Đại Thừa. Đây là cao điểm của giáo nghĩa thậm thâm vi diệu của bộ kinh, vì thế được cho là Chương khó hiểu nhất, nếu so với các chương trước đây. Ý nghĩa trong chương 18 lên đến cực điểm của sự uyên áo, của sự huyền diệu, rất sâu thẳm.

Ngài muốn nói đến giáo pháp cực đại siêu việt vượt trên tất cả mọi khái niệm, mọi ký hiệu, mọi ngôn ngữ, mọi tên gọi, mọi hình tướng, kể cả trên mặt hiện tượng luận hay bản thể luận cũng vậy. Chương 18, vì vậy, không còn nằm trong phạm trù khái niệm, hay sự lý giải theo trình độ kiến thức thế tục.

Có lẽ chúng ta ai cũng đều biết câu truyện người mù sờ voi. Một hôm có một vị vua ra lệnh cho người

hầu mang một số những người bị mù từ thuở bé tụ họp lại ở một nơi. Sau đó vua cho sai đem một con voi đến để cho các người mù nhận diện.

Người mù thứ nhất được sờ đầu của con voi, người mù thứ hai được sờ lỗ tai con voi, và rồi những người mù khác tuần tự được sờ vòi của voi, thân, ngà, chân và đuôi của nó. Sau đó vì vua hỏi, “*Này các ông, các ông hãy nói cho ta nghe, con voi giống như thế nào?*” Và mỗi người mù trả lời theo kinh nghiệm của chính mình: con voi giống như là một bình tưới nước, một cái đòn xóc, như một cây quạt, một cái thúng sàng thóc to, một cây cột, một cây chổi.

Thể tính của mọi hiện tượng là không tánh. Vì là không tánh nên trống lạng, không hình tướng, không thể trạng, không tên gọi, không có bất cứ điều gì để gán ghép vào. Nếu tìm mọi cách gán cho sự không tánh này theo cái tâm “*chấp-trước,*” chúng ta sẽ cách Đạo rất xa. Đây là sự phá chấp triệt để, toàn diện. Chỉ bằng tâm vô ngã, chúng ta mới tiếp xúc được thực tại mầu nhiệm.

Thế nào là “*ngĩ mà không nghĩ?*”

Đức Phật muốn giảng dạy: Đừng chấp-trước vào bất cứ một khái niệm, một tư duy, một ý niệm nào. Nếu chấp vào những điều này, chúng ta sẽ bị vướng mắc. Thí dụ: Hình ảnh sư tử vàng trong Kim Sư Tử Chương. Sư tử và vàng là một. Tuy nhiên khi nhìn vào, đôi khi chúng ta thấy có vàng, đôi khi thấy có sư tử, nhưng không thấy được sự đồng nhất vô ngại,

viên dung ngay trong hình thức của sứ tử và kim loại vàng. Vàng tượng trưng cho không tính, cho bản thể. Sứ tử tượng trưng cho hiện thực, có nghĩa là thế giới hiện thực tương đối còn có sự so sánh, còn có sự đấu đá.

Có một chuyện kể rằng, có lần Ma vương và Phật hóa thân ra hai người thường và cùng đi dạo với nhau trên đường. Cả hai thấy có một người đang đi phía trước. Anh ta đang đi bỗng dừng lại và nhìn thấy một vật gì đó sáng lóng lánh dưới đất, anh cúi xuống nhặt vật ấy lên xem, lộ vẻ vui mừng và cất vào túi áo của mình. Phật quay sang hỏi Ma Vương, *“Ông biết người ấy nhặt được cái gì đó không?”* Ma Vương đáp, *“Biết chứ, anh ta nhặt được một mảnh của chân lý.”* Phật hỏi tiếp, *“Thế ông không sợ là anh ta sẽ biết được chân lý sao?”* *“Tôi không sợ đâu Ngài, vì tôi biết rằng anh ta sẽ giữ gìn mảnh chân lý nhỏ bé ấy và cho đó là toàn thể chân lý!”*

Chúng ta thường quan sát bằng cái nhìn của ý thức, không quan sát bằng cái nhìn của trí tuệ. Một khi dùng trí tuệ để nhìn, chúng ta sẽ tiếp xúc trực tiếp với thực thể mẫu nhiệm của thực tại như thật. Chúng ta cũng sẽ không còn thấy sự phân biệt, không còn thấy sự phê phán, tất nhiên là ở bình diện thấp.

Cũng giống như vậy, khi nhìn bình hoa giả trước mắt, chúng ta thường suy nghĩ xem: Trong tự điển, trong văn chương đã từng định nghĩa, từng ví von cảnh hoa này như thế nào v.v... Nhưng là người ngộ đạo, một khi nhìn bình hoa giả, hay nhìn bất cứ vật thể, bất cứ hình dạng nào, chúng ta không hề bị

vướng mắt bởi sự chấp-trước, cũng không bị lệ thuộc vào những định kiến. Chúng ta thấy rất rõ ràng thực tướng, thấy rõ ràng tự tánh của sự vật là như vậy. Điều này rất quan trọng, vượt lên tất cả những khái niệm, những ngôn ngữ, những suy nghĩ.

Thế nào là “*làm mà không làm?*”

Điểm này thể hiện điều chúng tôi từng trình bày, đó là “*Vô duyên đại từ, vô công dụng hành.*” Làm mà không chấp, làm chỉ vì đại bi tâm, không làm vì bị vướng mắc vào hành động này hay hành động khác. Tất nhiên chỉ có thể thực hành điều này khi đã tu tập thành tựu những phẩm hạnh thanh tịnh, khi đã làm những điều cần làm. Không phải làm biếng rồi cho rằng “*làm mà không làm.*” Hiểu như vậy thật quá nguy, không đúng với ý nghĩa “*hành vô hành*” mà Đức Phật dạy.

“*Làm mà không làm*” là tinh thần phá chấp triệt để, không còn bị ràng buộc vào bất cứ điều gì. Đây là lẽ huyền siêu trong “*Niệm Đăng Bồ Đề Không*” của chương 18. Vì thời gian của chương trình “*Sống Đúng Chánh Pháp*” không dài, chúng tôi chỉ có thể nói giản lược, ngắn gọn về ý niệm này.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.*” Nghĩa là cái gì có tướng đều là hư vọng. Thấy các tướng chẳng phải là tướng thì mới thấy Như Lai. Nếu chúng ta còn thấy hình tướng nào đó, còn thấy thể chất nào đó,

thì không thể thấy Như Lai. Trong *Trung Luận*, *Hồi Chánh Luận*, *Thập Nhị Môn Luận*, *Đại Trí Độ Luận*; đặc biệt trong *Kinh Kim Cang*, trong *Bộ Đại Bát Nhã*, đây là tư tưởng siêu việt vượt lên trên mọi biện chứng pháp. Có thể nói đây là tư tưởng siêu biện chứng pháp.

Làm một việc gì đó thật vô tư, không vụ lợi, có thể được xem là đã “*làm không làm*,” theo tinh thần Đức Phật dạy về “*Niệm Đẳng Bồng Không*” hay không?

Nói cho đúng những gì chúng ta làm đều vụ lợi, nhưng không chấp-trước vào việc làm. Tuy nhiên phải biết điều đúng, điều sai; không nhắm mắt làm tùy tiện.

“*Tướng*” tượng trưng cho điều gì?

“*Tướng*” tượng trưng cho thể trạng, hình tướng thuộc về sắc. Thí dụ: Tướng của cây viết gồm có đầu bút, màu xanh, nắp và vỏ... Tướng của tràng chuối bồ đề gồm có nhiều hạt, màu nâu, v.v... Nhưng “*Tánh*” của cây bút, của tràng chuối chúng ta không thể thấy. Cũng giống như vậy, trong mầm của một hạt cây nào đó, cho dầu nghiền nát hạt này ra, chúng ta cũng không thể nào thấy mầm của hạt. Bởi vì mầm không nằm trong hạt; nhưng nếu không có những yếu tố hay nhân duyên tạo thành hạt, cũng không thể nào có mầm. Đây là sự kết hợp, tương duyên, tương sinh, trùng trùng duyên hợp. Phải thấy được cái lý của trùng trùng duyên khởi, mới không chấp, mới thấy được thể tánh của các pháp là không tánh.

Thế nào là “*nói mà không nói?*”

Giáo pháp của Đức Phật siêu việt, vượt qua mọi ngôn ngữ mà con người thường sử dụng. Thí dụ: Chúng ta nói “*Đây là chân lý.*” Nhưng chân lý không nằm trong bốn chữ “*Đây là chân lý.*” Không ai có thể nắm bắt được chân lý trong bốn chữ nói trên.

Một thí dụ dễ hiểu hơn. Chúng ta nói “*Đây là đóa hoa.*” Đóa hoa không nằm trong bốn chữ “*Đây là đóa hoa.*”

Nếu chúng ta chấp vào bốn chữ “*Đây là chân lý,*” hay bốn chữ “*Đây là đóa hoa,*” ngay lập tức chúng ta bị vướng mắc.

Những thí dụ nói trên không diễn tả đủ chiều cao và độ sâu của giáo pháp.

Cũng giống như vậy, bản thân của kinh điển không phải là chân lý. Kinh điển là những loại chữ được sắp xếp, in ấn thành quyển sách. Kinh điển chỉ là phương tiện, giúp chúng ta hiểu về chân lý. Chân lý và thực tại không nằm trong những điều đơn giản, như chúng ta vẫn hiểu. Nếu không tu tập, không áp dụng giáo pháp, chắc chắn chúng ta không thể nào thể nhập vào chân lý.

Có vị Tăng hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ, một Thiền sư lớn của Việt Nam vào cuối thế kỷ 13:

“*Thế nào là Đạo?*”

Thượng Sĩ đáp: “*Đạo không dính dấp gì đến câu hỏi, câu hỏi không dính dấp gì đến Đạo!*”

Lại hỏi: “*Các hàng Thạc đức ngày xưa nói: ‘Vô tâm tức là Đạo,’ có phải vậy không?*”

Thượng Sĩ đáp: “*Vô tâm chẳng phải là Đạo, không Đạo cũng không tâm. Nếu họ bảo vô tâm là Đạo, thì tất cả cỏ cây đều là Đạo hay sao? Còn nếu bảo vô tâm không phải Đạo, thì cần gì phải nói Là với Không là?*”

Sau đó Ngài nói kệ:

“*Vốn không tâm không Đạo,
Có Đạo chẳng vô tâm.
Tâm-Đạo vốn hư tịch,
Nó ở đâu mà tìm?*”

Chúng ta luôn sai lầm và chấp chặt vào ngôn ngữ văn tự, chúng ta lệ thuộc vào nó, và cho đó là chân lý. Đức Phật dạy: “*Tứ thập cửu niên lai, ngã vị tăng thuyết nhất tự.*” Nghĩa là trong suốt 49 năm, ngài chưa từng nói, chưa từng giảng một lời nào. Thật ra Đức Phật nói rất nhiều, Ngài nói Tam Tạng Kinh Điển, không phải làm thinh không nói gì. Đây là tinh thần phá chấp triệt để. Ngài muốn chúng ta phải trực diện tiếp xúc với chân lý, đừng bị vướng mắc bởi ngôn ngữ, hay văn từ chương.

Thí dụ: Khi Đức Phật đưa tay chỉ mặt trăng. Chúng ta không nên nhìn ngón tay, mà phải chú ý đến mặt trăng. Nếu chỉ chú mục vào ngón tay, không bao giờ có thể thấy mặt trăng.

Thế nào là “*Tu mà không tu?*”

Cũng giống như sự diễn giảng các phần ở trên, “*Tu mà không tu*” nhấn mạnh đến tinh thần phá chấp triệt để. Chúng ta tu tập tất cả mọi pháp môn một cách nghiêm túc, một cách tinh tấn, không bị chấp-trước hay vướng mắc vào các pháp. Có nhiều người càng tu bản ngã càng lớn. Họ thường nói: “*Tôi tu điều này, tôi tu điều kia...*,” nghe rất vĩ đại; nhưng họ càng tu càng bị mắc kẹt trong giáo điều, trong kinh sách. Tu mà không chấp mình tu. Kinh *Kim Cang* dạy rất rõ về tinh thần vô ngã.

Hòa thượng Châu Hoằng soạn quyển *Truy Môn Sùng Hạnh Lục* nêu bày mười hạnh lành của người xuất gia. Có vị tăng đến nói với Sư:

- Trong pháp của tôi, một mảy bụi cũng chẳng lập, mười hạnh lành sẽ dùng vào đâu?

Sư bảo:

- Năm uẩn lằng xằng, bốn đại đầy dẫy, sao bảo là không mảy bụi?

Vị tăng nói:

- Nhưng bốn đại vốn không, năm uẩn chẳng phải có.

Sư liền tát cho ông một tát bảo:

- Kẻ học nói như mè, như thóc, chưa đúng, hãy nói lại!

Ông tăng lộ vẻ bực tức, đứng dậy. Sư cười bảo:

- Bụi bặm phủ đầy mặt rồi, sao ông chẳng phải đi?

Qua câu chuyện ngắn ngủi, cho ta thấy, người học

đạo trước nhất phải soi lại chính mình, để thấy rõ ngã tướng, chấp thủ của mình mà giải trừ, chớ kiêu căng ngã mạn.

Phá chấp hiểu đơn giản là vượt lên trên mọi phạm trù tư tưởng, mọi sự suy nghĩ, mọi thể loại ngôn ngữ. Dứt bỏ mọi ý niệm chấp-trước về pháp môn, về đạo đế, dứt bỏ thái độ bảo thủ về đối tượng diệt độ. Đây chính là sự tu tập, hành pháp giải thoát cứu cánh, giải thoát đúng nghĩa. Trong kinh *Bát Đại Nhân Giác*, hay nhiều bộ kinh khác có viết: “*Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt.*” Nếu con đường ngôn ngữ vẫn còn tồn tại, sự vận hành tâm thức vẫn hiện hữu, không thể đoạn trừ chướng ngại, thì cũng không thể đạt đạo. Đây là điều rất quan trọng.

Đạo có phải là Pháp hay không?

Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương phần 9 “*Thành Bồ Đề*” định nghĩa về Đạo rất rõ: “*Bồ đề, thủ vân đạo dã, giác dã.*” Đạo là con đường, là sự giác ngộ, là lý tánh tuyệt đối, bản thể siêu việt. Đạo ở đây được hiểu là giác ngộ, vì dịch từ hai chữ Bồ-Đề [Bodhi]

Nếu là con đường giác ngộ, thì bản thân của con đường chính là chân lý, không phải đi đến chặng cuối của con đường mới thấy chân lý. Chân lý là đương thể, là hiện thể, đang có mặt ngay trong cuộc hành trình của mỗi người.

Ngài Huyền Trang dịch “*đường*” là Đạo. Ngài La Thập dịch “*đường*” là Vô Thượng Trí Giác, tức là Tuệ Giác Siêu Việt. Vì thế Đạo ở đây được hiểu là giác ngộ.

Con đường nào tiến gần đến với đạo?

Phương cách có thể đạt đạo là áp dụng Tam Quán.

Thiên Thai Tông của ngài Trí Giả Đại Sư quán về Không Giả và Trung Quán.

Hoa Nghiêm Tông quán về Chân Không, về Lý Sự Vô Ngại, về Trung Dung, bao gồm tất cả những cách chuyển biến hàng chục, nói về sắc và không, nói về tướng tức, tướng tại, tướng dung, v.v... Nói “*tức*” nhưng là “*phi*.” Đây là những điều rất cao siêu, nếu không nghiên cứu chúng ta sẽ không hiểu được. Có nhiều thời gian, chúng tôi sẽ đưa ra những thí dụ, để giúp quý vị nắm bắt được một phần rất nhỏ của Tam Quán. Tuy nhiên chỉ thực hành tu tập, chúng ta mới có thể hiểu được về các phép Quán.

Thế nào là “*Con đường ngôn ngữ bị cắt đứt, chẳng bị bất cứ vật gì ràng buộc. Chỉ sai một hào ly, sẽ mất tất cả.*” Sai điều gì? Nếu đi sai, chúng ta sẽ mất điều gì?

Có một câu chúng ta thường nghe nói: “*Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan. Ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết.*” Nghĩa là: Cứ khư khư bám vào ngôn ngữ để giải nghĩa kinh sách, thì oan cho ba đời Đức Phật. Chỉ cần xa rời một chữ trong kinh tức khắc sẽ rơi vào con đường tà đạo của ma, chứ không phải của Đức Phật. Nếu không cẩn trọng, chỉ trong tích tắc chúng ta sẽ bị mất tất cả. Sự mất ở đây là mất tuệ giác, mất trí giác, mất an lạc, mất giải thoát, mất giác ngộ.

Chương 18 chuyển tải nội dung bất tận về sự yên

áo, sự mâu nhiệm, sự sâu thẳm trong giáo pháp của Như Lai. Một Phật Tử tại gia làm sao có thể áp dụng những điều này trong đời sống?

Muốn áp dụng theo lời Đức Phật dạy trong chương 18, chúng ta phải đầu tư thời giờ nhiều hơn để quán chiếu. Đứng trước bất kỳ một sự vật nào đó, chúng ta cố gắng tuân theo lời giảng dạy của Đức Phật, để có thể nhìn thấy thực tại như thật của sự vật, không nhìn qua hình tướng, hay nhìn bằng những phương cách mà nhiều thế hệ đã diễn tả. Bởi vì tất cả mọi sự diễn tả về thực tại, không thể nào lột tả trọn vẹn những điều giúp chúng ta hiểu về thực tại.

Sự tu tập hàng ngày sẽ giúp từng người hiểu được sự vô thường, sự huyễn hóa, thế nào là không tánh, thế nào là thực tại mâu nhiệm.

Một tu sĩ giác ngộ và thực tập được những lẽ huyền siêu trong chương 18, có thể được gọi là bậc chân tu đã đắc đạo hay không?

Nếu thực tập đúng, hiểu đúng, thấy được mọi hiện tượng như là chính nó, thì vị tu sĩ đó được gọi là bậc chân tu đắc đạo.

Đức Phật thường dạy: “*Như Lai kiến tam giới, bất như tam giới soi kiến.*” Đức Phật thấy ba cõi, cõi dục, cõi sắc, và cõi vô sắc, không giống như thế giới chúng ta đang thấy.

Tiếng Anh có câu: “*We see the world, not as it is, but as we are.*” Chúng ta nhìn thấy thế giới, không như chính thế giới đang là, mà nhìn thấy thế giới như

chúng ta muốn. Dựa trên ý niệm này, chúng ta cần phải nhìn thấy ba cõi như ba cõi đang là.

Chương 18 là chương cao vời, siêu việt. Chúng ta cố gắng nghiền ngẫm, cố gắng quán chiếu, để có thể nhận biết chân lý đang hiện hữu thật mầu nhiệm trước mắt chúng ta. Có như vậy mới rũ bỏ được mọi lo âu, sợ hãi, căng thẳng – những điều chúng ta không muốn xuất hiện trong đời sống. Chúng tôi cầu nguyện cho quý vị luôn luôn có tinh thần minh mẫn, kiên định, trong lúc đi trên lộ trình hướng đến giải thoát, giác ngộ.

Trong *Luận Đại thừa Khởi Tín*, Tổ Mã Minh đã dạy:

“Thể của tâm xa lìa tất cả niệm, vì vốn vô niệm. Giống như hư không, bao trùm khắp các chỗ. Pháp giới một tướng chính là Pháp thân bình đẳng của các Đức Như Lai. Pháp thân này tất cả chúng sanh vốn có, do vậy mà gọi là Bản giác... Vì thế chúng sanh nào quán chiếu Vô niệm, chúng sanh ấy đã hướng về Trí Phật.”

Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, muốn trao truyền y bát cho người kế thừa, ngài đã chọn Tổ Huệ Năng qua bài kệ mà ngài Huệ Năng đã viết để đối lại với Thượng tọa Thần Tú. Đọc bài kệ của người học trò mà sử truyện cho là không có trình độ như Thượng tọa Thần Tú, hơn ai hết Ngũ tổ Hoằng Nhẫn biết rằng ngài Huệ Năng mới là người đạt ngộ trong khi ấy Thượng tọa Thần Tú còn phải tiếp tục tu tập thêm.

Sau đây là bài kệ của Thượng tọa Thần Tú:

身是菩提樹
心如明鏡臺
時時勤拂拭
勿使惹塵埃

*(Thân thị bồ-đề thọ
Tâm như minh kính đài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhạ trần ai.)*

Nghĩa là:

*Thân là cây bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Thường lau chùi sạch sẽ
Chớ để bụi trần bám.*

Bài kệ của Lục tổ Huệ Năng;

菩提本無樹
明鏡亦非臺
本來無一物
何處惹塵埃

*Bồ-đề vốn vô thọ
Minh kính diệc phi đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai?*

Nghĩa là:

*Bồ-đề vốn không cây
Gương sáng cũng chẳng đài*

*Xưa nay không một vật
Bụi trần bám vào đâu?*

Bài kệ của Tổ Huệ Năng là bài kệ kiến tánh, vượt trên sự tướng bình thường, không còn có năng và sở, cũng chẳng vướng mắc bởi khái niệm ngữ ngôn, đó tâm vô quái ngại và đó cũng là lý do tại Ngũ tổ Hoàng Nhãn đã trao truyền y bát cho Lục tổ Huệ Năng.

Lục Tổ Huệ Năng dạy:

“Thế nào gọi là vô niệm?”

*Nếu thấy tất cả các pháp mà tâm không bám
nhiễm, đó chính là vô niệm...*

Ngộ được pháp vô niệm thì muôn pháp đều thông.

Ngộ pháp vô niệm thì thấy cảnh giới chư Phật.

Ngộ pháp vô niệm thì đến cảnh giới của Phật”

Chương “Tự Tánh Thanh Tịnh” của Kinh Thắng Man dạy rằng: “Như Lai tạng không sanh không tử. Như Lai tạng không có tướng hữu vi. Như Lai tạng thường trụ bất biến...”

Phẩm “Tu Di Đảnh Kệ Tán” của Kinh Hoa Nghiêm, đã xưng tán chư Phật rằng:

“Nơi pháp không chấp thủ

Không niệm cũng chẳng nhiễm

Không trụ không xứ sở

Trong pháp tánh chẳng hoại.

Trong Không, không có hai

Không hai cũng không có

Ba cõi thấy đều Không

*Là chỗ thấy chứ Phật...
Chẳng thân mà nói thân
Chẳng khởi mà hiện khởi
Không thân cũng không thấy
Là Phật thân vô lượng.”*

Khi nghiên cứu kỹ Kinh Đại Bát Nhã, chúng ta thấy rằng chương 18 này không khác gì giáo nghĩa tánh không của văn hệ tư tưởng Bát Nhã mà Phật Giáo Đại Thừa xem là chủ yếu.

Chương 19

CHÂN GIẢ TINH QUÁN

Quán Xét Cả Thật Lẫn Giả

第十九章。假真並觀

Hán văn:

佛言。觀天地。念非常。觀世界。念非常。
觀靈覺。即菩提。如是知識。得道疾矣。

Phiên Âm:

***Phật ngôn: Quán thiên địa, niệm phi thường;
quán thế giới, niệm phi thường; quán linh
giác, tức Bồ-đề; như thị tri thức, đắc Đạo tột hỷ.***

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Quán trời đất, nghĩ là chẳng phải thường hằng; quán thế giới, nghĩ là chẳng phải thường hằng; quán linh-giác tức là Bồ-đề; hiểu biết như thế thì đắc đạo rất nhanh.

Anh ngữ:

Chapter 19:

Meditate on the Illusive and the Real

The Buddha said: “Look up to heaven and down on earth, and they will remind you of their impermanency. Look about the world, and it will remind you of its impermanency. But when you gain spiritual enlightenment, you shall then find wisdom. The knowledge thus attained leads you anon to the Way.”

Lược giảng:

Đức Phật dạy chúng ta nên quán tưởng đạo lý “*nhất thiết duy tâm tạo – tất cả đều do tâm,*” đồng thời cần phải gạt bỏ mọi sự giả dối, chỉ giữ gìn chân thật. Trời ở trên che chở, đất ở dưới nâng đỡ chúng ta. Đối với kẻ phàm phu trời và đất đều “*thường trụ, bất hoại.*” Thật ra, trời và đất cũng có sự “*thay cũ đổi mới,*” không phải hằng thường, bất biến. Ngài dạy chúng ta những đối tượng để quán chiếu, để nhanh chóng hiểu biết và đắc Đạo.

Trong kinh *Tăng Chi* đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, những ai sống tùy quán vô thường liên tục trong tất cả thời, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập, vị ấy với sự diệt tận lậu hoặc ngay trong hiện tại, chứng đạt giải thoát. Hạng người như vậy đáng được cung kính, là phước điền vô lượng.*”¹

Quán trời đất, quán vũ trụ vô thường.

Vũ trụ là khái niệm mô tả thời gian, không gian. Trong giáo pháp của Phật Giáo, thời gian có ba thì Quá Khứ, Hiện Tại, và Tương Lai. Nói rộng ra thì có Tiểu Kiếp, Trung Kiếp, và Đại Kiếp. Một tiểu kiếp được tính là 16 triệu năm, thời gian rất dài. Từng kiếp lại có một chu kỳ thành kiếp, trụ kiếp, hoại kiếp và không kiếp, tức là thành-trụ-hoại-không.

Đức Phật dạy không gian có ba cõi, đó là cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô Sắc. Trong cõi dục có nhiều hành

1. Kinh Tăng Chi II, trang 563.

tĩnh, nhiều thế giới, nhiều thiên thể; đây là dây ngân hà bất tận.

Nói về vũ trụ là nói đến những điều bao gồm cả thời gian và không gian.

Nhìn dưới lăng kính vũ trụ quan, Đức Phật dạy vô thường là chu trình luôn luôn biến dịch, luôn luôn vận hành, theo chu trình thành-trụ-hoại-không.

Nhưng trên bình diện nhân sinh quan, ngài lại dạy vô thường theo chu kỳ sinh-trụ-dị-diệt. Mỗi một sự vật, mỗi một sự kiện thay đổi nhanh chóng, liên li, theo dòng chảy bất tận. Bản thân của sự vật là vô thường, không ở trong thể tịnh, không thường hằng, luôn luôn biến động, v.v... Trong *Tương Ưng Kinh* Phật nói: “*Này các Tỳ kheo, cho đến một vật thể nhỏ cũng không thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại.*”²

Vào thời Đức Phật còn tại thế, tại thành Xá Vệ có một thiếu nữ tên là Kisa thuộc giai cấp hạ liệt, thấp kém, ở đợ, làm mướn. Vì thế khi lấy chồng cô bị nhà chồng khinh khi, hành hạ đủ điều. Tuy nhiên, sau khi sinh cho nhà chồng một đứa con trai, cuộc sống cô bắt đầu thay đổi, được yêu mến và đối xử tốt hơn.

Nhưng chẳng bao lâu, điều bất hạnh lại ập đến với cô, đứa con cô qua đời vì cơn bạo bệnh. Cô trở nên điên loạn, đau khổ tột cùng, ôm xác con chạy khắp nơi với hy vọng sẽ được cứu chữa.

Có người vì quá xót thương nên hướng dẫn cô đến

2. Kinh Tương Ưng III, tr 172.

gặp Như Lai Thế Tôn, mong nhờ đức Phật tế độ. Khi đến, cô tha thiết cầu xin Như Lai Thế Tôn cứu sống con mình. Biết được nhân duyên sâu xa, đức Phật liền hứa sẽ giúp cô cứu sống đứa trẻ. Phật nói: *“Này thiếu nữ, con hãy đến nhà nào chưa từng có người chết xin về đây cho ta vài hạt cải, ta sẽ cứu sống đứa bé cho con.”*

Tin chắc rằng con mình sẽ được cứu sống nếu có được vài hạt cải trong một gia đình không có người chết, cô liền phấn khởi ra đi, trong lòng mừng thầm vô hạn. *“Hạt cải nhà nào cũng có,”* cô nghĩ như thế, nên vô cùng sung sướng, lòng tràn đầy hy vọng, vì trong chốc lát đây con cô sẽ được cứu sống nhờ những hạt cải nhiệm mầu.

Hạt cải thì nhà nào cũng có, nhưng tìm nó trong một gia đình không có người chết thì quả thật là không thể được. Cô dốc hết sức, lê la khắp nơi, gõ cửa mọi nhà nhưng nhà nào cũng có người chết. Thất vọng và mệt mỏi, cô ngã quy xuống, nhìn thể xác đã cứng đờ của đứa con yêu quý mà thương tâm bao trùm. Bỗng trong tâm cô lóe lên một tia sáng, cô ngộ ra lẽ vô thường của kiếp nhân sinh. Ai rồi cũng phải chết, yêu thương mà phải xa lìa là một nỗi khổ tột cùng của cuộc đời.

Sau đó cô đem xác con vào rừng an táng rồi về bạch với Đức Phật:

“Kính bạch Thế Tôn, con đã tìm ra hạt cải của sự vô thường rồi, con đã đưa xác đứa bé bỏ vào rừng.

Bây giờ con cảm thấy trong lòng thoải mái và nhẹ nhõm hơn.”

Nhân đó, đức Phật khai thị cho cô nghe, “*Trên đời này, có sinh là có tử, yêu thương xa lìa khổ, không có cái gì là cố định cả, tùy theo nhân duyên, tùy theo điều kiện mà nó đổi thay sớm hay muộn mà thôi.”*

Sau khi nghe đức Phật dạy, cô chứng được quả Dự Lưu, tức đã vào dòng Thánh, từ nay về sau không còn đọa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Sau đó, cô phát tâm xin đức Phật cho xuất gia làm Tỳ kheo ni; nhờ luôn siêng năng, tinh tấn tu hành, cuối cùng cô đã chứng quả A-La-Hán.

Sự hiểu biết cũng như suy nghĩ của chúng ta về hai chữ vô thường rất giới hạn. Rất nhiều người trong chúng ta không thể nghĩ đến được, cũng không thể nghĩ đến những điều chẳng thể nghĩ bàn. Đó là lý do tại sao trong chương 18 Đức Phật dạy rằng “*Nghĩ mà không nghĩ.*” Có nghĩa là không có đối tượng để nghĩ, cũng không có chủ thể nghĩ. Điều này vượt lên khỏi khái niệm chủ thể và khách thể.

Khi nhìn thấy vô thường một cách toàn diện là lúc chúng ta đến gần sự giải thoát, khi vượt lên trên những đối cực “*thường, đoạn,*” v.v... Tất cả chỉ là tên gọi, là giả danh, là sự phân biệt của trí não đầy vô minh. Khi nhìn thấy bản chất của đời sống là vô thường, là huyễn hóa, là vô ngã, chúng ta thực sự bước vào cánh cửa giải thoát, giác ngộ.

Cách để nhận biết sự vô thường một cách toàn diện, để có thể bước vào cánh cửa giải thoát, giác ngộ.

Muốn nhận biết rõ bản chất vô thường của vũ trụ, muốn bước vào cánh cửa giải thoát, giác ngộ, con đường duy nhất đó là thường xuyên quán chiếu. Nhiều người có sự suy nghĩ rất lạ lùng, đó là khi đến chùa nghe các vị Sa Môn thuyết pháp, hay khi ở nhà nghe băng giảng, thường nghĩ: Hai chữ vô thường rất bình thường, có thể hiểu được, có thể ngộ được. Trên thực tế hoàn toàn không giống như vậy. Thí dụ: Đối diện với sự đổi thay hay cảm nhận sự đau buồn vì bị mất người thân, vì bị mất của cải, vì bản thân mắc bệnh hiểm nghèo... Nếu hiểu được lẽ vô thường, chúng ta không có gì phải lo, không có gì phải sợ hãi. Nhưng bởi vì chưa giác ngộ, chưa hiểu rõ ý nghĩa của hai chữ “*vô thường*” một cách triệt để, nên chúng ta còn có nhiều buồn phiền, đau khổ.

Muốn chấm dứt khổ đau sợ hãi, nên thường xuyên tiếp tục thực hiện phép quán chiếu vô thường, để thấy được sự thay đổi không hề ngưng nghỉ trong đời sống, trong bản thân, cả trong trong dòng cảm nghĩ. Chỉ cần nhận ra sự thay đổi, chúng ta đã tỉnh ngộ, đã có thể rũ bỏ hệ lụy hi-nộ-ái-ố của cuộc đời.

Điều này đòi hỏi công phu tu tập lâu dài. Không thể chỉ nói hay nghe nói giáo pháp, mà có thể đạt đạo. Không thể chỉ đọc nhiều hay nghiên cứu nhiều, mà có thể đạt đạo. Tất cả những điều này chỉ là cách tích lũy kiến thức. Nếu không áp dụng sự hiểu biết vào đời sống, chúng ta không thể thành đạo.

Phương pháp quán chiếu.

Đức Phật dạy, mọi người nhìn thế giới vũ trụ, nhìn trời đất nhận biết sự đổi thay. Trong thời đại hiện nay, khám phá của các nhà khoa học về vũ trụ, về thiên văn, giúp nhân loại biết rõ hơn về sự vô thường. Có những ngôi sao đã tắt từ nhiều triệu năm ánh sáng. Nhưng với con mắt phàm nhân, chúng ta không thấy được sự kiện này.

Thí dụ đơn giản nhất mà chúng tôi thường nhắc đến, đó là màu sắc của cành hoa. Màu xanh của lá trên cành hoa đang dần phai. Nhưng dù cành hoa đang ở trước mắt, chúng ta vẫn không thể nào nhận ra sự thay đổi này. Không phải mười năm sau, mà màu xanh trên bức tường mới biến thành màu trắng, mà màu sắc của bức tường đã đang thay đổi trong thời điểm hiện tại.

Từng bộ phận trong cơ thể của chúng ta mỗi ngày đều thay đổi, mỗi ngày đều bắt đầu lão hóa, nhưng chúng ta không thấy cũng không nhận biết. Như tóc trên đầu của chúng ta đang dài, đang bắt đầu bạc; trí nhớ bắt đầu suy giảm theo thời gian, theo tuổi đời. Phải thấy được thực tế này, mới có thể thoát khỏi những khổ vọng mà mỗi một người phải đối diện trong cuộc sống.

Quán linh giác tức bồ đề.

Là quán về giác tánh, về Phật tánh của bản thân. Linh giác này luôn luôn ngời sáng, thường hằng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm...

Quán linh giác cũng có nghĩa là quán bồ-đề, nói về sự giác ngộ.

Quán linh giác để thấy Phật Tánh luôn luôn hiện hữu, luôn luôn rực sáng, tồn tại vĩnh hằng trong con người của chúng ta, không bao giờ bị mất đi. Mạng lưới vô minh che mờ tất cả, khiến chúng ta không thấy được linh giác của bản thể. Cũng giống như một người đứng trước tấm gương phủ bụi, không thấy rõ hình dung, nét mặt của bản thân. Nhưng khi lau sạch bụi, ánh sáng của mặt gương lại hiển lộ rõ ràng hình dung tướng mạo của họ.

Thiền sư Khuông Việt, sống vào đời Lý, khi sắp tịch, Ngài nói bài kệ:

*Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Hữu hỏa, hỏa hoàn sanh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toản toại hà do manh?*

Dịch:

*Trong cây vốn có lửa,
Có lửa, lửa lại sanh.
Nếu bảo cây không lửa,
Cọ xát làm sao sinh?*

Tất cả mọi người, dù hiền hay dữ, dù khôn hay dại, đều có Phật Tánh. Con sư tử, con cọp, cũng có Phật Tánh. Nhưng bởi lòng tham ái vô minh đã che mờ linh giác. Thí dụ: Trong ly nước đục cũng có nước trong; nếu chúng ta chịu gạn lọc, chúng ta sẽ có nước trong. Nhưng nếu hắt đổ ly nước xuống đất, hay

xuống sàn nhà trải thảm, không ai có thể tìm thấy giọt nước trong từ ly nước đã bị hắt đổ.

Có vị tăng tên Huệ Lãng đến hỏi ngài Thạch Đầu:

- Thế nào là Phật?

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Ông không có Phật tánh.

Ngài Huệ Lãng học Phật lâu thông hiểu kinh tạng mới đáp:

- Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Tại sao con lại không có, còn các loài xuẩn động hàm linh thì thế nào?

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Những loài đó có Phật tánh.

Vị tăng thắc mắc:

- Vậy thì Huệ Lãng con vì sao lại không có?

Ngài Thạch Đầu bảo:

- Là tại vì ông chẳng chịu nhận.

Ngay sau đó vị Tăng liền tỉnh ngộ.

Nếu không có sẵn Phật Tánh, cho dầu tu bằng bất cứ phương cách nào, chúng ta cũng không thể trở thành người hiền, không thể trở thành người thánh thiện, và cũng không thể trở thành Phật. Hạt giống thiện ác cùng hiện hữu trong kho tàng thức. Khi nhổ sạch hạt giống bất thiện hay chủng tử bất thiện, sẽ chỉ còn lại hạt giống lương thiện và chủng tử lương thiện.

Có thể hiểu quán linh giác thật đơn giản, theo thí dụ sau đây: Ngôi nhà lâu ngày không bật công-tắc

điện, bóng tối mãi mãi ngự trị. Khi bật điện, bóng tối sẽ tan biến. Tâm hồn của một người luôn luôn có Phật tánh, có nghĩa là Đức Phật luôn luôn ở cùng chúng ta. Nhưng vì mê mải chạy theo danh vọng, mê mải chạy theo sự cám dỗ của vật chất, chúng ta không thể thấy Phật tánh của bản thể hiển lộ.

Cố gắng tu trì Giới, Định, Huệ, nghĩa là Tam Vô Lậu Học, chúng ta giúp cho ánh sáng màu nhiệm trong Phật tánh của bản thể xuất hiện rõ ràng, trọn vẹn.

Muốn giúp cho ánh sáng màu nhiệm trong Phật tánh tức bản thể bất biến xuất hiện rõ ràng, trọn vẹn, chúng ta phải tu tập Tam Vô Lậu Học đó là Giới, Định và Huệ, trong đó bao gồm Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Nhìn thấy linh giác, nhận biết Phật tánh là ngay tức khắc giác ngộ.

Bát Chánh Đạo là phương pháp tu tập cụ thể, tương đối dễ áp dụng. Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần v.v... 37 phẩm trợ đạo, hay bất cứ pháp môn nào đó thích hợp, chúng ta đều có thể áp dụng để tu tập. Bởi vì tất cả những pháp môn do Đức Phật giảng dạy, đều có khả năng giống như nhau. Khả năng này giúp chúng ta tiêu trừ được sự vô minh, chấm dứt khổ đau, sống một đời thật sự giải thoát, thật sự an nhiên tự tại.

Tất cả đều do nhân duyên, nhưng nhân duyên theo *Trung Luận* của Bồ-tát Long Thọ thì:

*“Nhân duyên sở sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không
Diệc danh vi giả danh
Diệc danh trung đạo nghĩa.”*

Nghĩa là:

*“Nhân duyên sanh các pháp
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa Trung đạo.”*

Hiểu được giáo nghĩa Trung Đạo, chúng ta sẽ không bị đóng khung bởi ngôn ngữ nhờ vậy mà không bị “Văn tự chướng” làm trở ngại lộ trình hướng đến giải thoát, an lạc. Quán linh giác chính là Đại ngộ, đó chỗ tuyệt diệu bất khả tư nghì của Chương 19 này.

Chương 20

SUY NGÃ BỔN KHÔNG

Suy Ra Cái “Ta” Vốn Là Không

第二十章。推我本空

Hán văn:

佛言。當念身中四大。各自有名。都無我者。我既都無。其如幻耳。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Đương niệm thân trung tứ đại, các tự hữu danh, đô vô ngã giả; ngã ký đô vô, kỳ như huyền nhĩ.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Nên nghĩ đến bốn đại trong thân, mỗi đại tự có tên riêng, nhưng đều là vô giả. Cái ta đã không thì chúng đều chỉ như huyền hóa.

Anh ngữ:

Chapter 20: The Self Is Empty

The Buddha said, “You should think of the four elements of which the body is composed. Each of them has its own name, and there is no such thing there known as ego. As there is really no ego, it is like unto a mirage.”

Lược giảng:

Ngài muốn giúp đại chúng nhận biết rõ tính chất vô ngã, vô thường của thân tứ đại. Một khi nắm vững nội dung quan trọng của chương 20, sự hào hãnh hay sự tự đắc về cái tôi hoàn toàn bị triệt tiêu. Thực hiện được điều này, chúng ta sẽ sống đúng với phẩm giá cao quý của con người.

Định nghĩa thân tứ đại.

Tứ đại là bốn tố chất vô cùng to lớn, không có bất cứ điều gì có thể nằm ở ngoài bốn tố chất này.

Tứ đại gồm có Địa Đại thuộc về đất. Phong Đại thuộc về gió. Thủy Đại thuộc về nước. Hỏa Đại thuộc về lửa. Nói tóm tắt là Đất-Gió-Nước-Lửa.

Những chất cứng như tóc, răng, xương, được gọi là đất.

Những sự viêm nhiệt để bão hòa năng lượng trong cơ thể của con người, thuộc về hơi ấm, nhiệt độ, gọi là lửa.

Những chất lưu động, biến đổi, từng tế bào chết đi, và những tế bào mới khai sinh, chẳng hạn như hơi thở, gọi là gió.

Những chất lỏng trong cơ thể gọi là nước.

Bốn tố chất Đất-Nước-Gió-Lửa tạo thành cái thân mà Đức Phật gọi là Thân Tứ Đại.

Tất cả bốn yếu tố nói trên đều rất quan trọng chúng nương tựa vào nhau, tương tác để hình thành.

Thiếu một trong bốn yếu tố này, thân thể của con người không còn hoạt động, có nghĩa là chúng ta sẽ bị hủy diệt.

Tứ đại có mặt trong khắp các Pháp Giới, với đủ hình thức và số lượng, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sức khỏe của một người.

Tứ đại tính này nương tựa vào nhau, bổ sung cho nhau để duy trì thân mạng, nhưng cũng có lúc chúng kình chống lại nhau. (*“Tứ đại phò trì, thường tương vi bội- Quy Sơn Cảnh Sách”*)

Phật Giáo muốn cho thấy tính nhân duyên của tứ đại trong cơ thể con người, đó là tất cả những điều thuộc về tứ đại không phải là một ngã thể độc lập, cố định.

Đức Phật dạy: *“Đương niệm thân trung tứ đại, các tự hữu danh.”* Phải quán niệm để thấy được trong thân thể, gồm có tứ đại là đất-nước-gió-lửa. Mỗi một yếu tố này đều có tên gọi riêng. Nhưng không có yếu tố nào là ngã thể, là thực thể, hay là chủ thể, có thể giúp các yếu tố khác tồn tại. Tất cả bốn yếu tố đều phải tài bồi hỗ trợ cho nhau. Chính vì vậy, thân thể của chúng ta tuy có, nhưng chỉ là giả hữu không thật hữu.

Nhận thức về Tứ Đại Vô Thường.

Ngài muốn chúng ta nhận thức tường tận về sự vô ngã, sự vô thường, sự huyễn hóa, không có thật của thân thể. Thí dụ như khi chúng ta lột từng bẹ chuối,

cuối cùng đã không thấy có phần lõi. Một thân thể khi bị tách rời từng bộ phận trong lục phủ ngũ tạng, sẽ không còn nguyên vẹn là một thân thể.

Trong kinh *Đại Bát Niết Bàn* Đức Phật dạy: “Thân này không bền chắc, khác nào như bọt nước, như cây chuối, như cọng lau. Thân này vô thường niệm niệm không dừng, như làn chớp, nước dốc, ảo thuật, ngọn lửa, lăn vế trên nước. Thân này dễ hư rã như cây mọc bên bờ sông lở. Có ai là người trí mà lại ưa thích thân này. Đem hết nước biển đựng trong dấu chân trâu còn không khó bằng kể cho đủ sự vô thường, nhờ nhớp của thân này...”¹

Thí dụ: Cắt một sợi tóc trên đầu, sẽ có một vật được gọi là sợi tóc. Chặt một cánh tay, sẽ có một vật được gọi là cánh tay. Lấy một con mắt ra, sẽ có một vật được gọi là con mắt. Sợi tóc-cánh tay-con mắt nếu là một hợp thể, mới được gọi là thân thể của con người. Tách riêng ra, tự nhiên chúng có tên gọi khác. Đức Phật muốn chúng ta thấy được thực tế này, để buông bỏ tất cả mọi thụ chất. Nhờ buông bỏ chúng ta mới đoạn trừ được những đau khổ, thường có trong đời.

Bản chất hữu thể con người.

Bốn yếu tố đất-nước-gió-lửa, gọi chung là tứ đại, chỉ hình thành thân thể mà thôi. Nói đến sự sống của một đời người, phải nói đến Ngũ Uẩn, gồm Sắc-Thọ-Tưởng-Hành-Thức.

1. Đại Bát Niết Bàn I, tr 24,25.

Trong Sắc có bao gồm yếu tố tứ đại. Trong Thọ (Feeling) bao gồm ba cảm nhận là Khổ Thọ, Lạc Thọ, và Xả Thọ. Nếu diễn giảng sâu xa và chi tiết, còn có nhiều cảm nhận khác, chứ không chỉ có ba cảm nhận nói trên.

Ngoài Tứ Đại, trong giáo pháp của Đức Phật còn có **Lục Đại**, gồm: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức.

Ngoài Lục Đại, còn có **Thất Đại**, gồm: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức.

Nói tóm lại, có vô số tế bào, hàng triệu nguyên tử đầy đầy trong đời sống của một người.

Vì ngũ uẩn tạo nên toàn bộ con người nên tính chất của nó là giả huyễn, là không thật. Nên trong *Tương Ưng* kinh, Phật dạy những ai “*Mong rằng có sắc trong tương lai, có thọ trong tương lai, có tưởng, có hành trong tương lai, có thức trong tương lai. Nay các Tỳ kheo, đó là những hư vọng hão huyền.*”²

Đức Thế Tôn dạy “*Sắc tức là không; không tức là sắc,*” là muốn nói đến lý duyên hợp, có nhưng rồi sẽ mất, được ghi lại trong nhiều bộ phái Phật Giáo, sau khi ngài thị tịch tại Song Long Thọ Mallas gần thành Câu Thi Na (Kusinàrà), vào khoảng năm 140.

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, các đệ tử của ngài tùy vào kiến giải cá nhân thành lập các bộ phái, như Nhất Thiết Hữu Bộ, Độc Tử Bộ. Họ đưa ra quan điểm: Tất cả mọi sự vật, mọi hiện tượng đều có.

2. Kinh Tương Ưng III, tr 13.

Nhưng sự hiện hữu này ở trong trạng thái biến dịch, vô thường, luôn luôn sinh diệt.

Đây là nhận thức của Nhất Thiết Hữu Bộ, còn gọi là Độc Tử Bộ. Trong kinh gọi đây là nhận thức của hàng Thanh Văn, chưa phải là sự tri nhận rốt ráo về bản chất của mọi sự vật. Bởi vì khi thấy được tự tánh không *Emptiness of self-nature*, một trong bảy loại không [“*Thất Chủng Không*”], lúc bấy giờ mới thấy được thực tại như thực mầu nhiệm của tất cả các pháp, mới thấy được thực tại của muôn hồn muôn vật trong vũ trụ. Có nghĩa là ngay trong lúc ngắm nhìn sự hiện hữu của cành hoa, ngay trong lúc nhìn thấy thân thể của chúng ta tồn tại, thì sự hiện hữu và sự tồn tại này cũng luôn biến động, liên li thay đổi.

Mỗi ngày qua đi, chúng ta già thêm một chút. Trái đất mãi miết vận hành rất nhanh, không hề ngừng lại. Vạn vật trên thế gian chẳng ở thể tĩnh, tất cả đều di động, biến dịch. Tất cả đều do nhân duyên đồng hợp, không có thực ngã. Nếu không nhờ những yếu tố khác, vạn vật không thể tồn tại độc lập. Đây là lý do tại sao lại nói “*sắc tức là không; không tức là sắc.*”

Sắc là *Form*. Không là *Emptiness*.

Không có “sắc” sẽ chẳng có “không.”

Không có “không” sẽ chẳng có “sắc.”

Trong kinh *Tương Ưng* Đức Phật dạy: “*Đây là sắc. Đây là sắc tập khởi. Đây là sắc đoạn diệt. Đây là con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như vậy do cái này có, cái kia có. Do cái này sinh, cái kia sinh. Do cái này*

không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt.”³

Đức Phật nêu lên lý duyên khởi để giúp chúng ta hiểu được: Một là tất cả, tất cả là một, không thể tách rời. Cái này có thì cái kia có. Cái này bị tiêu diệt thì cái kia cũng bị tiêu diệt.

Giáo pháp về lý duyên khởi rất cao siêu. *Kinh Hoa Nghiêm* chia thành ngũ giáo, gồm có: Tiểu Thừa Giáo, Đại Thừa Thủy Giáo, Đại Thừa Chung Giáo, Đốn Giáo, và Viên Giáo.

Đốn Giáo chưa cao, phải đạt đến trình độ Viên Giáo, lúc đó chúng ta mới có thể hiểu: Ngoài Ngũ Giáo, còn có Thập Giáo, Bát Giáo v.v... Vì thế mới gọi là sự mâu nhiệm của Phật Pháp.

“*Cái ngã đã không có, thì cái có chỉ như là hư ảo mà thôi.*” Đức Phật muốn giảng dạy điều gì, khi nói câu này?

Có thể đưa ra thí dụ cụ thể như sau: Thân xác hiện tại của chúng ta là giả hữu, không phải là thực hữu, được hình thành nhờ nhiều yếu tố, nhiều nhân duyên tương tác. Ngay cái chúng ta gọi là có, mà còn hư huyền, hướng chi là những điều không có. Chẳng khác nào mặt trăng hiện ra dưới đáy nước. Chúng ta nhìn thấy, nhưng không thể nắm bắt.

Ngày xưa đại thi hào Lý Bạch là người yêu trăng. Ông đã nhảy xuống sông, với hy vọng có thể vớt được mặt trăng. Kết quả: Không những không vớt

3. Kinh Tương Ưng II, tr 33.

được mặt trăng, nhà thơ tài hoa còn bị chết đuối giữa dòng sóng nước mênh mông.

Hình bóng của chúng ta trong gương cũng như vậy. Chúng ta nhìn thấy, nhưng không thể nắm bắt, cũng không thể đụng chạm. Hiểu theo một nghĩa khác, chúng ta vĩnh viễn không thể tìm thấy thực ngã. Bởi vì thể tính của một hiện tượng vốn là rỗng lặng, vốn là thực tĩnh.

Mỗi người vừa chào đời được cha mẹ đặt cho một cái tên. Tên này ghi trong giấy khai sanh, kèm theo ngày-tháng-năm-sinh. Chúng ta lớn lên, gắn chặt cuộc đời vào cái tên ghi trong sổ hộ tịch. Trước đám đông, hay chỉ giữa hai người bạn thân, nếu chúng ta gọi lầm tên của nhau, sẽ rất phiền. Người bị gọi sai tên có thể nghĩ chúng ta coi thường, không quan tâm đến họ.

Chúng tôi muốn lấy bản thân làm thí dụ. Mọi người thường gọi chúng tôi là Thầy Thích Viên Lý, nhưng nếu bất ngờ có ai đó vì lầm lẫn gọi chúng tôi là Chú Viên Lý, nếu không hiểu Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Sa Di, v.v... chỉ là giả danh, cứ chấp-trước vào cái giả danh, chúng tôi sẽ nổi giận, hoặc tự làm tổn hại bản thân bằng sự than oán. Sự than oán rất nghiệt ngã này, sẽ nghiền nát đời sống an lạc của chúng tôi, sẽ khiến chúng tôi trở nên hần học, có những phản ứng mạnh mẽ, làm cho những người chung quanh cảm thấy khó chịu, thương tổn.

Chính vì thế Đức Phật dạy: Phải thường xuyên quán chiếu, để thấy tất cả mọi sự vật trên đời đều

huyền hóa. Hiểu được điều này, chúng ta sẽ bình an buông bỏ tất cả một cách hỷ xả, đúng với nghĩa của hai chữ hỷ xả.

Chủ trương vô ngã của Đạo Phật.

Sự đặc biệt của vô ngã dưới lăng kính Phật Giáo nói lên lý duyên khởi. Vì duyên khởi nên là giả danh. Vì giả danh nên là trung đạo. Vì trung đạo nên là không tánh. Trung đạo tức là không tánh. Không tánh tức là giả danh. Giả danh tức là duyên khởi. Hiểu được yếu-lý này có nghĩa là chúng ta đã hiểu được tất cả những nguyên lý, những giáo pháp căn bản nhất của Phật Giáo.

Rất nhiều người trong chúng ta chỉ hiểu được một phần giáo pháp của Đức Phật. Chúng ta giống như người đứng ở bên ngoài, nhìn vào bên trong ngôi nhà. Tùy theo cánh cửa lớn hay nhỏ, chúng ta chỉ thấy được một số vật dụng nào đó của ngôi nhà. Khi nào thật sự bước vào bên trong, chúng ta mới biết rõ ngôi nhà có những gì.

Kinh *Bách Dụ* có câu chuyện như sau:

“Xưa nước Càn-đà-vệ (Gandhara) có bọn con hát, nhân thời đói kém họ rủ nhau đi sang nước khác kiếm ăn. Đi qua núi Bà-la-tân là núi có rất nhiều quỷ dữ La-sát ăn thịt người. Bọn con hát tối đây phải ngủ đêm dưới chân núi, gió rét đốt lửa sưởi. Trong bọn có một người rét quá ngủ không được mới dậy lục rương áo vội lấy cái áo mặc vào, ngồi bên cạnh đốt lửa sưởi ấm. Không ngờ chiếc áo ấy mang hình quỷ

La-sát – Có một người ngủ tỉnh dậy trông ra đóng lửa thấy quỷ La-sát ngồi sưởi. Sợ quá, anh vùng trỗi dậy chạy làm kinh động cả những người đang ngủ. Những người đang ngủ trỗi dậy trông thấy đua nhau chạy. Người mặc áo quỷ La-sát không hiểu sao cũng chạy theo. Những người trong bọn thấy quỷ La-sát đuổi theo sau cho là nó muốn ăn thịt mình, càng kinh hoảng chạy bất kể hầm hố gai góc. Họ chạy toát cả chân, râu cả trán, có người ngã xuống hố, té trong hầm, khổ sở đau đớn không thể tả. Đến sáng ra nhìn kỹ con quỷ La-sát mới ngỡ ngàng chỉ là anh đồng bọn. Tất cả sợ sệt đau khổ liền dứt sạch.”⁴

Nói đến tinh thần vô ngã Đức Phật muốn chúng ta sống một đời an nhiên, tự tại, giải thoát, thông dong, không bị ràng buộc bởi bản ngã, kể cả sở quán và năng quán để thấy người đang quán chiếu và, đối tượng được quán chiếu, cả hai đều vô ngã, cả hai đều trống không, vắng lặng. Đạt được mức độ này có nghĩa là đã đạt đến bậc thượng thừa.

Nói thì dễ nhưng thực hành tất nhiên không dễ. Chúng tôi ước mong chúng ta cố gắng quán chiếu, cố gắng nhìn mọi vấn đề như vấn đề đang là, để có thể giải quyết những điều nan giải đang có trong đời sống của chúng ta.

Để hiểu thêm về giáo pháp Vô ngã, Kinh *Vô Ngã Tước* có dạy, TH Thích Minh Châu dịch sau đây:

- 1- Một thời Thế Tôn ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đọa xứ), vườn Lộc Uyển.

4 Kinh Bách Dụ, bài số 63

- 2- Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo.” – “Thưa vâng bạch Thế Tôn.” Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:
- 3- Sắc, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu sắc là ngã, thời sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: *“Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 4- Và này các Tỷ-kheo, vì sắc là vô ngã. Do vậy, sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: *“Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 5- Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã, thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được các thọ như sau: *“Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 6- Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã. Do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thọ: *“Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 7- Tưởng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu tưởng là ngã, thời tưởng không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các tưởng như sau: *“Mong rằng tưởng của tôi là như thế này! Mong rằng tưởng của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 8- Và này các Tỷ-kheo, vì tưởng là vô ngã. Do vậy, tưởng đi đến bệnh hoạn, và không thể có

được các tướng: *“Mong rằng tướng của tôi như thế này! Mong rằng tướng của tôi chẳng phải như thế này!”*

- 9- Các hành, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã, thời các hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các hành như sau: *“Mong rằng các hành của tôi là như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 10- Và này các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã. Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành: *“Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 11- Thức, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã, thời thức không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các thức như sau: *“Mong rằng thức của tôi là như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 12- Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã. Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thức: *“Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!”*
- 13- 17. Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào? Sắc...; thọ...; tưởng...; các hành...; thức là thường hay vô thường?
- Là vô thường, bạch Thế Tôn.
 - Cái gì vô thường là khổ hay lạc?
 - Là khổ, bạch Thế Tôn.
 - Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp

lý chẳng khi quán cái ấy là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?”

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

18- Do vậy, này các Tỷ-kheo, phạm sắc gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: “*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.*”

19- Phạm thọ gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thọ cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: “*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.*”

20- Phạm tưởng gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả tưởng cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: “*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.*”

21- Phạm các hành gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả các hành cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: “*Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.*”

22- Phạm thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí

tuệ như sau: *“Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”*

- 23- Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: *“Ta đã được giải thoát.”* Vị ấy biết rõ: *“Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.”*
- 24- Thế Tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.”⁵

Chúng ta học Phật không gì ngoài mục đích đạt được cứu cánh, niết bàn. Chủ thuyết giáo lý vô ngã của Phật Giáo là nền tảng trọng yếu để chúng ta hành trì tu tập, trên lộ trình tiến đến đạo quả giác ngộ giải thoát. Phá cái chấp sai lầm truyền kiếp của chúng sanh. Khổ đau cũng đều do sự mê lầm chấp trước ấy mà ra. Cho nên phải sáng suốt dùng trí tuệ quán sát kỹ để vén bức màn vô minh đen tối từ vô thủy nhằm chấm dứt mọi khổ đau.

5. Tương Ưng Bộ Kinh (22. 2. 1. 7) Kinh Vô Ngã Tướng, HT Thích Minh Châu dịch.

Chương 21

DANH THANH TÁNG BỔN

Danh Vọng Hại Người

第二十一章。名聲喪本

Hán văn:

佛言。人隨情欲。求於聲名。聲名顯著。身已故矣。貪世常名。而不學道。枉功勞形。譬如燒香。雖人聞香。香之燼矣。危身之火。而在其後。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Nhân tùy tình dục, cầu ư thanh danh; thanh danh hiển trước, thân dĩ cố hỷ. Tham thế thường danh, nhi bất học Đạo, uổng công lao hình. Thí như thiêu hương, tuy nhân văn hương, hương chi tận hỷ, nguy thân chi hỏa, nhi tại kỳ hậu.

Việt dịch:

The Đức Phật dạy: Người theo tình dục để truy cầu danh tiếng, khi thanh danh rực rỡ thì thân đã tàn rồi! Tham lam danh vọng đời thường mà chẳng học đạo, thì chỉ uổng công mệt xác. Ví như đốt hương, dù người ta ngửi được mùi hương nhưng hương thì tàn lụi, lửa ham danh tàn hại thân sau đó.

Anh ngữ:

Chapter 21: Seeking Fame Consumes the Person

Buddha said: “Moved by their selfish desires, people seek after fame and glory. But when they have acquired it, they are already stricken in years. If you hanker after worldly fame and practice not the Way, your labors are wrongfully applied and your energy is wasted. It is like unto burning an incense stick. However much its pleasing odor be admired, the fire that consumes is steadily burning up the stick.”

Lược giảng:

Chương 21 “*Danh Thanh Táng Bốn,*” có nghĩa là “*Danh Vọng Hại Người,*” Đức Phật khuyến cáo chúng ta đừng chạy theo danh vọng. Bởi vì điều này chỉ làm tổn hại cho việc học đạo, không mang lại bất cứ lợi ích nào cho bản thân của chúng ta. Đây là chân lý vĩnh cửu. Hiểu được chân lý của chương 21, chúng ta sẽ sống đời an nhiên, tự tại.

Tuy không chủ trương chạy theo danh vọng, nhưng sống trong xã hội hiện nay, mỗi một cá nhân đều có mầm móng ham danh, háo lợi. Ví dụ điển hình là, khi đang làm việc tại cơ quan, hãng xưởng, ai cũng muốn được thăng chức tăng lương, nếu đem điều này so sánh với lời dạy của Đức Phật: “*Khi danh tiếng vừa nổi, thì người đã mất rồi,*” phải chăng rất mâu thuẫn?

Ở đời ai cũng muốn được thăng quan tiến chức. Chính vì sự ham muốn này, con người trở nên tàn

nhân, tìm mọi kế sách hãm hại lẫn nhau, muốn giẫm đạp người khác xuống để đạt được tham vọng nào đó trong tương lai.

Trên thực tế thì, tương lai chưa đến, quá khứ đã qua, chúng ta chỉ sống với thời điểm hiện tại. Nếu không sống thật với phút giây đang có, mãi miết rượt đuổi theo ảo ảnh, chúng ta chẳng khác người mò trăng dưới đáy nước, đập gương để tìm bóng. Điều này không mang lại bất cứ lợi ích nào. Từ một tổ chức nhỏ cho đến một tổ chức lớn, ít nhiều đều có sự tranh chấp, ganh ghét, đố kỵ. Sở dĩ có chiến tranh, chỉ vì con người có những tham vọng bất chánh. Trong kinh *Tăng Chi* Phật dạy: “*Có hai hy vọng, này các Tỳ kheo, khó được từ bỏ. Hy vọng danh xưng và hy vọng lợi dưỡng.*”¹

Chính vì thế Đức Phật dạy, không nên để dục tình, tham vọng chi phối tâm thức. Chúng ta nên dành thì giờ đầu tư năng lực vào việc học đạo. Đây mới là con đường giải quyết mọi vấn nạn đang hiện hữu trong đời sống của mỗi cá nhân và, của cả nhân loại.

Nếu hám danh, tham lợi, chỉ mãi miết chạy theo danh vọng, chúng ta không còn thời gian tìm hiểu, nghiên ngẫm, thực tập chân lý. Đức Phật muốn cảnh tỉnh nhân loại: Hãy dừng lại, đừng mê mãi chạy theo tiền tài danh vọng. Bởi vì điều này không mang lại lợi ích lâu dài, cũng không đáp ứng được nhu cầu cần thiết trước mắt trong đời sống. Ngài đưa ra thí dụ về cây hương đang cháy, hàm ý nói rằng: Khi người

1.Kinh Tăng Chi I, tr 100.

đứng bên kia đường có thể ngửi được mùi thơm, cây hương đã tàn lụi.

Trong lúc nỗ lực, gắng sức, miệt mài củng cố uy tín, tạo những huyền danh, không biết bao nhiêu thương tích, bao nhiêu hiểm họa tiềm ẩn bộc phát, khiến chúng ta phải sống trong sợ hãi, lo âu, phiền não.

Một câu hỏi được đặt ra: Sống trong thời đại hiện nay nếu không ham danh vọng, ắt hẳn phải có một mục tiêu nào đó để khích lệ bản thân. Nhược bằng chẳng có ước muốn hay chẳng có mong cầu điều gì, phải chăng chúng ta đã dậm chân tại chỗ?

Nên thay thế những tham vọng thấp hèn bằng những hạnh nguyện, những lý tưởng cao vời của Bồ Tát Đạo. Khi tìm đủ mọi cách thỏa mãn lòng ham muốn danh vọng, tất nhiên chúng ta sẽ tạo ra vô số tội lỗi. Chúng ta có thể giết hàng trăm, hàng ngàn thậm chí hàng triệu người, để bảo vệ địa vị, quyền lực, danh vọng. Như trường hợp đã xảy ra tại Bắc Phi, tại Trung Đông. Bất chấp khổ đau của người khác, miễn là có thể đạt được mục đích, duy trì được quyền lợi của bản thân. Điều này rất nguy hiểm. Sở dĩ thế giới hiện nay luôn luôn xảy ra những cuộc chiến đẫm máu, là vì lòng tham lam vô đáy của con người.

Do vậy, cần phải thay thế lòng tham lam vị kỷ bằng hạnh nguyện Bồ Tát, chỉ biết hy sinh, chỉ biết dâng hiến, hoan hỷ chấp nhận những thiệt thòi, kể cả sự chết, để thế giới được bình an, nhân loại được hạnh phúc.

Mỗi một người hãy cố gắng nung nấu hạnh nguyện Từ Bi vô lượng, mà rất nhiều vị Bồ tát cũng như chư vị Phật đã thể hiện. Đây là điều rất quan trọng, vì hạnh nguyện khác hẳn tham vọng thấp hèn.

Chức vụ hay địa vị nhắc nhở mỗi người ý thức được trách nhiệm và bổn phận của mình, chứ không phải là nấc thang để giẫm đạp lên xương máu hay sự đau khổ của người khác. Đây cũng là điều quan trọng cần ghi nhận, để tránh đau khổ cho chính ta và tha nhân.

Xưa nay chưa từng có ai nói rằng: *“Tôi đã có đủ tiền, đã có đủ danh vọng.”* Vậy làm sao biết bản thân đã có đủ?

Đúng như vậy. Chẳng có ai trên đời nói rằng họ đã có đủ tiền, đã có đủ danh vọng nếu có nói thì đó chỉ là cách đánh lừa ảo tưởng. Đây là bản chất của những người bình thường, không phải là bản chất của thánh nhân. Đã là người bình thường, không ai thoát khỏi luối hái của tử thần, cũng không thể tránh khỏi đau khổ dù ở mức độ thấp nhất. Như Tổng Thống Ai Cập Hosni Mubarak chẳng hạn. Với khối tài sản trị giá từ \$50 đến \$70 tỷ mỹ kim, Tổng Thống Mubarak giàu hơn ông Bill Gate ở thời điểm lúc ấy. Thế nhưng, phải chăng khối tài sản này đã bị chính phủ Ai Cập tịch biên. Là người lãnh đạo đầy quyền lực, trong tay có dư đầy tiền tài danh vọng, nhưng cuối cùng ông Hosni Mubarak đã trắng tay, bị mất tất cả, bị vương vào vòng lao lý! Có câu chuyện hết sức lý thú về lòng tham cầu và không biết đủ của chúng sanh như sau:

Sau một thời gian cần cù và chất chiu, một người đàn ông nọ đã trở thành người giàu có nhất trong ngôi làng nhỏ bé của mình.

Từ lúc mua được một con lừa, anh ta mới có ý nghĩ làm một chuyến đi xa cho biết đó biết đây. Anh đến một ngôi làng khác lớn hơn ngôi làng của anh. Một ngôi nhà thật đẹp và sang trọng đập vào mắt anh. Sau khi dò hỏi, anh biết được đó là ngôi nhà của người giàu có nhất trong làng.

Anh bèn trở về ngôi làng nhỏ bé của mình và quyết chí làm ăn, dành dụm để có thể may ra xây được một ngôi nhà đẹp hơn ngôi nhà mà anh vừa trông thấy ở làng bên cạnh. Không mấy chốc, tiền bạc dư dả, không những anh đã xây được một ngôi nhà sang trọng đẹp đẽ hơn mà còn mua được cả đàn ngựa và xe nữa.

Lần này, anh vượt qua các ngôi làng nhỏ để đến một đô thị lớn. Tại đây, đâu đâu anh cũng thấy những ngôi nhà đẹp và nhà nào cũng đẹp hơn căn nhà của anh. Anh nghĩ bụng: cho dầu có lao nhọc cả quãng đời còn lại anh cũng không tài nào có thể xây được một ngôi nhà to đẹp như thế.

Anh tiu nghỉu đánh xe quay về ngôi làng cũ của mình. Nhưng rủi thay, xe gặp tai nạn, anh đành phải bỏ khoang xe, leo lên lưng ngựa cố gắng cưỡi chạy về làng. Nhưng dọc đường vì mệt mỏi và đói lả, con ngựa cũng lăn ra chết. Người đàn ông chỉ còn biết lủi thủi đi bộ trên lộ trình về nhà.

Đêm đến, giữa sa mạc, anh nhìn thấy ánh lửa bập bùng từ xa. Anh tìm đến và khám phá ra đây là túp lều của một vị ẩn sĩ. Vào trong lều, người đàn ông mới nhận ra có lẽ trong đời anh, chưa bao giờ anh thấy có cảnh nghèo nàn cùng cực hơn.

Anh ái ngại nhìn nhà tu hành rồi thắc mắc:

“Thưa ông, làm sao ông có thể sống được trong cảnh cùng cực như thế này?”

Nhà ẩn sĩ mỉm cười đáp:

“Tôi bằng lòng với cuộc sống... Thế còn ông, xem chừng ông không được thỏa mãn về cuộc sống của ông cho lắm.”

Người đàn ông ngạc nhiên hỏi:

“Sao ông biết tôi không được thỏa mãn?”

Nhà ẩn sĩ nhìn thẳng vào mắt người đối diện rồi thông thả nói:

“Tôi nhìn thấy điều đó trong đôi mắt ông. Đôi mắt của ông cứ chạy theo giàu sang, nhưng sự giàu sang không bao giờ đến với ông... Ông hãy nhìn cảnh hoàng hôn. Ông có thấy những ánh sáng yếu ớt đang chiếu rọi trên cánh đồng không? Chúng tưởng mình đang soi sáng cả vũ trụ. Nhưng không mấy chốc, các ngôi sao mọc lên và những tia nắng hoàng hôn biến mất. Những ánh sao tưởng chúng đang soi sáng cả bầu trời, nhưng khi mặt trăng ló rạng thì những ánh sao ấy cũng bắt đầu mờ nhạt. Vàng trắng sáng kia tưởng mình soi sáng cả trái đất, nhưng không mấy chốc, mặt trời mọc lên và mọi thứ ánh sáng của đêm đen đều biến mất. Nếu

những thứ ánh sáng trên đây đều biết suy nghĩ về những điều ấy, có lẽ chúng sẽ tìm thấy nụ cười đã đánh mất.”

Nghe câu chuyện ví von của nhà hiền triết, người đàn ông mở miệng mỉm cười, nhưng nỗi buồn vẫn còn thoáng trên gương mặt.

Vị ẩn sĩ tiếp tục câu chuyện:

“Ông có biết khi sánh với tôi, ông là vua không?”

Người đàn ông nghe vậy thâm so sánh căn nhà của mình với túp lều của vị ẩn sĩ. Nhưng đó không phải là điều mà vị ẩn sĩ muốn nói đến...

Ông ta cầm chiếc đèn đưa lên cao và mời người đàn ông đến gần bên mình.

Dưới ánh đèn, người đàn ông nhận ra vị ẩn sĩ là người không còn đôi chân để có thể di chuyển một cách bình thường.

Con người chúng ta ai ai cũng có sẵn lòng tham trong người. Lòng tham ấy ví như người nuôi rắn độc. Không cẩn thận từng phút sẽ bị rắn độc quay đầu lại cắn. Cuộc sống ngày nay chúng ta bon chen với đời, tìm kế sinh nhai, kiếm tiền, danh vọng, ham muốn. Lòng tham ấy kích động tâm trí khiến chúng ta cảm thấy khổ tâm, không hài lòng với những gì mình đang có.

Khi còn là Thái Tử sống trong cung điện, Đức Phật có tất cả những gì mà nếu có mơ ước nhiều năm, chúng ta cũng không thể nào đạt được. Nhưng ngài đã vứt bỏ sự giàu sang phú quý, như vứt bỏ đôi giày rách. Từ người được cung phụng, hầu hạ, ngài đã khát

thực, mỗi ngày đi vào thôn xóm, ai dâng cúng bất cứ điều gì, cho dầu là cơm thừa canh cặn, gạo hẩm rau úng, ngài cũng hoan hỷ thọ nhận. Phải chi ngài là người *homeless* không có nhà cửa thì còn có thể hiểu được vì sao ngài chấp nhận của bố thí cúng dường. Nhưng không, là Thái tử giàu sang quyền quý, chung quanh có nhiều kẻ hầu hạ, vậy vì sao ngài lại muốn sống một đời sống đạm bạc, buông xả? Xin thưa: Vì Đức Phật biết thế nào là đủ.

Vua Trần Nhân Tông, vị Sơ tổ dòng Thiền Trúc Lâm cũng vậy. Sống trên ngai vàng quyền uy tột đỉnh, nhưng ngài đã từ bỏ danh vọng tiền tài, sống đơn giản đạm bạc. Ngài không ở một chỗ mà đi rất nhiều nơi. Đọc lịch sử nói về Sơ Tổ Thiền Tông Trúc Lâm, chúng ta thấy rõ hạnh nguyện tu hành của vua Trần Nhân Tông vô cùng khả kính như thế nào. Đây là sự biết đủ, ít muốn, sống để phụng sự, sống bằng trí giác, chứ không phải bám víu vào vật chất giả tạm.

Đức Phật dạy: “*Bảo vật của đời người là trí tuệ và sức khỏe.*” Chứ không phải sống để vơ vét, tìm cách tích lũy vật chất. Tiền tài của cải tích lũy nhiều năm có thể trở thành vũ khí nguy hiểm, như trường hợp của Tổng Thống Libya Muammar Abu Minyar al-Gaddafi, thường được gọi đơn giản là Đại Tá Gaddafi. Ông đã bị chết một cách rất thê thảm, và khối tài sản kếch sù của ông chính ông cũng không thể bảo vệ được dù ông rất muốn.

Điều này khẳng định: Không phải có quyền cao chức trọng, không phải có người bảo vệ hầu hạ, không

phải có tiền nhiều trong ngân hàng là hạnh phúc.

Người Phật Tử chân chính muốn thấy mọi người đều tinh tấn tu học, muốn Phật Pháp trường tồn, tất cả mọi người đều từ bỏ tham-sân-si và có được an lạc giải thoát. Người Phật tử chân chính không chỉ thuần túy ước muốn mà cần phải dẫn thân để hiện thực hóa hạnh nguyện Bồ tát của mình.

Hai chữ hạnh nguyện mang ý nghĩa vô cùng tích cực; vì người Phật tử không chỉ ước nguyện đơn thuần mà còn tích cực hành động để biến những ước vọng sâu thẳm của bản thân trở thành một điều thực tế. Không thể chỉ nói suông về hạnh phúc mà có thể đạt tới hạnh phúc. Cũng không thể tìm thấy hạnh phúc nếu tâm ta chỉ biết kỳ vọng và chỉ ngồi ôm ước mơ. Để biến ước mơ thành hiện thực, phải hành động. Cũng giống như thế, chúng ngộ phải tu tập. Nếu chỉ nói về chân lý, chúng ta không thể thể nghiệm chân lý.

Thay vì theo đuổi những tham vọng thấp hèn, chúng ta cần nên tự thấp sáng hạnh nguyện cứu khổ độ sanh của những vị đại Bồ Tát. Đây là một trong số những điều khẩn thiết, tối ưu quan trọng, mà chúng ta cần nỗ lực thực hiện.

Khi hương cháy tàn, thứ lửa hại thân sẽ theo sau.

Vừa đạt được một chút danh vọng, liền tức khắc bị những hiểm họa vô chụp lấy. Cũng giống như lúc mọi người nghe được mùi thơm, thì cây hương đã tàn

bởi lửa. Lửa này ám chỉ cho lửa tham dục; lòng tham có thể hại thân, như đốm lửa đã khiến cây hương bị tàn lụi. Đức Phật đưa ra ẩn dụ về cây hương, để giúp chúng ta hiểu được thực tế và bản chất của đời sống, để giúp chúng ta nhận biết tiền tài danh vọng luôn đi liền với hiểm họa.

Cõi ta bà này là cõi bất toại nguyện. Nếu chúng ta không tìm được điều gọi là “*tác lý như ý*,” hay điều gọi là “*đương thể tiện thị*,” nghĩa là sống và an trú tâm thức trong phút giây hiện tại, và như lý tác ý thì cho dầu có đi đến bất cứ nơi đâu, chúng ta vẫn phải đối diện với những cảm nhận trống vắng, bất toại nguyện.

Đức Phật thường dạy: “*Người ham mê danh vọng tâm sẽ bị giao động.*” Vì sao ham mê danh vọng mà tâm bị giao động? Khi tâm bị giao động, con đường tu tập có được giải thoát hay không? Giải thoát ở đây là gì? Giải thoát theo hiện đời, hay giải thoát theo cái chết, hay giải thoát theo điều gì? Có bị trói buộc hay không?

Một người đam mê danh vọng, trong mỗi một phút giây, họ tìm đủ mọi mưu kế để có thể thỏa mãn những tham vọng thấp hèn. Chính trong những giây phút cố kiếm tìm mưu kế như vậy, tâm của họ không bao giờ an trú trong thiền định. Sự lo âu, sự sợ hãi luôn bao vây đời họ. Thắng họ cũng bất an, bại họ cũng sợ hãi. Đây là tâm lý phức tạp của đời sống, mà Đức Phật dạy rõ trong Khổ Đế.

Chúng ta không cần phải đi bước thứ hai cũng

đã nhận ra vấn đề. Nhìn thẳng vào vấn đề để quán chiếu, chúng ta lại nhận biết: Đúng vào lúc tìm kiếm mưu mô, tìm kiếm thủ đoạn để đáp ứng lòng ham muốn, danh lợi... chúng ta đã đánh mất tất cả sự an lạc của đời sống. Còn ham mê là còn bị trói buộc, là còn bị vướng mắc.

Chúng ta không thể nào có được đời sống an nhiên, tự tại, giải thoát nếu chúng ta mãi miết chạy theo những ham muốn. Vì thế Đức Phật dạy, phải cắt bỏ mọi ham muốn, chuyên cần tu tập để đắc đạo.

Chương 22

TÀI SẮC CHIÊU KHỔ

Tiền Của Và Sắc Dục Mang Lại Đau Khổ

第二十二章。財色招苦

Hán văn:

佛言。財色於人。人之不捨。譬如刀刃有蜜。不足一餐之美。小兒舐之。則有割舌之患。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Tài sắc ư nhân, nhân chi bất xả, tỷ như đao nhạn hữu mật, bất túc nhất san chi mỹ, tiểu nhi thỉ chi, tắc hữu cát thiệt chi hoạn.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Tiền của và sắc dục mà con người không buông bỏ; thì ví như có chút mật trên lưỡi dao, không đủ cho một bữa ăn ngon, trẻ thơ liếm lấy thì bị cái họa đứt lưỡi.

Anh ngữ:

Chapter 22:

Wealth and Lust Bring Suffering

The Buddha said: “People cleave to their worldly possessions and selfish passions so blindly as to sacrifice their own lives for them. They are like a child who tries to eat a little honey smeared on the edge of a knife.

They amount is by no means sufficient to appease his appetite, but he runs the risk of wounding his tongue.”

Lược giảng:

Nội dung chính của chương 22 dạy rằng, sự tham lam mê đắm tài sắc là điều vô cùng nguy hiểm. Ngài muốn nhắn nhủ chúng ta: Hãy cố gắng đoạn trừ sắc dục và lợi dục. Một khi chấm dứt lòng ham muốn tiền tài sắc dục, chúng ta sẽ không vướng mắc vào những hiểm họa khiến đời sống phải đau khổ. Trong kinh Tăng Chi, Đức Phật còn dạy cho chúng ta biết sắc dục chính là đầu mối của mọi sự bất thiện: “*Do duyên sắc dục nên tìm cầu. Do duyên tìm cầu nên có tham dục. Do tham dục nên có đắm trước. Do đắm trước nên có xan tham. Do xan tham nên có bảo thủ, chấp trước đấu tranh, nói lời ly gián, vọng ngữ, rất nhiều các ác, bất thiện pháp khởi lên từ đây.*”¹

Dùng chánh kiến và chánh tư duy, để thoát khỏi sự mê hoặc, sự cảm dỗ khôn lường của tiền của và sắc dục.

Xã hội hiện nay luôn luôn bất an và xáo trộn, bởi vì con người chỉ quay chung quanh một cái trục: Đó là trục tiền bạc. Nếu nhân loại quay chung quanh trục đạo đức và chân lý, chắc chắn xã hội sẽ hoàn toàn thay đổi. Muốn thấy được chân lý và có chánh kiến, chúng ta phải chịu khó học hỏi, chịu khó tìm hiểu. Bước đầu phải học, vì học mới hiểu biết. Tuy nhiên

¹ Kinh Tăng Chi III, tr 236.

nếu chỉ học mà không hành thì chúng ta cũng không thể có được chánh tri kiến đúng nghĩa. Nếu không được hướng dẫn chúng ta chẳng khác nào một em bé thơ ngây, không biết được sự nguy hại của rắn độc, của sư tử dữ, của những loại hóa chất. Vì không hiểu và thiếu ý thức, em bé dễ dàng tiếp cận với những sự vật nguy hiểm nói trên. Nhưng nếu được cha mẹ, thầy cô, anh, chị, hay những người trưởng thành có kinh nghiệm sống hướng dẫn, chắc chắn em bé sẽ tránh được rất nhiều rủi ro, rất nhiều tai nạn.

Đức Phật dùng hình ảnh em bé liếm lưỡi dao có mật, để nói lên hiểm họa do tiền của và sắc dục đem lại.

Mật ngọt tượng trưng cho tiền của, tượng trưng cho sắc dục. Lưỡi dao bén tượng trưng cho hiểm họa. Hình ảnh em bé thè lưỡi nếm chút mật trên dao tượng trưng cho sự thiếu ý thức, không có chánh kiến.

Người đời đứng trước sự quyến rũ của tài sắc, giống hệt như em bé thích mật ngọt. Chúng ta biết rõ ràng sự ham muốn này có hại nhiều hơn có lợi, nhưng vẫn mê đắm, vẫn theo đuổi, vẫn mãi mê tìm kiếm. Như vị đệ tử trong câu chuyện “*Chuột Cấn Khố Rách.*”

Một đệ tử quyết tâm cầu đạo, xin học với một đạo sư. Sau thời gian học hành chăm chỉ, một hôm sư phụ có việc phải đi xa nên dặn học trò ở lại chăm lo tu hành.

Học trò nghe theo lời thầy, thiên định sớm hôm không hề bê trễ, Vì nếp sống tu hành thanh bần, tu sĩ chỉ có độc mỗi một miếng khố che thân. Nhưng chiếc khố cứ bị chuột cắn rách hoài nên tu sĩ cứ lâu lâu lại phải đi xin một mảnh vải che thân khác.

Dân làng thấy vậy bèn biếu tu sĩ một con mèo để trừ lũ chuột. Tu sĩ đem con mèo về nuôi, từ đó chuột không dám lộng hành nữa, nhưng tu sĩ lại phải lo thêm một phần ăn. Ngoài thực phẩm chay tịnh, tu sĩ phải xin sữa để nuôi con mèo.

Một tín đồ thấy vậy bèn tình nguyện dâng cúng tu sĩ một con bò cái để có sữa nuôi mèo. Tu sĩ vui vẻ nhận bò, nhưng nuôi được mèo lại không có rơm cho bò ăn. Do đó, ngoài việc đi khát thực, tu sĩ lại phải đi xin rơm về nuôi bò.

Dân làng thấy vậy biếu tu sĩ mảnh đất với nông cụ để canh tác nuôi bò và trồng trọt hoa mầu. Tu sĩ ra công cấy cấy nên lúa trở thật nhiều, bò ăn không hết, rau quả thặng dư phải mang bán ngoài chợ.

Miếng đất thật mầu mỡ sinh hoa lợi quá nhiều, tu sĩ làm không xuể phải gọi người đến làm giúp. Lạ thay, miếng đất cứ thế sinh sôi nảy nở, trồng gì cũng tươi tốt và chả mấy chốc trở nên một đồn điền trù phú.

Tu sĩ có nhiều hoa lợi bèn xây một đền thờ to lớn, đẹp đẽ, thuê thợ khắc tượng, đúc chuông thật vĩ đại, nhưng thời gian tu hành không còn là bao vì tu sĩ phải lo trông nom đồn điền, lo sổ sách giao dịch buôn bán, kiểm soát nhân công trồng tía, rồi có tiền

bạc phải lo đầu tư, bỏ vốn mua thêm đất đai, khai khẩn thêm nữa.

Một hôm, sư phụ trở về không trông thấy túp lều đơn sơ nữa mà thay vào đó một ngôi đền tráng lệ, nô nức khách hành hương, trong đền ồn ào những tín đồ vừa cúng bái vừa buôn bán.

Trông thấy sư phụ, tu sĩ mừng rỡ chạy ra chào. Sư phụ ôn tồn hỏi tại sao lại có sự thay đổi như thế. Tu sĩ trả lời, “thưa thầy, thật tâm con muốn tu hành nhưng tại lũ chuột cứ cắn rách áo hoài. Để bảo vệ cái áo con nuôi mèo. Để có sữa cho mèo ăn, con phải nuôi bò, và để có rơm nuôi bò, con phải canh tác. Rồi thì trúng mùa liên tiếp, sức con làm không xuể phải gọi thêm người giúp việc, rồi thì buôn bán thành công, tiền bạc nhiều thêm, con phải đích thân trông nom mọi việc. Sau đó con cho xây cất đền thờ thật to, đúc tượng thật vĩ đại, con còn mượn người lo việc cúng tế, nhang đèn cẩn thận.”

Sư phụ thở dài, “*xây cất đền thờ thật to chỉ là trói buộc, nào phải giải thoát. Tự tập tín đồ cho đông, ồn ào phước tạp, chỉ gây trở ngại cho việc thanh tu. Chỉ vì một cái khố rách mà con đã đi thật xa, xa hẳn con đường mà ta đã chỉ dạy nhằm việc giải thoát. Con chỉ làm lẫn một chút mà đã đi lệch lúc nào không hay, trói buộc vào các thứ đó rồi làm sao có thể giải thoát được?*”

Khi tâm trí bị sự ham mê tài sắc điều khiển, lý trí không còn, chúng ta tự nhiên trở thành con nít, không ý thức được sự nguy hiểm của danh lợi, của

sắc đẹp. Chúng ta cũng sẽ gặp tai họa vong mạng, như hình ảnh em bé liếm mật trên lưỡi dao, mà Đức Phật đã dùng để khai thị về nỗi đau khổ mà tiền của và sắc dục mang lại cho con người.

Đồng tiền, ở chừng mực nào đó, là động lực thúc đẩy mỗi một người cố gắng nắm bắt thành công trong công việc mưu sinh, để có đủ tài chánh lo cho gia đình. Nếu dùng đồng tiền như động lực khích lệ bản thân thăng tiến, là đã đi ngược lại lời giáo huấn của Đức Phật trong chương này.

Người Phật Tử phải làm thế nào để vừa có thể kiếm tiền mưu sinh, vừa không bị mê đắm theo tiền của, tránh hiểm họa do đồng tiền mang đến?

Nếu động lực thúc đẩy chúng ta cố gắng phát triển tuệ giác, cố gắng khám phá điều này điều khác để thành công vì tâm từ bi, vì lòng vị tha vô ngã, vì phúc lợi lâu dài của tha nhân thì đây là điều rất tốt.

Nhưng khi đồng tiền là động lực thúc đẩy chúng ta làm việc, đây là điều vô cùng nguy hiểm. Hãy thử đặt câu hỏi: Điều gì sẽ xảy ra, nếu chúng ta không được đáp ứng thỏa đáng về nhu cầu tiền bạc? Phải chăng chúng ta sẽ không còn nỗ lực làm việc, không thể hy sinh thời gian để nghiên cứu, để sáng chế những điều mới lạ giúp cho nhân loại được bình an, được thăng tiến, được hạnh phúc.

Nếu chỉ vì tiền chúng ta mới khổ công tìm kiếm những phát minh về khoa học, những phát minh về

công nghệ, chẳng hạn như tìm ra những thuốc đặc trị các chứng bệnh nan y, tìm ra những công cụ tiện ích hỗ trợ đời sống của con người; thì rõ ràng đây là mối đe dọa khủng khiếp đối với nhân loại.

Các vị hiền triết, các nhà đạo sĩ, các nhà từ thiện v.v..., sở dĩ họ có những đóng góp to lớn trong việc thay đổi bộ mặt của thế giới là vì tâm từ bi, vì tâm vô ngã vị tha chứ không phải vì tiền của hay sắc dục.

Một bên hành động vì tâm từ bi; một bên làm việc chỉ vì tiền của, chỉ vì sắc dục; hai động lực và hai thái độ hoàn toàn khác nhau.

Con người sống trong một xã hội tương đối, tất nhiên phải có nhu cầu về tiền bạc. Nhưng Đức Phật dạy rằng: Chúng ta không nên để bản thân bị tham đắm theo đồng tiền và sắc dục. Phải có một đời sống tri túc, nghĩa là biết vừa đủ để có những phương tiện tối thiểu, chứ không phải mãi mê chạy theo đời sống vật chất.

Nhìn khắp thế giới, chúng ta thấy đã có một số vua chúa, tổng thống v.v... đã tích lũy cả hàng mấy chục tỷ Mỹ kim, và cũng sẵn sàng dội bom vào người dân vô tội chỉ vì quyền lực và sự tham mê tiền của. Hành động của họ nói lên tâm thức mê muội vô minh, mà Đức Phật đã khai thị trong Chương kinh này.

Thời Đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài cùng tôn giả A Nan đi du hóa tại một vùng quê. Đức Phật đang đi trên đường, bỗng Ngài bước đi lên bờ cỏ.

Này A Nan, phía trước có kẻ giặc, sau ta có ba Phạm Chí đang đi, họ sẽ gặp giặc đó.

Ba người Phạm Chí đang đi bỗng thấy bên đường có một gói vàng bèn dừng lại lấy bỏ túi.

Khi được cửa, ba anh mới bàn tính, rồi một anh đi chợ để mua đồ ăn về khao nhau một bữa no say.

Anh đi chợ vừa đi vừa nghĩ: *“Gói vàng ấy nếu chia cho hai người kia thì phần của ta sẽ ít đi, chi bằng nhân lúc này ta cho thuốc độc vào đồ ăn để giết cả hai người kia. Vậy thì số vàng đó do ta hưởng trọn.”* Nghĩ thế, liền thực hành ngay ý định.

Trong khi đó, hai người ở lại cũng cùng bàn tính: *“Nếu chúng ta chia cho người kia thì số vàng sẽ bị ít đi, chi bằng đợi nó về rồi cả hai cùng ra tay giết quách là xong.”* Nghĩ vậy, hai người núp vào chỗ kín, chờ người kia mang đồ ăn về đến liền nhảy ra giết chết.

Giết xong, hai người đem đồ ra ăn uống no say thỏa mãn, nhưng khi ăn xong thuốc độc thấm vào người, lăn đùng ra đất chết hết.

Câu chuyện cổ trên cho chúng ta thấy lòng tham con người còn đáng sợ hơn cả thuốc độc, nó nhấn chìm tất cả mọi ý niệm tốt đẹp và biến người ta thành ác quỷ. Nếu không sớm rũ bỏ lòng tham thì chúng ta mãi mãi bị đọa lạc, không thể có được đời sống an vui tự tại đích thực.

Ái dục là nguồn gốc sinh tử.

Một cách dễ hiểu, Ái là yêu đắm, Dục là ham muốn. Bản chất của ái dục chính là khổ đau, đồng nghĩa với vô minh. Càng tham đắm càng bị ràng buộc

bởi ái dục nhiều bao nhiêu thì cuộc đời của chúng ta càng bị đau khổ nhiều bấy nhiêu. Chính vì thế Đức Phật dạy phải đoạn trừ, phải thoát ly ra khỏi sự chìm đắm trước sự đổ vỡ của ái dục.

Sự phát triển tình cảm giữa nam và nữ, dẫn đưa họ đến kết quả là đời sống hôn nhân. Như vậy đối với nhà Phật, tình yêu giữa hai người được minh họa qua đời sống hôn nhân, có bị xem là họ đã đang đắm chìm trong ái dục hay không?

Theo quan niệm đời thường, một người con trai và một người con gái đến tuổi trưởng thành phải lập gia đình, thành gia thất, phải có vợ có chồng, phải tổ chức lễ thành hôn v.v... Nhưng đứng trên một bình diện cao hơn, đặc biệt đối với Phật Giáo với mục đích giải thoát, Đức Phật muốn con người ta vượt qua mọi sự trói buộc vô minh. Trên thực tế những điều có từ hôn nhân, không thật sự giúp chúng ta thỏa mãn được khát vọng mong muốn kiếm tìm hạnh phúc. Bởi vì hạnh phúc đạt được trên thế gian này, chỉ là giả tạo. Chúng ta đã đang và vẫn còn nhìn thấy những cuộc hôn nhân đầy nước mắt, thù hận và khổ đau.

Một tài liệu mà chúng tôi nghiên cứu về hôn nhân cho thấy: Trong tổng số các cuộc hôn nhân, có đến 50% cặp vợ chồng ly dị. Đây là một con số rất cao.

Vì sao người ta lại ly dị? Nếu hôn nhân thật sự mang lại hạnh phúc như người ta mơ ước, có lẽ sẽ không dẫn đến tình trạng ly dị đầy nước mắt và đau khổ.

Vì sao người ta ngoại tình? Nếu lập gia đình có chồng có vợ là một hạnh phúc tuyệt đối, không có lý do gì khiến người ta phải ngoại tình, không có lý do gì khiến người ta phải ly thân, không có lý do gì khiến người ta phải ly dị.

Dựa trên thực tế này chúng ta thấy rõ: Cuộc sống lứa đôi không phải là một đời sống hạnh phúc tuyệt đối, không phải là một đời sống giải thoát. Chúng tôi không cố động cho việc ly dị, hay bất cứ vấn đề gì khác liên quan đến hôn nhân. Nhưng chúng tôi thấy cần nhấn mạnh một vấn đề căn bản do Đức Phật giảng dạy: Nếu muốn giải thoát vòng luân hồi sinh tử khổ đau, chúng ta phải đoạn trừ ái dục, phải sống đời thanh tịnh. Muốn có đời sống thanh tịnh, chúng ta phải xuất gia. Bởi vì xuất gia, tu hành chân chính sẽ giải thoát vòng sinh tử luân hồi.

Ngày xưa Thái Tử Tất Đạt Đa có vợ đẹp con ngoan, sống trong hoàng cung đầy ngọc ngà châu báu, diễm lệ xa hoa, nhưng ngài đã từ bỏ tất cả để xuất gia tìm chân lý giải thoát và, trở thành bậc Đại giác. Ngày nay các vị chư tôn đức cũng xuất gia, nuôi dưỡng hạnh nguyện giải thoát như Đức Thế Tôn. Vậy các đệ tử tại gia đã lập gia đình không có điều kiện đi tu, họ cần phải làm gì để sau này cũng sẽ được giải thoát?

Thông thường một người được sinh ra, lớn lên, trưởng thành, thường sống theo quan điểm của nhiều thế hệ phụ huynh đã đi trước. Thí dụ: Lớn lên phải lập gia đình, phải yên bề gia thất. Một người ở tuổi ba mươi bốn mươi mà vẫn chưa lấy vợ, lấy chồng,

những người khác thường nghĩ chắc là họ bị điều gì đó, hay là ế ẩm nên mới phải sống độc thân.

Một thanh niên khoảng 40 tuổi, từng đến Chùa Diệu Pháp chia sẻ với chúng tôi như sau: Bất cứ ai gặp anh cũng hỏi, chừng nào anh lập gia đình để họ được uống ly rượu mừng. Anh cho biết: Sinh ra là phải lấy vợ, nếu không bị thiên hạ cho là khùng điên, là kỳ quái của thời đại. Từ lời nhận xét thật bình dị của chàng trai ấy, chúng tôi cảm nhận trọn vẹn ý thức trong sáng của anh, về một thực tại đầy khổ đau, thù hận. Nếu chúng ta chưa thể sống đời xuất gia thanh tịnh như sự mong ước, hãy cố gắng hạn chế sự ham muốn thèm khát sắc dục. Mỗi tháng chúng ta cố gắng đến chùa phát tâm thọ trì Bát quan Trai giới, tập sống cuộc đời của người xuất gia. Khi quen dần, chúng ta có thể hoàn toàn từ bỏ đời sống thế tục.

Trong cửa chùa thanh tịnh, chúng ta có điều kiện lắng đọng tâm tư, có thời gian để thực tập thiền định nhiều hơn là cứ sống quanh quẩn trong hoàn cảnh có quá nhiều cảm dỗ. Ngồi trước chánh điện đối diện với Đức Phật, miệng tụng kinh, tai nghe lời tụng kinh, mắt nhìn vào những lời Đức Thế Tôn thuyết giảng, tâm của chúng ta sẽ chỉ suy nghĩ về những giáo pháp nhiệm mầu do Đức Phật khai thị. Đây là một thắng duyên rất lớn để giúp ta cắt bỏ tham ái.

Nếu bắt đầu bằng chương trình tu học như vậy, chúng ta sẽ thu thập được ích lợi rất lớn về tâm

linh. Đức Phật không chỉ tu một đời. Ngài đã sống với chân lý, đã tu nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ. Khi thuyết pháp, Đức Phật đem sự chứng ngộ của ngài truyền dạy cho muôn loài, trong đó có thế giới nhân loại. Bản thân của Đức Phật luôn thể hiện chân lý, vì ngài không chỉ giảng về chân lý mà còn sống bằng chân lý. Bởi vì nếu không sống bằng chân lý, không thể nào tỉnh thức, giác ngộ. Thí dụ đơn giản: Nếu chúng ta chỉ nói ăn cơm, uống nước, mà không thực sự ăn và uống, làm sao chúng ta có thể no được.

Nếu tất cả mọi người thực hiện tốt những điều Đức Phật giảng dạy về đoạn trừ tham ái, không chìm đắm trong danh vọng, tài sắc, quyền lực thì sẽ gạt hái ích lợi vô cùng to lớn cho nhân loại. Khắp mọi nơi trên thế giới sẽ không xảy ra những cuộc tàn sát đẫm máu; những thảm kịch vợ giết chồng, chồng giết vợ, thậm chí con cái giết cha mẹ sẽ chấm dứt; xã hội xáo trộn vì tình địch này giết tình địch kia, bạo lực xảy ra khắp nơi từ gia đình đến học đường và xã hội sẽ không còn tái hiện nữa, thế giới này sẽ hòa bình, an lạc.

Nhân loại vẫn chưa quên trận động đất và sóng thần Sedan xảy ra tại Nhật Bản ngày 11/3/2011, liền tiếp theo đó là biến cố phóng xạ tại nhà máy điện Fukushima. Trong hoàn cảnh bi thương như vậy, người Nhật vẫn chứng tỏ sự lương thiện, lòng thanh trong như ngọc của họ. Không có người tham lam hôi của, không có nạn đầu cơ tích trữ, đặc biệt

là tinh thần kỷ luật và sự bình thản của người lớn và trẻ em.

Khi đi ngang qua ngôi nhà bị sập, mà tiền giấy có lẽ từ ngôi nhà đó trôi ra bị ướt nằm tứ tán trên bãi đất, ước tính phải đến vài chục triệu yên, nhưng chẳng ai thèm nhặt, ông Vương Hy Văn người Trung Quốc, ký giả của Hoàn Cầu Thời Báo, đã phải thốt lên: *“50 năm nữa, kinh tế Trung Quốc chắc chắn sẽ đứng đầu thế giới, nhưng vĩnh viễn Trung Quốc không thể được gọi là cường quốc, vì 50 năm nữa người Trung Quốc cũng chưa thể có trình độ dân trí và ý thức đạo đức công dân cao như người Nhật hiện tại. Tôi hổ thẹn mình là con cháu của Khổng Tử, nhưng không hiểu cái đạo Nhân Nghĩa làm người bằng họ.”*

Ông Hà Minh Thành, cảnh sát gốc Việt tại Nhật Bản, tham gia công việc cứu giúp nạn nhân của thảm họa động đất, đã kể lại bài học làm người ông được học từ cậu bé 9 tuổi, gần như đã mất cả gia đình trong trận động đất. Ông tặng cậu bé phần lương khô của ông, nhưng cậu lại bỏ vào thùng thực phẩm đang phân phát, rồi quay lại xếp hàng. Khi ông hỏi, cậu bé trả lời: *“Bởi vì còn có nhiều người chắc chắn đói hơn con. Bỏ vào đó để các cô chú phát chung cho công bằng.”*² Hành động của cậu bé 9 tuổi này đã nói lên tinh thần

2. Lá thư của cảnh sát Hà Minh Thành người Nhật gốc Việt, đăng trên Tuần Việt Nam ngày 18/3/2011. <http://newamericamedia.org/2011/03/letter-from-fukushima-a-vietnamese-japanese-police-officers-account.php>

từ bi, vị tha, vô ngã. Nền giáo dục của Nhật Bản là điều chúng ta cần học hỏi.

Chương 22 cũng là một trong số 42 điều quan trọng của Tứ Thập Nhị Chương Kinh. Sự quan trọng này nói đến nội dung tiền cửa và sắc dục mang lại sự đau khổ. Một khi có thể tiêu trừ lòng tham lam sắc dục hay tiền cửa, thế giới sẽ được vui sống trong hòa bình. Nếu chúng ta cố gắng thực hành lời giảng dạy của Đức Phật trong chương 22, chúng ta sẽ đóng góp một phần rất lớn trong việc thay đổi thế giới và nhân loại.

Chương 23

THÊ TỬ THẬM NGỤC

Gia Đình Còn Tệ Hơn Lao Ngục

第二十三章·妻子甚獄

Hán văn:

佛言。人繫於妻子舍宅。甚於牢獄。牢獄有散釋之期。妻子無遠離之念。情愛於色。豈憚驅馳。雖有虎口之患。心存甘伏。投泥自溺。故曰凡夫。透得此門。出塵羅漢。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Nhân hệ ư thê tử, xá trạch, thậm ư lao ngục. Lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viên ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì. Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tâm tồn cam phục. Đầu nê tự nịch, cố viết phàm phu. Thấu đắc thử môn, xuất trần La-hán.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người bị vợ con, nhà cửa ràng buộc còn nặng hơn cả lao ngục. Lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, nhưng vợ con thì không một ý niệm xa lìa; Bị tình ái sắc dục lôi cuốn dẫn có cái họa sa vào miệng hùm, lòng vẫn cam chịu. Tự đắm mình nơi bùn nhơ nên gọi là phàm phu; Thấu suốt, vượt qua cửa ải này là bậc xuất trần La-hán.

Anh ngữ:

Chapter 23: The Family Is Like Prison

The Buddha said: “Men are tied up to their families and possessions more helplessly than in a prison. There is an occasion for the prisoner to be released, but householders entertain no desire to be relieved from the ties of family. When a man’s passion is aroused nothing prevents him from ruining himself. Even into the maws of a tiger will he jump. Those who are drowned in the filth of passion are called ignorant. Those who overcome it are saintly Arhats.”

Lược giảng:

Hết thảy mọi sinh vật trên vũ trụ đều do ái dục mà sinh ra. Từ động vật cấp thấp như những loài côn trùng cho đến động vật cấp cao là con người, kể cả thực vật thụ phấn rồi khai hoa nở nhụy. Tất cả đều biểu lộ tính dục qua nhiều cách khác nhau, ái dục là bản chất của muôn vật trên thế gian. Nó luôn ngủ ngầm và thúc dục chúng sinh quay cuồng trong bể ái trầm luân đau khổ. Trong kinh *Pháp Cú* Đức Phật có dạy rằng:

*“Tâm ai mãi buông lung
Thấy dâm bảo là tịnh
Ân ái ý gia tăng
Từ đó vào ngục lao”¹*

Vì tâm bị vô minh phiền não che lấp nên hằng ngày đã tạo vô số nghiệp ác, đánh mất chân tâm, mà

1. Kinh Pháp Cú, phẩm *Ái Dục* thứ 32, kệ 18.

cứ nghĩ đó là chân hạnh phúc, bởi vậy mới kết nối chuỗi dài trôi lăn sinh tử luân hồi từ kiếp này đến kiếp khác.

Như đôi vợ chồng trong truyện “*Con Sâu Trong Lỗ Mũi*.” Có hai vợ chồng quy y theo một Thiền sư. Ngài thường nhắc nhở tu hành. Lần đó Sư có duyên sự đi xa. Một hôm, người chồng bị bệnh thương hàn nặng, thầy thuốc xem mạch lắc đầu bảo với người vợ: “*Bệnh này không qua khỏi ngay vì mạch đã hết. Vậy bà đừng nên chạy chữa làm chi cho tốn hao, hãy lo liệu những vật dưỡng già mà thôi.*” Người vợ tuyệt vọng, tâm thần rối loạn quên cả những lời dặn dò, chỉ dạy của thầy, bớt tình luyến ái, lo niệm Phật, niệm Pháp để giữ chánh niệm. Thấy chồng nằm mê man, người vợ chỉ gục mặt bên chồng khóc kể liên miên. Đến khi người chồng chợt mở đôi mắt thất thần nhìn vợ lần cuối cùng, người vợ vẫn còn ghé sát mặt chồng nức nở khóc than, sao bỏ lại mình cô đơn! Người chồng nghe lời quá bi ai của vợ, tình ân ái bất giác nổi lên, nhìn vợ mà hai hàng lệ tuôn chảy, nghẹn thở rồi trút linh hồn ra đi. Thần thức ông xuất ra chui ngay vào lỗ mũi vợ, hóa thành một con sâu.

Đám tang xong, người vợ buồn khổ vì thương nhớ chồng, lại thêm lỗ mũi ngày một lớn và đau nhức vô cùng, không biết lý do gì. Một hôm đó, Thiền sư trở về ghé qua nhà thăm, Người vợ hối hả chạy ra đón và khóc lóc kể lể. Thiền sư khuyên bảo an ủi, người vợ như giải tỏa bớt đau buồn, chợt khịt mũi văng ra một con sâu khá lớn. Thiền sư thấy vậy cười bảo:

- Ở đời ít ai có nghĩa hơn con. Ai đời thương chồng mà khóc đến có sâu trong lỗ mũi. Người vợ thẹn quá, định lấy chân giẫm chết con sâu. Thiên sư vội khoát tay bảo:

- Đừng, con đừng làm như thế, con sâu chính là chồng của con đó!

Người vợ lại thưa:

- Bạch thầy, chồng của con suốt đời niệm Phật làm phước, tại sao chết lại sinh vào loài sâu bọ như thế?

Thiên sư bảo:

- Con đã quên lời thầy dạy, khi chồng chết không lo niệm Phật, tụng kinh, khuyên chồng phải chánh niệm, chỉ đem tình ân ái kể lể khóc than, nên khiến chồng của con mất chánh niệm, thần thức luyến ái không thể vượt lên, phải chui vào lỗ mũi con làm con sâu, uống bao công phu!

Thiên sư liền khai thị cho con sâu, nó nằm oằn oại một lúc rồi chết.

Con người thường chấp chặt, bám víu vào những hạnh phúc giả tạm mưu cầu danh lợi địa vị, công danh, nhằm thỏa mãn dục vọng đê hèn, nuôi dưỡng cái thân ngũ uẩn. Chính những thứ này là gông cùm, trói buộc tâm chúng sinh, là cái ách đè lên vai của nhân thế. Dưới ánh mắt của phàm phu đã bị che mờ bởi những thứ ngũ dục.

Ngũ dục là năm sự ham muốn về tài, sắc, danh, thực và thù. Ngũ dục còn được gọi là ngũ độc tiền, năm mũi tên độc hại đến từ nhân-nhĩ-tỷ-thiệt-thân

khi tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị và xúc. Tham đắm ngũ dục, tức là để cho cuộc đời bị trói buộc bởi năm thứ ham muốn vô cùng nguy hiểm. Sắc và tài là hai sự ham muốn chính yếu của con người.

Chúng ta thường nghe truyền thông báo chí nói rất nhiều, về hiểm họa do sắc đẹp gây ra. Từ ngàn xưa cho đến bây giờ, đã từng có những vua chúa, tổng thống, thống đốc, thượng nghị sĩ, nhiều quan chức cao cấp... bị thân bại danh liệt chỉ vì đam mê sắc đẹp. Đó là chưa nói đến những nguy hiểm khác về sức khỏe, chẳng hạn như bị bệnh tật, v.v...

Tiền bạc cũng là một loại ham muốn khó có thể chống lại. Vì háms tiền tham lợi người ta bất chấp tất cả, sẵn sàng sử dụng những thủ đoạn gian ác tàn nhẫn, miễn sao có thể kiếm được thật nhiều tiền. Tình trạng này dẫn đến sự bất an trong đời sống.

Sự bất công, phi lý, tệ nạn xã hội mà chúng ta đã và đang chứng kiến trong thế giới hiện nay, đều bắt nguồn từ cuộc chạy đua để tranh đoạt tài và sắc. Chính vì vậy, Đức Phật muốn cảnh tỉnh nhân loại trước hai mối nguy hiểm nói trên. Nếu có thể nhận biết như thật về thực tế này, chúng ta sẽ dừng chân đúng lúc, không bị đánh đổi tất cả bằng một cái giá vô cùng oan uổng.

Thay vì chạy theo tài sắc, chúng ta đầu tư thời gian để phụng sự xã hội, hoặc làm một điều gì đó có ích lợi thật sự cho bản thân, không hoài công phí sức theo đuổi tài sắc; bởi vì đây là những điều phù du, không bao giờ có thể hoàn toàn thỏa mãn.

Đức Phật muốn ví vợ con giống như tài và sắc thường đem đến hệ lụy cho con người.

Trong Chương 23, mục đích chính của Đức Phật là muốn khai thị giúp chúng ta ý thức thật rõ bản chất đau khổ của sự tham lam, sự thèm khát, say đắm dục tình và của cải vật chất. Bất cứ ai cũng vậy, không thể tìm được hạnh phúc trong cuộc chạy đua tích lũy tài sản, và say đắm sắc dục. Đời sống của một người cũng không thể nào hạnh phúc, nếu người ấy chỉ đầu tư thời gian rượt đuổi những hình ảnh được cho là những giai nhân...

Đức Phật dùng vợ con, hình ảnh gần gũi nhất, nói về sự lôi cuốn của tiền bạc và sắc đẹp, để giúp chúng ta dễ hình dung ra những điều chúng ta khó thấy từ xa.

Thông thường người đời ai cũng mơ ước có người chồng tài giỏi, người vợ hiền thực, con cháu hiếu thảo, tài sản đầy đủ. Nhưng Đức Phật lại dạy, nếu chúng ta có gia đình hay dính líu với một người phụ nữ nào đó, chẳng khác chi chúng ta bị giam trong nhà lao chung thân cấm cố, không bao giờ thoát ra được. Nếu đời sống gia đình quả thực là điều đáng e ngại theo đúng Chương 23 của Kinh Tứ Thập Nhị Chương, thì chúng ta phải làm sao để giải thoát ra khỏi sự “*chung thân cấm cố*” ấy?

Đứng trên quan niệm thường tình, ai cũng mơ ước có một người chồng tài giỏi, đạo đức, một người vợ đảm đang, tháo vát, đoan chính; tuy nhiên thực tế

chứng minh rằng, đã không phải ít người khi những mơ ước nêu trên được thành tựu, cũng là lúc họ đối diện với vô số thất vọng và khổ đau.

Thí dụ như vua Trụ ở Trung Quốc, Công nương Diana ở Anh Quốc, Tổng Thống Pháp Nicolas Sarkozy của Nước Pháp và, rất nhiều nhân vật xuất chúng tài sắc vẹn toàn trong nhiều lãnh vực khác... Họ đã không thật sự hài lòng với những gì họ có vì có nhiều nguyên nhân khác nhau. Bên cạnh những tên tuổi nổi tiếng được các cơ quan truyền thông nói đến, còn có hàng triệu-triệu người trên trái đất này, cũng đang phải đối diện với từng khúc quanh đau khổ trong đời sống, chỉ vì họ không được thỏa mãn lòng ham muốn của bản thân về tài sắc; trong khi sự ham muốn ấy chỉ vì tư lợi, vì bản thân, chứ không phải vì mưu cầu hạnh phúc cho bất cứ ai.

Một câu hỏi được đặt ra: Nếu người vợ hết sức thương yêu chồng, nhưng người chồng không chung thủy, thử hỏi người vợ có thù hận hay không? Chắc chắn người vợ sẽ căm ghét người chồng. Ai yêu quý chúng ta, dĩ nhiên chúng ta cũng hết lòng yêu quý họ. Nhưng nếu họ có hành động nào đó khiến chúng ta phải hoài nghi, và chỉ mới hoài nghi thôi không chắc là thật, chúng ta đã cảm nhận tất cả niềm đau khổ. Những gì chúng ta áp ủ trên quý dành cho họ, sẽ tan biến như mây khói.

Nếu chạy theo những bóng hồng để thỏa mãn nhu cầu được mệnh danh là hạnh phúc, chẳng khác nào chúng ta đuổi theo ảo ảnh.

Người Việt Nam có quan niệm: Gái lớn phải lấy chồng, trai lớn phải có vợ. Như vậy chúng ta phải sống như thế nào, để vừa sống đúng chánh pháp vừa sống đúng với đời?

Nếu tiền bạc và sắc đẹp là những điều thật sự mang lại hạnh phúc như người đời nghĩ, chắc chắn không có những trường hợp tự tử, những trường hợp bạo hành nhan nhản xảy ra trong gia đình, cũng không có trường hợp ly thân hay ly dị. Những siêu sao, những tỷ phú, là những người không chỉ có danh vọng, không chỉ có tài sắc, mà còn có rất nhiều của cải. Nhưng thống kê cho thấy, họ lại là những người luôn bị đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Ước tính tổng số người ly dị hiện nay lên đến 50%; trong khi thập niên 1980, chỉ có khoảng 40%. Thực tế này cho thấy đời sống lứa đôi không thật sự mang lại hạnh phúc, như mọi người nghĩ. Chúng ta cố gắng bước vào con đường xuất gia để tìm đạo, để sống cuộc đời phẩm hạnh, đóng góp vào phúc lợi lâu dài cho thế giới nhân loại nói riêng, cho muôn loài nói chung.

Nếu chúng ta chỉ theo đuổi tài sắc, thật không có ích lợi gì. Lời giảng dạy của Đức Thế Tôn rất chí lý, ngài khuyên chúng ta đừng tham đắm sắc dục, đừng tham đắm lợi danh, hãy cố gắng đem hết khả năng và sức lực phụng vụ tha nhân.

Trong Chương 23 có câu: *“Tự đắm mình vào đồng bùn lầy, nên chúng ta được gọi là phàm phu. Giải thoát ra khỏi điều này mới chính là bậc A La Hán.”* Vậy phải giải thoát hay vượt thoát ra khỏi điều gì, để

tránh không sa chân vào đồng bùn lầy nói trên? Xuất gia phải chăng chính là con đường giải thoát?

Điều này hoàn toàn đúng. Chúng ta phải vượt lên trên sự ràng buộc, sự vướng mắc của ái tình, của sắc dục, sống đời xuất gia phạm hạnh, thanh tịnh.

Xuất gia là đời sống Đức Phật luôn luôn tán dương, nhất là trong bộ kinh “*Tứ A-Hàm*,” gồm có Trường A-Hàm, Trung A-Hàm, Tăng Nhất A-Hàm và Tạp A-Hàm v.v... Hoặc là trong tất cả các bộ kinh lớn khác của Giáo Pháp Đại Thừa, Đức Phật cũng tuyên dương đời sống của những người xuất gia.

Ngược lại nếu chỉ là người bình thường, chúng ta hãy đem hết năng lực để phụng sự xã hội, không phung phí thời gian để nhằm thỏa mãn những thèm khát dục vọng của bản thân. Điều này hết sức quan trọng. Bằng ý lực và tâm trí trong sáng như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ giúp cho thế giới nhân loại được thăng hoa tốt đẹp.

Những bước căn bản giúp tiêu trừ lòng tham ái dục.

Bất cứ một sự từ bỏ nào cũng đòi hỏi nỗ lực với một nội lực phi thường. Khoan nói đến việc từ bỏ tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, chỉ từ bỏ một điều thuốc, một ly rượu thôi, cũng đã là điều rất khó. Nhưng nếu chúng ta ý thức rõ sự nguy hiểm của thuốc lá và rượu qua những tài liệu đã được chứng minh một cách khoa học, chúng ta sẽ dễ dàng từ bỏ.

Vấn đề cốt lõi ở đây chính là vì không hoàn toàn nhận thức triệt để được sự nguy hiểm, nên chúng ta

chưa thể đưa ra một quyết định đủ mạnh để từ bỏ. Thí dụ khi bác sĩ cho biết lượng cholesterol trong máu của chúng ta quá cao, nếu không uống loại thuốc nào đó để tiêu trừ chất mỡ này, chúng ta sẽ bị nguy hiểm về tim mạch và sức khỏe. Nhưng với những người không có ý thức cao về sức khỏe, họ sẽ coi thường lời khuyến cáo của Bác sĩ; họ cứ ăn trước rồi tính sau, họ quan niệm sai lầm rằng là sống thì đừng để bị biến thành ma đói, chừng nào ngã bệnh mới lo chữa trị, tâm lý của con người vốn là như vậy; nhưng tiếc thay, khi ngã bệnh, nhất là đã đến giai đoạn cuối cùng thì vô phương cứu chữa. Chính vì thế Đức Phật dạy rằng: “*Bồ Tát sợ nhân chúng sinh sợ quả.*” Các vị bồ tát, các vị thiện tri thức nhìn thấy trước vấn đề. Họ không để bất cứ chuyện đáng tiếc nào xảy ra. Trong khi người đời cứ đợi khi kết quả xảy ra mới lo sợ, mới tìm cách chữa trị lúc đó đã quá muộn màng. Cũng giống như bị ung thư mà coi thường lời khuyên của bác sĩ, đợi đến giai đoạn cuối mới đi bệnh viện thì không còn kịp nữa.

Khi ý thức được hiểm họa do sắc và tài mang lại, chúng ta sẽ có thể đoạn trừ một cách dễ dàng. Phàm đã là con người nói thì dễ, nhưng vấn đề này không dễ dàng khi thực hiện. Chúng ta từng bước tìm hiểu lời dạy của Đức Phật, áp dụng những điều đã hiểu vào đời sống thực tế, tuân tự đoạn trừ toàn bộ những ham muốn về sắc dục và tiền của.

Thiên “*Ly Lôu Thượng*” trong sách Mạnh Tử chép rằng: “*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại.*” Có

nghĩa là “*Trong ba điều bất hiếu, không có con là tội lớn nhất.*” Cha mẹ già muốn các con phải lập gia đình, thứ nhất để nối dõi tông đường, thứ hai để có người chăm sóc lúc tuổi già. Vậy nếu là người bình thường, lập gia đình rồi mới xuất gia có được hay không?

Quan niệm của Đức Khổng Phu Tử là để dạy những con người trong xã hội bình thường, không phải dạy để giúp con người giải thoát ra khỏi thế giới đầy tục lụy. Mỗi tôn giáo, mỗi học thuyết có quan niệm khác nhau. Không nhất thiết phải lập gia đình, mới có thể phụng dưỡng cha mẹ. Nhiều khi độc thân lại có nhiều thời gian hơn để chăm sóc lo lắng cho cha mẹ, bởi vì không phải bận lo cho những người khác.

Thành tâm nguyện cầu cho mỗi chúng ta có được đời sống đầy phẩm hạnh, tránh xa những cám dỗ của vật chất và sắc dục.

Chương 24

SẮC DỤC CHƯỚNG ĐẠO

Sắc Dục Chướng Ngại Đường Đạo

第二十四章·色欲障道

Hán văn:

佛言。愛欲莫甚於色。色之為欲。其大無外。賴有一矣。若使二同。普天之人。無能為道者矣。

Phiên Âm:

Phật ngôn: ái dục mạc thậm ư sắc. Sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoạ. Lại hữu nhất hỷ, nhược sử nhị đồng, phổ thiên chi nhân, vô năng vi Đạo giả hỷ.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Trong các thứ ái dục, không gì tệ hại bằng sắc dục. Ham mê sắc dục lớn lao không gì vượt ngoài. May thay, chỉ có một mình nó mà thôi. Nếu có hai thứ giống thế thì người khắp thiên hạ không ai có thể vì đạo được!

Anh ngữ:

Chapter 24: Sexual Desire Hinders the Way

The Buddha said: “There is nothing like lust. Lust may be said to be the most powerful passion. Fortunately, we have but one thing, which is more powerful. If

the thirst for truth were weaker than passion, how many of us in the world would be able to follow the way of righteousness?”

Lược giảng:

Sức mạnh của sắc dục:

Mãnh lực của sắc đẹp là ý chính trong Chương 24 của Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Nếu không hiểu rõ bản chất giả huyền của sắc đẹp, sẽ không thể nào tránh khỏi sự lôi cuốn của loại ma lực này. Đây là điều vô cùng quan trọng, mà Đức Phật muốn lưu ý cho chúng ta.

Trong thực tế đời thường chúng ta chứng kiến không biết bao nhiêu thảm cảnh có từ gia đình, từ tình bạn, từ một xã hội nhỏ cho đến phạm vi rộng của một quốc gia, hay rộng hơn nữa là phạm vi của quốc tế, chỉ vì nhan sắc của một người phụ nữ.

Vì nhận biết sức mạnh vô song của sắc dục, nhiều quốc gia đã sử dụng sắc đẹp như một loại vũ khí. Họ huấn luyện những phụ nữ có nhan sắc trở thành nhân viên tình báo, làm gián điệp, v.v... Rất nhiều người đàn ông có đảm lược, có bản lãnh, có cái nhìn xuyên thấu mọi vấn đề, nhưng khi đối diện với mỹ nhân kế đều bị đánh gục, đều bị sụp đổ. Rất nhiều người trong xã hội hiện nay vừa có chức vị, vừa rất giỏi và giàu có, chẳng hạn như thống đốc, thượng nghị sĩ, ứng cử viên tổng thống, v.v... Họ là những người đã có gia đình, nhưng vì không thoát khỏi mãnh lực của sắc dục cuối cùng đã bị thân bại danh liệt.

Trước đây có vị thư sinh tên là Lý Sinh, vô cùng chăm chỉ đọc sách, giỏi viết văn. Trên đường đến kinh thành dự thi, anh quyết định nghỉ qua đêm ở một nhà trọ bên đường.

Đêm trước, người chủ quán trọ nằm mộng thấy Thổ Địa nói với ông rằng: “Ngày mai sẽ có một vị tên là Lý Sinh đến nghỉ trọ tại quán của ông. Ông phải đối đãi tốt với anh ta, bởi vì anh ta có mệnh thi đỗ khoa bảng!”

Sáng sớm hôm sau quả nhiên Lý Sinh đến. Ông chủ quán trọ ân cần chiêu đãi đồ ăn ngon và còn cung cấp xe ngựa cho anh ta đi.

Lý Sinh lấy làm lạ bèn hỏi chủ quán: “Vì sao ông đối đãi tốt với tôi như vậy?”

Chủ quán kể lại giấc mộng đêm qua của mình cho Lý Sinh nghe. Lý Sinh nghe xong vô cùng cao hứng, nghĩ mãi rằng: “Mình sắp đỗ đạt công danh rồi! Nếu mình làm đại quan thì mình phải bỏ ngay người vợ xấu xí hiện tại của mình và lấy vợ mới xinh đẹp hơn mới phải!”

Sau khi Lý Sinh rời đi vào sáng hôm sau, chủ lữ quán lại mộng thấy Thổ Thần đến nói với ông rằng: “Lý Sinh này có ý định bất lương, công danh còn chưa thành mà đã nghĩ đến chuyện vứt bỏ người vợ tào khang, giờ thì anh ta đã không còn hy vọng đỗ đạt nữa rồi.”

Mấy hôm sau Lý Sinh lại trở về quán trọ ấy nhưng ông chủ quán lại đối xử với anh vô cùng lạnh nhạt, thậm chí không cho phép anh ở lại qua đêm.

Lý Sinh không hiểu vì sao, liền hỏi chủ quán trọ nguyên nhân. Người chủ quán nói lại những lời Thổ Thần đã nói với ông cho Lý Sinh nghe. Lý Sinh nghe xong kinh sợ và cảm thấy vô cùng xấu hổ, vội vã rời đi. Về sau, quả nhiên Lý Sinh không đắc được chút công danh nào.

Lý Sinh chỉ có một ý nghĩ sai trái mà mệnh của anh vốn đắc công danh đã bị hủy đi, phúc báo bị tước mất hết. Câu chuyện cho thấy, người đắm say sắc dục chắc chắn là người sẽ phải chuốc lấy hậu quả bất hảo.

Chuyển hóa ái dục

Theo luật nhân quả và nhất là theo nghiệp báo, tất cả những sự việc xảy ra hàng ngày đều liên quan đến nghiệp lực và nhân quả. Ý thức rõ vấn đề này chúng ta sẽ nỗ lực tìm cách chuyển hóa; bởi vì nếu không chuyển hóa được phận nghiệp, có lẽ chúng ta sẽ không mất thời gian đầu tư vào việc tu tập nhằm đoạn trừ nghiệp chướng.

Khi cố gắng tu tập để đoạn trừ nghiệp chướng, chắc chắn chúng ta có thể chuyển nghiệp từ nặng đến nhẹ, từ nhẹ đến chỗ không còn một mảy may nào. Đây là sự thật được chứng minh qua nhiều ngàn năm lịch sử của Phật Giáo.

Nếu nỗ lực tu tập, bất cứ ai cũng có thể chuyển hóa nghiệp chướng của bản thân. Có nghĩa là những sai lầm hay những tội lỗi từng mắc phạm trong quá khứ, giờ đây tu tập có thể chuyển hóa được một phần.

Mọi nghiệp chướng sẽ được tiêu hủy, nếu chúng ta nỗ lực tinh tấn kiên cường chuyển hóa. Giống như ly ít nước bỏ vào nhiều muối, chất mặn vẫn còn. Nhưng nếu chúng ta đem số lượng muối này bỏ vào ao hay hồ, nhất định vị mặn không còn nữa.

Xuất gia là một trong những giải pháp chế ngự và đoạn trừ ái dục:

Muốn có đời sống thật sự giải thoát phải xuất gia. Bởi vì người xuất gia bị ràng buộc trong giới luật, trong những điều bị nghiêm cấm cần phải tuân giữ. Chính những điều này giúp họ cắt đứt mọi liên hệ, mọi vướng bận của thế tục, và mới thật sự có một cuộc đời giải thoát-an nhiên-tự tại.

Theo tiêu chuẩn đạo đức xã hội bình thường, người ta quan niệm rằng: Đời sống hôn nhân có vợ có chồng, có sự nghiệp, chính là mục đích cần phải đạt đến. Nhưng với tuệ giác của Đức Phật, ngài dạy rằng: Hôn nhân, sự nghiệp không phải là cứu cánh tối hậu. Chúng ta cần đi xa hơn, vượt lên trên tất cả mọi sự ràng buộc và vướng bận của một người, lúc nào cũng phải đối diện với muôn vàn điều đau khổ.

Chúng ta cũng nên hiểu rằng: người xuất gia không phải là người chán đời, bị cuộc đời hất hủi hay trốn tránh thế sự, mà người xuất gia là người có lối sống tích cực, có đủ nội lực đi ngược lại dòng đời, có đủ sức mạnh chiến thắng những cám dỗ mà người thế tục không thể nào vượt qua. Xuất gia để giải thoát khổ đau trong vòng sinh tử luân hồi không chỉ cho

bản thân, mà còn cho tha nhân, cho cả muôn loài trong vũ trụ. Làm được như vậy, người xuất gia mới làm tròn sứ mệnh thiêng liêng cao cả của mình. Nhận thức của người xuất gia đặt trên căn bản từ bi và trí tuệ. Khi nói đến từ bi và trí tuệ là nói đến đời sống đầy phẩm hạnh, vị tha, vô ngã. Muốn hoàn thành lý tưởng và sứ mệnh cao đẹp của bản thân, người xuất gia phải thấy rõ họ là người xuất thế tục gia, xuất phiền não gia, xuất tam giới gia. Họ phải bước ra khỏi mái nhà thế tục, không còn bị sắc dục cám dỗ như lời Đức Phật đã dạy.

Trong kinh *Trung Bộ I* Phật dạy rằng: “*Này các Tỳ Kheo, những Sa môn, Bà la môn nào bị trói buộc, bị tham đắm say mê bởi năm dục trường dưỡng, không thấy sự nguy hại của chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: các người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị ác ma sử dụng theo nó muốn. Này các Tỳ Kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần được hiểu là bị rơi vào bất hạnh, rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như nó muốn, khi người thợ săn đến con nai ấy không thể bỏ đi như nó muốn. Này các Tỳ Kheo, những Sa môn hay Bà la môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị say mê bởi năm dục trường dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị thợ săn sử dụng như nó muốn, khi người thợ săn đến con nai ấy có thể bỏ đi như nó muốn.*”

Người đời xem đối tượng bên ngoài như mục tiêu để theo đuổi, để chiếm hữu, để thỏa mãn dục vọng thèm khát. Ngược lại người xuất gia xem những đối tượng này là tác động xấu lên đời sống phẩm hạnh của họ. Với nhận thức trong sáng như vậy, lúc nào người xuất gia cũng tìm mọi cách để giữ giới luật, ngăn ngừa ảnh hưởng của những tác động xấu cho đến chỉ là một ý nghĩ nhỏ. Bởi vì tất cả xuất phát từ những vướng mắc của tâm thức, sinh ra điên đảo vọng tưởng, dẫn đến những hành động đi ngược lại truyền thống tu hành thanh tịnh của bậc chân tu.

Cũng chính vì thế, người xuất gia phải tránh tất cả những điều cực đoan, những điều phiền não, những điều được gọi là tham-sân-si-mạn-nghi-kiến-ác.

Người xuất gia một khi xuất thế tục gia, xuất phiền não gia, xuất tam giáo gia, có nghĩa là họ đã ra khỏi ngôi nhà của dục giới, của sắc giới, và của vô sắc giới. Một khi đã làm tròn những điều mà hai chữ “*xuất gia*” mình định rất rõ, chắc chắn vị xuất gia không phải là người bị quan yếm thế chán đời, mà họ là người rất năng động [dynamic]. Năng động không có nghĩa là vị xuất gia nhắm vào những danh vọng thấp hèn, hay tham dục. Ngược lại, họ luôn luôn hướng đến chân trời cao rộng, tiếp nối một cách rạng rỡ dòng giống của Đức Phật. Tổ Qui Sơn từng dạy: “*Phát túc siêu phương... thiệu long thánh chủng.*”

Trong “*Mạnh Tử – Đằng Văn Công Hạ*” ghi rằng: “*Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất.*” Nghĩa là, bậc trượng phu phú quý

không bị sắc dục cám dỗ, nghèo túng nhưng không thay đổi tiết tháo và, không bị khuất phục bởi quyền uy.

Trong 5 giới do Phật chế định, Giới không được tà dâm là một trọng giới hết sức quan trọng. Nhưng đối với hàng xuất gia thì không phải không tà dâm mà là không dâm dục.

Kinh *Pháp Cú* dạy rằng:

Kệ 335:

“Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng
Sâu khổ sẽ tăng trưởng,
Như cỏ bị gặp mưa.

Kệ 336:

“Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sâu rơi khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen.”

Trong Tiểu Kinh *Khổ Uẩn*, thuộc *Trung Bộ Kinh*, do HT Thích Minh Châu dịch, Đức Phật cũng dạy rằng:

“Này Mahànàma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh Đẳng Chánh Giác, Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: ‘Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn, dù Ta có thấy với như thật chánh trí tuệ như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào

khác cao thượng hơn. Và, như vậy Ta biết rằng, Ta chừa khỏi bị các dục chi phối. Và này Mahànàma, khi nào Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: Các dục, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn, và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối.”

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy rằng: “Dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất. Túng hữu đa trí, thiền định hiện tiền, như bất đoạn dâm, tất lạc ma đạo.”

Nghĩa là: Tâm dâm dục không đoạn trừ thì không thể ra khỏi trần lao. Dầu có đa trí, và thiền định hiện tiền, nhưng dâm dục không đoạn trừ thì chắc chắn lạc vào ma đạo.

Tóm lại, dù là trong chương 24 này hay trong những Kinh điển khác, Đức Phật đều khuyên ta hãy tránh xa sắc dục, đừng để tham dục chi phối, sai sử nếu chúng ta muốn giải thoát khổ đau.

Chương 25

DỤC HỎA THIÊU THÂN

Lửa Dục Đốt Người

第二十五章·欲火燒身

Hán văn:

佛言。愛欲之人。猶如執炬。逆風而行。
必有燒手之患。

Phiên Âm:

*Phật ngôn: ái dục chi nhân, du như chấp cự,
nghịch phong nhi hành, tất hữu thiêu thủ chi
hoạn.*

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người ham mê ái dục ví như kẻ
cầm đuốc đi ngược gió, tất phải bị hoá cháy
tay.

Anh ngữ:

Chapter 25:

The Fire of Lust Consumes the Body

The Buddha said: “Men who are addicted to the
passions are like the torch-carrier running against the
wind; his hands are sure to be burned.”

*Lược giảng:***Sự nguy hiểm của ái dục.**

Nếu Chương 24 Đức Phật nhấn mạnh đến sức mạnh của ái dục, thì chương 25 Ngài lưu ý chúng ta về sự nguy hiểm của ái dục. Khi Đức Thế Tôn – một bậc Đại giác – lên tiếng nhắc nhở về sức mạnh và sự nguy hiểm của ái dục, chúng ta không thể coi thường; ngược lại phải ý thức rằng, đây là hiểm họa có thể tiên liệu hay đoán trước. Một khi thấu hiểu rõ điều này, chúng ta mới có thể tránh khỏi những ưu phiền đau khổ.

Trong kinh *Đại Niết Bàn* Phật dạy: “*Như có người thích hoa đẹp mà chẳng thấy cọng hoa có rắn độc, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết. Tất cả phàm phu tham đắm ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái, nên bị ái làm hại, sau khi chết đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.*”¹

Đức Phật từng đưa ra rất nhiều thí dụ liên quan đến ái dục. Ngài dạy rằng: Người đam mê sắc dục, chẳng khác nào đang sống trên đầu lưỡi dao hay đầu ngọn giáo. Chúng ta vẫn còn nhớ những cuộc nội chiến trong thâm cung của lịch sử Trung Quốc, nổi bật là sự đam mê tử sắc của Trụ Vương với nàng Đắc Kỷ khiến nhà Trụ mất nước. Lịch sử Việt Nam có vua Lê Long Đĩnh, còn được mệnh danh là Lê Ngọa Triều, phải nằm khi thiết triều vì ông ta vừa ác độc, vô đạo đức vừa hoang dâm vô độ.

1. Kinh *Đại Niết Bàn*, Phẩm *Thánh Hạnh*.

Trong xã hội Việt Nam hiện nay còn lưu truyền một biến cố khủng khiếp: Năm 1963 vũ nữ Cẩm Nhung bị đánh ghen bằng axit khiến cô mù đôi mắt, dung nhan bị hủy hoại.

Ngày 22 tháng 3 năm 2011 toàn thế giới đều biết: Cựu Tổng Thống Do Thái Moshe Katsav bị tòa án tuyên phạt 7 năm tù vì tội hiếp dâm, trong lúc ông còn là bộ trưởng bộ du lịch và, trong suốt nhiệm kỳ tổng thống khiến thanh danh cũng như uy tín của ông bị tan biến sau bản án này. Ngoài ra, không hiếm những nhân vật quan trọng trong chính trường, trong thương trường quốc tế, bị thân bại danh liệt vì vướng mắc vào âm mưu của gián điệp và, tình báo có liên quan đến nữ sắc. Những bằng chứng thực tế nói trên, đã cho thấy hiểm họa khôn lường của ái dục.

Họa hại từ ái dục.

Chắc chắn những hệ lụy và sự phiền muộn mà họ phải nhận chịu, không bút nào có thể tả xiết. Thí dụ một người đã lập gia đình mà vẫn bay bướm, vẫn như lãng tử nay yêu người này mai thương người kia, thì người vợ (hay người chồng) sẽ vô cùng đau khổ. Sự ghen tuông, nghi kỵ, hờn giận, khiến cho gia đình luôn phải sống trong tình trạng cơm không lành canh chẳng ngọt.

Một thanh niên từng trao đổi với chúng tôi: Anh có người vợ rất đẹp, nhưng anh không vui, bởi vì như người ta nói “*vợ đẹp là vợ của người ta.*” Mỗi khi đi ra phố hay đi dự tiệc, rất nhiều người tìm cách

tán tỉnh, quyến rũ vợ của anh, mặc dù cô có chồng đi sát bên cạnh. Những người đàn ông theo đuổi có thu phục được cảm tình trong lòng cô vợ đẹp của anh hay không, điều này chưa thể kết luận. Nhưng nhìn thái độ sẵn đón vồ vập người vợ trẻ đẹp, anh thanh niên, người chồng của cô vợ trẻ lúc nào cũng cảm thấy như đang có một ngọn lửa thiêu đốt bùng cháy trong lòng. Anh cảm thấy bất an khi cô vợ đi làm, ngay cả khi cô vợ ở nhà cũng vậy. Bởi vì có quá nhiều người theo đuổi vợ anh. Anh không biết người vợ có đủ nghị lực, đủ can đảm, bản lĩnh vượt qua mọi cám dỗ, mọi sự chinh phục để giữ sự chung thủy với mình hay không.

Sự thật hiển nhiên này càng khẳng định: Sắc đẹp nói riêng, lòng ái dục nói chung, khiến chúng ta luôn bất an, luôn phải sống trong nỗi sợ hãi, trong sự nơm nớp lo âu và bất ổn. Nhiều vấn đề tranh chấp có liên quan đến sắc đẹp và ái dục, đã tạo ra muôn vàn hệ lụy đau khổ. Lúc đó người ta không còn nhớ đến tình nghĩa, không còn nghĩ đến bà con, bằng hữu. Những hệ lụy và mức độ đau khổ do ái dục và sắc đẹp gây ra, không chỉ giới hạn ở một thời gian ngắn mà kéo dài rất lâu, có tầm ảnh hưởng quan trọng đến nhiều thế hệ trong gia đình. Đó là chưa nói đến hệ quả, vì ái dục mà chúng ta phải luân hồi trong ba đường sáu nẻo, không thể giải thoát. Bởi vì Ái Dục chính là Tập Đế, nguyên nhân của đau khổ và, trong Luật đã dạy: “*Sinh tử căn bản, dục vi đệ nhất.*” Nghĩa là: căn bản của vấn đề sanh tử dục là thứ nhất.

Ở Việt Nam, có một câu chuyện có thật: Vị thầy Trụ trì còn trẻ, có phẩm hạnh trang nghiêm, đáng tôn kính. Trong số thiện nam tín nữ đến viếng chùa có một nữ Phật tử trẻ đẹp, do nhìn thấy đời sống đạo hạnh của thầy Trụ trì nên cô tỏ lòng ngưỡng mộ, thương kính đặc biệt. Vị Trụ trì trẻ tuổi đó ngộ nhận rằng người nữ Phật tử trẻ đẹp kia đã yêu thầy. Vì thế, thầy âm thầm thực hiện những điều sai trái, mà thầy cho là đúng. Đó là thầy mang vật dụng của chùa đem bán, mục đích là chuẩn bị sẵn một số tiền để có thể xây dựng gia đình với cô gái nói trên.

Khi đã tích lũy đủ tiền, thầy cởi áo cà sa hoàn tục. Thầy tìm đến người nữ Phật tử trẻ đẹp, ngỏ lời xin cưới cô làm vợ. Cô gái nói rằng: Không! Con là Phật tử nên tỏ lòng thương kính một vị tu sĩ của dòng họ Thích, chứ con không thương yêu một anh chàng mang họ Vũ, bởi vì ngoài đời thiếu gì thanh niên đẹp trai giàu có để con lựa chọn.

Vị tu sĩ hoàn tục phải chuốc lấy mùi vị thất vọng! Không thể kết hôn với cô gái trẻ đẹp, cũng không thể trở về thiền viện vì đã phạm lỗi lầm lớn là bán tài sản của chùa. Vị tu sĩ này ân hận, có mặc cảm rất lớn, sống vô cùng đau khổ, đời không ra đời, đạo không ra đạo!

Câu chuyện có thật này cho thấy: Phải bị sức cám dỗ mãnh liệt vô cùng, vị tu sĩ nói trên mới có một quyết định vô minh như vậy. Nếu chỉ là sự thử thách nhỏ, sự thu hút không đáng kể, chắc chắn ông không thể thực hiện một hành động thiếu sáng suốt như thế.

Tu tập pháp Quán bất tịnh, để đoạn trừ lòng ái dục.

Quán bất tịnh tức là quán sát một cách tỉ mỉ về thân xác của con người, để nhận biết thân xác này không trong sạch, không có gì đẹp đẽ như hầu hết người đời đều lầm tưởng.

Chúng ta đánh giá không đúng mức về phẩm cách, hay nói một cách dễ hiểu thì, chúng ta đã không đánh giá đúng bản chất của một thân thể huyễn hóa bất tịnh; vì thế mới nảy sinh tâm đắm đuối, thèm khát, ham muốn. Nếu ý thức rõ thân thể này giống một túi da bên trong chứa toàn máu, mủ, phân... cái gì cũng hôi thúi không thể nào gần gũi được, thì không có lý do gì chúng ta lại say đắm một thân xác không trong sạch.

Câu chuyện “*Người đẹp gieo cầu*” của công chúa Vô Song, con gái của vua xứ Ma Kiệt Đà. Nàng nổi tiếng yêu kiều diễm lệ, sắc nước hương trời, khiến cho từ Vua quan, các nước chư hầu cho đến thường dân, người nào cũng mơ ước có được nàng. Nay vua cha tổ chức lễ gieo cầu nhằm tìm kiếm phò mã cho nàng, nghĩa là tất cả cuộc đời của Công chúa, hạnh phúc an vui, hay bẽ bàng đau khổ, đều do quả cầu này định đoạt. Sự kiện này khiến khắp kinh thành rộn ràng, hào hứng chờ đợi.

Nàng kính cẩn quỳ trước tượng thần rất lâu, khẩn vái kỹ càng: ngày sanh, tháng đẻ, họ hàng làng nước v.v... cẩn thận nàng tha thiết cầu thần linh dun dủi,

quả cầu gieo trúng người được nàng chọn sẽ yêu nàng mãi mãi.

Công chúa nhìn khắp một lượt rồi dỗi cao quả cầu tung lên giữa hư không...

Ôi! Bóng hạnh phúc, bóng hạnh phúc hiện ngang lơ lửng giữa hư không, làm cho Quốc vương, điện hạ, sứ quân... ngóp ngóp chụp bắt. Nhưng làm sao bắt được bóng hạnh phúc???

Bỗng người ta nghe có tiếng người la to: Á! ông Sa môn, ông Sa môn ơi! Quả cầu vướng vào tích trượng của ông kia kìa.

Thế là trống kèn trời dậy, chúc mừng vị tân phò mã. Song vị Sa môn vẫn khoan thai tự tại, hình như người không biết có việc gì xảy ra.

Phải chăng bóng hạnh phúc vô tình vướng vào đầu tích trượng hay tại Thần lãng tai nghe khẩn lộn, chớ ai nỡ đem cái ân ái buộc cho người xuất gia ly dục bao giờ?

Không, không phải vậy. Thật ra khi Công chúa đứng trên lầu hoa, nàng thấy một vị Sa môn uy nghi trong bộ áo cà sa tay cầm tích trượng từ xa tiến lại, vị Sa môn bộ dạng thản nhiên giữa đám người đang rộn rịp.

Ôi! Người đâu mà đẹp thế? Oai nghiêm như một vị thần linh ứng, từ bi như một bà mẹ dịu hiền và đĩnh đạc như một vị thầy mô phạm. Nàng sinh tâm yêu kính, cho tùy tùng đuổi theo rước vị phò mã về. Nhưng mãi đến chiều tối mới có một người trong

đoàn ngự lâm bơ phờ trở về tâu lại, mới hay vị Sa môn ấy là Thái tử Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn nước Xá Vệ và Ngài đã xuất gia, thành Phật hiệu “Thích Ca Mâu Ni.” Ngài và đồ chúng vừa đến hôm qua, hiện đang trú tại rừng Tân Tần Già. Còn đoàn ngự lâm theo Ngài lúc ban sáng nay cả đoàn đã theo Ngài, cạo đầu xuất gia học đạo rồi.

Công chúa như người trong mê, còn biết nói sao, khi lòng mình đã vướng một mối tình băng quơ. Nàng tâu với vua cha xin tình nguyện theo Ngài để sửa bát nâng y trên đường hóa độ. Và nhà vua dẫn nàng đến gặp Đức Phật.

Đức Phật ngự trên pháp tòa cao, oai nghi đồ sộ như núi Tu di, thân tượng chiếu ra một sắc đẹp lạ lùng. Hai bên hàng ngàn Tăng chúng ngồi im phắc như ngàn pho tượng vậy.

Vẻ oai nghiêm của Phật, sự yên lặng của chúng Tăng, đánh mạnh vào tâm khảm mọi người... Vua không đánh lễ Phật, vì ông nghĩ dù là Phật song sẽ làm rể mình, không lẽ mình lạy rể? Vua phán:

- Kính Ngài, theo kỷ luật gieo cầu của nước chúng tôi, ai trúng cầu là được vợ. Hôm qua con gái tôi gieo cầu trúng Ngài, như thế là Thần linh định lương duyên rõ ràng, nên con tôi tình nguyện theo Ngài trên đường hóa độ, phòng khi “nâng bát sửa y.”

Đức Phật nhìn Công chúa, Ngài yên lặng một lúc. Thế Tôn mỉm cười... bỗng trong kim khẩu phóng ra một đạo hào quang xanh chiếu lên đỉnh đầu Công

chúa, nàng toát mồ hôi, thấy trên đầu rần rần ngứa, mồ hôi giọt xuống trán, xuống cổ, nàng lấy khăn lau rồi gãi thì đụng một con gì mà xưa nay nàng chưa thấy cũng chưa biết tên, nàng len lén bỏ xuống đất (con chí đấy).

Phật lại phóng một đạo hào quang vàng vào đôi mắt Công chúa, nàng thấy xốn xang khó chịu, nước mắt tuôn ra, vừa lấy khăn lau thì khước mắt động hai cục ghèn khá lớn.

Phật phóng một đạo hào quang trắng chui thẳng vào mũi nàng làm hắt hơi năm bảy cái mũi chảy ròng ròng.

Rồi một đạo hào quang lục tuôn vào trong miệng, Công chúa ngáp luôn một dây, ho luôn một chuỗi, nàng nghe trong miệng bốc mùi hôi thối.

Đức Phật phóng thêm một đạo hào quang đỏ chiếu vào thân Công chúa làm nàng ngứa ngáy khắp người, gãi chỗ này chưa kịp đã ngứa chỗ khác, vừa lau ghèn thì mũi chảy, toan lau mũi thì chí cắn, nàng ho, nàng ngáp, ủa, hắt hơi túi bụi. Công chúa nhăn nhó khổ sở, bao nhiêu vẻ yêu kiều diễm lệ biến đâu mất hết, nàng hoảng kinh như một người điên. Tất cả pháp hội, nhất là đoàn Bà La Môn, đều rùng mình khiếp sợ.

Nhưng may thay, Đức Phật đã nhiếp thần lực thâm hào quang lại. Công chúa và tất cả pháp hội như vừa thoát cơn mê dữ, nàng lấy lại bình tĩnh, sửa lại áo xiêm rồi quỳ mọp xuống đất, vua quan cũng dẹp hết kiêu căng đồng quỳ xuống một loạt.

Nhân đây Đức Phật thuyết pháp “*Tứ Niệm xứ*” cho cả đoàn nghe.

- Hồi các thiện nam thiện nữ nhân: Công chúa Vô Song, xưa nay nổi tiếng kiêu căng vì y mình có nhan sắc, nhưng không biết sắc đẹp chỉ tạm bợ một thời gian, dù có lấy phấn son nhưng giấu ngọc ngà, bao bọc ở ngoài cũng không che được mắt người trí tuệ. Vừa rồi Như Lai phóng quang để trong pháp hội nhận rõ, thân người là bất tịnh, dù đương buổi niên hoa, nhưng không tắm thì hôi, đại tiểu vẫn thối, ghèn đờm mũi dãi, mồ hôi huyết khí tim gan phèo phổi v.v... mỗi chỗ lại có vô số vi trùng rúc rỷ, phá hoại hoàn hảo thân thể chúng sanh trong từng sát na, thân thể chỉ là một đồng nhơ nhớp đáng ghê tởm đối với người có trí tuệ, ta lại quán sát do sáu căn tiếp xúc với sáu trần, lãnh thọ cảnh đẹp thì sanh tâm ưa, ưa thì muốn tất cả cái ưa về mình; lãnh thọ cảnh xấu lại sanh tâm ghét, ghét thì muốn đù cái ghét cho người, nhưng điều ưa, thì ưa khó đến, đù ghét thì ghét không đi. Chung quy không ngoài khổ vui đối đãi.

Công chúa Vô Song nhứt thời viễn trần ly cấu liền chứng quả *dự lưu* (Tu đà hoàn).

Câu chuyện trên dạy ta một bài học hết sức quan trọng: Sắc đẹp chỉ có khả năng quyến rũ những ai đam mê nữ sắc, ngược lại, nếu tâm ta thanh tịnh, ta không những không bị nữ sắc cám dỗ mà còn có khả năng cảm hóa và chuyển hóa đối tượng theo hướng giải thoát giác ngộ.

Khi nhận biết những tư tưởng điên đảo dấy lên trong tâm thức, chúng ta phải dùng pháp Quán bất tịnh để đoạn trừ. Ngày xưa, vào thời Đức Phật còn tại thế, để thực hiện quán bất tịnh Tôn Giả Ma-Ca-Diếp thường ra ngồi tại bãi tha ma, nơi bỏ xác người chết tại một gò đất ở bìa rừng. Ngài ngồi nhìn tử thi, từ lúc mới chết cho đến khi trương sinh, thúi rữa, chỉ còn lại bộ xương khô.

Chúng ta cần ý thức rất rõ hiểm họa của ái dục để nỗ lực tu tập, giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi. Đây là trách nhiệm, là sứ mệnh giải thoát tự thân và giải thoát tha nhân. Nếu chúng ta luôn luôn thấp sáng ý thức minh mẫn này, chắc chắn chúng ta không bị vướng mắc vào bất cứ cám dỗ nào – từ những đối tượng dẫu là nam hay nữ, mà chúng ta cho là rất đẹp, người đời chỉ nhìn thấy một phong cảnh đẹp, hay một người đẹp đã “*tức cảnh sinh tình*,” có nghĩa là vừa thấy cảnh và người trước mắt đã nảy sinh tình cảm. Vậy làm sao để tránh được sự lôi cuốn, sức thu hút của cái đẹp?

Trong văn học nghệ thuật còn ghi nhận, nhiều thế kỷ trước các thiền sư từng cảm xúc trước phong cảnh thiên nhiên, vẽ thành những bức tranh tuyệt đẹp, hay viết ra những bài thơ thật hay còn lưu truyền đến bây giờ. Vậy người thường làm cách nào để có thể tránh tiếng sét của ái tình, và sự quyến rũ của sắc dục?

Nhiều người xây dựng đời sống của họ, trên căn bản tìm mọi cách thỏa mãn những nhu cầu của bản

thân, trong đó có những điều không thánh thiện. Đây là quan niệm thông thường.

Các vị cao Tăng vẽ tranh làm thơ để lại cho hậu thế những tác phẩm bất hủ, nhưng tất cả những điều ấy giống hệt như tấm gương phản chiếu lại những gì, mà một vị thiền sư đắc đạo đã nhìn thấy. Cuộc đời như thế nào, tấm gương phản chiếu lại y hệt như vậy. Tấm gương không bao giờ có ý nắm giữ, cũng không bị vướng mắc vì những hình ảnh đã ghi lại. Tấm gương không tìm cách lôi kéo hình ảnh để phản chiếu. Khi ảnh bỏ đi, tấm gương không lưu luyến cũng không tìm cách nắm bắt. Có nghĩa là khi trước mắt xuất hiện một phong cảnh, vị cao Tăng nhận ra đây là cảnh đẹp và, chỉ nhận biết như vậy thôi, không có phân biệt như thế này hay như thế khác. Ngài hiểu rõ những gì đang thấy cũng hư huyền, cũng vô thường, cũng giả tạo không có gì đáng thủ chấp.

Một khi nhận rõ bản chất của muôn vật, muôn sự tức là các pháp hữu vi đều vô thường, huyền hóa, vô ngã, không thật, thì chúng ta không có lý do gì để thủ chấp. Và, muốn thủ chấp cũng không thể được, bởi vì không có cái gì thuộc về của ta, không có cái gì được gọi là ta. Không có gì để ta sở hữu, cũng không có điều gì thuộc về quyền sở hữu của ta. Đây là một nhận thức vô cùng quan trọng.

Quán biệt tướng.

Trong kinh quán về biệt tướng, Đức Phật giảng thuyết rất rõ về quán mười tám giới, quán về sáu chỗ hội tụ, gọi là lục tụ xứ và nhiều điều khác. Tiếp theo

đó ngài đi sâu hơn để phân tích và đưa ra thí dụ, chẳng hạn như *lục tụ xứ* là gì.

Thường thường khi nói về thập bát giới nghĩa là 18 giới gồm có lục căn, lục trần và lục thức. Nhưng ở đây Đức Phật dạy về lục tụ xứ là muốn nói đến đất-nước-gió-lửa-hư không và thức. Mỗi một phần như vậy lại có nội giới và ngoại giới. Chẳng hạn như bản thân của chúng ta có nội giới là đất-nước-gió-lửa, ngoại giới là từng bộ phận trên thân thể, những điều chúng tôi đã từng phân tích trong những chương khác. Nếu quán sát về biệt giới, thì nội giới và ngoại giới của một con người không có điều gọi là “*thực ngã*.”

Nói một cách cụ thể nếu chúng ta chặt đầu người xuống bỏ lẩn lóc, ai có thể yêu nổi cái đầu máu me lênh láng. Rồi ruột, gan, tim, phổi, nếu để lộ ra ngoài, ai nhìn thấy cũng đều sợ hãi. Thí dụ như tai nạn giao thông xảy ra giữa đường, một người bị xe tông thân thể đâm máu, ai nhìn thấy cũng hoảng sợ. Chúng ta thương xót cầu nguyện cho hương linh của họ được siêu thoát, chứ không ai mê say, đắm đuối trước hình dạng tang thương này. Vì thế khi quán từng bộ phận riêng biệt của thân thể, chúng ta thấy chẳng sự gì có thể ưa thích để nắm bắt. Nhận biết rõ điều này, chúng ta dễ dàng rời bỏ tâm si mê đắm chìm trong bất cứ một thân thể nào, dù là đẹp hay xấu.

Chúng tôi xin đưa ra một thí dụ: Thân thể của một người có những yếu tố như tóc, răng, xương, da v.v... Nếu bỏ riêng từng phần địa đại (tức là đất là xương cốt), thủy đại (tức là nước là máu), phong đại (tức

là gió là hơi thở), hỏa đại (tức là lửa là nhiệt lượng), thì chúng ta thấy hình hài này có là gì đâu, có cái gì được gọi là đẹp đâu, nếu không nói là rất xấu.

Nếu quán sát về nhận thức của chúng ta khi nhìn thấy một đối tượng nào đó, chỉ là điều huyền hóa không thật. Vì không thủ chấp nên tâm không ưu bi khổ não, nhờ thế sẽ không bị vướng mắc vào những cảm nhận, những điều lạc thọ, khổ thọ và ngay cả xả thọ. Có năm uẩn và bốn trụ xứ, mà chúng ta không nên để vướng mắc. Tất cả những điều này được Đức Thế Tôn giảng dạy trong kinh Quán biệt tướng.

Nói một cách cụ thể, khi nhìn vào hình ảnh của một đối tượng nào đó chúng ta phải nhìn bằng tuệ giác, không nhìn qua nhận thức bình thường; vì nếu chỉ nhìn dưới lăng kính đời thường, chúng ta không thể nào nhận biết bản chất thật sự của một sinh mệnh hư huyền, rất vô thường – một điều mà Đức Phật đã liên li giảng dạy.

Phải có nhận thức như thật về cánh hoa đã được cấu tạo như thế nào, có những yếu tố gì, như vậy tâm thức sẽ không bị chi phối, không bị thanh sắc hư huyền làm cho vướng bận. Ước mong tất cả chúng ta đều ý thức rõ ràng về những hiểm họa của ái dục, để làm cuộc đại cách mạng bản thân, đó là đoạn trừ ái dục để được giải thoát an nhiên.

Trong *Luận Đại Trí Độ*, Tổ Long Thọ dạy rằng: “*Dâm dục tuy bất não chúng sanh, hệ phược cố vi đại tội.*”

Nghĩa là:

“Dâm dục dù không não hại chúng sinh, nhưng có sức trói buộc, nên tội lỗi rất lớn.”

Cổ đức thường nói: *“Ái bất nhiễm bất sanh ta bà, niệm bất nhất bất sanh tịnh độ.”*

Nghĩa là:

“Không ái nhiễm thì chẳng sanh vào cõi ta bà. Niệm Phật chẳng nhất tâm thì không vãng sanh về tịnh độ.”

Chương 26

THIÊN MA NHIỄU PHẬT

Thiên Ma Quấy Nhiễu Phật

第二十六章·天魔嬈佛

Hán văn:

天神獻玉女於佛。欲壞佛意。佛言。革囊眾穢。爾來何為。去。吾不用。天神愈敬。因問道意。佛為解說。即得須陀洹果。

Phiên Âm:

Thiên-thần hiến ngọc-nữ ư Phật, dục hoại Phật ý.

Phật ngôn: Cách nang chúng uế, nhĩ lai hà vi? Khứ! Ngô bất dụng. Thiên-thần dĩ kính, nhân vấn Đạo ý. Phật vì giải thuyết, tức đắc Tu-đà-hoàn quả.

Việt dịch:

Thiên-thần dâng ngọc-nữ cho Đức Phật, muốn phá hoại tâm ý của Ngài.

Đức Phật dạy: Cái túi da chứa những đồ nhơ nhớp, người đến đây làm gì? Đi ngay! Ta chẳng dùng. Thiên-thần càng thêm tôn kính, nhân đó thưa hỏi Phật về ý Đạo. Phật vì đó giảng dạy, Thiên-thần liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

*Anh ngữ:***Chapter 26: Deva Tempts the Buddha**

The Lord of Heaven offered a beautiful fairy to the Buddha, desiring to tempt him to the evil path. But the Buddha said, “Be gone. What use have I for the leather bag filled with filth which you have brought to me?” Then, the god reverently bowed and asked the Buddha about the essence of the Way, in which having been instructed by the Buddha, it is said, he attained the Srotaâpanna-fruit.

*Lược giảng:***Nhận thức về sự bất tịnh của thân tứ đại giả hợp.**

Trong chương này, Thiên thần dâng ngọc nữ lên, nhằm phá hoại sự thanh tịnh của Đức Phật.

Thiên thần ở đây đại diện cho ma vương Deva Mara, gọi là thiên ma ở cõi Dục – một nơi được xem như cõi trời thứ sáu, tức là cõi tha hóa hóa tự tại thiên. Cõi trời này chuyên hưởng thụ về ngũ dục, vì thế khi Đức Phật thuyết pháp nhằm tiêu trừ ái dục, thoát ly ái nhiễm, thì thiên thần rất lo sợ, rất ghét Đức Phật, đã tìm mọi cách để phá hoại ngài. Thiên thần dâng nàng ngọc nữ xinh đẹp tuyệt trần, cũng chỉ với mục đích cám dỗ Đức Phật. Nhưng là bậc Đại giác, Đức Phật nhìn người con gái có sắc đẹp như một túi bằng da, chứa đựng những đồ nhơ nhớp bất tịnh. Chính vì thế, thiên ma không thể nào phá

hoại phẩm hạnh của ngài. Kinh *Chánh Pháp Niệm Xứ* dạy rằng:

*“Thế gian nan đắc khổ,
Giai do ư nữ phụ.
Phi thiếu, phi trung niên,
Mạc bất do thử nhân.
Nữ nhân hoại thế gian
Linh thiện tất diệt tận.
Thiên trung đại hệ phược,
Mạc quá ư nữ sắc.
Nữ nhân phược chư thiên,
Tương chí tam ác đạo.”*

Nghĩa là:

*“Thế gian bị thống khổ,
Đều do bởi nơi phụ nữ,
Không luận là thiếu niên hay trung niên,
Không ai mà không vì nguyên nhân này.
Nữ nhân phá hoại thế gian,
Khiến cho việc thiện tiêu diệt hết.
Sự trói buộc lớn nhất ở thiên giới.
Không có gì hơn ở nữ sắc,
Nữ nhân trói buộc chư Thiên,
Dẫn dắt vào ba ác đạo.”*

Để đoạn trừ sắc dục, cần phải tu tập pháp Quán bất tịnh; pháp quán bất tịnh giúp chúng ta thấy được bản chất nhơ nhớp, hôi thúi, không trong sạch của thân thể. Vì vô minh, chúng ta đã nhìn người có nhan sắc bằng cái tâm bất chính, nên bị cuốn hút và cuối cùng tự biến mình thành nạn nhân của sắc đẹp.

Như trong Chương 25 chúng tôi có kể câu chuyện người thanh niên có vợ đẹp, khi hai vợ chồng cùng đến tham dự một buổi tiệc gồm toàn những người bạn thân, ai cũng muốn đến làm quen, tìm cách chiếm cảm tình của cô vợ xinh đẹp. Chính trong thời điểm này cho dầu đang dự một bữa tiệc thịnh soạn có ca nhạc, có đủ mọi thứ, nhưng người chồng cảm thấy bất an như đang ngồi trên đống lửa. Ngọn lửa ghen tuông, nghi kỵ, khiến tâm thức anh mất đi sự an lạc thanh thản giữa cuộc tiệc vui.

Đức Phật muốn mỗi người chúng ta có đời sống thật sự an lạc. Vì lòng từ bi, ngài dạy chúng ta pháp quán bất tịnh, để thấy được bản chất của đời sống huyễn hóa vô thường. Ngài khuyên chúng ta đừng để bị cám dỗ, cũng như đừng chạy theo sắc dục, để rồi cuối cùng phải sống trong tâm trạng đau khổ.

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta ở trong chúng này, không thấy một pháp nào mà chưa có dục tưởng liền chẳng dục tưởng, dục tưởng đã sanh liền có thể diệt; tưởng sân giận chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng sân giận sanh rồi liền có thể tiêu diệt, tưởng thù miên chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng thù miên đã sanh liền có thể tiêu diệt, tưởng trạo hối đã sanh liền có thể tiêu diệt, tưởng nghi chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng nghi đã sanh liền có thể tiêu diệt, như là quán sát như bản bất tịnh. Đã quán như bản bất tịnh thì tưởng dục chưa sanh liền chẳng sanh, đã sanh liền có thể tiêu diệt; sân

giận chưa sanh liền chẳng sanh, sân giận đã sanh liền có thể tiêu trừ, cho đến tưởng nghi chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng nghi đã sanh liền có thể tiêu diệt. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên chuyên ý quán tưởng bất tịnh. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!”¹

Là bậc đại giác có tấm lòng từ bi vô lượng vô biên, Đức Phật nói lên sự thật, giúp chúng ta nhìn rõ mọi vấn đề để tránh bị nghiệp chướng khổ đau. Giống như một bác sĩ, nhìn thấy bệnh nhân đang ở trong thời kỳ nguy hiểm sẽ nói: Ông/ bà đang mắc chứng ung thư, hoặc bị bệnh tim, bệnh phổi, hay bị loét bao tử, v.v... Bác sĩ nói như vậy, vì muốn người bệnh biết tình trạng bệnh tật hiểm nghèo để cố gắng chữa trị, tránh uống bia rượu, hay ăn thực phẩm không thích hợp.

Thực tập Quán bất tịnh sẽ mang lại lợi ích vô cùng to lớn, giúp chúng ta an trú tâm thức trong đại định, giúp chúng ta có mặt trong thực tại một cách trọn vẹn. Một khi hiện diện trong thực tại một cách đầy đủ và minh mẫn cả thể xác lẫn tâm hồn không điều gì có thể khiến chúng ta bị vướng mắc.

Một thí dụ khác: Quốc Hội Hoa Kỳ đưa ra đạo luật *seat belt* (nịt dây an toàn) là muốn giúp dân chúng được an toàn trong giao thông, hoặc là quy định lái xe bao nhiêu *miles/1* giờ là muốn dân chúng không chạy quá tốc độ, có thể gặp tai nạn nguy hiểm

1. Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm 9. *Một đứa con*, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr.102.

chứ không phải do kỳ thị hay khắt khe phi lý. Khi bị cảnh sát yêu cầu dừng xe vì vi phạm luật giao thông, chúng ta thường nghĩ rằng chắc thành phố thiếu tiền nên họ mới ghi nhiều “*tickets.*” Thật ra nhân viên an ninh chỉ muốn bảo vệ tính mạng của người dân. Điều gì sẽ xảy ra, khi người lái xe không ý thức được sự nguy hiểm của việc chạy quá tốc độ, hay đang lái xe nhưng lại mãi mê nói chuyện bằng *cell phone*, hoặc *text chat*? Có thể nói rất nguy hiểm! Một khi tai nạn xảy ra, chúng ta có thể bị gãy tay chân, bể đầu, bị thương tích nặng thậm chí bị mất mạng... Khi phải vào nằm bệnh viện hoặc trở thành người tàn tật, chúng ta mới cảm thấy hối hận, nhưng, lúc ấy mọi sự đã quá trễ.

Nhiều người sợ bị cảnh sát phạt *ticket* 70 Dollar hay 150 Mỹ kim hơn là phải trả cho bệnh viện nhiều trăm ngàn Mỹ kim hoặc rất có thể phải trả cả mạng sống.

Rất nhiều người quyền cao chức trọng, giàu sang phú quý, chẳng hạn như Tổng Thống Do Thái Moshe Katsav bị mất thanh danh và uy tín, sau khi tòa án tuyên phán ông phải ở tù 7 năm, cũng chỉ vì đam mê sắc dục.

Luận Du Già dạy: “*Chư ái vi trung, ái dục vi tối.*”

Nghĩa là: “*Trong các thứ tham ái, ái dục là thứ nhất.*”

Như trước đây chúng tôi từng nói, hiện nay người ta sử dụng mỹ nhân kế như một loại vũ khí trong

tình báo và gián điệp, để đánh phá nền kinh tế chính trị – một vấn đề vô cùng nguy hiểm. Đức Phật giảng thuyết về sức mạnh vô biên của sắc dục, để cảnh tỉnh chúng ta không nên bước vào vũng lầy khổ đau tuyệt vọng. Ngài không có ý khiến chúng ta phải suy nghĩ tiêu cực về cuộc đời.

Kinh Bồ Tát Tạng dạy rằng:

*“Tập cận dục thời,
Vô ác bất tạo;
Thọ bĩ quả thời,
Vô khổ bất thọ.”*

Nghĩa là:

*“Lúc gần gũi ái dục,
Không tội ác nào chẳng tạo.
Khi thọ quả báo của ái dục,
Không khổ đau nào chẳng lãnh thọ.”*

Đam mê nữ sắc nguy hiểm khôn lường, nữ sắc chính là cạm bẫy mà nhiều người không thể tránh khỏi; do vậy trong *Luận Đại Trí Độ*, tổ Long Thọ đã khẳng định:

“Xảo sát nhân ý, Nữ nhân vi trí.”

Nghĩa là:

“Khôn khéo quan sát tâm ý của người, đó là mưu trí của nữ nhân.”

Đức Phật chế định Giới luật giống như chính phủ ban hành sắc luật nịt dây an toàn, sở dĩ pháp luật buộc phải *seat belt* là nhằm để giữ an toàn trong khi lái xe, nhưng vẫn có người không chịu đeo dây an

toàn. Mặc dù biết có thể gặp tai nạn khi vừa lái xe vừa nhắn tin qua điện thoại di động, vẫn có người không bỏ thói quen đáng sợ này. Giới trẻ nhiều khi không hiểu được lời thuyết giảng của Đức Phật về sắc dục, bởi vì đối với những ý niệm này họ giống như trẻ em, cho dầu được khuyến cáo đừng chơi với lửa, nhưng chúng vẫn muốn tìm cách để có thể đốt lửa vui đùa, không màng đến hậu quả là sẽ bị phỏng đau đớn hoặc gây ra hỏa hoạn.

Những người không có ý thức đúng mức về sự nguy hiểm, họ hay xem thường lời khuyên của bất cứ ai về an toàn giao thông. Khi xảy ra tai nạn họ lại bào chữa như thế này như thế khác, hay viện dẫn một lý do nào đó để phủ nhận sai lầm của bản thân. Những người mê đắm trước sự cám dỗ vô biên của sắc dục cũng có thái độ như vậy. Điều chúng ta có thể làm, đó là luôn nhắc nhở và cảnh tỉnh họ, cho đến khi nào họ có thể nhận biết rõ ràng những tai họa do sắc dục gây ra.

Bởi vì vô minh, nên người ta coi thường hiểm họa do sắc dục mang đến. Phải tu tập một cách rất ráo để phá vỡ sự vô minh này. Xin kể câu chuyện về “*Sự mê đắm sắc dục của Tôn Giả Nan Đà*.” - Trích *Pháp Ngữ Lục* của HT Thích Đức Niệm.

Vào thời Đức Phật còn là Thái Tử, Ngài có một người em cùng cha khác mẹ là ông Nan Đà, con người bảnh trai lịch thiệp phong lưu, tham ái đa tình, đam mê tửu sắc. Vì vậy mà Nan Đà sớm thành hôn với một thiếu nữ trẻ đẹp tên Tôn Đà Lợi. Từ đó Nan

Đà đắm đuối bên vợ suốt ngày đêm. Chàng cảm thấy dường như vẻ đẹp của hoa lá, cùng hương trời sắc nước của trần gian như đã tô điểm thêm vẻ đẹp cho vợ mình.

Thương Nan Đà đang trôi lặn trong vũng bùn lầy của ngũ dục, sinh ra mù quáng không còn thấy được tia sáng chân lý cuộc đời. Nên Đức Phật khuyên Nan Đà phát tâm xuất gia thọ giới tu hành. Mặc dù đã xuất gia nhưng Nan Đà thân tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo nên lòng lúc nào cũng nghĩ đến vợ, đến nhà và trông có dịp là chạy về thăm vợ. Lắm lúc Nan Đà muốn xả giới để hoàn tục, hoặc đánh liều lén Phật về thăm rồi tới đâu thì tới.

Đức Phật thấy được lòng tham ái đang âm ỉ thiêu đốt tâm trí ông nên Ngài dùng phương tiện mà hóa độ Nan Đà.

Phật dẫn Nan Đà vào rừng, thấy con khỉ cái già lông lá rụng hết, bày trơ lớp da sần sùi, gầy gò tanh hôi, Ngài hỏi Nan Đà:

- Con khỉ già này có đẹp bằng nàng Tôn Đà Lợi vợ ông không?

Nan Đà nhăn mặt lắc đầu:

- Bạch Thế Tôn, làm sao lại có thể so sánh với nàng Tôn Đà Lợi. Bởi nàng trẻ đẹp dịu dàng, da thịt mịn màng như nhung gấm, như trăng tỏa sáng, như mặt nước hồ thu.

Ngài lại dùng thần thông dắt Nan Đà lên cõi trời thứ ba mươi ba. Trước cảnh trí hương sắc của tiên

giới với những nàng tiên trẻ đẹp lộng lẫy tuyệt trần, lòng ông phấn khởi ngây ngất quên đi cõi trần thế, quên cả nàng Tôn Đà Lợi người vợ thương yêu của ông. Không cầm lòng được, bất giác Nan Đà hỏi Phật: “*Bạch Đức Thế Tôn, ở đây cảnh trí sao quá đẹp, người sao quá diễm lệ tuyệt trần?*”

Đức Phật hỏi Nan Đà:

- Ông thấy thế nào về vẻ đẹp của các tiên nữ so với vẻ đẹp của nàng Tôn Đà Lợi, có khác hơn Tôn Đà Lợi với con khỉ cái già lông lá rụng hết, da thịt nhăn nheo ấy không?

- Bạch Thế Tôn! Cả hai không khác gì nhau. Vẻ đẹp của nàng Tôn Đà Lợi so với các tiên nữ ở đây cũng như con khỉ già kia so với vẻ đẹp của nàng Tôn Đà Lợi. Bạch Đức Thế Tôn, con muốn quên đi cõi trần thế để được ở luôn nơi đây. Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi thương xót cho con được toại nguyện ở lại đây.

Thấy Nan Đà mà thương hại, Đức Phật ôn tồn bảo:

- Nếu muốn ở lại đây, thì ông nên trực tiếp đến hỏi các tiên nữ kia.

Nan Đà vui mừng, lòng tràn đầy hy vọng, liền lẹ chân hướng về các tiên nữ mở lời:

- Thưa các cô, tôi thấy cảnh thấy người nơi đây tự nhiên lòng tôi sanh cảm mến lạ thường. Tôi ước ao xin ở lại nơi đây, không biết có được chăng?

Các tiên nữ đáp: Muốn ở lại đây phải là những

người ở cõi trần đã có tâm trì trai giới hạnh tu hành, biết làm nhiều việc phước thiện, lòng đã dứt tình ái ân.

- Nhưng sao ở đây không thấy người nam nào hết, thưa các cô? Nan Đà hỏi.

- Chị em chúng tôi đang chờ mong ông Nan Đà, em của Phật đang ở cõi trần, biết phát tâm tinh tấn trì giới hạnh tu hành, khi công đức đầy đủ sẽ sanh lên đây, làm chủ nhân ông sống cùng với chị em chúng tôi hưởng thú vui hạnh phúc.

Nan Đà mừng quá reo lên:

- Nan Đà chính là tôi đây!

Các tiên nữ đáp:

- Nhưng bây giờ chưa phải lúc được ở chốn này, vì Nan Đà còn kém tu, phước duyên chưa đủ, tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo!

- Nghe thế, Nan Đà thất vọng nã nê!

Sau đó Đức Phật lại dẫn Nan Đà xuống cảnh giới địa ngục. Trước cảnh tượng tội nhơn bị quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa hành hạ, tra kẹp, gông cùm, thiêu đốt, máu chảy thịt rơi v.v..., Nan Đà cúm rúm lạng thình theo sát chân Phật.

Đến một nơi khác thấy vạc dầu sôi sùng sục mà không có tội nhơn, ba con quỷ đầu trâu mặt ngựa cầm chĩa ba mắt to lờm lờm gằm gừ trong tư thế sẵn sàng đâm tội nhơn ném vào vạc dầu sôi. Thấy vậy, Nan Đà bạch Phật: *“Bạch Đức Thế Tôn, nãy giờ con thấy địa ngục nào cũng chật ních tội nhân bị hành hạ. Nhưng sao vạc dầu sôi này lại không có người?”*

- Đức Phật bảo Nan Đà: Ông nên đến hỏi quý chủ ngục.

Nan Đà vừa bước đến, ba quý sứ đầu trâu mặt ngựa há miệng như máu, răng tóc tua tủa như chông sắt, đồng thanh đáp:

- Nơi đây chưa có tội nhờn là vì chờ Nan Đà, em của Phật không chịu giữ giới tinh tấn tu hành, chết sẽ đọa vào đây!

Vừa nghe, Nan Đà hoảng hốt quỳ lạy Phật cầu xin mau mau dẫn ra khỏi nơi khủng khiếp này.

Sau khi Đức Phật dùng thần thông đưa ông Nan Đà trở lại cõi thế gian, ông hoàn hồn hồi tưởng lại những cảnh hãi hùng vừa chứng kiến, ông thành tâm nghe lời Phật khuyên nhủ, dứt khoát bỏ vọng tâm danh lợi ái ân, dốc chí theo Phật, một lòng tinh tấn chuyên tâm tu hành, chẳng bao lâu, ông chứng thành quả.

Bài học mà ta có thể rút tỉa được từ câu chuyện đó là, nếu có người ham đắm nữ sắc nhưng gặp được những bậc minh sư hướng dẫn thì khả năng vượt thoát sắc dục là một thực tế không thể phủ nhận.

Có rất nhiều phương pháp để phá vỡ vô minh. Nếu cố gắng thực tập từng bước một, chắc chắn cuối cùng cuộc đời của chúng ta sẽ được thấp sáng bởi chân lý. Một khi ánh sáng tràn ngập tâm hồn, những vùng tối tăm không còn nữa. Cũng giống như khi bật công-tắc điện lên, bóng tối trong nhà sẽ tan biến. Nếu quán chiếu tu tập hay thường xuyên niệm Phật một

cách nhất tâm bất loạn, sẽ không có bất cứ một vọng tưởng, một suy nghĩ điên đảo nào, có thể khởi lên trong tâm thức của chúng ta. Thay vì đắm chìm trong sắc dục, thay vì nghĩ đến hay xem những hình ảnh có liên quan đến sắc dục để thỏa mãn sự hiếu kỳ một cách bất thiện, chúng ta cố gắng tìm hiểu giáo pháp, cố gắng đọc những quyển sách tốt để giúp tâm hồn thăng hoa, luôn luôn có những suy nghĩ cao thượng để phụng sự tha nhân, làm cho cuộc đời hết khổ được vui, chứ không phải chỉ biết sống để hưởng thụ, để chạy theo ái tình và sắc dục – để rồi cuối cùng chỉ đem lại khổ đau. Thực tế cho thấy nếu người ta hài lòng với ái tình, nếu đời sống hôn nhân thật sự mang lại hạnh phúc, tại sao lại có quá nhiều người ly dị, tại sao lại có quá nhiều người ngoại tình, tại sao lại có những cuộc tranh chấp khiến vợ chồng phải tan vỡ?

Đức Phật dạy rằng: Không chỉ riêng con người, mà muôn loài muôn vật khi chưa giải thoát, đều sẽ luân hồi trong ba đường sáu nẻo. Thí dụ như bản thân của chúng tôi là sa môn nếu không tu tập đàng hoàng, khi chết đi sẽ đọa xuống một cõi thấp hơn trở thành loài cầm thú, trở thành ngựa quỷ, hoặc bị đọa trong cảnh giới địa ngục vô cùng đau khổ.

Ngược lại loài vật, dẫn chứng như trong chùa Điều Ngự có hai chú mèo được đặt tên là Sila và Đại Bi; chùa Diệu Pháp cũng có hai con mèo tên Đại Hỷ và Đại Xả, và ba chú chó tên là Đại Trí, Đại Nguyên và Đại Dũng, mỗi khi đến thời tụng kinh chúng luôn đến nghe giáo pháp. Những chủng tử thiện này đi

vào tâm thức của những chú chó và mèo nói trên, sau khi chết chúng sẽ được sinh vào một cõi cao hơn, đó là cõi người. Hoặc là từ cõi người, có thể được sinh vào những cõi trời cao hơn. Nhưng khi hết phước rồi, lại trở xuống cõi người.

Chính vì những lý do mà chúng tôi trình bày ở trên, chúng ta không nên lo sợ nếu ai cũng đi tu thì Trái Đất vắng bóng con người. Chỉ nên lo là con người có biết tu tập chánh pháp, để hưởng thiện hay không mà thôi. Bởi vì Đức Phật khẳng định rằng “*tam giới vô an du như hỏa trạch.*” Nghĩa là thế giới này có muôn vàn nguy hiểm không hề an lạc, giống như ngôi nhà bị hỏa hoạn. Vì có nhiều tham vọng và ham muốn, con người đã tàn phá môi trường và sự sống trên địa cầu. Con người khai thác rừng-biển-lòng đất quá nhiều, khiến Trái Đất trở thành nơi cư trú không an toàn.

Nếu chưa thể xuất gia, chúng ta nên sống theo phẩm hạnh tri túc-biết đủ, phải biết những gì chúng ta đang có là đủ, không đua đòi tham muốn, như vậy mới có thể cảm nghiệm hạnh phúc. Người ta thường không vừa lòng, với những gì mà bản thân đang có. Đây chính là đầu mối tạo ra đau khổ.

Sắc dục luôn luôn mang lại những hiểm họa không thể đo lường, nhưng hầu như con người không ý thức được điều này, vì thế trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương có một số chương Đức Phật giảng thuyết, nhắc nhở, cảnh tỉnh chúng ta về sự hiểm nguy sắc dục. Đôi khi chúng ta giống như trẻ em, cảm thấy

khó chịu khi ai đó nhắc chúng ta phải uống thuốc, phải thức dậy đúng giờ. Cũng như khi mới vào chùa đi tu khi còn là chú đệ tử mới năm hay sáu tuổi, thầy giáo thọ hay nhắc nhở phải giữ giới cấm, phải tu tập nghiêm túc, có thể chú đệ tử không vui. Nói một cách khác, chúng ta không nên ngần ngại khi nghe Đức Phật giảng dạy về sự thật, về sự bất tịnh, về sự huyễn hóa, bởi vì đây là những lời nhắc nhở cần thiết và hữu ích, cho tất cả những ai muốn sống đúng chánh pháp.

Ngày xưa ở Ấn Độ có một số người đã sử dụng bùa chú để quyến rũ việc dâm dục như trường hợp Ma Đăng Già đã dùng chú Tiên Phạm thiên để toan xâm hại phạm hạnh của Tôn giả A Nan và, Tôn giả A Nan đã phải khẩn cầu Đức Phật giải cứu bằng thần chú Lăng Nghiêm như đã được ghi lại rất rõ trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm*.

Ở thời hiện đại, một số người vẫn sử dụng các loại thuốc mê hoặc chuốc rượu v.v... để hãm hại phụ nữ và tạo ra rất nhiều hậu quả nghiêm trọng trong xã hội. Vấn đề sắc dục không phải chỉ xuất phát từ phái nữ mà còn bao gồm cả nam nhân, do vậy dù là nam hay nữ cũng đều phải hết sức thận trọng.

Chương 27

VÔ TRƯỚC ĐẮC ĐẠO

Không Chấp Trước Tất Đắc Đạo

第二十七章·無著得道

Hán văn:

佛言。夫為道者。猶木在水。尋流而行。不觸兩岸。不為人取。不為鬼神所遮。不為洄流所住。亦不腐敗。吾保此木。決定入海，學道之人。不為情欲所惑。不為眾邪所嬈。精進無為。吾保此人。必得道矣。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Phù vi Đạo giả, du mộc tại thủy, tâm lưu nhi hành, bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhân thủ, bất vi quỷ thần sở giá, bất vi hồi lưu sở trú, diệc bất hủ bại; ngô bảo thử mộc, quyết định nhập hải. Học Đạo chi nhân, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tấn vô vi; ngô bảo thử nhân, tất đắc Đạo hỷ.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người hành Đạo ví như khúc gỗ trên mặt nước, trôi theo dòng nước. Chẳng chạm vướng vào hai bên bờ, chẳng bị người ta vớt lấy, không bị quỷ thần ngăn trở, chẳng bị nước xoáy dừng lại, cũng chẳng bị mục nát, Ta cam đoan khúc gỗ này nhất định sẽ được vào biển. Người học đạo nếu chẳng bị tình dục

mê hoặc, không bị các thứ tà kiến quấy nhiễu, tinh tấn hành trì đạo giải thoát; Ta bảo đảm rằng, chắc chắn sẽ đắc đạo.

Anh ngữ:

Chapter 27: Logs in the Stream

The Buddha said: “Those who are following the Way should behave like a piece of timber which is drifting along a stream. If the log is neither held by the banks, nor seized by men, nor obstructed by the gods, nor kept in the whirlpool, nor itself goes to decay, I assure you that this log will finally reach the ocean. If monks walking on the Way are neither tempted by the passions, nor led astray by some evil influences, but steadily pursue their course for Nirvana, I assure you that these monks will finally attain enlightenment.”

Lược giảng:

Trong Chương 27, Đức Phật muốn dạy chúng ta về hạnh tinh tấn, phải nỗ lực hành trì chánh đạo, đừng để bị vướng mắc vào tà kiến, đừng để ái dục làm cho điên đảo. Phải luôn luôn thấp sáng tâm thức bằng chánh pháp, được như vậy chắc chắn đến một lúc nào đó chúng ta sẽ chứng đạo quả giải thoát viên mãn.

Điều kiện để đắc đạo.

Đức Phật ví người đi tu giống như khúc gỗ trôi tru không cành lá, chẳng bị vướng mắc vào bất cứ vật gì. Để có thể trở thành một người trôi tru như khúc gỗ chúng ta phải phụng trì giới luật, gìn giữ phẩm

hạnh thanh tịnh, không để tình dục làm rối loạn tâm thức, không để ái nhiễm chi phối, không để tà kiến làm cho chánh kiến của chúng ta bị lu mờ. Hai bên bờ sông – một bên là tình dục một bên là tà kiến – nếu chăm chú dọn mình sạch sẽ bằng giới đức thanh tịnh, chúng ta sẽ không bị vướng mắc.

Khúc gỗ bị người ta vớt lên là một ẩn dụ, giống như chúng ta tu hành không nghiêm túc tất nhiên sẽ bị vướng vào lưới của ái dục và bị ái nhiễm, vì thế mà không thể giải thoát được.

Muốn như khúc gỗ tránh né được vùng nước xoáy, người thực hành trên căn bản phải phát Bồ đề tâm cầu chứng đắc quả vị giác ngộ giải thoát vô thượng, cầu tuệ giác mà chư Phật đã chứng ngộ. Ngoài ra, bậc Sa Môn còn phải phát tâm cứu độ nỗi khổ của tất cả muôn loài. Khi phát tâm như vậy, chúng ta không bị rơi vào trạng thái ham muốn hưởng thụ, sống dễ dãi phóng dật. Ngược lại, chúng ta nghĩ đến nỗi khổ của muôn loài. Chúng ta không chỉ cố gắng giải thoát bản thân, mà còn tìm đủ mọi cách để cứu độ tha nhân, cứu độ tất cả chúng sinh đang trầm luân trong bể khổ. Chúng tôi khẳng định rằng, nếu chúng ta có thể phát Bồ đề tâm, thì đây chính là một thắng duyên lớn, một năng lực rất mạnh trong lúc hành trì chánh pháp.

Bất cứ ai muốn chứng quả giải thoát niết bàn, đều phải phát Bồ đề tâm. Khi chưa phát Bồ đề tâm, cho dầu có tu hành bao nhiêu lâu đi nữa, cũng không thể thành đạo.

Phát bồ đề tâm có nghĩa là phát tâm muốn thành Phật. Muốn thành Phật, thì phải tu tập một cách nghiêm túc đàng hoàng. Cũng giống như đời thường, bất cứ ai muốn có một chuyên môn về một lãnh vực nào đó, chẳng hạn như cầu thủ bóng đá, nghệ sĩ biểu diễn xiếc, ca sĩ trình bày nhạc khúc v.v..., họ đều phải chuyên cần khổ luyện mới có thể thành danh.

Một người tu tập lười thôi, không cần mẫn siêng năng, không thể gọi là tu sĩ. Một Tăng sĩ phải chuyên tâm nghiên cứu, nghiên ngẫm lời Phật dạy, phải tư duy hiểu biết một cách rõ ráo, phải hành trì giáo pháp thật nghiêm túc. Không phải chỉ cạo đầu, khoác áo cà sa, là đủ để trở thành tu sĩ.

Theo ngài Kyabje Ling Rinpoche thì có hai phương pháp chính để hưng phát Bồ đề đó là:

“Thứ nhất là quán sáu nhân và một quả. Tu quán sáu nhân: nhận biết tất cả chúng sanh đều đã có lần làm mẹ chúng ta – tình thương của người mẹ – tư tưởng báo hiếu – khởi tâm thương yêu- từ bi và nguyện gánh trách nhiệm cho thế gian; đưa đến một quả là Bồ đề tâm.

Phương pháp thứ hai là quán chiếu trao đổi trực tiếp, thay vì ái luyến bản thân thì quan tâm đến tha nhân.” (Thích Nữ Giác Anh dịch)

Với người Phật tử tại gia thì, mỗi khi về chùa tham dự khóa tu Bát quan trai giới, hay tham dự bất cứ một khóa tu học nào, chúng ta cũng phải tham dự bằng tất cả hạnh nguyện thiết tha của lý tưởng Bồ tát đạo, để có thể hiểu được đạo và chứng được đạo.

Nếu tham dự khóa hay ngày tu học mục đích chỉ để mua vui qua ngày, sẽ chẳng giúp ích được gì cho đời sống của chúng ta, ngược lại còn đánh mất rất nhiều thời gian quý báu. Mỗi ngày mỗi người chỉ có 24 giờ, nếu không tận dụng thời gian cho hành trình tiến đến giác ngộ giải thoát, thì thật là một sự phí phạm to lớn. Trong *Tiểu Bộ Kinh* có một câu chuyện tiền thân Đức Phật như sau:

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai bà vợ một Bà-la-môn giáo sĩ của hoàng gia và ra đời cùng một ngày với thái tử con vua. Khi vua hỏi các quan rằng có đứa trẻ nào sinh cùng ngày với thái tử không thì họ bảo:

- Tâu Đại vương có, đó là một đứa con của giáo sĩ hoàng gia.

Thế là vua truyền mang Bồ-tát đến giao cho các nữ mẫu săn sóc cẩn thận cùng với thái tử ấu thơ kia. Cả hai cùng có đồ trang sức, cùng ăn, cùng uống các thứ như nhau. Khi lớn lên, họ cùng đến học ở Takkasilā và chẳng bao lâu đều thành đạt mọi khoa học rồi trở về.

Vua phong cho con làm phó vương và ban danh dự lớn lao cho Bồ-tát. Từ đó Bồ-tát cùng ăn, cùng uống, cùng sống với thái tử. Giữa hai người nảy nở một tình bằng hữu vững bền. Ít lâu sau, vua cha mất, thái tử lên nối ngôi và hưởng phú quý khôn cùng. Bồ-tát tự nghĩ: “*Giờ đây bạn ta trị vì vương quốc; khi có dịp thích đáng thế nào ông cũng phong cho ta ngôi vị giáo sĩ hoàng gia. Ta phải làm gì với cuộc đời của*

một gia trưởng đây? Ta muốn trở thành một nhà tu khổ hạnh, dấn thân vào đời độc cư.”

Vì thế, ngài đến đánh lễ cha mẹ, xin được chấp trì giới hạnh. Ngài chối bỏ mọi của cải của trần gian và từ đó xuất gia một mình đi vào vùng Tuyết Sơn. Tại đó, trên một khoảnh đất thích hợp, ngài tự dựng một túp lều sống đời Phạm hạnh của một ẩn sĩ, ngài phát huy các thắng trí và các Thiền chứng và hưởng an lạc của cuộc sống huyền nhiệm.

Bấy giờ, vua nhớ đến ngài và bảo:

- Không biết bạn ta thế nào rồi nhỉ? Sao không hề thấy ông ta đâu cả?

Các cận thần bảo rằng ngài đã chấp trì giới hạnh và nghe nói ngài đang sống trong một khu rừng tịnh lạc nào đó. Vua hỏi trú xứ của ngài và bảo một quốc sư tên Sayha:

- Hãy đi mang bạn ta về đây. Ta sẽ phong cho ông ấy làm giáo sĩ của ta.

Sayha sẵn sàng tuân lệnh. Từ Ba-la-nại ông đi mãi đến một làng ở biên địa và trú ở đó, rồi cùng với vài người kiếm lâm đến nơi Bồ-tát ở. Ông thấy Bồ-tát ngồi như một bức tượng vàng trước túp lều của ngài. Sau khi chào hỏi, cung chúc theo thường lệ, ông ngồi xuống, cách một khoảng để tỏ lòng kính cẩn, và bảo:

- Thưa Tôn giả, đức vua muốn ngài quay trở về vì đang nóng lòng phong ngài lên ngôi vị giáo sĩ của hoàng gia.

Bồ-tát trả lời:

- Nếu ngoài chức giáo sĩ ra, ta còn được trao thêm cả nước Kàsi và Kosala, cả vương quốc Ấn Độ, cả sự vinh quang của một đế quốc hoàn vũ, ta cũng không chấp nhận đâu. Bậc trí giả không mang lấy những tội lỗi mà họ đã từng từ bỏ cũng giống như họ không nuốt cục đờm mà họ đã khạc lên.

Mặc dù Sayha cứ năn nỉ mãi, Bồ-tát cũng không chấp nhận yêu cầu của ông ta. Không thể nào khuyên nhủ được Bồ-tát, Sayha đành tạ từ quay về trình vua là ngài từ chối trở lại.¹

Vị Bồ Tát trong câu chuyện trên chính là tiền thân của Đức Phật ở một kiếp trong quá khứ. Giống như lời Ngài dạy chúng ta trong chương này, gạt bỏ mọi tham cầu của thế gian thường tình và tinh tấn hành trì chánh pháp. Người thực hành giáo pháp giống như khúc gỗ trôi theo dòng nước. Nếu khúc gỗ không bị người ta vớt lên, không bị quỷ thần ngăn cản, không bị nước xoáy khiến phải dừng lại, không bị mục nát, ta cam đoan rằng khúc gỗ này sẽ trôi ra biển.

Biển là ẩn dụ của tuệ giác siêu việt, của trí tuệ như biển, của cảnh giới giải thoát, của cảnh giới đại giác, một điều mệnh mông sâu thẳm. Người hành trì tinh tấn sẽ đạt được cảnh giới tự tại, an lạc siêu nhiên này. Biển cũng dụ cho sự sâu rộng mệnh mông và ngập tràn sóng gió. Trôi lặn trong biển khổ nhưng không bị nhận chìm bởi sóng dữ tham dục ngược lại vẫn

1. Kinh Tiểu Bộ, chuyện *tiền thân đức Phật*, Ja Vol.III, 310, HT Thích Minh Châu dịch.

quyết tâm vượt qua bề khổ để bước lên bờ giác đó là ẩn dụ của khúc gỗ giữa lòng biển cả mênh mông. Dòng sông nào cũng tuôn về biển cả, khúc gỗ trôi giữa dòng sông dù gặp phải những khúc sông thẳng tắp hay dù phải gặp những khúc sông quanh co khúc khuỷu, gỗ vẫn không bị vướng mắc vào hai bờ sông. Người tu hành cũng cần phải tránh xa những vướng mắc của hai mối nguy hiểm đó là dục tình và tà kiến.

Nhiều người cứ nghĩ, ai cũng một lần chết nên có thời gian cứ mượn sức mà hưởng thụ dục lạc cho thỏa. Không phải chỉ một hay hai người, mà hàng triệu – triệu người đang phải sống đau khổ, chỉ vì quan niệm sai lầm này. Đức Phật đã dạy, ai cũng phải chết. Chết là một sự kiện không thể tránh, bởi vì “*hữu sinh tất tử, hữu hợp tất ly,*” có sinh ra thì phải có chết đi, có gặp gỡ thì phải có chia lìa. Sinh-lão-bệnh-tử là con đường ai cũng phải đi qua, nhưng chết không phải là kết thúc tất cả. Cũng chẳng có cái chết nào giống với cái chết nào. Có những cái chết rất thanh thản, ra đi nhẹ nhàng. Có cái chết vô cùng đau đớn, vì phải chịu giải phẫu, phải chịu đau đớn, phải chịu rất nhiều bệnh tật, tai nạn... Lại có người muốn chết, nhưng chết cũng chẳng yên thân. Đó chỉ là mới nói đến giờ phút lâm chung. Sau khi chết, nếu ai đã từng sống một đời ham mê dục vọng và tạo nhiều ác nghiệp, sau khi chết sẽ phải đọa vào những cảnh giới đau khổ, cảnh giới của súc sanh, cảnh giới của ngựa quỷ, cảnh giới địa ngục, của A-tu-la....

Nếu như khi còn sống nỗ lực tu hành, chịu khó ngòai thiên, niệm Phật v.v... thì lợi ích rất lớn. Tu hành

hay ngồi thiền cũng giống như chịu khó uống thuốc đắng, chịu khó tập thể dục. Ban đầu rất có thể có chút ít khó chịu, sẽ đau nhức hoặc cảm giác không vui vì chưa quen, nhưng khi đã uống thuốc, đã tập thể dục, tất nhiên thân thể sẽ khỏe mạnh, tay chân linh hoạt, trí tuệ minh mẫn và vui vẻ. Việc tu hành cũng tương tự như vậy. Giống Ngài Tuệ Trung thượng sĩ, một con người siêu xuất, bản lĩnh, một con người xem danh lợi như đôi dép rách, một con người đóng vai Thượng sĩ giáng trần không hề bị danh phận ràng buộc:

*“Về vui với đạo thôi, ẩn sơn lâm,
Xa bỏ lợi danh thôi, lánh thị triều.”
(Quy dư đạo ẩn hệ sơn lâm,
Khôi khước lợi danh hệ triều thị).*

Bình thản và thông dong trước lẽ sống và cái chết, bản lĩnh ấy đã thể hiện qua hai vãn thơ:

*“Kẻ ngu sống chết mãi lo âu,
Người trí rõ thông nhàn thôi vậy.”
(Ngu nhơn diên đảo bố sinh tử,
Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ).*

Nếu bệnh mà không uống thuốc thì đau đớn, nếu khổ mà không chịu tu tập thì sẽ ngày một thêm thống khổ. Chính vì thế chúng ta phải ý thức rõ cả hai mặt lợi ích và nguy hại, để tránh sống một đời sống phóng túng hưởng thụ. Nên nhớ không bao giờ có thể thỏa mãn dục vọng, bởi vì càng chạy theo dục vọng chúng ta càng cảm thấy đau khổ, càng cảm thấy khao khát. Thay vì theo đuổi dục vọng, sống buông thả; chúng ta cố gắng tu tập theo đúng chánh pháp do Đức Phật

giảng dạy. Bởi vì đây mới chính thật là con đường, mang đến sự an lạc và lợi ích bất tận cho chúng ta.

Đức Phật muốn chúng ta hiểu rằng: Sự khó khăn của người tu hành, cũng giống như khúc gỗ lúc thuận duyên trôi chảy ung dung, lúc trái duyên bị ngăn trở vướng mắc vì vùng nước xoáy, vì một bờ kè hay vật cản nào đó. Và muốn đạt đạo, mỗi một cá nhân phải chấp nhận những khó khăn mà họ có thể nhìn thấy trước, giống như hình ảnh của khúc gỗ trôi theo dòng nước.

Căn bản của đại bi tâm là tuệ giác siêu việt, Đức Phật muốn giúp chúng ta nhận thức chính xác về những chướng ngại, mà chắc chắn trong lúc hành trì chánh pháp chúng ta phải đối diện. Trên lộ trình hướng đến giải thoát, nếu không kiên vững với chí nguyện, chỉ cần gặp chướng duyên hay nghịch cảnh nhỏ, chúng ta cũng rất dễ bị thối thất tâm Bồ đề. Điều này khiến chúng ta có thể bỏ cuộc, có thể sống một cuộc đời sa đọa, thay vì theo đuổi đời sống đầy phẩm hạnh thánh thiện. Những lời nhắc nhở của Đức Phật về sự tinh tấn của một hành giả là điều rất quan trọng. Chúng ta phải thuộc lòng lời giáo huấn của ngài như những bài kinh nhật tụng, như những câu châm ngôn cần được viết ra và dán trên cửa phòng, trên bàn giấy, hay ở bất cứ nơi nào chúng ta dễ nhìn thấy, để tự nhắc nhở bản thân. Nhiều khi vì đa đoan công việc, chúng ta quên hẳn những lời dạy tối ư quan trọng của Đức Phật. Một khi đã quên, làm sao có thể tỉnh thức để hành trì chánh pháp.

Chúng ta phải nhận biết những điều Đức Phật thuyết giảng về sự bất tịnh, về tà kiến, về ái dục, là sự

nhắc nhở vô cùng cần thiết. Thiếu sự nhắc nhở này, đời sống của chúng ta tức khắc bị nguy hiểm.

Thí dụ như lâu lâu đi trên xa lộ nhìn thấy hình ảnh những người cảnh sát, chúng ta sẽ phải để ý xem mình có lái xe vượt quá tốc độ qui định, có quên đeo dây an toàn hay không. Nếu không có sự hiện diện của cảnh sát, đôi khi chúng ta phóng xe bữa bãi, điều này không chỉ gây nguy hiểm cho bản thân của chúng ta, mà còn tạo ra không biết bao nhiêu nguy hiểm cho những người khác, một khi xảy ra tai nạn. Khi chúng ta có thể ý thức được hành động cầu thả trong lúc lái xe thì quá muộn, chúng ta đã trở thành nạn nhân *coma* phải nằm ở bệnh viện này hay bệnh viện khác. Chưa nói đến hậu quả khủng khiếp nhất, đó là chúng ta có thể chết trên *freeway*. Chính vì thế, sự nhắc nhở về luật giao thông là điều không thể thiếu.

Nói ngắn gọn, để sống đúng chánh pháp chúng ta phải thấp sáng ý thức, phải thường xuyên nhắc nhở bản thân về sự nguy hiểm của đời sống sa đọa trụy lạc, của một đời sống phóng dật không hết lòng phụng sự tha nhân.

Mặt tích cực và tiêu cực mà Đức Phật dạy trong chương 27 - Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

Mặt tiêu cực mà Đức Phật muốn chúng ta nhận thức khi học Chương 27, đó là đời sống của chúng ta thường bị vướng bận vì dục lạc, sự suy nghĩ của chúng ta thường bị ái nhiễm chi phối. Có những người vì thiếu ý thức, thường tìm đọc những tin tức hay xem những hình ảnh không lành mạnh. Loại thông tin này khiến

chúng ta mỗi ngày một thêm say đắm dục vọng như nhớp, khiến chúng ta bị rơi vào tà kiến làm cho tâm nhìn hay quan niệm của chúng ta về cuộc đời thiếu sự chính xác, khơi dậy tâm chấp trước. Do đó, chúng ta dễ bị vướng mắc vào những điều bất thiện, không thể tiến đến cảnh giới giác ngộ giải thoát và, đời sống trở thành tù ngục, căng thẳng, ưu phiền, không cảm nhận được sự an lạc. Những điều này do chính chúng ta tự tạo ra cho bản thân, nhưng chúng ta lại không nhận thấy, cứ đổ thừa vì lý do này hay vì lý do khác, hoặc vì người này hay vì người khác.

Mặt tích cực mà Đức Phật muốn chúng ta nhận thức khi học Chương 27, đó là ngài đã từng bước dìu dắt chúng ta đến cảnh giới giải thoát an vui, đưa chúng ta trở về đời sống nội tâm hoàn toàn tri túc, hoàn toàn từ bi, hoàn toàn hỷ xả. Chỉ khi hòa nhập làm một vào đời sống nội tâm hoàn toàn tri túc, hoàn toàn từ bi, hoàn toàn hỷ xả với đầy trí tuệ, chúng ta mới thật sự cống hiến cho cuộc đời hoa trái của những điều tốt đẹp và ích lợi.

Nếu Đạo Phật có mặt tại Hoa Kỳ – một quốc gia đa văn hóa như vậy – mà không có sự đóng góp tích cực như một phần quà cao quý trao tặng cho đất nước chúng ta đang cư trú và sinh sống, thì Phật Giáo trở thành gánh nặng của xã hội. Chúng ta không đóng góp tài chánh hay bất cứ điều gì khác, thì chúng ta đóng góp cho nền hòa bình và cho đời sống an lạc của xứ sở này. Nhờ giáo lý của nhà Phật, đời sống không còn căng thẳng, không còn thù hận, không

còn ưu phiền. Được như vậy, những điều điên đảo, xáo trộn biến mất, xã hội được thái bình an lạc.

Mặt tích cực và mặt tiêu cực của Chương 27, có thể lý giải hàng cả trăm trang và bằng rất nhiều thí dụ thực tiễn. Nếu nghiên ngẫm suy nghĩ tường tận chúng ta dễ dàng nhận biết, tất cả những điều Đức Phật nhắc nhở trong Chương 27 đều rất quan trọng. Nhưng chỉ suy nghĩ, hay tư duy thôi cũng không đủ. Bởi vì khi tiếp xúc với ánh sáng chân lý, điều quan trọng hàng đầu chính là phải nỗ lực thực tập. Nhờ thực tập chúng ta mới có thể chứng đạo, không thể nghiên cứu suông mà có thể chứng đạo được.

Nói một cách cụ thể: Khi nghiên cứu một phương pháp tập thể dục, chúng ta nói rằng phương pháp này thật tốt. Hoặc giả nghiên cứu một loại thuốc mới, chúng ta cũng nói rằng loại thuốc này tốt. Nhưng nếu không thực hành phương pháp tập thể dục đó, hay không uống loại thuốc đó, thì cho dầu chúng ta có nghiên cứu hàng đống tài liệu, cũng chẳng có công hiệu hay ích lợi gì. Cũng giống như vậy, nghiên cứu lời dạy của Đức Phật để hành trì và sống đúng chánh pháp là điều quan trọng. Chỉ nghiên cứu thôi không thể đạt đạo. Nỗ lực thực hành và tu tập là điều vô cùng quan trọng. Chính vì vậy mỗi một người trong chúng ta phải hạ thủ công phu, phải tinh tấn tu tập không ngưng nghỉ. Những suy nghĩ bất thiện, cần phải được cải thiện. Những lời nói không phù hợp với chánh pháp, cần phải chấm dứt, tu sửa. Những hành động đi ngược với chân lý làm hại bản thân, làm hại người khác, cần phải tiêu trừ.

Hình ảnh người chèo thuyền đi tìm chân lý.

Khi Đức Phật còn trụ thế, những lần ngài thuyết giảng thường ở trong những khu rừng bên cạnh dòng sông. Thời đó cũng không có nhiều thuyền bè như bây giờ. Nhìn thấy khúc gỗ trôi theo dòng nước, ngài chỉ cho đại chúng xem và nói: Khúc gỗ giống như người hành giả đang trôi theo dòng chảy, để tìm đến những quả vị của giác ngộ. Đức Phật tùy theo những gì có trước mặt, đồng thời sử dụng những điều ấy, để chỉ cho đại chúng biết một cách thực tế về lời ngài giảng dạy.

Con thuyền Bát Nhã chính là trí tuệ. Nương theo trí tuệ như con thuyền, để vượt qua sông mê bể khổ.

Trong Đại Kinh Xóm Ngựa, thuộc Trung Bộ Kinh do HT Thích Minh Châu dịch, Đức Phật đã dạy:

“Phải biết tầm quý khi nhận của cúng dường. Thân hành, khẩu hành, ý hành, sanh mạng phải được thanh tịnh, chân chánh, sang suốt. Phải thận trọng hộ trì các căn. Phải tiết độ trong việc ăn uống. Phải chú tâm tỉnh giác.”

Thành tâm cầu nguyện cho mỗi một người trong chúng ta, thấy được hiểm họa của một đời sống thiếu tinh tấn, để chúng ta siêng năng hơn trong sự tu tập, vì đây chính là sứ mệnh thiêng liêng trọng đại của người con Phật.

Chương 28

Ý MÃ MẠC TÙNG

Đừng Theo Con Ngựa ý Niệm

第二十八章·意馬莫縱

Hán văn:

佛言。慎勿信汝意。汝意不可信。
慎勿與色會。色會即禍生。得阿羅漢已。
乃可信汝意。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín. Thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sanh. Đắc A-la-hán dĩ, nãi khả tín nhữ ý.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Thận trọng, chớ tin ý ông; ý của ông không thể tin được. Phải thận trọng, chớ gần gũi sắc dục; gần gũi sắc dục thì tai họa phát sanh. Chứng quả A-la-hán xong, mới có thể tin được ý ông.

Anh ngữ:

Chapter 28:

Be Wary of the Unbridled Mind

The Buddha said: “Rely not upon you own will. Your own will is not trustworthy. Guard yourselves against sensualism, for it surely leads to the path of

evil. Your own will becomes trustworthy only when you have attained Arhat-ship.”

Lược giảng:

Đức tin viên mãn của bậc A La Hán.

Quả vị A La Hán mà trong Chương 28 đề cập, là chỉ cho những bậc Thánh đã xa lìa phiền não, là bậc vô sanh. Chỉ có tin vào chính mình khi mình đã chứng quả A La Hán. Vì tâm ý của một chúng sanh bình thường chưa phải là tâm ý sáng suốt đúng nghĩa.

Do vậy người học Phật phải tin lời Phật dạy. Người học Phật cần phải nương theo con đường Trung Đạo mà đi. Nếu chúng ta tin nơi ý mình là thối đạo chứ không phải tinh tấn, cũng chính là lạc vào tri kiến của bờ sông tà kiến. Nếu gần cùng sắc đẹp, thì lại tấp vào bờ tình ái phàm phu, đều làm chướng ngại đạo quả. Thế nên, Nho Gia có câu: “*Phải thành thật ý mình,*” tức là bảo rằng, phải xa lìa tất cả vọng chấp, dù ý nghĩa của Nho gia khác với Phật gia.

Đề đặt chớ chủ quan gần với sắc đẹp.

Có một câu chuyện được ghi lại rằng: Nguyễn Giản Thanh khi còn đi học, người thầy dạy ông là Đàm Thuận Huy, vì thấy học trò sắp ra về đang khi mưa lớn, do vậy người học trò không thể về nhà được, nên thầy đã đưa ra vé đối để thử tài của người học trò của mình như sau:

雨無鈴鎖能留客 (*Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách*).
Nghĩa là: Dù mưa không có then khóa mà có thể lưu giữ được khách.

Ngay lúc ấy, Nguyễn Giản Thanh đã đối lại rằng:
色不波濤易溺人 (*Sắc bất ba đào dị nịch nhân*).
Nghĩa là: Sắc đẹp của phụ nữ, không phải là làn sóng dữ, nhưng dễ nhận chìm người.

Qua đó cho thấy sức mạnh của phái nữ còn hơn cả sóng dữ. Trong Kinh Tăng Chi đức Phật dạy rằng: “Này các Tỳ kheo, ta không thấy một tiếng nào, một hương nào, một vị nào, một xúc nào, lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, trói buộc như vậy, say sưa như vậy, chướng ngại như vậy, tức là cảm xúc của người nữ. Này các Tỳ kheo, ai ái luyến, tham luyến, tham đắm, say mê cảm xúc của nữ nhân, chúng sẽ bị âu sầu lâu dài, bị rơi vào uy lực của nữ xúc. Nữ nhân, khi đang đi sẽ đứng lại để chinh phục tâm đàn ông. Khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi cưỡi, khi nói, khi hát, khi khóc, khi bất tỉnh, khi chết... sẽ đứng lại để chinh phục tâm người đàn ông.”¹

Vì thế người tu hành cần phải xa lìa sắc dục. Người tu hạnh Tinh Tấn cần phải áp dụng *Tứ Chánh Cần* (Catvāri prahāṇāni; Pāli :Cattāri sammappadhānāni): Việc ác đã sanh, phải trừ diệt; việc ác chưa sanh, phải ngăn ngừa đừng để phát sanh; việc thiện đã sanh, phải làm cho tăng trưởng; việc thiện chưa sanh, phải khiến cho sanh trưởng.

1. Kinh Tăng Chi II, tr 74

Đừng tin vào ý ông, khi chưa chứng quả A La Hán vì ý thức vẫn chưa phải là Diệu Quan Sát Trí. Theo Duy thức học, tâm chúng ta được phân chia thành tám: Năm thức trước (tiền ngũ thức), gồm có nhãn thức, nhĩ thức, tĩ thức, thiệt thức và, thân thức, ý thức được gọi là *sáu thức*. Thức thứ bảy là mặt-na và thức thứ tám gọi là A Lại Da. Sáu thức cần phải có chỗ nương riêng gọi là căn. Căn gồm có “*phù trần căn*” và “*thắng nghĩa căn*” đồng thời kết hợp với sáu trần đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Ý thức rất lanh lợi và đóng một vai trò đa năng. Ngày nay, với sự sáng chế các Robot được xem như là “trí thông minh nhân tạo” (*artificial Intelligence*) đã tạo nên một số tra vấn không nhỏ mà có lẽ phải đợi một thời gian sau mới có thể giải thích thích đáng.

Ý thức lấy Mặt-na tức thức thứ bảy làm căn, thuộc về vô thức, do vậy ý thức luôn chịu sự tác động của vô thức. Ý thức còn được chia thành hai loại đó là Ý thức hiện lượng và Ý thức phân biệt.

Ý thức thứ sáu này rất lanh lẹ và khôn ngoan nên tạo việc thiện cũng nhiều mà gây điều ác thì không không phải ít; do vậy mà trong Duy thức có câu: “*Công vi thủ, tội vi khô*” nghĩa là luận về công thì thức này đứng đầu, nhưng luận về tội thì nó hơn hết.

Nói tóm lại, dù Ý thức rất lanh lợi và đa năng, nhưng chưa phải là Trí nên vẫn không tránh những nhận thức, phân biệt sai lầm, chính đó là lý do tại sao Đức Phật dạy chớ tin vào ý của ông.

Đức Phật dạy rằng: “*Tâm viên, ý mã*”

Tâm giống như con khỉ (kapicitta), ý giống như loài ngựa là một thuật ngữ, khi Đức Phật dùng thuật ngữ này để diễn tả các hành vi lo lắng, vọng động, rối-trí và không-ngừng thay-đổi của ý-thức, hoặc sự nhận biết của một con người bình thường chưa ngộ đạo. (Ja.III, 148; V, 445).

Trong kinh *Tăng Chi*, Phật nói: “*Này các Tỳ kheo, gần gũi nữ sắc, ác giới sinh. Với người có ác giới, chánh định nhân đây bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, như thị tri kiến nhân đây bị phá hoại. Khi như thị tri kiến không có mặt, nhàm chán ly tham nhân đây bị phá hoại. Khi nhàm chán ly tham không có mặt, thì giải thoát tri kiến cũng nhân vậy bị phá hoại.*”²

Do vậy Đức Phật dạy, chỉ khi nào chúng đắc quả vị A La Hán, tâm ý không còn vướng bận, không còn bị ái dục sai sử, giải thoát được mọi ái trước phiền não thì mới có thể tin vào chính mình được.

2 Kinh Tăng Chi II, tr 25

Chương 29

CHÁNH QUÁN ĐỊCH SẮC

Quán Tưởng Chân Chánh

Thắng Được Sắc Dục

第二十九章·正觀敵色

Hán văn:

佛言。慎勿視女色。亦莫共言語。若與語者。正心思念。我為沙門。處於濁世。當如蓮華。不為泥污。想其老者如母。長者如姊。少者如妹。稚者如子。生度脫心。息滅惡念。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Thận vật thị nữ sắc, diệc mạc công ngôn ngữ. Nhược dữ ngữ giả, chánh tâm tư niệm: ‘Ngã vị Sa-môn, xử ư trược thế, đương như liên hoa, bất vị nê ô.’ Tưởng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tỷ, thiếu giả như muội, trĩ giả như tử, sanh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Hãy thận trọng, đừng nhìn ngắm nữ sắc, cũng đừng trò chuyện với họ. Nếu phải nói chuyện cùng họ, hãy chánh tâm nhớ nghĩ: Ta là bậc Sa-môn, sống nơi đời ô trược, phải như hoa sen chẳng bị bùn nhơ làm ô nhiễm. Tưởng người già như mẹ, người lớn như chị,

người trẻ như em, bé thơ như con; khởi sinh tâm độ thoát, liền diệt được ác niệm.

Anh ngữ:

Chapter 29:

The Right Way to Counter Lust

The Buddha said: “O monks, you should not see women. [If you should have to see them], refrain from talking to them. [If you should have to talk], you should reflect in a right spirit, ‘I am now a homeless mendicant. In the world of sin, I must behave myself like unto the lotus flower whose purity is not defiled by the mud. Old ones I will treat as my mother; elderly ones as elder sisters; younger ones as younger sisters; and little ones as daughters.’ And in all this you should harbor no evil thoughts, but think of salvation.”

Lược giảng:

Quán tưởng chân chánh để hàng phục sắc dục.

Nội dung của chương này được Đức Phật thuyết giảng như sau: Tất cả những người Phật Tử là con của Phật, phải thận trọng đối với vấn đề sắc dục, đừng đắm nhìn nữ sắc, đừng nói chuyện với nữ giới, hoặc những đối tượng sắc dục. Nếu có việc cần phải trao đổi với họ, tâm ý của chúng ta phải chân chánh.

Đức Phật cũng dạy, chúng ta phải thận trọng về lời nói và về đôi mắt. Tuy ngài chỉ đề cập đến lời

nói và đôi mắt, nhưng điều đó cũng có nghĩa là ngài muốn dạy ta hãy thận trọng về sáu căn gồm có mắt-tai-mũi-lưỡi-thân-ý. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* dạy: *Khổ đau xuất phát từ sáu căn mà giải thoát cũng phát khởi sáu căn.*

Nếu tai của chúng ta nghe lời mật ngọt nịnh nọt, để rồi thực hiện những điều sai trái là chuốc lấy đau khổ. Nếu chúng ta tiếp xúc hay va chạm tay chân, thân thể, hoặc có những ý nghĩ xấu là bất thiện.

Đức Phật dạy Sa môn không nên đắm nhìn nữ sắc và không nên nói chuyện với người nữ, nhưng ngài cũng dạy người nữ đối với người nam cũng phải như vậy. Nói rộng ra, ngài dạy cho cả người Phật Tử chứ không chỉ dạy riêng cho người xuất gia. Người nam không nên đắm say, hay ưa nói chuyện với người nữ. Người nữ không nên quyến luyến trao đổi với người nam. Cả sáu căn mắt-tai-mũi-lưỡi-thân-ý đều phải trong sáng mỗi khi cần giao tiếp với người khác phái.

Có nghĩa là trong giao tiếp thường ngày, dù là nam hay nữ, khi phải tiếp xúc với người khác phái, tùy theo độ tuổi chúng ta sẽ coi họ như cha mẹ, như anh chị, như em trai, em gái, như con cháu trong nhà. Đức Phật đặc biệt nhắc nhở chúng ta phải có tư tưởng và định quán chân chánh, như vậy mới có thể tiêu trừ ái nhiễm trong tâm trí. Khi sự đam mê, ham muốn ái dục không còn, chúng ta sẽ chấm dứt đau khổ. Đây là lý do tại sao khiến chúng ta cần phải đoạn trừ ái dục.

Phật dạy: *“Với người sống Phạm hạnh, thân cận với phụ nữ là cây gai... Nay các Tỷ-kheo, hãy sống*

không phải là cây gai. Nay các Tỷ-kheo, hãy sống rời khỏi cây gai. Nay các Tỷ-kheo, hãy sống không phải là cây gai và rời khỏi cây gai. Nay các Tỷ-kheo, không có cây gai là bậc A-la-hán. Nay các Tỷ-kheo, rời khỏi cây gai là bậc A-la-hán. Nay các Tỷ-kheo, vị không có gai và rời khỏi cây gai là bậc A-la-hán.”¹

Chương 29 Đức Phật dạy chúng ta phải có sự quán tưởng chân chính, cần mẫn, cần thực hành, cần phải hiểu biết về những căn bản giáo lý của Đạo Phật, và tinh tấn hành trì mới mang lại lợi ích cho bản thân. Chúng ta cần có định lực quán tưởng về sắc dục, phải luôn luôn cẩn thận giữ gìn sáu căn, như giữ gìn một vật dễ vỡ tan khi bị va chạm. Tục ngữ Việt Nam có câu “*lửa gần rơm thì cháy.*” Câu nói quen thuộc này không chỉ Việt Nam mới có, mà khi còn trụ thế Đức Phật đã giảng dạy rất rõ trong Chương kế tiếp.

Cách chiến thắng sự lôi cuốn của sắc dục.

Người đời thường xuyên phải tiếp xúc với người nam hoặc người nữ, phải nói chuyện cười đùa hấp dẫn để công việc được trôi chảy, để dễ dàng thăng hoa và thăng tiến trong sự nghiệp. Điều này Đức Phật không bao giờ ngăn cấm, ngài dạy các vị xuất gia phải tuyệt đối ‘*chánh quán định sắc,*’ nhưng người còn sống với gia đình thì đương nhiên là trong giới hạn tương đối. Đức Phật chỉ muốn ngăn ngừa những việc sai quấy có thể xảy ra, bởi vì điều sai quấy xảy

1. Tăng Chi Bộ kinh - Anguttara Nikaya, Chương X - Mười Pháp, Phẩm Ước Nguyện, *Cây gai*, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt.

ra chính là cái ác. Ngài bảo chúng ta ngăn chặn cái ác phát triển điều thiện, để điều thiện được phát sinh còn cái ác bị tiêu trừ.

Muốn được như vậy, trước tiên chúng ta phải quán sát dừng để tâm tham đắm, bởi vì tâm làm chủ tất cả các pháp như Kinh *Pháp Cú*, Đức Phật đã dạy: *“Tâm tạo tác những việc ác. Nếu tâm và lời nói của chúng ta tạo ra những nghiệp ác, thì nghiệp quả như bánh xe đi theo con bò.”* Nếu chúng ta tạo ra những điều thiện chắc chắn rằng lời nói, ý nghĩ và những việc thiện sẽ ngay lập tức mang nghiệp lành phước báo đến cho chúng ta ngay trong hiện tại, giống hệt như âm hưởng luôn luôn vang theo tiếng nói.

Sự tiếp xúc trong đời thường được phân biệt thành hai điều riêng biệt: Tiếp xúc với phái nam hay phái nữ vì ý nghĩ sai quấy, vì manh tâm chiếm đoạt hay ham muốn bằng ánh mắt nụ cười, thật khác xa với sự tiếp xúc vì chánh niệm, vì công việc, vì xã giao.

Trong Kinh Trường A Hàm, ngài A Nan đã kể lại câu chuyện một vị Bà-la-môn đến thảo am hỏi Đức Phật: *“Nãy giờ ngài có nghe gì không?”* Đức Phật trả lời: *“Ta không nghe thấy gì hết.”* Vị Bà-la-môn lại hỏi: *“Ngài ngủ chăng?”* Đức Phật đáp: *“Ta không ngủ.”* Vị Bà-la-môn tiếp tục hỏi: *“Ngài điếc chăng?”* Đức Phật lại đáp: *“Ta không điếc.”* Vị Bà-la-môn diễn tả: *“Có 500 chiếc xe đi qua đây bụi đất bay mù trời, mà ngài không nghe sao?”* Đức Phật từ tốn nói: *“Ta không nghe thấy gì hết, bởi vì ta đang ở trong chánh niệm.”*

Câu trả lời của Đức Phật cho vị Bà-la-môn biết: Mặc dù ngài có mặt ở đó và còn đang thức, nhưng ngài không bị đắm chìm trong những tiếng động, nên không nghe thấy gì hết.

Sự không nghe thấy tiếng động của Đức Phật giống như câu hỏi của chúng ta bây giờ: Đó là làm sao có thể giữ mình thẳng đứng sắc dục trong giao tiếp hàng ngày? Xin thưa: Nếu sự giao tiếp giữa nam và nữ, giữa nữ và nam, khởi từ chánh niệm không bị ái nhiễm, chắc chắn chúng ta sẽ không bị sa đọa vào sự ham muốn ái dục.

Chuyện kể rằng vào thời Phật Thích Ca còn tại thế, có một vị tu hành trẻ tuổi. Trên đường đi hóa duyên trong thành Xá Vệ, vị này gặp một cô gái rất xinh đẹp. Không kìm nén được tâm tình, vị tu sĩ trẻ tương tư thành bệnh, cả ngày không cơm nước gì, đầu ồm trên giường. Các đồng môn tới thăm hỏi bệnh tình, nhìn thấy bộ dạng vị này hồn xiêu phách lạc, nên vô cùng lo lắng.

Mọi người quyết định đem việc này trình lên Đức Thích Ca. Vậy là họ đưa vị tu sĩ trẻ đến nghe Đức Phật Thích Ca giảng dạy đạo lý.

Thấu hiểu nội tình, Đức Thích Ca bất ngờ nói với người đệ tử trẻ: *“Con khỏi cần phải u sầu như vậy, ăn cơm rồi nghỉ ngơi đi; ta nhất định sẽ giúp con, nguyện vọng của con sẽ được thực hiện!”*

Mọi người vô cùng kinh ngạc trước lời dạy của Đức Phật. Vị tu hành trẻ tuổi kia mở cờ trong bụng,

theo Đức Phật rời tinh xá Chi Viên, tiến về thành Xá Vệ.

Đức Phật dẫn đoàn đệ tử tới nhà nàng thiếu nữ kia. Vừa đến cửa nhà, mọi người đã nghe từ trong nhà vang ra tiếng khóc tang thương. Vào hỏi thì hóa ra cô thiếu nữ đã qua đời từ ba ngày trước. Cha mẹ thương tiếc không nỡ mai táng, khiến thi thể phát ra mùi hôi thối, vô cùng thê thảm.

Đức Phật quay lại nhìn vị tu hành trẻ, ân cần khuyên bảo anh rằng:

“Con say đắm vị cô nương kia, mà hiện tại đã thành bộ dạng như vậy đấy. Con nên biết rằng vạn vật vô thường, sinh diệt biến hóa, chỉ trong nháy mắt, không thể đợi được. Chỉ có kẻ ngu si mới nhìn xem vẻ bề ngoài thôi. Không cần biết đến chân thực, bởi vậy mới thống khổ bi thương. Nhìn thấy sắc đẹp, trong tâm mê hoặc, không giữ được tâm tính trước vô thường. Lấy dâm lạc mà hủy diệt bản thân, chẳng khác gì tự trói mình vậy. Kẻ trí có thể chớp thời cơ mà đoạn dứt, quyết tâm tiêu trừ hết thủy hỏa khổ não. Nếu như thỏa sức phóng túng, đắm mê dâm lạc, chìm đắm tình ái, khác chi tự vào lao ngục. Chỉ có nội tâm giác ngộ, đoạn tuyệt dâm dục, mới có thể xung phá cạm bẫy của tà dục, triệt để đoạn tuyệt khổ nạn sinh tử.”

Vị tu hành trẻ tận mắt thấy thi thể rã thối của thiếu nữ, lại nghe lời chỉ dạy của Đức Phật, giật mình tỉnh ngộ. Ông cúi đầu rạp xuống đất đánh lễ sám hối đối với Đức Phật. Sau đó ông theo Đức Phật trở về tinh xá, nỗ lực tu tập, cuối cùng chứng thành chánh quả.

Câu chuyện cho thấy, vì không ý thức rõ xác thân huyễn hóa như một túi da đựng toàn những chất nhơ nhớp, nên sanh tâm đắm nhiễm. Khi chứng kiến và tri nhận bản chất bất tịnh của thân xác, bất chợt tỉnh giác và sẽ không còn bị sắc đẹp cám dỗ để tự biến thành nạn nhân của khổ đau.

Chúng ta đều đã từng tự hỏi: Vì sao Đức Phật liên tục thận trọng khuyên dạy mọi người phải từ bỏ sắc dục? Xin thưa: Chúng sinh đau khổ vì sắc dục, Đức Phật là người cha nhân từ, là bậc Thầy từ bi, vì thấu hiểu tất cả khổ đau đều bắt nguồn từ ái dục, vì thế Đức Phật đã mạnh mẽ khuyên bảo. Giống như người thầy thuốc cương quyết muốn chữa lành căn bệnh hiểm nghèo cho bệnh nhân, cũng thế Đức Phật muốn chấm dứt mọi khổ đau cho sinh chúng do vậy ngài nghiêm khắc dạy ta phải tránh xa sắc dục.

Bất cứ ai đắm chìm trong sắc dục dễ dàng bị bệnh tật chằng hạn như bệnh AIDS – một căn bệnh thời đại khiến khả năng chống nhiễm trùng và bệnh ác tính trong cơ thể bị suy giảm. Cách đây ba ngàn năm bệnh AIDS chưa xuất hiện, nhưng Đức Phật đã ngăn chặn rồi. Ngoài ra, ngài còn nhìn thấy sự tai hại của lòng thù hận. Khi một người muốn quan hệ với ai đó mà không thành, nhất định sẽ căm tức và thù hận.

Báo chí từng đăng tin: Một thanh niên chia tay với người yêu cũ. Khi cô gái quen người đàn ông khác, vì lòng ghen tuông thù hận anh ta đã giết cô gái, chặt rời thân thể thành nhiều khúc vứt xuống sông, một thời gian sau cảnh sát mới tìm thấy.

Hiện nay một số người mới nhận ra điểm xấu của ái dục, hay sự nhục nhã của Việt Nam khi buôn bán những cô gái trẻ sang từng làng mạc xa xôi ở Trung Quốc, để làm vợ những người đàn ông tại đó. Từ ngàn xưa Đức Phật đã nhận ra hiểm họa của ái nhiễm và sắc dục. Ngài nghiêm khắc giảng dạy và cảnh tỉnh mọi người về sắc dục, chỉ vì ngài muốn tất cả chúng ta xa lìa mọi đau khổ, không bị giam cầm trong sắc dục. Thân xác của chúng ta có bị hủy hoại trong đời này hay không có thể chưa thấy, nhưng chắc chắn nỗi đau khổ sẽ còn kéo dài trong nhiều kiếp khác vì đã tạo ra sự hận thù. Sự thù hận này không thể dùng sắc dục để giải quyết, chỉ có thể dùng lòng từ bi và sự tu tập để tiêu trừ.

Đức Phật là nhà truyền giáo nhưng ngài không giống như những nhà truyền giáo khác, ngài không muốn tôn giáo của ngài phải phát triển mạnh mẽ to lớn, phải giàu có, hay phải có nhiều đệ tử. Ngài là nhà truyền giáo đặc biệt, chỉ muốn tất cả mọi người không còn đau khổ. Chính vì thế ngài mới nghiêm khắc trong vấn đề sắc dục, giảng dạy các hàng đệ tử phải thận trọng đối với sắc dục. Ngài không chỉ dạy Phật Tử, mà bất cứ ai vâng theo lời giảng dạy của ngài về hiểm họa của sắc dục, cũng đều đạt được hạnh phúc và an lạc.

Những trường hợp loạn luân như cha lấy con, anh lấy em v.v..., được xem là trường hợp cá biệt cần phải lên án. Chúng ta cũng phải cẩn trọng khi tiếp xúc với một người khác phái mà chúng ta xem như người thân.

Sở dĩ có cảnh loạn luân, hãm hiếp ... xảy ra khắp nơi là bởi vì:

Thứ nhất: Những người có hành động như vậy là do họ buông lung tâm ý, không thu nhiếp tâm ý, không có định ý, không quán sát và chế ngự tư tưởng đúng như lời Phật dạy. Vì không có chánh quán, không có ý niệm chân chính, nên họ không vượt thắng được sắc dục.

Thứ hai: Những người này vì lòng ích kỷ, chỉ biết thoả mãn sự ham muốn cho bản thân và không quan tâm gì đến sự khổ đau của người khác. Những người này không hiểu Phật pháp nên không tin nhân quả tội phước vì vậy mà tạo nghiệp xấu. Trong thất thánh tài họ thiếu phần hổ và thẹn, nghĩa là họ không biết xấu hổ với người khác không biết tự thẹn với lương tâm. Đã là người thân, tại sao họ lại làm những điều đáng hổ thẹn như vậy? Đức Phật đã có lời cảnh thức nghiêm khắc hơn khi ngài nói về những người này trong *Kinh Pháp Hoa* như sau: “*Những người này vừa thoát khỏi kiếp cầm thú lên làm người, vì thế họ đã có những sự ham muốn mà không hề hổ thẹn.*”

Lời dạy của Đức Phật rất đúng bởi vì đã là người ai cũng có lòng hổ thẹn, chỉ loài cầm thú mới không biết đến điều này. Con người luôn mặc y phục kín đáo tốt đẹp, chỉ có cầm thú không biết gì nên chỉ có lông lá che thân là đủ. Những người có chút ít phước đức vừa thoát kiếp nạ quỷ hay kiếp súc sanh lên làm người, nhưng căn tánh thô bạo, xấu xa, sân hận

chưa dứt bỏ, họ dễ dàng phạm sai lầm, dễ dàng tạo ra những hành động loạn luân rất đáng chê trách.

Bất cứ ai muốn thoát khỏi sự giam cầm trong địa ngục, muốn thoát khỏi kiếp nạ quý, súc sanh, cần phải dứt bỏ và tiêu trừ ái dục, đặc biệt là đối với người thân của mình.

Chúng tôi hy vọng lời thuyết giảng của Đức Phật trong Chương 29 này sẽ đem lại lợi ích cho bản thân của mỗi người, cho gia đình và cho tất cả mọi người trên thế giới.

Chương 30

DỤC HỎA VIỄN LY

Lánh Xa Lửa Dục

第三十章。欲火遠離

Hán văn:

佛言。夫為道者。如被乾草。火來須避。
道人見欲。必當遠之。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Phù vi Đạo giả, như bị can thảo, hỏa lai tu ty. Đạo nhân kiến dục, tất đương viễn chi.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người hành đạo giống như mang vác cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người tu đạo thấy sắc dục, quyết phải tránh xa.

Anh ngữ:

Chapter 30:

Avoid the Fire of Desire

The Buddha said: “Those who walk in the way should avoid sensualism as those who carry hay would avoid coming near the fire.”

*Lược giảng:***Người hành đạo phải tránh dục như tránh lửa dữ.**

Chương 30 “*Dục Hỏa Viễn Ly*” có nghĩa là phải tránh xa lửa dục tránh sự ham muốn dục vọng. Tất cả Phật Tử là con của Phật đều có thể hành đạo, chứ không chỉ những người tu hành mới được hành đạo. Chư Tăng là những người xuất gia và, Phật Tử là những người tu tại gia, dù xuất gia hay tại gia cũng đều là con của Đức Phật nên tất cả đều hành trì theo Phật.

Như đã trình bày, Đức Phật không phải là vị giáo chủ muốn phát triển thế lực, muốn làm giàu cho tôn giáo, hay muốn Phật Giáo trở thành độc tôn, thống trị thiên hạ. Đức Phật thị hiện trên thế gian này chỉ vì muốn cứu khổ chúng sinh và, ngài cũng muốn tất cả mọi người cứu giúp những người đau khổ. Chính vì thế, ngài đặc biệt nhấn mạnh đến việc giảng dạy và, cảnh tỉnh chúng ta về sự đau khổ được xuất phát từ lòng ham mê sắc dục. Nếu ai đó tham đắm sắc dục sẽ dễ dàng rơi vào con đường tà ác, con đường hận thù, con đường khổ đau, vì sắc dục chẳng khác nào như lửa gần rơm phải bị thiêu cháy. Chúng ta từng nghe thấy những người đánh ghen dùng acid tạt vào tình địch của họ. Vì sao xảy ra tình trạng bi thảm này? Nguyên do chỉ vì đắm say sắc dục mà mất hết lý trí để rồi cái kết là phải trả một giá khá đắt cho hành động thiếu sáng suốt của mình.

Trong kinh *Tăng Chi* khi Đức Phật đã khéo hỏi các thầy Tỳ-kheo rằng: “*Các thầy nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, việc nào là tốt hơn: ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần đống lửa lớn đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy lửa ngọn, hay ôm ấp, ngồi gần, nằm gần tay chân mềm mại non trẻ của người con gái Sát-đế-ly, người con gái Bà-la-môn hay người con gái gia chủ?*”¹ Sau khi nghe câu trả lời, Đức Phật đã xác tín rằng, khi nội tâm đầy tham dục thì sự khổ đau còn hơn bị quăng vào hố than hồng.

Người xuất gia tu hành dù không truy tìm sắc dục, nhưng sắc dục thường tìm đến với họ. Do vậy phải biết tránh xa vì ý thức rõ rằng, nếu hai cực âm dương gặp nhau sẽ không thể tách rời. Nếu chưa đủ nội lực để thì cần phải tránh xa những đối tượng có khả năng cám dỗ. Chạy xa hay tránh né không có nghĩa là chúng ta thua cuộc, đầu hàng, ngược lại tránh xa sắc dục chính là sự an toàn tốt nhất nếu chúng ta chưa đủ khả năng điều ngự.

Thí dụ khi bật bình gas, chúng ta không mở cho gas tỏa ra nhiều, mà chỉ mở vừa đủ để mỗi lửa. Cách thức mở vừa đủ này không phải vì chúng ta sợ gas, mà chỉ vì chúng ta sợ gas nổ gây cháy nhà và có thể khiến chúng ta bị thiệt mạng. Ví như ngọn lửa trí tuệ muốn diệt sắc dục, không muốn cho sắc dục có cơ hội phát triển gây hiểm họa. Vì thế phải thận trọng tránh xa sắc dục khi chưa có đủ trí tuệ để hàng phục tâm trí.

1. Kinh Tăng Chi, chương bảy pháp, *Đại phẩm, kinh Lửa*.

Chương 30 “*Dục Hỏa Viễn Ly*” Đức Phật dạy rất đơn giản, dễ hiểu: Người hành đạo giống như cỏ khô, khi lửa đến gần phải nhanh chóng tìm đường tránh. Cũng giống như vậy, khi sắc dục đến người tu hành phải mau xa lánh. “*Dục tuy không nào hại chúng sinh như đao búa nhưng lại ràng buộc tâm tính con người. Nó là đại tội. Vì thế, trong luật giới, cấm chỉ dục đầu tiên.*”²

Mặc dù Đức Phật thường nhấn mạnh đến sắc dục giữa người nam đối với người nữ, giữa người nữ đối với người nam, nhưng trên thế gian này dục lạc còn bao gồm nhiều hình thái khác trong đó có cả tài, sắc, danh, thực và thù. Có người ham mê tiền tài, có người ham mê sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và, cũng có những người chỉ ham mê ngủ nghỉ, có người ham mê tất cả. Do vậy, không chỉ riêng xa tránh sắc dục mà những thứ bao gồm trong ngũ dục cũng cần phải tránh xa, bởi vì nếu tham đắm vào bất cứ ham muốn nào, chúng ta sẽ gặp tai họa lớn. Tai họa không chỉ xảy ra cho bản thân, gia đình, mà còn ảnh hưởng đến phạm vi rộng hơn đó là cho cả xã hội.

Đức Phật dạy muốn bản thân có hạnh phúc và muốn đem lại hạnh phúc cho gia đình; muốn xã hội ổn định, toàn thể thế giới được hòa bình, bắt buộc phải tránh ra sắc dục.

Các vị xuất gia cũng phải tiếp xúc với Phật tử, kể cả nữ giới, vì sứ mệnh trao truyền Phật Pháp cho họ, hoặc chỉ dẫn họ lo hậu sự trong gia đình khi gia đình

2. Phật học đại từ điển, trang 1985

hữu sự. Nếu quý thầy tâm niệm như lời Đức Phật dạy “*Người hành đạo như cỏ khô khi lửa đến phải tránh,*” thì làm sao giải quyết được những vấn đề nói trên? Đây là câu hỏi khó trả lời, bởi vì ai cũng nhận biết, nếu chúng ta tránh xa mọi người, thì làm sao có thể hành đạo và chu toàn sứ mệnh cứu khổ độ sanh?

Trên thực tế, tránh xa sắc dục không có nghĩa là tránh tiếp xúc với mọi người trong những Phật sự hàng ngày mà chính là thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức dù ngay cả lúc sống độc cư trong núi rừng thanh vắng.

Khi một người nữ trong gia đình có việc tang chế hay có đám cưới, họ đến chùa nhờ các thầy chỉ dẫn và lo việc hiếu tang. Xét về khía cạnh hình thức, trong trường hợp này khi tiếp xúc với nữ Phật tử, các thầy sẽ mời thêm một hay hai người Phật Tử nữa cùng ở bên cạnh, cũng như sẽ trao đổi trong khung cảnh rộng rãi sáng sủa, như vậy sẽ tránh được những lời dị nghị hoặc những điều không hay xảy ra. Nếu không thận trọng, dễ khiến một người Phật Tử khác hay một người nào đó sinh lòng hoài nghi...

Chúng tôi đưa thêm một thí dụ, để minh họa rõ về phương diện hình thức của sự việc như sau: Một người chủ luôn luôn vứt bỏ tiền bạc lung tung, bởi vì họ tin rằng người giúp việc của họ không hề tham lam. Quả thật người giúp việc là người trung hậu, chẳng có lòng tham đối với tiền bạc. Nhưng nếu ngày nào cũng nhìn thấy tiền xu, tiền đồng, tiền trăm rơi vãi lung tung như vậy, phải chăng họ mãi mãi sẽ

không bị rung động lòng tham? Đây là lý do vì sao Đức Phật dạy mỗi khi phải tiếp xúc với nữ giới, các vị tu sĩ cần đến một nơi công cộng sáng sủa hoặc có nhiều người, để tâm không bị khuấy động. Bởi vì tu sĩ cũng chỉ là người phàm trần, chưa phải là một vị thánh, cũng dễ bị thu hút và lay động vì sắc dục. Trong phần oai nghi của một Sa-di, đức Phật cũng đã dạy: *“Không được ở trong nhà vắng, hoặc ở chỗ khuất cùng phụ nữ ngồi với nhau, nói cười với nhau. Không được thụt từ qua lại...”*

Xét theo phương diện tâm ý, Đức Phật dạy chúng ta không chỉ tránh xa hình thức bên ngoài mà còn phải tránh xa tâm ý ở bên trong, không để cho bất cứ ý niệm nào về một đối tượng mà mình cho là đẹp khuấy động, chi phối tâm thức. Có nghĩa là giữa người nam đối với người nữ, hay giữa người nữ đối với người nam, không bao giờ để lòng khởi lên ý niệm ham muốn dục lạc. Không ham muốn thân xác.

Nhiều người biết rõ ái dục là hoạt động tiềm ẩn ở bên trong rất khó nhìn thấy, nhưng vẫn có sức mạnh vô biên. Trong luật có dạy: *“thế nhân nhân dục sát thân vong gia, xuất tục vì tăng khởi khả cánh phạm.”*

Có nghĩa là: Người đời khi phạm vào sắc dục, không những bị họa giết hại bản thân, mà còn khiến gia đình tan nát không còn hạnh phúc; người xuất gia làm Sa-môn lẽ nào còn phạm vào điều cấm kỵ đầy tai họa này.

Lịch sử ngàn xưa đã chứng minh, rất nhiều triều đại chỉ vì sắc dục mà bị suy tàn. Như sự đam mê tửu sắc của vua Trụ đã làm mất nước. Nàng Điêu Thuyền trong Tam Quốc Chí đã khiến Đổng Trác và Lữ Bố si mê, đến nổi dưỡng phụ Đổng Trác và dưỡng tử Lữ Bố từ đó trở mặt thành thù địch, và Đổng Trác đã bị sát hại. Nàng Tây Thi cũng khiến cho vua Phù Sai say mê, nên giang sơn rơi vào tay Việt Vương Câu Tiễn. Đó là những bằng chứng về hiểm họa của sắc dục, còn được ghi lại trong sử sách.

Phương pháp chế ngự dục vọng.

Chúng ta phải chế ngự sáu căn, đừng như lấy đá đè cỏ. Đức Phật đã dạy: Ngay trong hiện tại, người tham sắc dục sẽ mang tiếng xấu, sẽ đọa vào ác đạo. Thực tế cũng cho thấy, một kẻ hiếp dâm sẽ bị luật pháp trừng trị, sẽ bị giam cầm và chịu cảnh tan nhà nát cửa.

Đức Phật từng giảng dạy: Muốn chế ngự dục vọng một cách căn bản mà hữu hiệu, chúng ta phải quán bất tịnh. *Quán bất tịnh* gồm có 5 điều:

- 1- *Quán chủng tử bất tịnh:* Vì sự ham muốn có thân người nam hay người nữ, chúng ta đã đầu thai vào lòng mẹ. Bất đầu như vậy đã là chủng tử bất tịnh.
- 2- *Quán trụ xứ bất tịnh:* Khi còn là thai nhi trong lòng mẹ, chúng ta đã ở một nơi không sạch sẽ.
- 3- *Quán tự tướng bất tịnh:* Khi sanh ra chính thân tướng của chúng ta chứa đựng nhiều thứ hôi dơ bất tịnh.

- 4- ***Quán tự thể bất tịnh:*** Thân thể của chúng ta có chín lỗ như mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng v.v..., hàng ngày đều tiết ra những chất hôi dơ bất tịnh.
- 5- ***Quán chung cánh bất tịnh:*** Khi chết đi chỉ một hai ngày không ai dám đến gần, vì hôi tanh. Thêm một thời gian nữa, xác thân bắt đầu thối rữa chỉ còn lại bộ xương trắng. Tổ Qui Sơn sách tấn rằng: “*Nhiên tắc, nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân...*” Có nghĩa là chỉ một phút theo đuổi sự vui sướng, mà không biết rằng sự vui sướng này chính là cái nhân sâu khổ.

Kinh Khởi Thế Nhân Bản, Đức Phật dạy: *Các vị ngọt của dục xuất phát từ các nhận thức sai lầm khi các căn tiếp xúc với các đối tượng tương ứng. Do vậy cần phải nhiếp phục các căn.*

Kinh Đại Bảo Tích cũng dạy *phải thúc liễm các căn, đừng chạy theo trần cảnh.*

Chương 31

TÂM TỊCH DỤC TRỪ

Tâm Vắng Lặng, Dục Vọng Dứt

第三十一章·心寂欲除

Hán văn:

佛言。有人患婬不止。欲自斷陰。佛謂之曰。若斷其陰。不如斷心。心如功曹。功曹若止。從者都息。邪心不止。斷陰何益。佛為說偈。欲生於汝意。意以思想生。二心各寂靜。非色亦非行。佛言。此偈是迦葉佛說。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Hữu nhân hoạn dâm bất chỉ, dục tự đoạn âm. Phật vị chi viết: ‘Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm. Tâm như Công-tào, Công-tào nhược chỉ, tùng giả đô tức. Tà tâm bất chỉ, đoạn âm hà ích?’ Phật vị thuyết kệ:

Dục sanh ư nữ ý, ý dĩ tư tưởng sanh.

Nhị tâm các tịch tịnh, Phi sắc diệt phi hành.

Phật ngôn: Thử kệ thị Ca-Diếp Phật thuyết.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Có người không thể dứt lòng dâm dục, muốn tự đoạn âm. Vì thế Phật dạy rằng: ‘Đoạn âm không bằng đoạn tâm. Tâm như cơ quan chỉ đạo công tác; cơ quan chỉ đạo nghỉ, thì người tòng sự đều nghỉ. Tà tâm chẳng

dứt, đoạn âm ích gì?’ Vì thế Đức Phật đó nói bài kệ rằng:

Dục sanh nơi ý ông, ý do tư tưởng sinh.

Hai tâm đều tịch lặng, Phi sắc cũng phi hành.

Đức Phật dạy: Bài kệ này do Đức Phật Ca-Điếp nói.

Anh ngữ:

Chapter 31: A Still Mind Extinguishes Lust

The Buddha said: “There was once a man who, being in despair over his inability to control his passions, wished to mutilate himself. The Buddha said to him ‘Better destroy your evil thoughts than to do harm to your own person. The mind is lord. When the lord himself is calmed the servants will of themselves be yielding. If your mind is not cleansed of evil passions, what avails it to mutilate yourself?’ Thereupon the Buddha recited the gâthâ:

“Passions grow from the will.

The will grows from thought and imagination.

When both are calmed,

There is neither sensualism nor transmigration.”

The Buddha said this gâthâ was taught before by Kâshyapabuddha.

Lược giảng:

Nội dung của Chương 31 Đức Phật muốn nhắc nhở chúng ta một điều như sau: *Tâm là vị chỉ huy*. Hai chữ công tào trong bản kinh nói đến một vị quan tòa, một vị lãnh đạo chi phối tất cả. Muốn tránh được

hiểm họa của sự mê đắm sắc dục, cần phải làm thế nào để tâm thức của chúng ta hoàn toàn thanh tịnh, chứ không phải cắt bỏ những bộ phận bên ngoài cơ thể mà có thể chấm dứt được lòng ái dục. Tất cả phải bắt đầu từ trong chính nội tâm của chúng ta.

Có câu chuyện mà mọi người thường nghe trong nhà thiền: “*Nhà Sư Và Cô Lái Đò.*”

Cô lái đò đưa khách qua sông. Đò cập bến cô lái thu tiền từng người.

Sau hết đến nhà sư. Cô lái đò đòi tiền gấp đôi.

Nhà Sư ngạc nhiên hỏi vì sao?

Cô lái mỉm cười:

- Vì Thầy nhìn em...

Nhà sư nín lặng trả tiền và bước lên bờ.

Một hôm nhà sư lại qua sông. Lần này cô lái đòi tiền gấp ba.

Nhà sư hỏi vì sao?

Cô lái cười bảo:

- Lần này Thầy nhìn em dưới nước.

Nhà sư nín lặng trả tiền và bước lên bờ.

Lần khác nhà sư lại qua sông. Vừa bước lên đò nhà sư nhắm nghiền mắt lại đi vào thiền định.

Đò cập bến cô lái đòi tiền gấp năm lần.

Nhà sư hỏi vì sao?

Cô lái đáp:

- Thầy không nhìn nhưng còn nghĩ đến em.

Nhà sư trả tiền và lên bờ.

Một hôm nhà sư lại qua sông.

Lần này nhà sư nhìn thẳng vào cô lái đò...

Đò cập bến, nhà sư cười hỏi lần này phải trả bao nhiêu?

Cô lái đáp:

- Em xin đưa Thầy qua sông, không thu tiền.

Thiền sư hỏi:

- Vì sao vậy?

Cô lái đò cười đáp:

- Thầy nhìn mà không còn nghĩ tới em nữa, do vậy em xin đưa Thầy qua sông mà thôi...

Đoạn âm không bằng đoạn tâm.

Đoạn tâm có nghĩa là làm thế nào để tâm thức của chúng ta hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn trong sạch, không mơ mộng luyến tưởng đến những tình dục thấp hèn, ngược lại lúc nào cũng hướng lòng đến quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Thí dụ khi ra ngoài đường chúng ta nhìn thấy một người đàn ông hay một phụ nữ rất đẹp; vì nhìn thấy những hình ảnh đẹp như vậy mà sinh lòng mơ ước ham muốn, chúng ta nghĩ lỗi này do cặp mắt gây ra nên móc mắt vứt đi. Hành động móc mắt này không hề đem lại hiệu quả tốt. Hoặc giả khi bàn tay ăn cắp một món đồ nào đó, chúng ta nghĩ rằng bàn tay là thủ phạm nên chặt bỏ. Hành động chặt tay này cũng chẳng mang lại ích lợi gì. Vấn đề ở đây là đoạn cái tâm. Đoạn trừ tâm tham muốn chứ không phải đoạn trừ các bộ phận trong cơ thể.

Có một câu chuyện hết sức lý thú nói về một người ăn trộm. Khi bị đưa ra tòa trong lúc chánh án và bồi thẩm đoàn đang luận tội, người ăn trộm đã trình bày rằng, không phải bản thân anh ta mà bàn

tay mới chính là thủ phạm. Chánh án tuyên phán nếu bàn tay là thủ phạm, phải còng bàn tay lại. Khi bàn tay bị còng vào chỗ ngồi, người ăn trộm lại nói: Bàn tay bị còng, anh ta không thể về nhà. Vị chánh án đã trả lời: “*Nếu không có sự điều khiển của cái tâm, thì một mình bàn tay không thể trộm cắp, hay làm bất cứ điều gì.*” Câu chuyện này minh họa rất rõ ràng, tất cả mọi hành động của các bộ phận trên thân thể, đều có sự tương tác với tâm ý của chúng ta. Trong kinh Pháp cú, đức Phật cũng đã dạy:

*“Tâm dẫn đầu các pháp,
Tâm làm chủ, tâm tạo;
Nếu với tâm ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.” (PC.1)*

*“Tâm dẫn đầu các pháp,
Tâm làm chủ, tâm tạo;
Nếu với tâm thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.” (PC.2)*

Hai tâm trong bài kệ của Đức Phật Ca Diếp mà Đức Thế Tôn dùng để dẫn chứng trong chương 31 “*Tâm Tịnh Dục Trừ,*” là hai tâm gì?

Đó là tâm chấp pháp và tâm chấp ngã. Có thể suy diễn và hiểu theo một góc cạnh khác, hai tâm này chính là tâm sở tư và tâm sở tưởng thuộc về năm món biến hành. Đi sâu vào vấn đề này, có lẽ nhiều người

cảm thấy không thoải mái. Vì thế chúng tôi chỉ nói một cách đơn giản như sau: Đức Phật dạy rằng, tất cả mọi tâm ý đều phát sinh từ tư tưởng. Nếu chúng ta cố gắng an định tư tưởng, đừng để sự suy nghĩ miên man chìm đắm theo những hình ảnh tẻ nhạt, tất nhiên sẽ không thể nảy sinh ra những ý bất thiện.

Ham muốn, đam mê ái dục, sẽ mang lại chướng ngại vô cùng to lớn đối với những người xuất gia. Bởi vì đoạn trừ tham dục nói chung và sắc dục nói riêng, chính là mục đích của người tu hành. Nếu để tâm tư bị chi phối vì những ham muốn về sắc dục về ái dục, người xuất gia sẽ bị ngăn cản trên lộ trình hướng đến sự giải thoát và giác ngộ. Sự ngăn trở từ bản thân, còn dẫn đến những chướng ngại không thể đo lường đối với sứ mệnh hoàng dương chánh pháp của Tăng đoàn, cũng như sẽ làm tổn thương uy tín của người xuất gia, làm xói mòn đức tin của những người đặt trọn tâm tình vào chánh pháp.

Vì những lý do nói trên, người xuất gia phải sống một đời hoàn toàn phẩm hạnh, thanh tịnh; luôn luôn trung thành với sứ mệnh thiêng liêng cao cả và hết lòng hành trì chánh pháp, đồng thời đem kinh nghiệm có được từ sự hành trì chánh pháp chia sẻ với tất cả mọi người, chứ không chỉ chia sẻ trên mặt lý thuyết suông. Bởi vì chỉ với chừng ấy ngôn ngữ, người xuất gia không thể giúp người nghe đạt được sự khai ngộ cần có, mà phải chia sẻ với họ cả kinh nghiệm hành trì với tất cả thanh tịnh tuyệt đối của ba nghiệp, không đắm nhiễm vào ái dục và sắc dục.

Chuyện *Chàng Cư Sĩ Trọng Tình*, trong *Những Câu Chuyện Đạo* của HT Thích Minh Châu, kể rằng:

Ở thành Ma Đồ La có nàng kỹ nữ sắc đẹp tuyệt trần tên Phệ Sa. Nàng thường để ý đứa thị tỳ của nàng khi nào đi mua phấn sáp đều đến nhà người lái buôn trẻ tuổi Ưu Bà Cấp Da.

Một hôm nàng gọi người tỳ nữ đến hỏi:

- Người có tình ý với anh chàng đó hay sao mà đi mua gì cũng đến đây?

Đứa Thị tỳ thưa:

- Chàng người phong nhã, tánh tình thuần hậu, lại là người chí thành theo đạo Phật, mọi người đều kính mến.

Nàng Phệ Sa nghe nói liền sai thị tỳ đến mời chàng về nhà mình chơi.

Chàng bảo người hầu về trả lời: - Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.

Nàng sợ chàng hiểu lầm nếu đến vui chơi phải có tiền, nên sai đứa hầu đến nói lại. Chàng vẫn trả lời:

- Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.

Cách ít lâu, nàng Phệ Sa vì muốn bán mình cho một nhà buôn giàu, bèn mưu giết người nhân nghĩa cũ. Việc bị tiết lộ, vua Na Đồ La truyền bắt, cắt tay, cắt mũi rồi đày ra ở ngoài bãi tha ma.

Chàng Ưu Bà Cấp Da biết đầu đuôi câu chuyện, nghĩ bụng rằng: Khi nàng còn đẹp để sung sướng thì người tu đạo không nên đến là phải. Nay nàng đã bị cắt tay, cắt chân, đau đớn khổ sở, là lúc ta phải đến thăm nàng. Nên chàng mang theo người hầu cận đi thăm.

Đứa thị tỳ cũ vẫn không rời bỏ cô chủ, trông thấy chàng đến liền hốt hoảng vào báo tin. Nàng Phệ Sa vội lấy tấm vải khoác lên thân, tủi thẹn khóc, nói rằng:

- Thưa chàng, khi dung nhan thiếp thơm đẹp như đóa sen báu thì chàng không đoái hoài đến. Nay thiếp thân tàn ma dại như thế này, chàng đến làm gì cho tủi cực lòng thiếp.

Chàng đáp:

- Trước kia tôi không đến vì không có tà tâm. Nay nàng bị nạn, tôi đến thăm nàng và chỉ cho nàng rõ những thảm trạng của sự khoái lạc gây ra ở trong đời.

Rồi chàng đem đạo Phật giảng cho nàng nghe, chỉ rõ nhân quả tội phước, khuyến hóa an ủi nàng. Nàng Phệ Sa tự biết tội lỗi của mình, phát lòng sám hối, tâm được an vui nhẹ nhàng. Từ đó, chí thành cải hóa theo lời Phật dạy, nàng luôn làm điều lành tránh điều ác, mở rộng thân tâm, quên nỗi đau khổ của bản thân, nghĩ đến đau khổ của người.

Tác hại của tâm dâm dục.

Nếu lòng dâm dục chi phối và ảnh hưởng toàn bộ đời sống của một người bình thường thì đây chính là đại họa của xã hội. Lòng ham muốn dâm dục của họ sẽ tạo ra đổ vỡ và xáo trộn, khiến luân thường đạo lý, văn hóa đạo đức của xã hội bị băng hoại. Nhìn vào thực tế xã hội hôm nay, nhất là tại các quốc gia có nhiều tệ nạn xã hội, cụ thể là Việt Nam, chúng ta dễ dàng nhận ra những hiểm họa này. Tại sao lại có tệ nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em? Tại sao lại xảy ra những trường hợp thương tâm khi cha mẹ ruột đành lòng bán con của

họ? Nghèo không phải là nguyên nhân, mà chính lòng tham lam đã tạo ra muôn vàn tệ nạn trong xã hội.

Nếu đổ thừa vì hoàn cảnh nghèo khó, hay vì lý do này lý do khác nên chúng ta phải làm những điều lương tâm không cho phép, thì đây chỉ là sự nguy hiểm. Chúng tôi không tin vào lời biện minh một cách phi lý như vậy. Sự ham muốn tiền bạc, ham muốn tiện nghi, ham muốn vật chất, đã dẫn đến những trường hợp bi thảm. Trên bình diện con người, xét theo khía cạnh đời thường, chúng ta không thể nào chấp nhận việc tất cả mọi nhân phẩm đều bị tước đoạt. Phải làm sao để đời sống và nhân cách của chúng ta luôn tỏa sáng một cách đúng nghĩa. Nếu bị chi phối vì lòng tham dục, chắc chắn chúng ta không thể thể hiện phẩm giá con người một cách đúng nghĩa.

Phương pháp chuyển hóa lòng ham mê ái dục.

Căn bản cần thiết của các vị hành giả chính là Tam Vô Lậu Học tức Giới-Định-Huệ. Trên nền tảng căn bản giáo pháp đó, chúng ta sẽ có khả năng đoạn trừ tất cả mọi ái dục trong đời sống bình thường. Nói một cách cụ thể, hãy quán về sự bất tịnh, tri nhận thật rõ bản chất vô thường giả tạo của mọi hiện tượng. Khi biết mọi hiện tượng đều vô thường huyễn hóa, không có lý do gì chúng ta lại phát sinh tâm cố chấp nắm bắt, bởi vì do nắm bắt nên bị vướng mắc. Chỉ có thể đoạn trừ tâm cố chấp, khi chúng ta có ý thức một cách trong sáng về bản chất của muôn sự muôn vật. Điều này đòi hỏi chúng ta cần phải có thời giờ tu tập, không thể chỉ dựa vào lời nói mà có thể trải nghiệm

được. Mỗi ngày phải có chương trình tu tập nghiêm túc để quán chiếu và thực hành, chúng ta mới thấy được lời dạy của Đức Phật mâu nhiệm như thế nào.

Chư tôn đức thường dạy “*ái bất nhiễm bất sinh sa bà,*” còn sinh ra trong cõi sa bà thì còn vướng vào con đường sinh tử. Thuở xưa khi Đức Phật giảng Kinh, thánh chúng đều là các bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, toàn là những bậc đã thoát vòng sinh tử luân hồi.

Tất nhiên đối với các vị A la hán, Duyên giác, Bồ tát, quý ngài đã đoạn diệt được những gì cần phải đoạn diệt. Chính vì thế quả vị A la hán còn được gọi là quả vị vô sanh. Riêng những vị Bồ tát thì quý ngài vẫn còn tái sinh do hạnh nguyện độ sanh, chứ không phải do nghiệp lực.

Thông điệp Đức Phật gửi gắm trong các Chương kinh trước đây, kể cả Chương 31 này, không chỉ dành cho các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, mà là cho tất cả mọi người thuộc mọi thành phần. Mục tiêu tối hậu của Đức Phật khi có mặt trên trái đất này, là để giúp cho tất cả chúng sinh giác ngộ, hiểu được sự huyền hóa vô thường của tất cả các pháp. Chỉ cần hiểu được bản chất thật sự của mọi hiện tượng, tự nhiên chúng ta sẽ giải thoát ra khỏi mọi phiền não, vô minh.

Trong kinh *Pháp Hoa* Đức Phật dạy rất rõ: “*Phật vị nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ư thế, khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến.*” Có nghĩa là Đức Phật chỉ vì một nhân duyên mà thị hiện trên thế gian này, đó là muốn khai thị giúp chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Nói ngắn gọn và dễ hiểu thì sự có mặt của Đức Phật ở đây – ngay trong cõi đời này – là để

giúp chúng ta trở thành Phật như Ngài. Bởi vì thành Phật rồi sẽ không còn phiền não, khổ đau.

Muốn thành Phật phải đoạn trừ ái dục.

Không phải tự nhiên cuộc đời có những người xuất gia; trước khi đi tu họ là những người bình thường. Như đã trình bày, thông điệp của Đức Phật không chỉ dành riêng cho người xuất gia, mà cho cả thế giới loài người và đương nhiên cho tất cả muôn loài chúng sinh. Lời giảng dạy của Đức Phật mẫu nhiệm bất khả tư nghị, không thể nghĩ bàn. Ngài nói chỉ một ngôn ngữ nhưng tùy theo chủng loại, tùy theo căn cơ và trình độ, mỗi người, mỗi loài có sự tiếp nhận khác nhau. Sự khác biệt nhiều hay ít này còn tùy thuộc vào căn cơ trình độ của từng cá nhân.

Cách chúng ta đoạn trừ lòng ham muốn dục vọng, phải được thực hiện từng bước một. Cũng không phải trong một thời gian ngắn, chúng ta có thể đoạn trừ hoàn toàn. Chính vì vậy chúng ta cần phải kiên nhẫn, không quá vội vàng. Thí dụ: Chỉ một ngày quán chiếu về sự vô thường về sự bất tịnh, chúng ta cảm thấy rằng sự quán chiếu này chưa giúp bản thân xóa sạch những thèm khát ham muốn trong tâm, thì chúng ta đừng vội nản chí. Hãy tiếp tục quán chiếu qua ngày thứ hai, rồi ngày thứ ba... Cũng giống như chúng ta cầm hai thanh gỗ liên tục cọ sát một hồi lâu, chờ đến khi nóng sẽ bốc lửa. Nhưng nếu chúng ta không kiên nhẫn, hơi mỗi tay đã ngừng lại, thì hai thanh gỗ không thể bốc lửa như chúng ta mong muốn. Yếu tố

quan trọng để đoạn trừ tham dục chính là sự tinh tấn. Nói theo ngôn ngữ đời thường, đó là siêng năng, kiên trì, nỗ lực một cách bền chí.

Nếu tất cả mọi người, cho dầu là Phật Tử hay không phải là Phật Tử, đều thực hành theo lời dạy của Đức Phật được ghi lại trong Chương 31, thì xã hội này không cần có cảnh sát, không cần có tòa án, không cần có nhân viên bảo vệ, mọi người đều sống thoải mái an nhiên. Một khi dục vọng đã được đoạn trừ, không còn ai bon chen, tranh chấp, thị phi, thế giới sẽ thái bình vô sự. Lời Đức Phật dạy trong Chương 31 thật sự mang lại lợi ích vô cùng to lớn.

Cuối cùng chúng tôi xin nhắc lại: Đức Phật dạy rằng “*Đoạn âm không bằng đoạn tâm.*” Không cần chặt tay, không cần móc mắt, không cần phải cắt bỏ bất cứ bộ phận nào trong thân thể, bởi vì điều chúng ta cần đoạn trừ chính là lòng ham muốn. Ham muốn này nằm ngay trong tâm thức của chúng ta. Hiểu được điều này, chúng ta sẽ cố gắng nhìn vào nội tâm, để đoạn trừ căn nguyên cội rễ của sự ham muốn.

Kinh *Kim Cang* dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, Như mộng, huyễn, bào, ảnh, Như lộ diệc như điện, Ứng tác như thị quán.*” Nghĩa là: Tất cả pháp hữu vi tựa như chiêm bao, huyễn hóa, bọt nước, bóng hình, cũng như sương, như tia chớp, nên cần phải quán chiếu như thế.

Chương 32

NGÃ KHÔNG BỐ DIỆT

Không Còn Cái Ngã Thì Hết Sợ Hãi

第三十二章。我空怖滅

Hán văn:

佛言。人從愛欲生憂。從憂生怖。
若離於愛。何憂何怖。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Nhân tòng ái dục sanh ưu, tòng ưu sanh bố. Nhược ly w ái, hà ưu hà bố?

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Con người vì ái dục mà sanh ưu sầu, từ ưu sầu nên sanh sợ hãi. Nếu xa lìa ái dục thì có gì để phải lo sợ?

Anh ngữ:

Chapter 32: Desire Leads to Fear

The Buddha said: “From the passions arise worry, and from worry arises fear. Away with the passions, and no fear, no worry”

Lược giảng:

Ý chính trong Chương này Đức Phật muốn nói: Sở dĩ phiền não phát sinh chỉ vì tâm của chúng ta có quá nhiều ái dục. Muốn hết phiền não phải đoạn trừ ái dục. Niết bàn có nghĩa là một tâm thức hoàn toàn

không còn ái dục. Chính vì thế đối với tất cả các hành giả đang đi trên lộ trình hướng đến giác ngộ giải thoát, việc đoạn trừ ái dục là điều vô cùng quan yếu.

Ngày xưa có một vị Hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi “thị dục” của bản thân, Hòa thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền. Nhà vua nghe tiếng, vô cùng kính trọng, mời về cung, ban tước Quốc sư và sai tu bổ một ngôi chùa ở Nam kinh thành để cho sư trụ trì. Nhưng Hòa thượng từ tạ vua, chỉ xin phép đi xem chùa chiền, cảnh đẹp trong thiên hạ.

Một hôm, Hòa thượng một mình tìm đến một ngôi chùa xa ở vùng Bắc. Ở đó có một vị sư bạn trụ trì mà Hòa thượng lâu ngày chưa gặp.

Từ lâu Bồ Tát Quan Âm đã nghe danh Hòa thượng, Ngài định bụng thử xem con người đó như thế nào.

Lúc Hòa thượng sắp qua con sông rộng, Bồ Tát liền hóa ngay làm một cô gái rất đẹp chống đò cặp bến chờ khách quá giang. Khi Hòa thượng chui vào trong khoang đò thì cô gái nhỏ sào chèo ra giữa sông. Đoạn nàng đưa thuyền đến một bãi cát vắng đậu lại. Hòa thượng lấy làm lạ, hỏi cô lái vì sao không đi thẳng qua bờ bên kia. Cô lái chỉ đợi câu hỏi ấy là buông chèo, nở một nụ cười tình tứ rồi chui vào khoang, trả lời một cách tkhông ngượng ngùng là thấy sư đẹp trai quá nên cấm thuyền lại đây cầu xin một chút tình yêu. Hòa thượng vốn nghe nói con gái vùng này có nhiều người đáo để nên nghiêm nét mặt lại:

- A Di Đà Phật! Mong người trần giới buông tha cho kẻ tu hành này.

Nhưng cô lái đò nào buông tha, cô sấn lại gần gọi tình. Hòa thượng không nói gì, lẳng lẳng mở gói lấy quyển kinh Kim Cương Tam Muội ra tụng. Tiếng đọc của sư mỗi lúc mỗi lớn, át cả tiếng của cô lái. Nhưng cô vẫn cười cười nói nói. Rồi cô che tay lên quyển kinh. Hòa thượng ngoái cổ nhìn ra ngoài đò rồi nghiêm khắc cảnh cáo:

A Di Đà Phật! Trong người bản Tăng có tờ lệnh chỉ của Hoàng đế, trong đó Hoàng đế ra lệnh hễ người nào phạm vào người bản Tăng sẽ bị án trăm quyết. Vậy bản Tăng mong người đừng phạm vào phép của thiên tử.

Lời dọa của nhà sư không làm cô lái nhục ý chút nào. Cô nói:

- Em đang muốn chết đây! Em chỉ mong chàng đoái thương một tí rồi chết cũng thỏa.

Nhưng hồi lâu, thấy lòng nhà sư không chuyển, cô lái đò lại thi hành mưu khác, cố quyển rữ cho bằng được, nhưng tay Hòa thượng vẫn lần tràng hạt, miệng vẫn lầm nhảm đọc kinh. Trong khi đó tiếng cô gái như mật rót vào tai:

- Chàng thương em một tí... Chàng nhìn ra ngoài xem, không một ai cả.

Lần tấn công thứ chín, cô gái vẫn bị cự tuyệt. Hơi thở của cô gái trẻ đẹp phảng phất ở trên má vị sư, nhưng nét mặt Hòa thượng không thay đổi.

Nhưng đến lần thứ mười, cô gái không ngờ thành lũy tưởng là kiên cố lại bị sụp đổ một cách bất ngờ. Bàn tay Hòa thượng bỗng nhiên bỏ lên mình nàng. Thế là chỉ trong một phút đã vứt bỏ hơn hai ba mươi năm tu luyện!

Nói đến sắc dục hay tình dục là nói đến lãnh vực rất giới hạn, chỉ trong một phạm trù nhỏ. Nhưng nói đến ái dục là nói đến tất cả mọi dục vọng, bao gồm nhiều vấn đề như tham tiền, tham danh, tham quyền lực, tham sắc đẹp, tham ăn, tham ngủ v.v... Một ví dụ cụ thể là: Các thể chế độc tài, vì có nhiều tham vọng quá lớn nên đã áp đặt lên toàn dân một chính sách hà khắc. Chính sách hà khắc độc tài toàn trị đó đã khiến cho người dân nghèo khổ, mất tự do, dân chủ đã đành mà làm bản thân của những nhà độc tài phải có nhiều, bất an, lo lắng. Sự lo lắng biến họ trở thành nạn nhân của sợ hãi. Do đó ở chỗ nào họ cũng bố trí người rình mò, theo dõi xem dân chúng, xem dân chúng như kẻ thù chứ không như các với nước.

Một đất nước tự do như Hoa Kỳ, cho dầu đang ở trong tình trạng bị khủng bố, cũng không xảy ra trường hợp giống như những nước Cộng sản độc tài hiện nay. Vì có quá nhiều tham dục nên biến họ lo lắng, ưu sầu, phát sinh sợ hãi. Đi đến đâu cũng phải có cận vệ, sống trong lâu đài nguy nga nhưng lúc nào họ cũng nơm nớp lo sợ. Họ sợ bị ám sát, bị đầu độc, bị đảo chánh, bị mất quyền lực... Cho nên họ đã dùng mọi cách để trấn áp dân chúng. Sự vô minh này

càng khiến cho nỗi sợ hãi và sự bất an gia tăng trong tâm thức của những người cầm quyền. Đây cũng là nguyên nhân tạo ra sự khủng hoảng toàn diện, trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam và một quốc gia hiện nay.

Phương pháp loại bỏ tâm chấp ngã.

Chúng ta cần phải thường xuyên quán chiếu về xác thân huyễn hóa của bản thân. Mỗi người đều có thân tứ đại do đất-nước-gió-lửa tạo thành. Đây mới chỉ mới nói đến khía cạnh vật chất tức là mặt sắc uẩn của xác thân ngũ uẩn. Ngoài sắc uẩn còn có các uẩn khác như thọ, tưởng, hành và thức. Nếu tri nhận một cách chân giác về sự vô thường huyễn hóa của xác thân tứ đại, sự vô ngã của năm uẩn, chúng ta sẽ không có lý do gì để chấp pháp và chấp ngã.

Chúng ta chấp trước thân tứ đại, bởi vì tưởng nghĩ rằng xác thân tứ đại là cái ngã là cái ta – một điều vô cùng sai lầm. Sở dĩ có sự sai lầm này, vì nhận thức của chúng ta về bản thân và về sự vật chung quanh hết sức mờ mịt, không sáng suốt. Đây cũng là lý do vì sao chúng ta cần có thời gian đủ dài, để thực tập về pháp quán chiếu. Một khi đã có thể thực tập liên lỉ thường xuyên phép quán chiếu, chúng ta sẽ nhận biết cũng như sẽ thấu hiểu một cách rõ ràng, minh bạch. Thí dụ: Ở ngoài nắng nhiều giờ, khi bước vào căn nhà tối hay căn nhà có ánh sáng bình thường, chúng ta không thể nhìn thấy bất cứ điều gì một cách rõ ràng; phải ngồi quan sát một lúc chúng ta mới thấy

rõ toàn cảnh và sự vật ở chung quanh. Nói ngắn gọn, pháp quán chiếu đòi hỏi thời gian và nỗ lực của từng người.

Nguyên nhân của lo lắng, sợ hãi, khổ đau là chỉ vì chấp ngã chỉ vì không hiểu rõ sự huyền hóa, vô thường của xác thân tứ đại. Nói thì dễ nhưng nhận thức không dễ.

Điều quan trọng nhất để tránh rơi vào tình trạng phiền não chính là sự tu tập. Chúng tôi có một kinh nghiệm bản thân xin được chia sẻ như sau:

Năm 1976, khi được Viện Hóa Đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bổ nhiệm lên Phú Bổn thi hành Phật Sự. Đến Phú Bổn rồi, chúng tôi phải trở về Viện Hóa Đạo ở Sài Gòn để lấy tài liệu, sau đó lại trở về Phú Bổn. Trên đường về, chúng tôi dừng chân tại Tuy Hòa, Phú Yên, ngay trong chùa Bảo Tịnh, chúng tôi bị công an bắt với lý do lưu giữ tài liệu phạm pháp. Trong thời gian bị bắt giữ, chúng tôi bị công an chất vấn đủ điều. Thuở ấy vì còn trẻ chúng tôi cảm thấy căng thẳng, khó chịu, không thoải mái hay an lạc. Nhưng cũng chỉ trong buổi chiều hôm ấy, nhìn qua song sắt cửa sổ thấy các chú công an mặc áo thun quần xà-lỏn la hét và chơi đá banh với nhau, tự nhiên chúng tôi cảm nhận: Tại sao họ bắt giam, hành hạ, lên án mình đủ điều mà vẫn hồn nhiên đùa giỡn, chơi banh với nhau thật vui vẻ y hệt con nít. Vậy thì mắc mớ gì chúng tôi lại rầu rĩ lại tự làm khổ chính mình? Tại sao chúng tôi lại không có tư thế và tâm thức thoải mái như đang nhập thất,

thiên định và tư duy về những lời dạy của Đức Phật? Xác thân huyễn hóa vô thường này chẳng có gì đáng phải quan trọng hóa. Người ta chỉ có thể giam giữ xác thân giả tạo của chúng tôi, nhưng người ta không thể cầm tù tư tưởng tự tại giải thoát của một Tăng sĩ Phật giáo. Khi nghĩ đến điều này chúng tôi thật sự thấy thoải mái, an lạc, tự tại mặc dù đang bị nhốt tù.

Giữ lòng kiên định để vượt qua chướng ngại.

Một người bình thường sẽ có lúc cảm nhận hoàn toàn bị cô độc. Nhưng cảm nhận sự cô độc không đáng ngại cho bằng cảm nhận sự cô đơn. Một nhà lãnh đạo hay một vị Tăng sĩ rất cần có đời sống cô độc, nhưng để nỗi niềm cô đơn xâm chiếm tâm hồn thì đây là điều rất đáng lo ngại. Chúng ta cần thay thế trạng thái cô đơn này bằng trạng thái tâm lý hỷ lạc.

Muốn có được trạng thái tâm lý hỷ lạc, không có cách gì hữu hiệu cho bằng hành trì chánh pháp. Chúng ta có thể nhất tâm niệm Phật, trì chú, tụng kinh, dành thời gian bái sám, quán chiếu, tham thiền. Trong lúc được xem là “*buồn thúi ruột*” này, nếu không hành trì chánh pháp mà lại nghe những bản nhạc rầu rĩ ai oán gợi nhớ quá khứ đã qua, khiến nỗi niềm cô đơn có dịp tăng trưởng – thì thật là điều vô cùng phi lý.

Đức Phật dạy rằng: Chúng ta đừng tự dày vò hành hạ tâm thức của mình bằng những điều không lành mạnh, hãy cố gắng sử dụng các giải pháp trị liệu bằng pháp lực. Tâm bệnh phải dùng pháp được,

những yếu tố bên ngoài không thể nào trị hết tâm bệnh của chúng ta. Đây là một sự thật hiển nhiên, không thể xem nhẹ.

Có một điểm chung mà tất cả chúng ta đều thấy, đó là các bậc cha mẹ luôn muốn các con trở thành bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, học giả, khoa học gia, tiến sĩ hay là những nhà bác học có khả năng phát minh sáng chế ra những phương thuốc thần kỳ trị bệnh nan y cứu giúp nhân loại v.v... Để có thể thành đạt, thay vì chơi bời lê lững, khi còn là trẻ em chúng ta phải chăm chỉ học hành, phải hy sinh thời gian chơi game, đá banh, hay dạo phố, và vâng theo sự chỉ dạy của cha mẹ, của quý thầy cô và chư Tăng Ni. Ai cũng biết trẻ em không thích ngồi yên làm bài tập vì cảm thấy rất *nhàm chán*, nhưng tại sao cha mẹ buộc các con phải ngồi trong nhà làm bài tập, không cho phép ra ngoài đi chơi? Xin thưa: Chỉ vì cha mẹ muốn chúng ta siêng năng học, để lúc trưởng thành sẽ có được tương lai tốt.

Khi Đức Phật khuyên chúng ta xuất gia, đừng để cuộc đời trôi theo dòng dục vọng thế tục, nhiều người nghĩ rằng điều này thật phiền hà, vì không hiểu tại sao cứ ngồi trong chùa hay trong một nơi thanh tịnh nào đó chỉ để tham thiền, tụng kinh, bái sám v.v... Suy nghĩ của những người này giống như suy nghĩ của trẻ em; chúng cảm thấy phiền toái khi bị cha mẹ bắt ngồi trong nhà làm bài tập, không được chạy nhảy chơi đùa ngoài sân. Nhưng thử hỏi nếu không cần cù nhẫn nại học hành, làm sao chúng có thể hoàn tất chương trình học vấn.

Cũng giống như vậy, các nhà bác học hay các học giả phải ngồi trong căn phòng tĩnh mịch, tránh xa những thú vui phù phiếm, họ mới có thể nghiên cứu hay phát minh ra được những thành tựu về khoa học, kỹ thuật truyền thông... giúp cho đời sống của nhân loại được văn minh và thăng tiến.

Nói ngắn gọn, Đức Phật giống như người cha nhân từ, khuyên chúng ta đừng lêu lổng ham mê những thú vui không mang lại ích lợi gì cho bản thân. Ngài dạy chúng ta nên đầu tư thời gian để cố gắng phát triển tuệ giác. Lời khuyên dạy của Đức Phật đầy từ bi, đầy trí tuệ và hữu ích cho tất cả mọi người.

Chương trình giáo dục tại Hoa Kỳ có cả việc giảng dạy tình dục cho trẻ em, nhằm tránh trường hợp vì còn quá trẻ các em không hiểu được thế nào là đúng thế nào là sai. Đây là một chương trình giáo huấn rất tốt. Riêng trong Đạo Phật, điều quan trọng hàng đầu vẫn là cái tâm, vì tâm chi phối tất cả mọi sự. Để tránh bị dính vào sự ham mê ái dục, chỉ cần giữ tâm lúc nào cũng thanh thản, an nhiên, tự tại, luôn hướng thượng, như đóa hoa sen có đầy đủ hương sắc.

Trong nội tâm của ta cũng có những cảnh tượng đẹp tuyệt vời – những điều mà chúng ta không thể bắt gặp hay tìm thấy ở bên ngoài. Chỉ cần hướng vào nội tâm, cảm nhận vẻ đẹp tuyệt diệu trong tâm hồn, chúng ta đã có những giây phút hạnh phúc tuyệt vời. Khi có thể cảm nhận điều này, cũng là lúc chúng ta đã chấm dứt lòng ham muốn ái dục.

Bất cứ pháp môn tu tập nào do Đức Phật khai thị, điều tiên quyết và căn bản nhất là phải diệt trừ ái dục.

Nói chung trong tất cả các pháp môn, Đức Phật đều dạy phải đoạn trừ ái dục. Nếu còn ái dục, sự tu tập sẽ rất khó khăn, gặp nhiều trở ngại. Tâm không đoạn trừ ái dục, không thể nào giải thoát.

Bất cứ vị hành giả nào đang trong thời kỳ tu tập một pháp môn nào, điều tiên quyết và căn bản là phải đoạn trừ cho được lòng ái dục.

Xin trở lại nhiệm vụ của cha mẹ và của anh chị trong gia đình, nếu có thể nên giáo dục con em chúng ta hiểu biết một cách sâu xa rằng: Ái dục chính là đầu mối của sinh tử, của luân hồi, của khổ đau. Làm thế nào để giúp cho con em của chúng ta thấp sáng được tuệ giác mà chúng đang có sẵn, thì đây chính là bài học lớn vô cùng hữu ích dành cho nhiều thế hệ trẻ.

Ngày xưa, khi vua nước Kế Tân nghe lời sàm tấu của một vị quan về những việc không đúng đối với Tổ Sư Tử. Vị quan nọ tâu với vua rằng Tổ Sư Tử là người truyền bá tà pháp khiến nhiều loạn lòng dân. Nghe thế, vua Kế Tân cầm kiếm đến chỗ Tổ Sư Tử và hỏi: “*Nghe nói Ngài thấy năm uẩn đều không, có đúng không?*” Tổ bảo: “*Đúng.*” Vua bảo: “*Nếu thấy năm uẩn đều không, vậy xin Ngài cho tôi cái đầu được không?*” Tổ bảo: “*Năm uẩn đã không, thì sá gì cái đầu.*” Vua Kế Tân chặt đầu Tổ Sư Tử, nhưng Tổ vẫn an nhiên tự tại.

Khi đọc câu chuyện ấy, Tổ Giác Hoàng Điều Ngự đã viết:

*“Tương đầu lâm bạch nhẫn
Du như trảm xuân phong.”*

Nghĩa là:

*Đem đầu gần gương bén
Tựa như chém gió xuân.*

Những gì càng trải nghiệm qua sự khắc nghiệt thì độ bền và sức mạnh phải gia tăng; cũng thế, tâm con người được tôi luyện, chế ngự thì nội lực sẽ phi thường.

Ngay cả mạng sống mà còn không tiếc hưởng hồ nuối tiếc những vật ngoại thân. Bài học của Tổ Sư Tử là bài học cần tâm niệm, ghi khắc.

Trong Kinh *Tăng Chi*, Phẩm *Các Người Bà La Môn*, Đức Phật dạy:

*“Giới hạnh không cao thấp
Khôn khéo và thiền tịnh,
Với tâm được chinh phục,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Bậc trí đoạn mê ám,
Ba minh, diệt tử thân,
Vị ấy được tôn xưng,
Đại hạnh cho Trời Người,
Bậc “Đoạn tận tất cả,”
Đầy đủ cả ba minh
An trú không mê vọng,
Đức Phật, bậc Giác Ngộ,*

*Bậc chứng thân tối hậu,
Chúng lễ Gotama.
Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa giới,
Vị ấy là đạo sĩ,
Đoạn sanh, đạt thắng trí
Vị Bà-la-môn nào,
Chúng được ba minh này,
Ta gọi là ba minh
Không như thường được gọi”*
(HT Thích Minh Châu dịch)

Chương 33

TRÍ MINH PHÁ MA

Trí Huệ Và Sự Sáng Suốt

Phá Tan Chúng Ma

第三十三章。智明破魔

Hán văn:

佛言。夫為道者。譬如一人與萬人戰。挂鎧出門。意或怯弱。或半路而退。或格鬥而死。或得勝而還。沙門學道。應當堅持其心。精進勇銳。不畏前境。破滅眾魔。而得道果。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Phù vi Đạo giả, thí như nhất nhân dữ vạn nhân chiến. Quả khả xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thoái, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa-môn học Đạo, ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tấn dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma, nhi đắc Đạo-quả.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người hành Đạo ví như một người chiến đấu với vạn người; mang giáp ra cửa, hoặc có ý khiếp nhược, hoặc nửa đường rút lui, hoặc chiến đấu đến chết, hoặc thắng trận trở về. Bậc Sa-môn học đạo phải giữ tâm

bền vững, tinh tấn, dũng cảm hăng hái tiến tới, chẳng sợ nghịch cảnh phía trước, phá diệt các ma, chúng được đạo quả.

Anh ngữ:

Chapter 33: Perseverance in Spiritual Battle

The Buddha said: “Those who follow the way are like unto warriors who fight single handed with a multitude of foes. They may all go out of the fort in full armor; but among them are some who are faint-hearted, and some who go halfway and beat a retreat, and some who are killed in the affray and some who come home victorious. O monks, if you desire to attain enlightenment, you should steadily walk in your Way, with a resolute heart, with courage, and should be fearless in whatever environment you may happen to be, and destroy every evil influence that you may come across; for thus you shall reach the goal.”

Lược giảng:

Ý chính của Chương 33 Đức Phật muốn dạy chúng ta như sau: Người tu hành giống như một chiến sĩ, phải quyết tâm chiến đấu để diệt sạch mọi ma chướng, mọi phiền não, mọi sự ham muốn tham dục. Nếu muốn thành đạo cần phải tinh tấn nỗ lực phi thường, không thể tu hành một cách giải đãi lấy lệ. Đây là điều mà trong *Văn Cảnh Sách*, Tổ Quy Sơn đã đặc biệt nhấn mạnh: “*Phải nổi dậy ý chí quyết liệt, mở ra hoài bão cao xa, tất cả mọi động tĩnh đều*

hướng đến bậc tối thắng, tức là Chư Phật, Chư Đại Bồ Tát. Chớ sống theo thói hư hèn chỉ một đời này thôi, phải giải quyết bản thân mình cho xong, đừng ý vào bất cứ một ai, tự bản thân hãy phấn đấu để thành tựu đạo nghiệp tối thượng.”

Chương 33, do đó, là chương vô cùng quan trọng, nhắc nhở người tu hành phải sống bằng tất cả sự tinh tấn, không nên biếng nhác, không nên giải đãi, không nên sống mà thiếu sự tinh cần, phải hành trì một cách triệt để, nghiêm túc.

Ngày xưa, có vị Hòa Thượng trụ trì một cảnh chùa ở gần bờ sông trong một thôn quê. Mỗi khi có việc ra tỉnh, Ngài quá giang bằng chiếc đò ngang.

Hôm ấy nhằm ngày 13 tháng bảy, Ngài quá giang ra tỉnh để chủ lễ một đàn kỳ siêu. Khi đò ra tới giữa dòng sông thì sóng nổi lên âm âm làm cho thuyền tròn trành muốn đắm. Ai nấy trên đò đều hoảng hốt kinh khiếp, ngay lúc ấy bỗng nhiên nổi lên trên mặt nước một con cá Kinh rất lớn, giương hai mắt đỏ ngầu nhìn chăm chăm vào vị Hòa thượng. Nhưng Hòa thượng vẫn bình tĩnh ngồi niệm Phật.

Trong khi đó, con cá cất cao cái đầu lên khỏi mặt nước, lấp bắp cái miệng nói: *“Hỡi hành khách trên đò! Các người muốn được yên lành hãy liệng lão ác tăng xuống đây cho ta nuốt chửng lão cho ta hả cơn giận. Các người có biết không? Ngày trước, ta theo lão tu đạo, lão không chịu giảng dạy chi cả, cứ buông lỏng cho ta muốn làm gì làm, không hề kiểm chế. Vì vậy, ta sinh ra lười biếng, chỉ lo rong chơi,*

ăn ngủ theo thế tục, không thiết gì tới công phu sám sám, ăn chay niệm Phật và săn sóc công việc Chùa. Không những thế, mỗi khi có đám tiệc lão lại để cho ta mang hậu đấp y để khoe khoang với đại chúng và bốn đạo. Vì những tệ đoan như thế nên sau khi ta chết phải đọa vào loài súc sanh làm thân cá Kinh, đi tới đâu ồ ạt tới đó, làm cho lũ tôm cá chạy tét trốn hết, ta không có cái gì để ăn, phải chịu đói khát rất nên cực khổ, thiệt khổ còn hơn quỷ đói nữa. Vì thế ta rất oán hận riêng lão thôi, còn các người đối với ta vô can, ta không muốn làm hại ai cả.”

Nghe cá nói xong, Sư Cụ liền mỉm cười đáp rằng: “Này nghiệt súc! – Nhà ngươi nói thế mới thật là thậm ngu. Há ngươi không hiểu câu phượng ngôn: Đạp gai, lấy gai mà lể, hay sao? – Nếu ngươi đã biết vì tạo những tội lỗi như thế mà bị đọa làm thân cá kinh thì nhà ngươi cần phải ăn năn sám hối tội lỗi và tạo duyên lành, mới mong được tội diệt phước sanh, rồi mới mong thoát khỏi được quả báo. Ta là Thầy ngươi, mỗi khi dạy ngươi đúng theo giới luật thì ngươi bảo quá nghiêm khắc, hay la rầy quả phạt; còn thả lỏng cho ngươi, không nghiêm trị thì ngươi quen tánh buông lung. Thành thử ngươi phải đọa làm loài cá dữ. Một khi bị đọa, ngươi cần phải sám hối và báo cho ta biết để tụng kinh siêu độ và xá tội cho; còn nếu như muốn ăn thịt ta thì lấy ai để cứu ngươi nữa? Đã có tội, không biết ăn năn mà còn kiếm cách đổ lỗi cho người – Phạm Phật thì có Tăng cứu, còn như phạm Tăng thì Phật không độ. Ngươi có hiểu câu đó chăng? Loài súc sanh kia!!”

Sư cụ quả dứt lời, cá Kinh lặn xuống dưới đáy nước.

Kế đó, sau bảy ngày đêm vang tiếng tụng kinh cầu siêu độ tại chùa, cá Kinh trôi lên mặt nước lết thẳng tới sân Chùa nằm dài một đống, hướng vào trong Chùa mà nói rằng: *“Bạch Thầy, mấy hôm nay nhờ công đức của Thầy và chư Tăng Ni chú nguyện và tụng kinh siêu độ cho, nên con đã được tiêu nghiệp, thoát kiếp cá Kinh và sanh lên cõi trời Dục Giới. Trước khi lên cõi Trời hưởng sự khoái lạc của chư Thiên, con xin đến đây thành tâm đánh lễ tạ ơn Thầy cùng chư Tăng Ni, và con nguyện lưu cái xác thân cá Kinh tại Chùa để mỗi ngày chư Tăng Ni cắm cây gõ lên đầu con, ngõ hầu làm gương cho những vị nào tu hành còn biếng nhác, ưa khoe khoang, tự tôn, tự đại, không chịu khép mình vào vòng giới luật; và cũng để nhắc nhở những vị ấy luôn nhớ tới bốn phạm tu tâm, hành đạo, để khỏi xao lãng công phu bái sám, niệm Phật tu thiền, thúc liễm thân tâm, nghiêm trì giới luật.”*

Vì sự tích kể trên, từ ngày ấy tới nay, cái mõ được gọt trở theo hình đầu con cá để làm dấu tích mà thúc tỉnh người tu hành.

Đức Phật ví hạng Tỳ Kheo với các loại chiến sĩ.

Người chiến sĩ xông pha trận mạc dùng vũ khí để sát phạt quân thù. Trong Đạo Phật, người Tăng sĩ được ví như người chiến sĩ. Vũ khí của Tăng sĩ

chính là lòng từ bi và trí tuệ, chính là sự tinh tấn nỗ lực hành trì chánh pháp. Kẻ thù của người xuất gia là phiền não, là ma vương *deva mara*, là vô minh. Đây cũng chính là những điều vương mắc khiến chúng ta phải phiền não, khổ đau, chẳng hạn như sự tham muốn ái dục, chẳng hạn như tâm lý ích kỷ, thù hận.

1. Chiến sĩ mang tâm ý khiếp nhược.

Một người chiến sĩ mang tâm ý khiếp nhược là người chưa đánh đã có ý đầu hàng, chưa đánh đã thua, ngay trong ý thức đã đầu hàng. Hình ảnh này được dùng để chỉ một người tu tập không lập chí kiên cường, không có đại hạnh nguyện lớn lao, chỉ sống qua ngày đoan tháng, thân ở trong chùa nhưng tâm rong ruổi ở bên ngoài thế tục. Vì thế có câu “*Thân tại Không môn tâm tùy ngoại cảnh*,” thân mặc áo cà sa ở trong chùa nhưng tâm không hề quyết chí tu hành mà mơ tưởng những việc phàm tục.

Đây là hạng tu sĩ bị Đức Phật quở trách. Ngài không bao giờ tán thán những hạng người có ý chí khiếp nhược, tu hành lười thôi, giải đãi, biếng nhác, không làm tròn sứ mệnh của một bậc xuất trần thượng sĩ. Không dụng công hành trì tu tập đúng với chánh pháp. Hình thức bên ngoài của người tu sĩ không nói lên bất cứ giá trị nào.

2. Chiến sĩ nửa đường thối lui.

Loại chiến sĩ nửa đường thối lui được Đức Phật dùng để nói về những tu sĩ không có ý chí kiên định vững vàng, Những người này đang xuất gia tu hành,

bị danh lợi hay sắc dục cám dỗ nửa đường phải bỏ cuộc, cởi áo hoàn tục, không đi đến nơi đến chốn.

3. Chiến sĩ chiến đấu đến chết.

Hình ảnh người chiến sĩ chiến đấu đến chết được Đức Phật dùng để chỉ người có quyết tâm tu hành, nhưng sự quyết tâm của họ chưa hoàn toàn được soi sáng bằng giáo pháp đúng mức. Họ có tu tập nhưng không thể nào thành đạo, phải bỏ cuộc vì phiền não vì sự cám dỗ của ngũ dục. Hoặc giả họ bị những cám dỗ nảy sinh từ sự tiếp xúc của lục căn đối với lục trần; chẳng hạn như mắt-tai-lưỡi-mũi-thân-ý tiếp xúc với màu sắc - âm thanh - mùi vị và pháp.

Trước sự tiếp xúc như vậy, nếu không dùng giới luật để phòng hộ để gìn giữ, tất nhiên người tu sĩ sẽ bị cám dỗ, ý chí sẽ bị đánh bại, và sẽ bị gục ngã trước khi có thể thành đạo quả. Trong Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Đức Phật dạy rằng, “*Thu nhiếp tâm là Giới, nhờ Giới sanh Định, nhờ Định mà có Trí Tuệ.*”

4. Người chiến sĩ đắc thắng trở về.

Người chiến sĩ đắc thắng trở về, chính là hình ảnh của những vị tu sĩ thủ đắc tất cả mọi giáo pháp. Họ là những người có trí tuệ, tu hành có phương pháp, không tu hành một cách mù mờ; bởi vì mù mờ hay mù quáng không bao giờ có thể chứng thành đạo quả. Chúng ta chỉ có thể chứng đắc đạo quả khi sự tu tập của chúng ta được hướng dẫn, được soi sáng bởi chánh pháp. Muốn được như vậy, chúng ta phải nỗ lực nghiên cứu học hỏi chánh pháp. Từ sự nghiên cứu và hiểu biết đúng đắn này, chúng ta sẽ mang ra

áp dụng vào đời sống thực tế hàng ngày. Trong kinh *Pháp Cú*, đức Phật dạy:

*“Dầu tại bãi chiến trường
Thắng muôn ngàn quân địch,
Không bằng tự thắng mình,
Là chiến thắng tối thượng.” (PC.103)*

Trong thời đại mạt pháp, phần lớn chúng ta nói nhiều về chánh pháp nhưng lại không sống bằng chánh pháp. Chúng ta có học Phật nhưng khi gặp điều chẳng như ý, chúng ta lại không đem lời dạy của Đức Phật ra để giải quyết, lại dùng trí năng phàm phu để ứng phó. Sự ứng phó thiếu cận như vậy, làm cho tình hình đã xấu lại càng xấu thêm. Chính vì thế, chúng ta cần mang lời Đức Phật dạy ứng dụng vào đời sống thực tế để chứng đạo.

Những người tu hành phải quyết tâm lập hạnh nguyện, phải tinh tấn dụng công hành trì chánh pháp, cho đến ngày đạt đạo. Chúng ta không thể sống một đời giải đãi, lười thôi, thiếu phẩm hạnh, mà phải nỗ lực tinh cần để xứng đáng với lòng kính trọng, tin tưởng mà đại chúng đã dành cho ta.

Tăng là một trong ba ngôi báu. Tăng chỉ có thể trở thành một ngôi báu thật sự, khi vị Tăng sĩ hoàn toàn sống đời phẩm hạnh, vô ngã, luôn luôn lúc nào cũng hướng đến niềm đau nỗi khổ của muôn loài. Chính vì hiểu được nỗi đau khổ của bản thân, của tha nhân, vị Tăng sĩ không ngừng quyết tâm tu tập để đạt đạo. Mục đích của sự đạt đạo là để cứu độ tha nhân.

Đây chính là sứ mệnh vô cùng quan trọng và hết sức thiêng liêng của Tăng sĩ Phật Giáo.

Phá tan các loài ma để chứng đạo quả.

Trong Kinh Tăng Chi, “*āṅguttara nikāya*,” Phẩm “Kẻ Chiến Sĩ,” Đức Phật đã khai thị:

“Đây đủ ba đức tánh, này các Tỷ-kheo, một kẻ chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ chiến sĩ là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật lớn. Đây đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một kẻ chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây đủ ba đức tánh, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là kẻ bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật to lớn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn xa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm có sắc gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả sắc, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phạm có cảm thọ gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng,

hoặc xa hay gần, tất cả cảm thọ, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phàm có tướng gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả tướng, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phàm có các hành gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các hành, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phàm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các thức, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: “Đây là khổ,” như thật tuệ tri: “Đây là khổ tập”; như thật tuệ tri: “Đây là khổ diệt”; như thật tuệ tri: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”; Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng.”

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn. Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.” (HT Thích Minh Châu dịch)

Ma tiếng Phạn gọi là *ma-ra*. Trong Phật Giáo nói đến các loại ma như phiền não ma, ngũ ấm ma, tử ma và thiên ma.

Phiền não ma là loài ma tham lam, sân hận, si mê, nghi ngờ chánh pháp, ác kiến, như ngã kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến.

Ngũ ấm ma là năm chất tố làm nên đời sống của một con người, của một cá thể, đó là sắc-thọ-tưởng-hành-thức. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* nói đến 50 loại ngũ uẩn ma.

Tử ma là ma chết, nói đến cái chết cắt đứt mạng sống của con người.

Thiên ma là ma trời, là loại ma Tha hóa tự tại thiên tử ma, gọi tắt là thiên ma ở cõi trời thứ 6 trong Dục giới, là một trong ba cõi gọi là Tam giới gồm có Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Thiên ma còn gọi là Ma vương, Ma ba tuần, chuyên làm trở ngại cho việc tu hành và việc thiện.

Đây là những loại ma, mà bất cứ hành giả nào cũng cần phải quan tâm hàng phục. Nếu không thể

hàng phục những loại ma này, thì không mong gì có thể thành đạo. Phải quyết tâm đầu tư toàn bộ thời gian và năng lực, tu tập cho thành đạo quả ngay trong đời hiện tại, đừng chờ đợi kiếp sau. Bởi vì kiếp sau không ai biết bản thân sẽ như thế nào. Hơn nữa nếu ở kiếp sau phải đọa vào cảnh giới thấp hơn, làm sao có nhân duyên tiếp xúc với ánh sáng chân lý của Phật Pháp.

Theo lời giảng dạy của Đức Phật, người tu hành cũng giống như người chiến sĩ xông pha ngoài trận địa phải có ý chí vững vàng, phải nỗ lực tinh tấn nếu không sẽ thất bại. Như vậy cần phải thực hiện như thế nào mới có thể kiên định trong việc tu tập để chứng thành đạo quả?

Để có thể kiên định trong hành trình hướng đến giác ngộ giải thoát, một người tu hành có thể thực hiện một số điều cụ thể như sau: Khi đã bước vào chùa phát tâm xuất gia, cạo đầu mặc áo cà sa, từ bỏ gia đình họ hàng thân thuộc, chúng ta phải lập đại hạnh nguyện như trong kinh luôn nhắc nhở đó là phải phát Bồ đề tâm.

Thế nào là phát Bồ đề tâm? Phát Bồ đề tâm có nghĩa là trên phát tâm thành Phật, dưới phát tâm cứu độ nỗi đau khổ của muôn loài chúng sanh. Nhờ phát Bồ đề tâm mà lúc nào chúng ta cũng được bảo vệ trong giáo pháp thù thắng của Đức Phật. Chúng ta đem Giới, Định và Tuệ để bảo vệ giới thân huệ mạng của chúng ta. Và cũng chỉ có Tam Vô Lậu Học là Giới, Định, Tuệ, mới có khả năng bảo vệ đời sống

thanh tịnh của người quyết tâm xuất gia tu hành. Đừng để nữ sắc, đừng để tiền bạc, đừng để danh vọng mê hoặc cám dỗ. Mỗi khi đối diện với sự cám dỗ của thế tục, chúng ta phải quán chiếu để thấy được bản chất bất tịnh, vô thường, tạm bợ của mọi pháp hữu vi. Nhờ thấy rõ được bản chất của từng sự vật, chúng ta mới không bị sự vật khiến cho vướng mắc. Nếu không thể nhận biết bản chất vô thường giả tạo của sự vật, chúng ta sẽ rơi vào sự tham đắm, sự chấp trước, khiến cuộc đời tu tập của mình không thể tinh tấn và thành tựu viên mãn.

Một khi đã quyết tâm bước vào cửa đạo cho dầu xác thân có bị nghiền nát thành tro bụi, chúng ta vẫn phải kiên định hoàn thành đại nguyện mà chúng ta đã phát nguyện. Người phát tâm xuất gia hay người đến chùa quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, đều đã phát tâm: *“Con nguyện suốt đời quy y Phật, đời đời kiếp kiếp không quy y thiên thần quỷ vật. Con nguyện suốt đời quy y Pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y ngoại đạo tà giáo. Con nguyện suốt đời quy y Tăng, không bao giờ quy y những tổn hữu, ác đảng.”* Đã phát tâm quy y Tam bảo rồi mà còn đi theo những con đường xấu ác với mục đích lợi dụng họ để làm điều gì đó cho đạo, thì chỉ với ý muốn lợi dụng này thôi chúng ta đã là người bất chánh. Thí dụ: Nhiều người nghĩ rằng lợi dụng thế lực thế quyền để giúp cho đạo, đây là sự suy nghĩ hết sức sai lầm. Chỉ cần khởi tâm lợi dụng người khác có nghĩa là đã có tâm bất chánh. Hơn nữa không thể lợi dụng chính quyền

này hay chính quyền khác mà có thể chứng thành đạo quả, bởi vì người học đạo không bao giờ có thể bắt nguồn từ tà tâm.

Nhiều người đánh mất ý thức trong sáng, không hiểu được chánh pháp nên có suy nghĩ sai lầm. Chính suy nghĩ sai lầm này đã khiến cuộc đời của họ nói riêng và của tổ chức Phật Giáo nói chung, đi từ thất bại này đến những thất bại khác. Vì thế chúng ta nên thận trọng, hầu có thể tránh tối đa những suy nghĩ sai lầm. Chỉ dốc tâm cầu đạo bằng cách học và hiểu rõ ráo lời dạy của Đức Phật. Sau đó thực hiện đúng như những điều hiểu biết về chánh pháp một cách nghiêm túc.

Tất cả chúng ta đều muốn sống một đời hạnh phúc đích thực, không giả tạo. Muốn có được đời sống hạnh phúc đích thực này, chúng ta cần thực hành giáo pháp mà Đức Phật đã từ bi chỉ dạy.

Nếu cần dựa vào thế quyền, hơn ai hết Đức Phật đã có đủ yếu tố để thực hiện vì Ngài xuất thân từ dòng vua chúa, thân phụ ngài là vua, nhiều đệ tử của ngài cũng là vua, nhưng Đức Phật hiểu rõ thế quyền chẳng khác chi bông hoa, sớm nở tối tàn nên ngài dạy chúng ta hãy nương tựa chánh pháp, nương tựa giới luật chứ đừng nương tựa vào bất cứ điều gì khác.

Chương 34

XỬ TRUNG ĐẮC ĐẠO

Giữ Trung Dung Tất Đắc Đạo

第三十四章。處中得道

Hán văn:

沙門夜誦迦葉佛遺教經。其聲悲緊。思悔欲退。佛問之曰。汝昔在家。曾為何業。對曰。愛彈琴。佛言。弦緩如何。對曰。不鳴矣。弦急如何。對曰。聲絕矣。急緩得中如何。對曰。諸音普矣。佛言。沙門學道亦然。心若調適。道可得矣。於道若暴。暴即身疲。其身若疲。意即生惱。意若生惱。行即退矣。其行既退。罪必加矣。但清淨安樂。道不失矣。

Phiên Âm:

Sa-môn dạ tụng Ca-Điếp Phật Di-Giáo Kinh, kỳ thanh bi khẩn, tư hồi dục thối.

Phật vấn chi viết: Nhữ tích tại gia, tăng vi hà nghiệp?

Đôi viết: Ai đàn cầm.

Phật ngôn: Huyền hoãn như hà?

Đôi viết: Bất minh hỷ.

Huyền cấp như hà?

Đôi viết: Thanh tuyệt hỷ.

Cấp hoãn đắc trung như hà?

Đôi viết: Chư âm phổ hỷ.

Phật ngôn: Sa-môn học Đạo diệc nhiên. Tâm

nhược điều thích, Đạo khả đắc hỷ. Ư Đạo nhược bạo, bạo tức thân bì; kỳ thân nhược bì, ý tức sanh nã; ý nhược sanh nã, hành tức thối hỷ; kỳ thành ký thối, tội tất gia hỷ. Dẫn thanh tịnh an lạc, Đạo bất thất hỷ.

Việt dịch:

Thầy Sa-môn ban đêm tụng kinh Di Giáo của Đức Phật Ca-Điếp, âm thanh buồn thảm, hối hận muốn thối lui.

Đức Phật hỏi: Trước kia lúc ở nhà ông từng làm nghề gì?

Đáp rằng: Thưa, thích gảy đàn cầm.

Phật hỏi: Dây đàn chùng thì sao?

Đáp rằng: Thưa, không phát ra tiếng được.

Dây đàn căng thì sao?

Đáp rằng: Thưa, âm thanh gãy đứt.

Trung bình, không căng, không chùng thì sao?

Đáp: Thưa, âm thanh vang đều.

Đức Phật dạy: Bậc Sa-môn học đạo cũng thế.

Tâm, nếu giữ chùng mực quân bình thì đạo có thể chứng được. Đối với đạo, nếu vội vã căng thẳng thì thân mỗi mệt; nếu thân mỗi mệt, ý liền sanh phiền nã; nếu ý sanh khởi phiền nã thì sự hành trì thụt lùi; hành trì đã thối lùi thì tội lỗi tất nhiên tăng trưởng. Chỉ có thanh tịnh, an lạc thì đạo mới không mất!

*Anh ngữ:***Chapter 34: Dharma of the Middle Way**

One night a monk was reciting a sutra bequeathed by Kâshyapabuddha. His tone was so mournful, and his voice so fainting, as if he were doing out of existence. The Buddha asked the monk, “What was your occupation before you became a homeless monk?” Said the monk, “I was very fond of playing the guitar.” The Buddha said, “How did you find it when the strings were too loose?” Said the monk, “No sound is possible.” “How when the strings were too tight?” “They crack.” “How when they were neither too tight nor too loose?” “Every note sounds in its proper tone.” The Buddha then said to the monk, “Religious discipline is also like playing the guitar. When the mind is properly adjusted and quietly applied, the Way is attainable; but when you are too fervently bent on it, your body grows tired; and when your body is tired, your spirit becomes weary; when your spirit is weary, your discipline will relax; and with the relaxation of discipline there follows many an evil. Therefore be calm and pure, and the Way will be gained.”

Lược giảng:

Đại ý chính trong chương 34 “*Xử Trung Đắc Đạo*” Đức Phật muốn dạy rằng: Trong việc tu hành điều quan trọng là cần Trung đạo, sự quân bình. Chớ quá căng thẳng, gấp gáp cũng đừng biếng nhác, giải đãi. Như vậy mới thành đạo quả một cách tốt đẹp.

Sự căng thẳng ở đây là một đối cực, đi ngược lại với sự giải đãi thái quá. Phàm người tu tập nếu không nắm vững phương pháp dụng công, ban đầu nôn nóng vội vã học tập có những thái độ quá đáng, quá khích. Điều này dễ dàng đưa đến trạng thái tâm lý căng thẳng. Chính sự căng thẳng khiến họ thường xuyên ở trong tình trạng bối rối, hỗn loạn – một dấu hiệu đi ngược lại với cứu cánh niết bàn an nhiên tự tại mà họ muốn đạt đến. Trong *Tương Ưng Bộ* kinh, bài kinh *Chuyển pháp luân*, Đức Thế Tôn nói với năm Tỷ-kheo: “*Này các Tỷ-kheo! Có hai cực đoan mà người xuất gia không nên thực hành theo. Một là đắm say trong các dục – hạ liệt, đê tiện, phàm tục – không xứng với bậc thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình – đau khổ – không xứng với bậc thánh, không liên hệ đến mục đích. Này các Tỷ-kheo! Tránh xa hai cực đoan này, là con đường Trung đạo do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn, chính là Bát chánh đạo*”¹

Kinh *Tăng Chi*, Phẩm *Đại Phẩm* kể lại câu chuyện Đức Phật hỏi Tôn Giả Sô-Na, trước khi xuất gia làm nghề gì? Tôn giả Sô-Na trả lời: Trước khi xuất gia ngài thường chơi loại tứ huyền cầm, là loại đàn tỳ bà có bốn dây. Đức Phật đã đặt câu hỏi về dây đàn, lúc căng lúc chùng, lúc không căng cũng không chùng, âm thanh sẽ như thế nào. Sau khi Tôn giả

1. Kinh *Tương Ưng*, tập V, *Đại phẩm*, chương XII: *Tương ưng Sự thật*.

Sô-Na trả lời tường tận, Đức Phật dạy rằng: Người tu hành cũng cần có một tâm lý quân bình, giống như dây đàn không căng không chùng, mới có thể tu tập tinh tấn.

Trong kinh Trung Bộ Phật dạy: “*Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.*”²

Trường hợp của Tôn giả A Na Luật thì khác hẳn. Trong một lần nọ khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp ngài đã ngủ gục – một dấu hiệu của sự giải đãi. Đức Phật nhìn thấy và quở trách. Từ đó, Tôn giả A Na Luật phát đại thệ nguyện là sẽ không bao giờ ngủ nghỉ. Do nỗ lực quá sức đôi mắt của Tôn giả A Na Luật bị mù. Ngài không nhìn thấy, không thể làm bất cứ điều gì, thậm chí Đức Phật đã phải vá tẩm y rách cho ngài. Sau đó Đức Phật dạy Tôn giả A Na Luật tu thiền định “*Kim Cang Chiếu Sáng*,” một pháp môn hết sức đặc biệt, giúp ngài chứng được thiên nhãn thông.

Câu chuyện về Tôn giả A Na Luật cho thấy: Cho dầu cố gắng dụng công cách nào đi nữa, nhưng nếu cách dụng công này vượt ra ngoài năng lực bình thường của bản thân, thì sẽ phản tác dụng. Đó là lý

2. HT. Minh Châu dịch, “*Kinh Trung Bộ*” tập 3, Viện NCPHVN ấn hành, 2001, trang 528.

do Đức Phật dạy, phải có sự quân bình trong vấn đề tu tập.

Hai từ *tâm lý* thể hiện nhiều điều phức tạp. Bởi vì phạm trù tâm lý học có nhiều trường phái. Có trường phái về hành vi theo Watson; có trường phái về cấu trúc theo Wilhelm Wundt và Edward Titchener; có trường phái chức năng theo William James; có trường phái theo nhu cầu của Maslow v.v... Tâm lý liên quan đến cảm xúc, suy nghĩ, tưởng tượng, hành vi..., những phản ánh khách quan của bộ não khi tiếp nhận một cảnh tượng, một sự kiện, một vấn đề nào đó.

Trong Phật Giáo, khi nói đến tâm lý chúng ta nghĩ ngay đến bộ môn Duy Thức học. Những giác quan bên ngoài thường dùng, trong Đạo Phật gọi là căn, trần và thức, giúp chúng ta tri nhận như thế này hay như thế khác. Có thể nói tâm lý là điều khá dài dòng khi cần diễn giải. Trong phạm vi tu tập, hai chữ tâm lý được sử dụng như thuật ngữ. Chúng ta chỉ cần hiểu thật đơn giản: Đừng để tâm ý căng thẳng vì những nỗ lực dụng công quá sức, cũng đừng có tâm giải đãi tu được đến đâu thì biết đến đó, không thể hiện sự tinh tấn hành trì. Nói chung, không nên để bản thân rơi vào tình trạng căng thẳng cực đoan, cũng không nên vướng vào bất cứ một tình trạng cực đoan nào khác trong lúc tu tập. Bởi vì sự cực đoan, dù ở bất cứ tình trạng nào cũng đều không tốt. Chúng ta phải giữ tâm ý trong trạng thái chừng mực, quân bình cần thiết mà Đức Phật thường dạy là tu theo con đường Trung Đạo.

Cách để quân bình cảm xúc, không để bị lôi cuốn vào thực trạng đau đớn trước mắt.

Tâm lý nói theo cách phổ quát bao gồm cảm xúc, ý chí, và hành động. Khi cảm xúc bị căng thẳng, chúng ta phải biết tự chế ngự, tự kiểm soát. Thí dụ như khi đến chùa làm công quả, chúng ta phải ý thức rằng, mục tiêu tối hậu của việc làm công quả là để tích lũy công đức, không phải để được thăng thưởng, không phải để được khen tặng, cũng không phải để được thỏa mãn thị hiếu hay ý muốn riêng. Chính vì vậy, chúng ta phải chịu đựng rất nhiều gian nan, khó nhọc, như thức khuya, dậy sớm, có khi phải đổ cả mồ hôi, nước mắt. Nhưng kết quả cuối cùng, đó là những công đức tích lũy được, chúng ta không giữ riêng cho bản thân hay cho gia đình, mà hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Mỗi một Phật Sự sau khi hoàn tất, chúng ta đều *“Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đặng tử và chúng sinh. Đều trọn thành Phật Đạo.”*

Nhiều người vì đánh mất mục tiêu tối hậu và ý thức trong sáng của việc làm công quả, nên khi gặp những nghịch duyên đã nổi tam bành lục tặc, chỉ nhớ lời người khác chửi mắng họ, mà không nhớ được lời Đức Phật giảng dạy. Thật đáng tiếc, khi chúng ta mỗi ngày thường tụng kinh niệm Phật, lại không thể ghi nhớ bất cứ điều gì. Trong khi chỉ cần bị thiên hạ cười chê, mắng chửi một lần, đã nhớ như in, không chỉ nhớ ngay lúc bị chỉ trích chê bai, mà khi về đến nhà vẫn chẳng hề quên, đến nổi trần trọc không thể

ngủ. Có thái độ như vậy để làm gì? Chỉ khiến bản thân khổ sở. Sự kiện này cho thấy: Điều gì cực độc thường có sức mạnh phi thường. Ví như chỉ cần một giọt thuốc độc đã có thể gây ra tác động tai hại, mà cả một lít nước bình thường cũng không thể nào tạo ra được. Sắc đẹp, danh vọng, quyền lực, v.v..., cũng được xem là những điều cực độc, có khả năng làm khuynh đảo đời sống của từng người trong cõi đời này.

Khi phải đối diện với nghịch cảnh, khi phải nghe những lời nói chói tai, khi phải nhìn những hành động khiếm nhã, chúng ta cần cố gắng tự chủ, cố gắng kiềm chế, và nên nhớ Đức Phật đã dạy là phải ẩn nhẫn, đừng phản ứng. Mỗi khi bị ai đó chửi mắng, nếu chúng ta không nhận, lời mắng chửi đó sẽ trở về với họ. Cũng như nếu chúng ta mang quà tặng ai mà họ không nhận, món quà này lại sẽ trở về với chính ta.

Chương thứ tám của Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật đã dạy: Người đứng ngược gió gieo bụi, họ sẽ bị bụi bắn bám vào. Điều này chẳng khác gì hình ảnh một người ngửa mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng sẽ rơi vào mặt của họ. Nói tóm lại, khi phải đối diện với nghịch cảnh, chúng ta nên thình lạng như lời Đức Phật chỉ dẫn. Nên hít thở, hoặc niệm Phật, để làm cho tâm hồn được thanh thản, được giải thoát, được thanh tịnh. Thực hành được điều này, không những đời sống của chúng ta không bị xáo trộn, mà còn không gây thiệt hại cho những người khác. Đây là pháp môn tu tập rất quan trọng, để kiểm soát và kiềm chế cảm xúc.

Nếu cơ thể quá mệt mỏi tất nhiên sẽ khiến tâm thần uể oải, ảnh hưởng đến rất nhiều vấn đề. Chúng ta cố gắng tu tập quá sức, hay biếng nhác giải đãi chẳng tinh tấn hành trì cũng không được. Thí dụ: Cuối tuần, một người được bạn hữu mời dự tiệc sinh nhật, hay tiệc cưới. Ban đầu người đó nghĩ rằng, họ đang tập đang ăn chay, không uống rượu. Nhưng vì bạn hữu nâng ly ân cần mời gọi, họ cũng tham gia và nói để ngày mai tu bù lại. Nhưng nếu ngày mai lại có một bữa tiệc nữa, họ lại tham gia và cũng sẽ đợi một ngày mốt khác tu bù. Việc tự để cho bản thân được phép buông thả vô hạn định như vậy, thật sự không tốt. Cho dầu có lễ hội hay cần tham gia những sự kiện nào đó, vẫn phải luôn dặn lòng giữ sự đều đặn, quân bình. Quyết định duy trì mức độ tu tập bình thường, sẽ giúp chúng ta tinh tấn không bị áp lực vì cơ thể quá mệt mỏi, cũng không trở nên biếng nhác giải đãi, vì yếu lòng sa vào cơn cám dỗ của những cuộc vui chơi đình đám thường có trong đời sống.

Sự tu tập – như đã giải trình – giống như việc uống thuốc. Bác sĩ đã ghi liều lượng, mỗi ngày chúng ta đều phải uống đúng và uống đầy đủ, mới có thể điều trị dứt căn bệnh. Nếu chúng ta nói, hôm nay cần uống rượu ngày mai mới uống thuốc, hay để một tuần sau uống cùng một lúc hết cả một chai thuốc, nhất định thuốc sẽ phản tác dụng và có hậu quả xấu.

Tu tập là công việc cần hành trì đều đặn, không trì hoãn. Đừng đợi đến già mới bắt đầu tu, bởi vì biết đâu lúc tuổi đã cao chúng ta không còn sức lực để

hành trì. Hơn nữa, đừng nghĩ đợi đến già tu một lần là ngay lập tức thành Phật, bởi vì điều này không thể nào xảy ra. Phải tuần tự và nghiêm túc thực hiện việc tu tập, mới có thể đạt được cứu cánh niết bàn.

Chỉ có sự thanh tịnh và an lạc, đạo mới không bị mất.

Bản thân của giáo pháp là sự an lạc và thanh tịnh. Mục tiêu thực tập những giáo pháp, là để đạt được sự an lạc và thanh tịnh. Nếu đánh mất hai điều này có nghĩa là chúng ta đánh mất đạo pháp. Đây là lý do, vì sao Đức Phật khuyên phải giữ gìn sự thanh tịnh và an lạc. Chúng ta cũng nên biết: “*Thanh bản thủ đạo*” là một trong số muôn vàn lời giáo huấn quan trọng, được ghi trong Kinh Bát Đại Nhân Giác. Chúng ta cần duy trì năng lực thanh tịnh này trong mọi hoàn cảnh, cho dẫu có gặp những điều thị phi phi báng, chúng ta vẫn không bỏ quên sự thanh tịnh để có được tâm hồn an lạc thật sự.

Người xuất gia hay người tu tại gia đều phải duy trì năng lực thanh tịnh này.

Thực hành pháp môn trung đạo.

Trung đạo – hiểu theo nghĩa bình thường – là không rơi vào tình trạng cực đoan, không giải đãi biếng nhác tu tập đến nỗi trở thành khô khan nguội lạnh, cũng không nỗ lực cố gắng đến nỗi tiêu tụy kiệt sức. Nói tóm lại, trung đạo đồng nghĩa với việc không làm những gì vượt quá sức chịu đựng của bản

thân. Trong kinh *Bách dụ* có câu chuyện “Người Ngu Ăn Muối” rằng: Thuở xưa có một người ngu đến nhà bạn thăm, chủ nhà mời ở lại dùng bữa cơm đạm bạc. Chàng chê canh lạt không ngon. Chủ nhà bèn thêm một chút muối, chàng ăn cảm thấy ngon lành. Chàng tự nghĩ: – Canh ngon là nhờ muối thêm vào, dùng ít còn vậy, nếu dùng nhiều chắc chắn ngon đặc biệt. Thế rồi, chàng xin chủ nhà một chén muối bỏ trong miệng nuốt hết! Vì chất muối mặn kinh hồn, chàng cảm thấy gân như sắp chết, bèn vội vàng móc họng cho mưa muối ra.

Qua câu chuyện ngụ ngôn trên, đức Phật dạy hàng đệ tử phải thực hành theo Trung đạo: Không giải đãi, không gấp gáp; không hưởng thụ đời sống vật chất, cũng không quá khổ hạnh ép xác thì mới đạt được đạo, mới được an lạc, giải thoát.

Trung đạo cũng còn có nghĩa là duyên khởi, giả danh, và không tánh. Trung đạo tức là không tánh. Không tánh, giả danh, duyên khởi, và trung đạo có cùng một nghĩa; nhưng cách dùng từ ngữ khác nhau như Tổ Long Thọ đã khẳng định.

Chúng ta nên hiểu: Trung đạo là tránh đi từ tình trạng cực đoan này, đến tình trạng cực đoan khác, luôn luôn giữ sự chừng mực, sự cân bằng trong chương trình tu tập. Phải tu tập điều độ để có thể tinh tấn một cách kiên định – đây chính là điều quan trọng. Xin nghe phần đối đáp giữa Tăng nhân với Thiền sư Triệu Châu thì rõ.

Đang tham thiền, Triệu Châu bảo:

- Sáng thì chưa sáng, nói tối thì sắp sáng, ông ở bên nào?

Tăng thưa:

- Không ở hai đầu.

Trung đạo không thuộc nhị biên phân biệt, không có chỗ nơi, nên khi Triệu Châu nói sáng, nói tối, Tăng trả lời “Không ở hai đầu.” Không ở hai đầu, tức không chỉ có sáng có tối mà với tất cả mọi nhị biên phân biệt, thấy đều không trụ. Sinh tử và Niết-bàn, đạo và tục, sanh và diệt, có và không v.v... thấy đều không trụ.

Triệu Châu hỏi tiếp:

- Vậy ở khoảng giữa?

Tăng thưa:

- Nếu ở khoảng giữa liền ở hai đầu.

Theo đây thì “giữa” không phải là Trung đạo. Bởi khi đã xác định được điểm giữa, nhất định phải có hai đầu mới xác định được điểm giữa ấy. Đó là lý do Tăng trả lời “Nếu ở khoảng giữa liền ở hai đầu.”

Triệu Châu trả lời:

- Dù thế ấy vẫn không ra ngoài ba câu.

Tăng trả lời:

- Con sai sử được ba câu.

Triệu Châu nói:

- Sao không nói sớm.

“Dù thế ấy,” là lời nói chấp nhận. Tuy vậy, vẫn còn lỗ hổng. Vì thuyết thông, tâm chưa hẳn đã thông. Lý tốt, sự chưa hẳn tốt như lý. Nên nói “Vẫn không

ra ngoài ba câu.” Nhưng Tăng không phải là kẻ chỉ có cơm cháo qua ngày, nên “Con sai sử được ba câu.” Tức, thuyết thông mà tâm cũng thông. Lý tột mà sự cũng được như lý. – (Trích *Triệu Châu Ngũ Lục*, Dương Đình Hỷ)

Như vậy, nếu hiểu Trung đạo một cách tổng quát là “*Không rơi vào nhị biên phân biệt, lìa mọi chấp trước, chỉ tùy duyên mà hiện khởi*” thì nghĩa Trung đạo có thể đáp ứng được ở cả hai mặt, phương tiện và cứu cánh.

Đối với người xuất gia hay người tu tại gia, sự bền bỉ, sự kiên định, sự tinh tấn, liên tục hành trì, chính là điều quan trọng nhất. Chỉ có thực hiện đúng tiến trình này, chúng ta mới mong có thể đắc đạo một cách nhanh chóng. Khi chúng ta về chùa hay đi làm Phật Sự ở bên ngoài, chắc chắn mỗi người sẽ gặp những hoàn cảnh, không như lòng chúng ta mong muốn. Bởi vì chỗ nào cũng chỉ ở trong cảnh giới ta bà này. Khi gặp những điều không như ý hay những hoàn cảnh đáng bi phẫn, chúng ta đừng nên nóng nảy, đừng giận dữ, đừng tìm cách trả đũa. Bởi vì nếu trong thời điểm ấy, tâm lý của chúng ta mất đi sự quân bình, mà phản ứng theo cảm tính, thì rất có hại cho sự tu tập.

Sự tu tập cần thể hiện ở khắp mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh, chứ không nhất định chỉ tu tập ở khung cảnh này, mà không thể tu tập ở khung cảnh khác. Ngay trong lúc khó khăn, trong lúc bị người ta đối xử một cách bất công, đó chính là thời điểm chúng

ta cần tu tập, đó chính là thời điểm chúng ta cần đem giáo pháp ra ứng dụng.

Rất mong khi học Kinh Phật, chúng ta hiểu được những lời giảng dạy vô cùng quý giá của Đức Phật. Trong những hoàn cảnh nghiệt ngã, khi khả năng của chúng ta không thể giải quyết được, chỉ có Kinh Phật, chỉ có giáo pháp vi diệu của Đức Thế Tôn, chỉ có áp dụng lời giảng dạy của ngài, chúng ta mới vượt qua và có thể giải quyết được những vấn nạn lớn xảy ra trong đời sống. Đây chính là điều chúng tôi mong được chia sẻ đến với tất cả quý vị.

Chương 35

CẤU TỊNH MINH TÔN

Tẩy Sạch Cấu Bản, Chỉ Còn Vẻ Sáng

第三十五章·垢淨明存

Hán văn:

佛言。如人鍛鐵。去滓成器。器即精好。
學道之人。去心垢染。行即清淨矣。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Như nhân đoàn thiết, khử chỉ thành khí, khí tức tinh hảo; học Đạo chỉ nhân, khử tâm cấu nhiễm, hành tức thanh tịnh hỷ.

Việt Dịch:

Đức Phật dạy: Như người luyện sắt loại bỏ chất cặn bã, làm thành đồ dùng, đồ dùng mới tinh ròng tốt đẹp; người học đạo loại bỏ tâm cấu nhiễm, đạo hạnh mới thanh tịnh.

Anh ngữ:

Chapter 35: Expel Defilements and the Mind Becomes Pure

The Buddha said: “When a man makes utensils out of a metal which has been thoroughly cleansed of dross, the utensils will be excellent. You monks, who wish to follow the Way, make your own hearts clean from the dirt of evil passion, and your conduct will be unimpeachable.”

Lược giảng:

Ý chính trong Chương thứ 35 này, Đức Phật muốn giảng dạy rằng: Phải gạn lọc những tâm lý ô nhiễm, hành động của chúng ta mới trong sạch, mới thanh tịnh được. Nếu tâm của chúng ta vẫn còn đầy dẫy sự ô nhiễm, tất nhiên hành động của chúng ta sẽ không tốt.

Theo gương của Thế Tôn khi còn tại gia, đức Phật sống giữa cảnh xa hoa, trong cung đàn tiếng nhạc, trong nệm gấm, mền nhung, giữa hương sắc dục lạc, thế mà ngài vẫn không bị nhiễm ô, chìm đắm trong biển xa hoa, sa lầy trong vũng bùn nhục dục ấy. Ngài là hòn ngọc quý, rơi trong bùn mà không nhiễm bùn. Như đóa hoa sen quyết trời lên khỏi đám bùn hôi tanh, ngài quyết thoát ra khỏi cảnh dục lạc ô uế trong cung vui để sống cuộc đời an lạc, thanh thoát. Trong khi đi tìm đạo, mặc dù sống trong cảnh tối tăm nguy hiểm, ngài vẫn luôn luôn giữ tâm ý trong trắng bình thản. Trước khi thành đạo, ngài còn bị ma Vương đem cung đàn tiếng địch, đem hương sắc mỹ nhân đến quấy phá ngài dưới gốc Bồ đề, nhưng bao nhiêu cố gắng phá hoại của ma vương đều vô ích, tâm hồn Ngài vẫn trong sáng như gương, bình thản như mặt nước yên tịnh hồ thu, mà gió dục vọng không còn đủ sức quấy động.

Gạn đục khơi trong những tâm lý ô nhiễm.

Có thể kể ra những tâm lý ô nhiễm cần gạn lọc, đó là sự tham lam, sân hận, nóng nảy, bồn chồn,

bộp chộp, si mê, nghi kỵ, tà kiến... Nói chung đây là những phiền não căn bản, gồm có tham-sân-si-mạn-nghi-ác-kiến và nhiều loại phiền não phụ khác mà mỗi người từng nghe nói. Nếu nói rộng ra thì gồm có **3 Chương**, trong đó có:

- 1- Phiền não chướng,
- 2- Nghiệp chướng và,
- 3- Báo chướng.

Cũng nói về ba Chương, Kinh *Khổng Mục* dạy rằng:

- 1- Bi Chương,
- 2- Nhục phiền não chướng,
- 3- Tâm phiền não chướng.

Tuy nhiên, Trong Kinh *Du Già Đại Giáo Vương* thì ba chương gồm có:

- 1- Ngã mạng chướng,
- 2- Tật đố chướng và,
- 3- Tham dục chướng.

Chúng ta có thể rơi vào tình trạng tham, sân, si, ngã mạn, hay có sự nghi hoặc, hoặc có ác kiến với một người hay một vấn đề nào đó. Đây là tâm lý đầy dẫy sự ô nhiễm và, ai cũng biết rằng, bất cứ điều gì ô nhiễm đều rất nguy hiểm. Ví như thức ăn nhiễm độc, một trái chuối, một quả cam, một tô mì, một đĩa rau, khi đã nhiễm độc sẽ có hại cho sức khỏe như thế nào, một tâm lý ô nhiễm không trong sạch, cũng làm hại bản thân của chúng ta y như vậy. Một người có trí tuệ, không bao giờ ăn những món ăn bị độc, cũng

không uống những loại nước không được thanh lọc sạch.

Những điều được gọi là tham-sân-si-mạn-nghi-ác-kiến, còn nguy hiểm hơn cả một loại thực phẩm hay nước uống đã bị nhiễm độc. Tuy nhiên, chúng ta lại thường không ý thức, không nhận ra sự tai hại này. Vì thế, chúng ta cứ để cho đời sống mỗi ngày một thêm sai lầm, mỗi ngày một thêm bế tắc, vì những tánh tham, tánh sân, hay si mê... Đây cũng là lý do, chúng ta tự biến mình thành nạn nhân của nỗi đau sự khổ mà bản thân mình không biết. Chỉ có thể loại trừ sự ô nhiễm, khi ý thức rõ đây là điều vô cùng nguy hiểm đối với đời sống của chúng ta nói riêng, đối với đời sống của nhân loại nói chung. Một khi đã ý thức về hiểm họa này, chúng ta mới có thể loại trừ tận gốc rễ của sự ô nhiễm.

Trong phẩm *Song Yếu* của Kinh *Pháp Cú*, Đức Phật dạy:

*“Tâm dẫn đầu mọi pháp
Tâm chủ, tâm tạo tác
Nếu nói hay hành động
Với tâm tư ô nhiễm
Khổ nào sẽ theo ta
Như xe theo vật kéo”*

*Tâm dẫn đầu mọi pháp
Tâm chủ, tâm tạo tác
Nếu nói hay hành động
Với tâm tư thanh tịnh*

Hạnh phúc sẽ theo ta

Như bóng không rời hình.

(bản dịch của HT Thích Thiện Siêu)

Qua lời dạy trên, nếu tâm ô nhiễm hay thanh tịnh thì mọi sự cũng theo đó mà xấu hay tốt một cách tương ứng.

Phương pháp loại bỏ tâm ý ô nhiễm.

Điều kiện ắt có và đủ để có thể loại bỏ được tâm ý ô nhiễm, đó là phải hiểu rất rõ ràng, đời sống của chúng ta sẽ bị nguy hiểm vì những điều được xem là tham-sân-si-mạn-nghi-ác-kiến. Ví dụ như một loại thuốc độc, một quả bom, là những điều đem lại hiểm họa, cần phải nhanh chóng loại trừ. Chỉ những người đánh mất sự tỉnh táo, họ mới ôm bom ngồi uống trà, đọc sách một cách tự nhiên. Ngược lại, tất cả những ai phân biệt được sự tốt xấu, phân biệt được sự an toàn và mối đe dọa nguy hiểm, không bao giờ có thể ôm giữ bất cứ một loại độc dược hay một quả bom nào ở bên cạnh.

Trong kinh Đức Phật dạy rằng, một vị tiên nhân tu đạt được Ngũ thông, thuyết pháp rất hay. Mỗi lần ông thuyết pháp, chư thiên cõi trời Đao-lợi đều lắng nghe. Lần đó ông thuyết pháp xong, vị trời ở cõi Đao-lợi ngồi khóc. Ông lấy làm lạ hỏi: Tại sao ông nghe tôi thuyết pháp lại khóc? Đáp: Thưa Ngài, Ngài thuyết pháp rất hay, tôi nghe thích lắm, nhưng tuổi thọ của Ngài sắp hết, tôi sẽ không được nghe Ngài thuyết pháp nữa nên mới khóc.

Nghe thế, tiên nhân giật mình hỏi vị trời kia: Bây giờ phải làm sao để thoát được cái chết? Vị ở cõi trời Đao-lợi bảo: Nếu Ngài muốn khỏi chết, thì phải tìm đến đức Phật Thích Ca để nhờ Ngài chỉ dạy phương pháp giải thoát cái chết. Tiên nhân ấy hỏi: Hiện giờ đức Phật Thích Ca đang ở đâu? Vị kia nói: Hiện giờ Đức Phật đang thuyết pháp ở núi Linh Thứu, Ngài đến đó sẽ gặp. Tiên nhân liền bay đến núi Linh Thứu.

Trên đường, nhìn thấy hai cây ngô đồng trở hoa rục rỡ, ông dùng thần thông nhổ hai cây ấy, để trong lòng bàn tay đem đến cúng dường Đức Phật. Tới nơi, tiên nhân dăng hai cây ngô đồng lên đức Phật và hỏi:

- Bạch Đức Thế Tôn, phải tu cách nào để khỏi chết?

Phật bảo:

- Buông.

Ông liền buông một cây ngô đồng xuống. Phật lại bảo:

- Buông.

Ông buông một tay nữa. Phật bảo:

- Buông.

Ông ngạc nhiên thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, hai tay con cầm hai cây ngô đồng, Ngài bảo buông lần thứ nhất con buông một tay, bảo buông lần thứ hai, con buông thêm tay còn lại, bây giờ Ngài bảo buông nữa, con biết buông cái gì?

Phật nói:

- Không phải ta bảo ông buông cây ngô đồng.

Buông lần thứ nhất là buông sáu trần, đừng dính mắc với nó. Buông lần thứ hai là buông sáu căn, đừng chấp thân là thật, là của ta. Buông lần thứ ba là buông sáu thức. Căn, trần và thức đều buông được hết thì khỏi chết.

Nghe tới đó tiên nhân liền ngộ, tu theo lời Phật dạy, không còn bị chết nữa.

Bài học giá trị ở đây là: Buông xả. Buông xả là một phương pháp vô cùng quan trọng. Muốn giải thoát sinh tử hãy buông xả với tất cả ý nghĩa của sự buông xả.

Muốn thấy được sự ô nhiễm của tâm ý, phải thường xuyên quán sát, để hiểu được cái tâm của chúng ta một cách rõ ràng. Một khi quán chiếu, không những có thể hiểu được sự vận hành của tâm thức, mà chúng ta còn có được cảm giác của sự an lạc. Đây là điều vô cùng quan trọng, bởi vì tâm thức là bộ phim, là tác phẩm cốt lõi mà chúng ta cần xem và đọc nhiều lần để hiểu một cách tường tận. Nếu đã hiểu biết một cách chính xác, chúng ta có thể chế ngự những tâm ý thiện hay bất thiện, một khi chúng khởi lên trong tâm thức.

Tóm lại, muốn đoạn trừ tâm ô nhiễm, chúng ta phải biết rõ tâm của chúng ta như thế nào. Một người có trí tuệ, không cần theo dõi tâm ý của bất cứ ai, mà chỉ quán sát tâm ý của chính mình, để thấu hiểu sự vận hành của tâm ý đồng thời nhanh chóng điều ngự, đoạn trừ những tâm hành bất thiện. Nhờ quán chiếu, nên mỗi khi nóng nảy, ganh tỵ, keo kiệt, ích

kỷ... xuất hiện, chúng ta ngay lập tức nhận ra ngay đây chính là tâm ý bất thiện. Không đoạn trừ những tâm ý bất thiện mà cứ ôm giữ chúng thì, những tâm ý xấu này sẽ làm tổn thương, gây nguy hại cho chính bản thân chúng ta trước tiên. Có thể nói, tâm ô nhiễm giống như luồng điện, bất cứ ai chạm vào là bị giật ngay. Chúng ta phải nhanh chóng buông bỏ, tránh xa nếu không sẽ nguy hiểm đến tánh mạng. Cũng giống như vậy, khi tâm khởi lên giận dữ chúng ta phải cố gắng điều hòa hơi thở, quán chiếu kỹ để tri nhận cảm xúc này như nó đang là, tự nhiên cơn giận sẽ tan biến. Không ai lại muốn bản thân bị tổn thương hay thiệt hại, vì thế chúng ta cần phải nhanh chóng loại trừ tâm ô nhiễm.

Một thí dụ khác: Ban đêm nhìn thấy tên ăn trộm, chúng ta bật đèn sáng, và hét lên, hấn sẽ sợ hãi bỏ chạy. Nếu không bị phát giác, hấn sẽ tìm cách quơ tóm của cải trong nhà. Tâm lý ô nhiễm cũng giống tên ăn trộm, một khi tâm chúng ta luôn được thấp sáng, những ý tưởng đen tối, xấu ác, không thể nào khởi dậy.

Người mới học đạo hay hành đạo, tâm ý cũng giống như những khối quặng của kim loại vừa mới khai thác. Khi mới đào lên, chất kim loại vẫn là những vật còn thô, cần phải đi qua từng giai đoạn tinh lọc, mới có thể trở thành sắt nguyên chất, hay vàng nguyên chất. Tâm ý ô nhiễm của người mới vừa học đạo và hành đạo như một hợp chất mà đôi khi ác nhiều hơn thiện. Muốn đoạn trừ những tâm ý bất thiện, cũng cần phải thực hành theo một tiến trình

tu tập. Một trong nhiều phương pháp tu tập đó là *Tứ Niệm Xứ*.

Trong *Trung Bộ Kinh* (Majjhima Nikaya) Đức Phật đã dạy về *Tứ Niệm Xứ* như sau:

Kinh Niệm Xứ (Satipatthàna sutta)

“Nhus vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở xứ Kuru (Cầu-lâu), Kammassadhamma (Kiềm-ma sắt đằm) là đô thị của xứ Kuru. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

Này các Tỷ-kheo.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn

Thế Tôn thuyết như sau:

Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời”

(HT Thích Minh Châu dịch)

Trên đây chỉ là phần mở đầu của Kinh Niệm Xứ, nội dung của Kinh vẫn còn dài, có thể tham khảo ở *Trung Bộ Kinh*.

Những người bắt đầu tu học, trước hết cần phải đến với các tự viện, đem hết lòng thành phát tâm quy y Tam Bảo, thọ trì Ngũ giới. Bước kế tiếp là phải dụng công học hỏi và hiểu chính xác những lời dạy của Đức Phật. Khi đã thấm nhuần giáo pháp của Đức Thế Tôn, hãy mang những điều hiểu ấy biết áp dụng vào đời sống. Từng bước thực hành giáo pháp, sẽ giúp ta dần dần loại bỏ tâm ý bất thiện một cách dễ dàng. Khi chưa học Phật Pháp, chúng ta không thể nào khám phá và hiểu rõ về phiền não vô minh để có thể đoạn trừ vô minh phiền não.

Trong *Tam Vô Lậu Học*: Giới, Định, Tuệ, bước đầu của người tu tập là phải giữ gìn giới luật. Muốn giữ giới luật, cần phải phát tâm thọ giới. Khi giới luật được giữ một cách nghiêm túc, tất nhiên tâm của chúng ta sẽ rất thanh tịnh, nhờ sự an định này, tuệ giác được thấp sáng, trí giác được tăng trưởng.

Một khi chúng ta tu tập theo trình tự của Bát Chánh Đạo, trước hết cần phải thực hành Chánh Tri Kiến, tức là sự hiểu biết về mọi hiện tượng, về mọi sự vật một cách chân xác, như thật. Sau đó, chúng ta thực tập Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định. Khi đã thực hành một điều thuần thực, thì điều khác sẽ cùng một lúc hiện hữu. Thí dụ: Trong lúc có Chánh tri kiến, chúng ta cũng có Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp v.v...

Thực hành *Bát Chánh Đạo* phải hiểu rất rõ và tinh tấn không ngừng nghỉ, nếu không chúng ta chỉ

tổn công, mất thời gian, mà không đạt được kết quả cao như ý muốn. Trường hợp này cũng giống như một người lái xe, nếu không biết lý thuyết, không biết luật giao thông, không biết trong những trường hợp nào phải đạp thắng hay nhấn ga, thì làm sao chúng ta có thể điều khiển chiếc xe một cách an toàn. Nói ngắn gọn, bất cứ điều gì cũng vậy, từ những công việc trong đời thường như lái xe, cho đến việc đạo hạnh như tu tập, chúng ta phải bắt đầu bằng những bài học lý thuyết căn bản và, phải học đến nơi đến chốn. Khi lý thuyết đã nhuần nhuyễn, bước sang phần thực tập sẽ rất dễ dàng.

Những tai hại gì sẽ xảy ra, nếu chúng ta không tu tập theo một phương pháp, hay một trình tự đúng đắn từ dễ cho đến khó?

Nếu không có một phương pháp hay một trình tự đúng đắn, người tu tập sẽ bị lạc lối và dĩ nhiên là vô cùng nguy hiểm. Thí dụ: Lái xe mà không biết ký hiệu một chiều, đi vào con đường ngược chiều, thì rất nguy hiểm. Cũng giống như vậy, một người mới bắt đầu tu tập phải biết con đường này dẫn đến cảnh giới thanh tịnh niết bàn; con đường kia đưa đến cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh... Người nào thường hay nóng nảy, căm ghét, tranh đấu, đánh đấm, ganh tỵ, bủn xỉn, tìm cách hại người khác, sẽ sanh vào cảnh giới của ngạ quỷ, hay của A-tu-la.

Khi đã nhận biết những dấu hiệu làm cho đời sống phải đau khổ, phải đọa vào những cảnh giới của ngạ quỷ, của A-tu-la, tất nhiên người tu tập sẽ phải

hết sức xa tránh. Chúng ta kiên quyết sống đời thanh tịnh, phát tâm bố thí, cúng dường, trì giới, thiền định, niệm Phật v.v... để gạt hái công đức cũng như khiến cuộc sống an lạc, giải thoát. Nếu lầm đường lạc bước, quả xấu sẽ đến với chúng ta ngay. Điều quan trọng là phải biết dụng công hành trì, mới đạt được kết quả tốt viên mãn

Một câu hỏi được đặt ra: Ngoài việc phải biết con đường để đi, nếu có người nôn nóng muốn thành đạo quả nhanh hơn thì sao?

Sự nôn nóng hoàn toàn không tốt, hoàn toàn không giúp ích bất cứ điều gì cho người mới bắt đầu tu tập, bởi vì chúng ta đều biết “*giục tốc bất đạt,*” điều gì muốn nhanh chóng nắm bắt, nhanh chóng có kết quả mà vượt ngoài khả năng thì đều không thể thành tựu. Một số người ban đầu rất siêng năng, ngày nào cũng về chùa tụng kinh lễ Phật, làm công quả. Nhưng vài tháng sau, không còn thấy họ xuất hiện. Có người duy trì ý nguyện được một vài năm. Về sau, một tuần họ chỉ đến một lần, vài tháng đến một lần, rồi một năm mới về chùa một lần.

Có những người đặt di ảnh thờ ông bà cha mẹ tại Chùa Diệu Pháp. Nhưng khi chùa dời sang một thành phố khác đã mười năm, họ vẫn không hề biết. Lúc hữu sự mới đi tìm. Lý do nào khiến họ ban đầu là những người rất siêng năng, càng về sau lại càng trở nên biếng nhác, giải đãi? Xin thưa: Chỉ vì họ không hiểu đạo, không bền chí, đức tin không vững vàng.

Nhiều người tu ngày tu đêm, xin thầy chỉ pháp môn này hay pháp môn khác. Nhưng tụng kinh một

hồi thấy mệt quá, lại trở về nhà ngủ hay xem ti-vi. Một khi tâm ý con người đánh mất sự quân bình, thật khó có thể bền chí làm bất cứ điều gì. Đó là lý do vì sao ở Chương thứ 34, Đức Phật dạy rằng: Phải cần sự quân bình.

Mọi hành động đều từ tâm sinh. Nếu tâm chưa thanh tịnh, hành động của chúng ta sẽ dễ tạo ra những lỗi lầm.

Tâm không thanh tịnh thì trí tuệ không thể thấp sáng. Giống như một người uống rượu, đầu óc không thể nào tỉnh táo. Đó là lý do tại sao chính phủ Hoa Kỳ cấm không được lái xe khi đã uống rượu quá liều lượng qui định. Khi chúng ta phải dùng những loại thuốc, trong đó chứa biệt dược gây buồn ngủ, bác sĩ luôn khuyến cáo không được lái xe, bởi vì lái xe trong lúc không tỉnh táo sẽ rất nguy hiểm. Người tu tập mà tâm không thanh tịnh, luôn bị bao phủ bởi những điều được gọi là tham-sân-si-mạn-nghi-ác-kiến, bởi những dục vọng thấp hèn, thì không thể nào thành tựu vì trí tuệ lu mờ, không sáng suốt. Sự tri nhận và hiểu biết của họ về đời sống, về muôn sự muôn vật trong vũ trụ không được rõ ràng. Chính vì thế họ dễ bị vướng mắc, dễ bị thủ chấp, khiến họ không thể đắc đạo, không thể giải thoát, không thể an lạc.

Đức Phật đã dạy: Muốn thật sự hạnh phúc, thật sự giải thoát, cần phải có một đời sống thật sự thanh tịnh. Đánh mất năng lực thanh tịnh, cho dầu nhân danh bất cứ điều gì đi nữa, chúng ta cũng không thể thành tựu được. Phải nhận biết sự ô nhiễm như một

ung bấu độc, cần phải giải phẫu ngay. Đừng nên coi thường, bởi vì ung bấu độc có thể kết thúc mạng sống của chúng ta nhanh như thế nào, thì một cái tâm ô nhiễm cũng sẽ khiến phàm hạnh của chúng ta bị tổn thương như thế ấy.

Không thấy được hay không thể phân biệt được sự độc hại, chúng ta dễ bị nhiễm độc. Khi rơi vào tình trạng nhiễm độc không còn có thể chữa trị, dù chúng ta có ăn năn sám hối thì đã quá trễ. Cho nên, lúc nào chúng ta cũng cần phải duy trì năng lực thanh tịnh của tâm ý.

Có những quan chức đi chùa cầu Phật để được tăng chức, tăng lương, quyền lực được duy trì lâu dài chứ không đi chùa lễ Phật để tâm được thanh tịnh, hay để buông bỏ tham ái theo đúng giáo pháp. Chính vì vậy cho dẫu ở trong cửa chùa, họ cũng không thể có được trí giác tỉnh táo để điều hành quốc gia một cách tốt đẹp. Các vua ở thời Đinh, Lê, Lý, Trần hay Asoka v.v... do vì ứng dụng chánh pháp vào chính sách trị quốc, nên đã đưa đất nước lên tột đỉnh của thái bình, hưng thịnh về mọi mặt.

Chương 36

TRIỂN CHUYỂN HOẠCH THẮNG

Sự Chuyển Đổi Thù Thắng

第三十六章。輾轉獲勝

Hán văn:

佛言。人離惡道。得為人難。既得為人。去女即男難。既得為男。六根完具難。六根既具。生中國難。既生中國。值佛世難。既值佛世。遇道者難。既得遇道。興信心難。既興信心。發菩提心難。既發菩提心。無修無證難。

Phiên Âm:

Phật ngôn:

- 1- *Nhân ly ác đạo, đắc vi nhân nan;*
- 2- *Ký đắc vi nhân, khứ nữ tức nam nan;*
- 3- *Ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan;*
- 4- *Lục căn ký cụ, sanh trung quốc nan;*
- 5- *Ký sanh trung quốc, trực phật thế nan;*
- 6- *Ký trực phật thế, ngộ đạo giả nan;*
- 7- *Ký đắc ngộ đạo, hưng tín tâm nan;*
- 8- *Ký hưng tín tâm, phát bồ-đề tâm nan;*
- 9- *Ký phát bồ-đề tâm, vô tu vô chứng nan.*

Việt dịch:

Đức Phật dạy:

- 1- **Người xa lìa ác đạo, được làm người là khó;**

- 2- Đã được làm người, bỏ thân nữ được thân nam là khó;
- 3- Đã được thân nam, đầy đủ sáu căn là khó;
- 4- Sáu căn đã đủ, được sanh ra ở trung tâm đất nước là khó;
- 5- Đã sanh ra ở trung tâm đất nước, gặp Phật ra đời là khó;
- 6- Đã gặp Phật thị hiện, mà được ngộ đạo là khó;
- 7- Đã được gặp đạo, mà lại có tín tâm là khó;
- 8- Đã khởi lòng tin, mà còn phát tâm Bồ-đề là khó;
- 9- Đã phát tâm Bồ-đề, mà đạt đến chỗ vô tu, vô chứng là khó.

Anh ngữ:

Chapter 36: Stages to Non-Attainment

The Buddha said: “Even if one escapes from the evil creations, it is one’s rare fortune to be born a human being. Even if one be born as human, it is one’s rare fortune to be born as a man and not a woman. Even if one be born a man, it is one’s rare fortune to be perfect in all the six sense. Even if he be perfect in all the six senses, it is his rare fortune to be born in the middle kingdom, it is his rare fortune to be born in the time of a Buddha. Even if he be born in the time of a Buddha, it is his rare fortune to see the enlightened.

Even if he be able to see the enlightened, it is his rare fortune to have his heart awakened in faith. Even if he awakens the heart of intelligence, it is his rare fortune to realize a spiritual state which is above discipline and attainment.”

Lược giảng:

Đại ý trong Chương thứ 36 này, Đức Phật lưu ý về **9 điều khó khăn**, với mục đích nhắc nhở mọi hành giả ý thức rõ những chướng duyên và giá trị siêu việt, trên lộ trình hướng đến cứu cánh giải thoát. Qua đó chúng ta thấy được tâm từ bi của Đức Phật, đối với tất cả mọi loài chúng sinh vô lượng như thế nào. Phải là bậc Đại giác với tâm từ bi vô lượng vô biên, mới quan tâm đến chúng ta một cách đúng mức như thế.

Những cái khó trên lộ trình tiến đến giải thoát, giác ngộ.

1- Người thoát khỏi ác đạo mà được làm thân người là khó.

Trong thế gian này có quan niệm cho rằng chết là hết. Nhưng cũng có quan niệm cho rằng: Người chết sẽ trở lại làm người; loài vật chết sẽ trở lại làm loài vật. Họ cho rằng sự xuất hiện của các loài vật trên thế gian này, là để phục vụ cho nhân loại có được thực phẩm tiêu dùng. Họ sống mà không tin nhân quả, cũng không tin sau khi chết có địa ngục.

Theo cái nhìn của đạo Phật, rõ ràng chết không phải là kết thúc mọi sự, mà chỉ là sự bắt đầu cho một đời sống kế tiếp. Đời sống kế tiếp đó hạnh phúc hay

đau khổ, tùy thuộc vào nghiệp nhân mà người đó đã tạo tác. Đạo Phật phủ nhận quan điểm về thường cũng như đoạn. Đức Thế Tôn luôn nhắc nhở chúng ta, đừng bao giờ để bản thân cũng như bất cứ ai, bị rơi vào điều mà đạo Phật gọi là tà kiến, bao gồm thường kiến và đoạn kiến. Đoạn kiến có nghĩa là chết rồi thì chấm dứt mọi sự. Thường kiến có nghĩa là sau khi chết linh hồn tồn tại một cách miên viễn. Theo Phật dạy thì, trong thế giới tạm bợ này, sự vật luôn luôn biến đổi. Các pháp hữu vi đều không có thể tồn tại miên viễn. Đó là lý do tại sao sau khi thoát khỏi ác đạo, có thể sinh ra làm người, hay có thể chuyển sanh sang những cảnh giới khác.

Trường Bộ Kinh (Dìgha Nikàya) có kinh tên là Phạm Võng (Brahmajàla sutta), Đức Phật đã đề cập đến 62 loại tà kiến và có một đoạn đã diễn tả về Thường trú luận như sau:

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: «Bản ngã về thế giới là thường còn» với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì,

chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?

31. *Này các Tỷ-kheo, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này.” Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói rằng: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.”*

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-

la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh úc niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: «Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.»

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh úc niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời

sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: «Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này.» Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: «Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp.» Nhớ rằng: «Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này.»

Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: “Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.”

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ

theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: «Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn.»

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: «Bản ngã và thế giới là thường còn», chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: «Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành

những định mạng như vậy». Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chúng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những chấp pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và tuyên thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Cũng ở Kinh Phạm Võng (Brahmajāla sutta), trong Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya), Đức Phật đã đề cập đến chủ trương đoạn diệt luận của những Sa-môn, Bà-la-môn như sau:

“Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?”

10. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: «Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt».

Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: «Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt». Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: «Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt». Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: «Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất

cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên. Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt». Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: «Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt.” Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: «Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt.» Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: «*Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt.*» Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. *Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.*

18. *Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: «Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.» Như Lai tuệ tri. Như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ*

tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.” (HT Thích Minh Châu dịch)

Ngoài các chủ trương của 62 giáo phái đã được ghi lại trong Kinh Phạm Võng, còn có chủ trương cho rằng, những con vật được sinh ra để làm thực phẩm cho con người mà ngày nay vẫn còn tồn tại. Chính vì vậy nên nhiều người tổ chức săn bắn, câu cá và nuôi súc vật để ăn thịt và xem đó như là một qui luật tự nhiên!

Quan niệm cho rằng: Những con vật được sinh ra là để làm thực phẩm của loài người. Điều này đạo Phật hoàn toàn không chấp nhận. Bởi vì Đức Phật dạy rằng: Mỗi một chúng sinh đều có Phật Tính. Người ham sống sợ chết. Vật cũng ham sống sợ chết. Chính vì tâm từ bi mà người Phật Tử không thể dùng sự sống của những sinh vật khác, để phục vụ cho sự sống của họ. Bởi vì như vậy thì quá tàn nhẫn, đi ngược lại với tâm từ bi.

**Được làm thân người, nhưng không
là thân nữ mà là thân nam, là một điều khó.**

Điều này mới nghe qua, có vẻ như Đạo Phật trọng nam khinh nữ. Trong khi trên thực tế đạo Phật rất

bình đẳng, bình đẳng đến nỗi ai cũng có thể thành Phật.

Khi được sinh ra mang thân người thật không dễ dàng. Đó là lý do tại sao chư Tổ dạy rằng: “*Thiên niên thiết thọ khai hoa dị. Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan.*” Nghĩa là: Một ngàn năm cây sắt nở hoa thì dễ nhưng một khi đã mất thân người thì cả vạn kiếp cũng khó có lại được. Trong kinh Đức Phật còn ví dụ việc có được thân người thật vô cùng khó, như con rùa mù trăm năm nổi lên một lần, để tìm cách chui đầu vào một cái lỗ trên khúc cây đang bồng bênh theo sóng biển. Khả năng con rùa đưa đầu được vào lỗ cây hiếm hoi như thế nào, thì muốn có được một thân người còn khó khăn hơn gấp bội.

“Trong Kinh Tạp A Hàm, Đức Phật dạy:

“*Ví như trái đất sụp thành biển lớn, có một rùa mù mắt sống vô lượng kiếp, một trăm năm trôi lên mặt biển một lần. Trong biển có bọt cây chỉ có một lỗ, theo gió trôi giạt trên mặt biển từ Đông sang Tây, rùa mù một trăm năm trôi đầu lên tìm bọt cây, rùa mù sẽ gặp bọt cây này chăng?*”

A Nan bạch:

Bạch Đức Thế Tôn: Không thể gặp được! Tại sao? Vì con rùa mù này nếu đến biển Đông, bọt cây đã trôi theo gió sang bên Tây, Nam, Bắc bốn phía, chung quanh cũng thế, không thể gặp nhau được.

Phật bảo A Nan:

Rùa mù tìm bọt cây dù sai lối, nhưng có lúc còn

gặp được, nhưng kẻ phàm phu si mê trôi giạt trong ngũ thú tạm được thân người, khó khăn hơn rùa mù tìm kiếm bông cây. Vì sao? Vì chúng sinh kia không hành nghĩa, không hành pháp, không hành thiện, không hành chơn thật, lại giết hại lẫn nhau, mạnh hiếp yếu, tạo ra vô lượng tội ác. Vì thế, này các Tỳ Kheo! Đối với Tứ Thánh Đế, nếu chưa đạt được vô gián đẳng, phải tinh tấn tìm phương tiện mong cầu tăng thượng, học vô gián đẳng. Phật nói Kinh này xong, các Tỳ Kheo hoan hỷ phụng hành.”

Nói đến người là nói đến giới tính, có nam có nữ. Trong thời đại Đức Phật còn trụ thế, sự phân biệt về phái tính rất nặng nề. Người nam có thể có năm thê bảy thiếp. Một quốc vương, ngoài hoàng hậu, còn có thứ phi, còn có hàng trăm cung tần mỹ nữ. Thế nhưng một người nữ nếu bị kết tội ngoại tình, sẽ bị ném đá, có thể bị quăng xuống sông, có thể bị đũa loại hình phạt dã man, khủng khiếp. Thời điểm đó, người ta coi nhẹ giá trị của phụ nữ, xem họ như một trò chơi, như một công cụ. Chẳng những ngày xưa mà ngay cả thời hiện tại, một số quốc gia cũng xem thường nữ giới, không coi trọng phẩm giá của người phụ nữ như nam giới. Thế nhưng, đối với Đức Phật, tất cả mọi người đều có Phật tánh bình đẳng. Trong Tăng Đoàn của Đức Phật, có cả nam lẫn nữ. Các vị Ni sư không chỉ làm trụ trì, mà còn có thể làm chủ lễ, có thể truyền giới, thực hiện tất cả mọi sứ mệnh hoàng dương Phật pháp mà một vị tỳ kheo có thể thực hiện. Nói chung, sứ mệnh xiển dương chánh pháp giữa các

vị tỳ kheo và các vị tỳ kheo ni hoàn toàn giống nhau, không có một mảy may phân biệt.

Sở dĩ Đức Phật giảng thuyết: “*Được làm thân người, nhưng không là thân nữ mà là thân nam, là một điều khó.*” Bởi vì như đã nói ở phần trên, thời đại của Đức Phật không có chùa chiền, không có nhân viên bảo vệ, phải đi tu trong rừng sâu núi thẳm, phải đi khát thực mỗi ngày trong từng ngôi làng, mà không phải những người cư ngụ tại đó đều hiểu đạo. Vì thế, nữ giới phải đi tu trong hoàn cảnh như vậy vô cùng khó khăn.

Đức Thế Tôn nói đến sự khó khăn của một người nữ xuất gia, khi phải thiền định trong vùng đất quanh hiu, vắng vẻ; khi bị đối xử bất công vì quan điểm trọng nam khinh nữ. Ngài nhấn mạnh sự thua thiệt này, để nhắc nhở giá trị thân mệnh của một con người, để đề cao giá trị của sự nỗ lực tinh tấn tu tập trong điều kiện thật khắc nghiệt. Ngài không nói đến sự sai biệt về giá trị giữa nam và nữ.

1. Có được thân nam với sáu căn đầy đủ là một điều khó.

Nếu chúng ta bị thiếu một giác quan nào đó, thí dụ như cặp mắt bị mù, tai bị điếc, tay bị thương tật, chân bị què... Chỉ cần bị một trong số những thương tật này thôi, đủ khiến chúng ta hiểu rằng mình là người bất hạnh. Biết được người khác có đầy đủ giác quan, trong khi bản thân bị đui, mù, què, chột, phải chăng chúng ta cảm nhận rất buồn tủi, rất đau khổ? Chính vì thế, Đức Phật dạy rằng: Được sinh làm thân người, có đầy

đủ sáu giác quan, không phải là điều dễ. Trong thực tế, chúng ta thấy nhiều người phải sống trong trại cùi, nhiều người cả cuộc đời vương mang bệnh tật. Một chút an lạc trong đời sống, cũng đã là hoài bão to lớn của họ. Cuối cùng họ phải xuôi tay nhắm mắt, không thể nào đạt được những ước mơ nhỏ nhoi hay những hoài bão to lớn, kể cả mơ ước đơn giản là có đủ sáu giác quan như bao nhiêu người khác.

2. Có 6 giác quan đầy đủ mà sinh ở chỗ trung tâm là khó

Trong bát nạn (tám nạn) thì, người bị sinh vào nơi biên địa hạ tiện, là một trong tám nạn nói trên. Cư trú trong một trung tâm văn hóa có tất cả mọi sự phát triển, với một nền văn minh từ bi, v.v..., chắc chắn chúng ta có nhiều cơ hội, nhiều điều kiện để thăng tiến hơn. Tuy nhiên nên hiểu *trung tâm* trong Chương thứ 36 mà Đức Phật nói đến, đó là chúng ta được sinh ra ở những nơi có trung tâm tu học đích thực, có những đạo tràng giúp chúng ta tiếp xúc được với ánh sáng của chánh pháp. Từ đó, chúng ta mới có khả năng đạt được quả vị giác ngộ một cách nhanh chóng.

3. Sinh ở chỗ trung tâm, và gặp được thời Đức Phật thị hiện là khó.

Có nhiều điều để lý giải về ý nghĩa gặp được Phật Pháp. Vào thời các vị độc giác, chỉ cần nhìn thấy chiếc lá rơi trước mắt, quý ngài cũng đã có thể giác ngộ về sự vô thường của vạn hữu vũ trụ của mọi hình tượng. Gặp được các bậc chân tu thực đức hướng dẫn, gặp được những trung tâm tu học tốt lành – những nơi

mà từ đó chúng ta có thể hướng đến chánh pháp một cách dễ dàng, đó chính là gặp được Phật Pháp. Nói chung, có nhiều thuận duyên có nhiều thiện duyên, có nhiều thắng duyên ở những nơi có khả năng giúp người gặp được chánh pháp và, biết ứng dụng chánh pháp trong đời sống.

4. Gặp được Phật Pháp mà ngộ đạo là khó.

Có một điểm nhỏ chúng ta cần lưu ý: Trong Chương thứ ba mươi sáu, Đức Phật dạy rằng: *Sanh nhằm thời Phật thị hiện là khó*. Nói đơn giản để hiểu thì gặp được Đức Phật là khó. Thuở xưa khi Đức Phật còn tại thế, mỗi ngày ngài đi vào các làng mạc để thuyết pháp độ chúng sinh. Ngài gặp hàng ngàn hàng vạn người. Nhưng không hẳn bất cứ ai gặp Đức Phật, là đã thấy được Phật. Phải lưu ý điểm quan trọng này, trước khi bàn đến hai chữ “ngộ đạo.”

Như đã trình bày: Hàng ngàn hàng vạn người gặp Đức Phật, đi ngang qua Đức Phật, nhưng không phải tất cả đều nhìn thấy Đức Phật, không phải ai cũng nhận ra ngài là bậc Đại giác.

Có người gặp Đức Phật, sau đó trở thành đệ tử của ngài và đạt ngộ.

Có người gặp Đức Phật, nhưng chẳng nhận ra ngài.

Ở một ý nghĩa khác, gặp Phật, thấy Phật, có nghĩa là nhận biết Phật tánh thể nhập vào Phật Tri Kiến.

5. Đã được gặp đạo, mà lại có tín tâm là khó.

Tín-Hạnh-Nguyện là những yếu tố căn bản của Tịnh Độ Tông, của pháp môn niệm Phật. Khi nào

chúng ta đạt được trạng thái nhất tâm trong lúc niệm Phật, chúng ta dự tri thời chí, trực vãng Tây Phương và sanh và ở phẩm Thượng phẩm Thượng sanh, thì điều này tương đương với việc ngộ đạo. Bởi vì nhất tâm có nghĩa là đạt được chánh định. Có chánh định tất nhiên nhận rõ mọi diễn biến của muôn sự muôn vật, có thể có một cái nhìn về tất cả các pháp, như các pháp đang-là. Đây là ý nghĩa của sự ngộ đạo mà Đức Phật đã đề cập. Chữ “Tín” là niềm tin mà Chương ba mươi sáu đề cập, tương đương với đức tin của Tịnh Độ Tâm, mà chúng tôi vừa trình bày.

6. Hưng khởi được niềm tin phát Bồ đề tâm là khó.

Nhiều khi chúng ta chỉ tin bằng một đức tin lơ mơ, không bền vững, không kiên cố, vì thế Đức Phật dạy rằng “*Hưng khởi được niềm tin Phát bồ đề tâm là khó.*” Có niềm tin vào Phật Pháp rồi, phải phát được Bồ đề tâm. “*Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh,*” có nghĩa là trên cầu được thành Phật, dưới cứu độ chúng sinh.

Nếu phát khởi được Bồ đề tâm, lúc bấy giờ chúng ta mới có khả năng đạt đạo. Cho dầu tu bao nhiêu lâu, quy y bao nhiêu năm, nhưng nếu không phát Bồ đề tâm thì cũng không thể thành Phật. Đây cũng là lý do vì sao trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “*Vong thất bồ đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp.*” Trong lúc làm tất cả mọi điều tốt lành, chỉ tạm quên phát tâm Bồ đề, thì đã biến thành ma đạo chứ không phải là Phật Đạo. Đây là điều vô cùng quan trọng. Nếu có đức tin, chúng ta hãy phát Bồ đề

tâm để chúng được đạo quả, để viên thành Phật đạo và, phát tâm cứu lấy mọi nỗi đau khổ của chúng sinh ở khắp mười phương thế giới.

**7. Đã phát Bồ đề tâm
mà còn đạt đến chỗ vô tu vô chứng là khó.**

Vô tu vô chứng chỉ một đời sống hoàn toàn vô ngã, không còn chấp là tu hay là chứng. Nói một cách đơn giản, vô tu vô chứng dùng để chỉ cho Đức Phật. Chỉ có Đức Phật mới có đời sống thật sự vô ngã, không còn chấp trước. Nhiều người tự nhận tu và chứng, nhưng cái ngã vẫn còn lớn hơn quả đất, tự nhận là Đức Phật, là Bồ Tát, thì thật hết sức sai lầm. Giáo pháp của Đức Phật dạy rằng: Càng tu càng thấy bản ngã thu hẹp lại; cuối cùng bản ngã này phải bị triệt tiêu, lúc bấy giờ mới có thể thành Phật, vì vậy nên có câu Vô ngã là Niết bàn.

Có ba chú tiểu đồng Sư tu trong một ngôi chùa. Sư Phụ đặt Pháp danh cho ba chú là: Tu Tĩnh, Tu Thiền và Tu Mật.

Hằng ngày, Chú tiểu Thiền thích ngồi thiền, chú tiểu Tĩnh thích tu niệm Phật. Còn Chú tiểu Mật thì thích trì chú. Ba chú tiểu cùng một Sư phụ mà căn cơ lại khác nhau, phương pháp tu khác nhau.

Phật tử về chùa để học hỏi tu tập, họ gặp ba chú để đàm đạo, để học hỏi, tu tập. Chú Tiểu Thiền xiển dương Pháp môn Thiền Tông, khuyên Phật tử tu thiền định tốt hơn. Trong khi chú tiểu Tĩnh xiển dương Pháp môn Tịnh Độ, bảo tu Tịnh Độ tốt hơn. Còn chú tiểu Mật muốn xiển dương Mật Tông, cho rằng trì

chú tốt nhất. Quý Phật tử thật sự hoang mang, không biết tu theo ai cho đúng. Nếu chọn sai một ly, đi tới một dặm! Nếu tu sai dễ sinh tử luân hồi. Quý Phật tử mới thưa rằng: “Vậy chú nào tu đúng đây?”

Chú tiểu Tịnh giải thích trước:

- Đức Phật dạy rằng: “*Nếu chúng sinh nào trì niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà từ một ngày đến bảy ngày đạt đến nhất tâm bất loạn sẽ được vãng sinh về cảnh giới Tây Phương của đức Phật A Di Đà.*” Đó là nơi Tiểu Tịnh sẽ về! đó ạ! Còn hai chú Thiên, Mật sau khi chết không biết đi về đâu nữa.

Chú tiểu Tịnh hỏi chú tiểu Thiên rằng:

- Hằng ngày chú ngồi thiền để làm gì? Sau khi chết chú đi về đâu? Sinh về cảnh giới nào? Hãy trả lời thử xem!

- Ngồi thiền để cắt đứt vọng tưởng, lắng đọng tâm tư trở về thanh tịnh, diệt trừ phiền não, để tâm tịnh. Tâm tịnh tức cảnh giới tịnh. Tâm tịnh thì Ta-bà tịnh. Vạn pháp do tâm khởi và do tâm biến hiện ra tướng. Tướng tự tâm sanh, vạn Pháp duy nhất tâm, tâm là chủ. Cho nên tâm tịnh tức Tịnh độ tịnh, Ta-bà chính là Tịnh Độ .

Chú tiểu Tịnh hỏi tiếp:

- Đức Phật dạy trong kinh A Di Đà rằng: “*Hằng ngày chúng ta phải niệm Phật gieo chủng tử nhân duyên với đức Phật A Di Đà.*” Sau khi chết được đức Phật A Di Đà phóng quang tiếp dẫn về cảnh giới Cực lạc. Còn chú không niệm Phật. Sau khi chết lấy gì mà vãng sinh?

Chú Tiểu Thiên cười bảo:

- Tịnh độ đâu xa, Tịnh Độ ngay Ta Bà! Tâm tịnh là cảnh giới Niết bàn, còn mê thấy Ta-bà, Tịnh độ, giác Ngộ rồi thì Tâm chính là cái mục đích Thiên cần về. Không cần về Tịnh độ đâu ạ!

Chú tiểu Tịnh đáp lại:

- Vậy chú nói sai rồi, chính đức Phật nói kinh A Di Đà và khuyên chúng sinh niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà, để được vãng sanh về Tây Phương. Ngài không bảo chúng sinh niệm danh hiệu của Ngài.

Chú tiểu Thiên bảo:

- Chú Tịnh nói vậy không hiểu Phật rồi, do Chú muốn xiển dương Pháp môn Tịnh Độ nên nói thế thôi? Tây Phương ở đâu? Chú có thấy chưa? Tôi nói Chú hiểu nhé:

- Vì đức Phật bảo chúng sinh niệm danh hiệu của Ngài khác gì Đức Phật tự Ngài tôn xưng mình. Đức Phật chủ trương phá ngã cho nên đức Phật phương tiện diễn nói cảnh giới Tây Phương và Danh hiệu Phật A Di Đà. Thực ra đức Phật A Di Đà và Phật Thích Ca là một chư Phật đồng nhau đều có Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Công Đức. Cũng như chú đi tu, Sư Phụ đặt pháp danh, và Pháp tự, gọi tên nào chẳng được, mặc dù hai tên nhưng chỉ là một!

- Chú tiểu Tịnh lại nói tiếp:

- Nếu Ta-bà là Tịnh Độ vậy suốt đời tu niệm Phật. Sau khi chết tái sinh lại Ta-bà à? vậy tu làm gì? Nếu như chú nói Ta-bà là Tịnh Độ. Tu niệm Phật sau khi chết cũng trở lại Ta-bà. Vậy gọi luân hồi sinh tử, giải

thoát chỗ nào? Vậy tu để làm gì?

Chú nào lý giải cũng có lý hết cả. Một vị Phật tử bảo:

- Vậy thì tại sao? chúng ta không kết hợp hai Pháp môn lại, thành Thiền Tịnh song tu? Tu như vậy cho chắc ăn! Rủi sai một Pháp còn một Pháp!

Chú tiểu Tịnh đáp rằng:

- Cần gì phải kết hợp! Khi ngồi niệm Phật tụng Kinh, thân ngồi ngay thẳng nghiêm trang thanh tịnh, không tạo ác. Khẩu thì đọc kinh những lời Phật dạy – khẩu thanh tịnh. Ý thì tư duy lời Phật dạy chân lý gì trong kinh. Đó là tam nghiệp thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi thì cần gì phải ngồi thiền chứ?

Nghe chú Tịnh trình bày có lý, chú tiểu Thiền cười và im lặng. Chú tiểu Tịnh quay sang hỏi chú Mật:

- Hằng ngày chú trì chú để làm gì? Sau khi chết vãng sinh về cảnh giới nào?

Chú Mật bảo:

- Tu Mật cũng như tu Tịnh! Trong những câu Chú là danh hiệu của chư Phật, chư vị Bồ tát, Hộ Pháp, Thiện thần. Mục đích niệm Chú để diệt trừ phiền não, tam nghiệp thanh tịnh, Tâm tịnh là an lạc giải thoát.

Chú tiểu Tịnh lại nói:

- Thế cũng vậy! Chú tu cũng không biết sau khi chết đi về đâu, vì hằng ngày Chú không có gieo duyên với đức Phật A Di Đà thì làm sao về Tây Phương? Ở Ta-bà chơi nhé.

Lúc bấy giờ Phật tử nghe chú tiểu Tịnh nói có lý, ai cũng ngã theo ủng hộ chú tiểu Tịnh. Bấy giờ Sư Phụ đi đến, bảo rằng:

- Nãy giờ ba đứa con cãi khan cổ rồi, mệt lắm đúng không? Ba đứa hãy vào đây, Sư Phụ cho uống nước.

Sau đó Sư phụ lấy 3 cái ly, rót vào ba ly ba thứ nước khác nhau, 1 ly nước cam, 1 ly nước trà, và 1 ly nước lạnh. Ba ly ba màu khác nhau, đưa cho ba chú tiểu tự chọn uống. Chú tiểu Tịnh chọn màu cam, chú tiểu Thiên chọn màu vàng trà, chú tiểu Mật chọn màu nước trong. Sau khi uống xong, Sư Phụ hỏi:

- Ba chú uống nước cảm thấy thế nào?

Ba chú tiểu đồng thưa rằng:

- Bạch Sư Phụ thật là ngon ạ!

Sư Phụ hỏi tiếp:

- Mục đích các con uống nước để làm gì?

- Dạ uống để giải khát ạ!

Sư Phụ nghe ba chú tiểu trả lời như vậy, Sư Phụ giải thích như sau:

- Nếu các con ngồi đó tranh cãi lý luận, hơn thua, ai đúng ai sai thì tất cả chỉ ngồi im, không đi đâu cả!

- Giáo lý Phật chia ra tam thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa. Đạo Phật có tám vạn bốn nghìn Pháp môn tu, chia ra nhiều Tông Phái; và cũng vì căn cơ chúng sinh khác nhau, để tự chúng sinh cảm thấy Pháp môn nào phù hợp với căn cơ mình thì áp dụng mà tu tập. Không phải sự phân chia tông phái để cho thấy Thiên tông hơn, Tịnh độ tông hơn, hay

Mật tông hơn... Tu còn thấy chỗ hơn thua cao thấp là còn chấp ngã, là còn sinh tử. Giáo Pháp của Phật không ngoài mục đích:

*“Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo”*

Nghĩa là:

*“Không làm các điều ác
Nên làm các điều lành
Giữ tâm ý trong sạch
Là lời chư Phật dạy”*

Còn việc tu hành, sau khi chết đi về đâu là do mình. Khi quý vị tu, diệt trừ phiền não, tâm ắt thanh tịnh. Tu thiền, tu Tịnh, tu Mật cũng vì mục đích để tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì an lạc, tự tại vô ngại, muốn đi đâu thì đi, có khó khăn gì đâu! Muốn vào Địa Ngục thì đi như Ngài Địa Tạng, muốn lên Tây Phương đức Phật A Di Đà, muốn qua Đông Phương như đức Phật Dược Sư, muốn xuống Ta-Bà như Bồ Tát Hộ Minh (đức Phật Thích Ca), đi vào Ngã Quỷ như Ngài Quán Thế Âm hóa thân Tiêu Diện. Khi tu đạt đến tâm tự tại vô ngại, đi cảnh giới nào cũng được cả, chẳng khó khăn gì.

Chúng sinh khi tu, ở bên bờ mê ao ước được qua bên bờ Giác. Còn chư Phật, Bồ Tát ở bên bờ Giác trở lại bờ mê (Lục đạo luân hồi), không phải là nghiệp lực tái sinh mà là hạnh nguyện độ sinh. Như Ngài Địa Tạng vào Địa Ngục, Ngài Quan Âm hóa thân

vào loài Nga Quỷ. Bồ Tát Hộ Minh xuống Ta-Bà độ sinh, chẳng lẽ gọi là tái sinh sao? Đó là hạnh nguyện từ bi độ sinh của quý Ngài, tâm đạt đến tự tại vô ngại muốn đi đâu đi! Giống như trong thế gian này quý vị có giấy thông hành, muốn đi nước nào đi, không ai ngăn cấm quý vị! Hà tất gì quý vị suốt ngày cứ xiển dương tu thiền hơn, tu Tịnh hơn, tu Mật hơn? Cứ ngồi đó tranh luận, làm mất tín tâm Phật tử có ích chi?

Sanh tử đại sự, thời gian vô thường, tấn tốc qua nhanh. Không lo tu hành diệt trừ phiền não, suốt ngày các con cứ tranh luận hơn thua. Các con chỉ dậm chân tại chỗ thôi. Ngồi đó cãi cọ, hồi vô thường đến chỉ mang nghiệp lực đi, có ích gì đâu. Các con hãy nhớ điều này:

*“Thị nhật dĩ quá, mạng diệt tùy giảm.
Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc
Đại chúng! Đương cần tinh tấn, như cứu đầu
nhiên.
Đản niệm vô thường, thậm vật phóng dật”*

Nghĩa là:

*“Một ngày đã hết, mạng cũng giảm dần,
Như cá cạn nước, thử hỏi vui gì?
Đại chúng!
Hãy siêng tinh tấn, như đầu bị đốt,
Chỉ nhớ vô thường, chớ mặc buông lung”*

Sau khi nghe những lời dạy của Sư Phụ, ba chú Thiền, Tịnh và Mật không còn tranh cãi nữa, chú nào cũng giữ Pháp môn của mình tu tập, sống trong hòa

hợp. Sau khi Sư Phụ viên tịch, ba người đệ tử này hoằng dương Phật Pháp, phát huy và thu hút nhiều tín đồ Phật tử tu tập. Làm cho ngôi nhà Phật pháp phát huy và trường tồn mãi mãi.

Vì lòng từ bi, Đức Phật đã phương tiện thiện xảo thi thiết nhiều pháp môn khác nhau để ứng hợp với nhiều căn cơ trình độ của vô số chúng sanh; tuy nhiên, do không ý thức rõ thực tế này, hoặc do bản ngã quá lớn nên một số người đã bài bác, chống đối những pháp môn khác, và tạo điều kiện để những người không thích Phật Giáo có cơ hội hủy báng chánh pháp làm sơi mòn niềm tin của những người chưa tự trang bị cho mình một kiến thức Phật pháp căn bản, thật đáng tiếc lắm thay!

Đức Phật nêu ra *chín điều khó khăn*, nhằm mục đích tác động và khích lệ chúng ta nỗ lực hơn nữa trong việc hành trì nhằm tiến đến cứu cánh giải thoát giác ngộ.

Xin chúng ta hãy tinh tấn tu tập không ngừng, để một ngày nào đó chúng ta có thể chứng ngộ đồng thời tiếp tục sứ mệnh hóa độ chúng sinh, như lời dạy của Đức Thế Tôn trong Chương ba mươi sáu này.

Chương 37

NIỆM GIỚI CẬN ĐẠO

Nhớ Nghĩ Đến Giới Là Gần Với Đạo

第三十七章。念戒近道

Hán văn:

佛言。佛子離吾數千里。憶念吾戒。必得道
果。在吾左右。雖常見吾。不順吾戒。
終不得道。

Phiên Âm:

*Phật ngôn: Phật tử ly ngô số thiên lý, ức niệm
ngô giới, tất đắc Đạo quả. Tại ngô tả hữu, tuy
thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất
đắc Đạo.*

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Phật tử ở xa Ta vài ngàn dặm
nhưng nhớ nghĩ đến Giới của Ta, tất sẽ chứng
được đạo quả; còn ở ngay bên phải, bên trái
của Ta, dù thường thấy Ta, nhưng chẳng y
theo Giới của Ta, thì cuối cùng sẽ không đắc
được đạo.

Anh ngữ:

Chapter 37: Be Mindful of the Precepts

The Buddha said, “O children of Buddha! You are away from me ever so many thousand miles, but if you remember and think of my precepts, you shall surely

gain the fruit of enlightenment. You may, standing by my side, see me always, but if you observe not my precepts, you shall never gain enlightenment.”

Lược giảng:

Thực hành giáo pháp của Đức Phật vô cùng quan trọng, đối với sự chứng đạt đạo quả. Vì thế đã là Phật tử xuất gia hay tại gia, mỗi người cần phải nghiêm trì giới pháp một cách nghiêm ngặt. Giữ gìn giới luật mục đích là để bảo vệ phẩm hạnh thanh tịnh của mình, và cũng để bảo vệ sự sống của muôn loài.

Ngày xưa khi Đức Phật dạy hàng đệ tử xuất gia phải An cư trong ba tháng mùa mưa, mục đích để tăng lòng từ bi, thúc liễm thân tâm, trưởng dưỡng giới Đức.

Câu chuyện sau đây rất đáng để chúng ta suy nghĩ:

“Sách *Tỳ Nại Da Tạp Sự* ghi: Bấy giờ có hai vị bí-sô ở phương Nam, muốn đến thành Thất La Phiệt lễ kính Thế Tôn. Cả hai đều có vợt lọc nước. Giữa đường không có nước có thể uống, nóng khát bức thân, thì đến một cái ao. Một người bảo: “*Này cụ Thọ, nên mau quan sát nước, tôi muốn uống nước trừ khát.*” Liền xem kỹ, thấy nước có trùng, đi đến ba chỗ đều có trùng như thế. Hai người bàn rằng: “*Nước đã có trùng, uống thì hại mạng trùng, nay gặp lúc khát bức bách, có sự như thế biết làm sao?*”

Lúc đó bí-sô nhỏ liền nói bài tụng:

*Trong năm ngàn kỳ kiếp
Khó gặp được Thế Tôn*

*Nay ta nên uống nước
Mong được lễ chân Phật.*

Bấy giờ bí-sô lớn cũng nói bài tụng rằng:

*Như Lai đại bi thương chúng sanh
Ba cõi ái nhiễm đều trừ bỏ
Ở trong giáo này thọ cấm giới
Ta thà bỏ mạng chẳng sát sinh.*

Thế rồi, vị Tỳ kheo nhỏ không thể nhịn được khát, uống nước có trùng và tiếp tục lên đường. Vị Tỳ kheo lớn bảo vệ trùng nhỏ, vững tâm không uống. Tụ sách tấn, cố gắng đến một bóng cây ngồi ngay ngắn, tâm nhớ nghĩ việc lành, cho đến khi sức mỗi lúc càng suy kiệt, cuối cùng lực kiệt mạng chung.

Do phước lực này nên được sanh về cõi trời ba mươi ba, là nơi thắng diệu. Người sanh về cõi trời hoặc nam hoặc nữ, liền khởi ba ý nghĩ: *Ta chết ở nơi nào? Nay sinh ở nơi nào? Do làm nghiệp gì?* Vị Tỳ kheo này liền tự nhớ tiền thân của mình chết ở cõi người, nay sanh về cõi trời ba mươi ba. Nhờ được Phật dạy, được sinh ở chỗ tôn quý, bấy giờ vị thiên tử ấy lại nghĩ: *“Nếu ta không đến lễ đức Thế Tôn thì chẳng cung kính, đó là điều không nên.”* Thiên tử nghĩ rồi liền trang nghiêm thân, đeo chuỗi ngọc trời, hào quang sáng rỡ rất là thù thắng, bèn đến nghe Phật thuyết pháp, đắc quả Dự lưu, từ tạ Phật trở về thiên cung.

Còn vị bí-sô nhỏ đi tiếp, đến thành Thất La Phiệt vào rừng Thệ Đà, đặt y bát xuống, rửa chân xong,

đến chỗ Phật, lễ chạm đầu sát hai chân Phật rồi đứng một bên.

Phép thường của Thế Tôn mỗi khi khách bí sô đến liền hỏi han câu: *Lành thay bí sô mới đến. Từ nơi nào lại? Hạ này an cư ở quốc Thánh nào?* Nên Thế Tôn hỏi bí sô đó rằng:

- *Thầy từ nơi nào lại?*

Bạch: - *Thưa Đức Thế Tôn, con từ phương Nam lại.*

Lại hỏi: - *Hạ này an cư ở đâu?*

Đáp: - *Cũng tại phương Nam.*

Phật hỏi: - *Thầy đi đường xa có bạn không?*

Bạch: - *Có.*

Phật hỏi: - *Thầy ấy đi đâu rồi?*

Tỷ kheo trẻ liền thuật lại đầy đủ việc trên.

Lúc đó Thế Tôn nói tụng rằng:

Nếu khinh mạn giới luật

Đâu cần nhọc thấy Ta

Như không thấy không kính.

Bí sô kia thấy Ta

Do giữ được tịnh giới.

Người ngu kẻ vô trí

Không thật thấy được Ta.

Bấy giờ Thế Tôn trật Thượng y để lộ ngực cho nhìn thấy, lại nói tụng rằng:

Người quan sát thân Ta

Được cha mẹ sanh ra

Ví như chân kim sắc

Vì do phước lực trước
 Nếu không kính pháp thân
 Không thấy được chư Phật
 Nếu người rõ pháp thân
 Thấy được đại Mâu Ni
 Thứ nhất pháp thân Ta
 Thứ nhì là sắc thể
 Người trí thấy biết được
 Nên khéo hộ Thi La
 Thời Phật Ca Diếp ba
 Do tổn Y La Diệp
 Thiện đọa trong loài rồng!

Lúc đó, Thế Tôn lại nghĩ: Do các bí sô không mang vớt lọc nước nên có lỗi như thế, nên bảo các vị bí sô phải sấm vớt lọc nước. Khi nghe Thế Tôn bảo sấm vớt lọc nước thì các vị bí sô không biết có mấy loại? Phật dạy có năm loại:

Một là loại vuông
 Hai là pháp binh
 Ba là bình nước
 Bốn là Chước thủy la
 Năm là Y giác la”¹

Trong Kinh Di Giáo, Phật cũng đã dạy rằng:

“Các thầy Tỷ kheo, sau khi Như lai diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới, như mù tối mà được mắt sáng, nghèo nàn mà được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Như lai ở đời thì cũng không khác gì tịnh giới ấy.

1. Trích dẫn từ trang nhà Thiên Viện Trúc Lâm

Giữ tịnh giới thì các thầy không được buôn, bán, đổi chác, sắm sửa đất nhà, nuôi người, tô tở và súc vật, lo việc gieo trồng, kinh doanh tài bảo. Tất cả việc này, hãy tránh như tránh hố lửa. Kể cả việc chặt phá cỏ cây và đào cuốc đất đai. Những việc chế thuốc thang, coi bói tướng, coi thiên văn, đoán thời tiết, tính lịch số, đều không thích hợp với các thầy. Các thầy hãy tiết chế cơ thể, ăn đúng thì giờ, sống bằng cách sống trong sạch, không được tham dự thế sự, lãnh sứ mạng liên lạc. Chú thuật, thuốc tiên, giao hảo quyền quý, và thân thiết với họ, rồi hèn hạ, ngạo mạn, tất cả đều không được làm. Phải tự đoan tâm, chánh niệm cầu độ. Không được che giấu làm lỗi, tỏ ra kỳ dị để mê hoặc quần chúng. Đối với bốn sự hiến cúng thì phải biết tự lượng và biết vừa đủ. Hễ được hiến cúng thì không nên tích trữ.

Đó là Như Lai tóm tắt về sự giữ giới. Giới thì chính thuận với căn bản của sự giải thoát, nên Như Lai mệnh danh Ba la đề mộc xoa. Nhờ giới mà phát sinh thiền định, và trí tuệ có năng lực hủy diệt thống khổ.

Thế nên, các thầy Tỷ kheo, hãy giữ tịnh giới, đừng cho vi phạm, thiếu sót. Ai giữ tịnh giới thì người đó có thiện pháp. Không có tịnh giới thì mọi thứ công đức không thể phát sinh. Do đó mà biết tịnh giới là chỗ yên ổn nhất, làm nơi trú ẩn cho mọi thứ công đức.” (Bản dịch của HT Thích Trí Quang)

Trong kinh *Phạm Võng Bồ Tát* giới dạy rằng:

*“Giới như vầng nhật-nguyệt sáng,
Cũng như chuỗi báu ngọc châu,
Chúng Bồ-Tát như vi-trần*

*Do giới này mà thành Phật,”
 Đây là đức Xá-Na tụng.*

(Bản dịch của HT Thích Trí Tịnh)

Giới luật đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống dù người đó là người xuất gia hay cư sĩ tại gia.

Giới (Sila) có nghĩa là “*phòng phi chỉ ác,*” nghĩa là: Đề phòng điều sai lầm và đình chỉ các việc ác. Giới cũng có nghĩa là “*chỉ ác tác thiện*”: Chấm dứt các điều ác, thực hành các việc lành.

Trong *Giới Bốn Ba La Đề Mộc Xoa*, chữ Giới có nghĩa là “*biệt giải thoát,*” cũng còn được gọi là “*xứ xứ giải thoát,*” hay “*tùy thuận giải thoát.*”

Biệt giải thoát có nghĩa là giữ giới được phần nào thì giải thoát được phần đó, nếu giữ giới nhiều thì giải thoát nhiều, ngược lại giữ giới ít thì giải thoát ít. Trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm*, Giới có nghĩa là điều phục, chế ngự tâm thức. Chữ Pàtimokkha có nghĩa là thúc liễm, giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý trong sạch.

Luật là pháp luật, là những quy tắc dùng để phân xử, phán xét nặng nhẹ, đúng sai.

Trong *Sa Di Luật Nghi Yếu Lược* ghi rõ: “*Phòng phi chỉ ác viết Giới, xử đoán khinh trọng, khai - giá - trì - phạm viết Luật*” (Ngăn ngừa điều sai, chấm dứt điều ác là Giới. Xử đoán nặng nhẹ, mở, ngăn, giữ, phạm, gọi là Luật).

Giới do Đức Phật chế định gồm có hai loại:

- 1- Biệt Giải Thoát Giới,
- 2- Bồ Tát Giới. Bồ tát giới còn gọi là Thông giới, vì vậy mà cả hàng xuất gia lẫn tại gia đều có thể thọ trì.

Theo quan điểm Đại Thừa thì giới gồm có ba loại:

- 1- Nhiếp Luật Nghi Giới,
- 2- Nhiếp Thiện Pháp Giới,
- 3- Nhiều Ích Hữu Tình Giới.

Giới luật là căn bản của đạo đức, phẩm hạnh, là nền tảng của hạnh phúc, an lạc. Chính vì vậy mà Đức Phật đề cao và nhấn mạnh về giới luật.

Đức Phật đặc biệt lưu ý chúng ta là “*Tỳ ni tạng trụ Phật Pháp cứu trụ. Tỳ ni tạng diệt Phật pháp diệt diệt.*” Tỳ ni ở đây có nghĩa là giới luật. Giới luật còn thì Phật Pháp còn. Giới luật mất, tất nhiên Phật Pháp cũng theo đó bị tiêu diệt. Giới luật thật vô cùng quan trọng, bởi vì giới luật là thọ mạng của chư Phật. Nếu không có giới không thể có định. Nếu không có định không thể có tuệ. Cho nên trong luật dạy là “*Nhơn giới sanh định, hơn định phát tuệ. Thứ cơ thành tựu thánh đạo, bất phụ xuất gia chí chí giả.*” Nhờ giới mà có định. Nhờ định mà có trí tuệ. Từ đó giúp chúng ta chứng đắc thánh đạo, tức là quả vị giải thoát giác ngộ. Có như vậy mới không cô phụ chí nguyện của người xuất gia.

Tóm lại, giới luật là điều vô cùng quan trọng đối với những người Phật Tử. Giới luật càng quan trọng hơn nữa, đối với những người Phật Tử đã xuất gia. Nếu không giữ giới luật, chúng ta sẽ trở thành người

phá đạo và, là nguyên nhân tạo ra những điều khiến chánh pháp bị hủy diệt. Có thể khẳng định rằng, tích cực gìn giữ giới cấm là điều tối ưu quan trọng, luôn được đề cao trong suốt cuộc đời hành đạo của người xuất gia. Người xuất gia phải luôn luôn sống đời phạm hạnh. Người tại gia cũng phải gìn giữ giới luật của người tại gia một cách nghiêm túc.

Nếu chúng ta phạm giới sẽ đưa đạo pháp đến tình trạng như thế nào?

Người tu sĩ một khi đã phạm giới luật, không chỉ làm tổn thương bản thân mà còn làm tổn thương đến niềm tin của đại chúng Phật Tử, khiến cho uy tín của đạo giáo bị tổn thương nghiêm trọng. Đó là chưa nói đến quả báo, bởi vì tất cả những điều ác đều có một quả báo tương ứng. Chính vì thế, việc giữ giới luật của những người Phật Tử là điều vô cùng quan trọng.

Đôi khi chúng ta nghĩ rằng, có những giới luật không mấy quan trọng, nên nhiều khi không quan tâm tu dưỡng. Nhưng đó chỉ là cách chúng ta nghĩ. Một khi đã gọi là giới luật, thì bất cứ giới luật nào cũng cần phải tinh tấn tu tập. Chẳng hạn như nói đến giới luật về rượu. Lâu lâu có party có tiệc tùng, chúng ta uống một chút rượu cho vui, bởi vì cùng một vài ly xã giao đâu có hại gì, cũng không có gì quan trọng, mà sao Đức Phật phải bận tâm lo lắng, mà sao Đức Phật buộc phải gìn giữ? Khoan nói đến giới luật, khoan nói đến những điều Đức Phật khuyên bảo phải tiết chế điều độ, không đam mê say nghiện.

Nhìn vào đời sống bên ngoài xã hội, nếu rượu không phải là chất uống nguy hiểm, ngày hôm nay chính phủ Hoa Kỳ đã không đưa ra đạo luật nghiêm cấm những người uống rượu lái xe.

Có một câu chuyện chúng tôi muốn kể ra đây, để chia sẻ với quý vị.

Ngày xưa một vị Sa di đi tu đã được bốn hay năm năm. Một hôm nhớ cha mẹ, ông xin phép sư phụ về nhà thăm viếng. Khi về nhà, điều không may đối với ông đó là cha mẹ bận việc đi vắng. Trên đường từ chùa về nhà rất xa, thời tiết lại oi bức, khiến vị Sa di rất khát nước. Nhìn thấy hũ rượu nếp trên bàn, ông đã uống. Càng uống lại càng thấy khát, chẳng mấy chốc vị Sa di say mềm. Trong lúc say rượu, ông thấy một con gà ở nhà bên cạnh chạy qua. Vì say rượu vị sa di không còn tỉnh táo, không còn lý trí. Ông đã bắt và giết gà ăn thịt.

Khi bắt gà, vị Sa di phạm vào giới thứ hai là trộm cắp. Khi giết gà, vị Sa di phạm vào giới thứ nhất là sát sanh. Cũng trong thời gian này, người phụ nữ là chủ nhân của con gà bị bắt giết, đi tìm con vật sở hữu của gia đình. Vị Sa di không còn lý trí đã làm những việc xằng bậy, phạm vào giới tà dâm thứ ba. Cha của cô gái bị hại kiện vị Sa di ra tòa. Trước tòa án, ông phủ nhận không ăn trộm gà, không cưỡng bức người phụ nữ. Khi chối bỏ những sai quấy của bản thân, vị Sa di đã phạm giới luật thứ tư là nói dối. Nói chung vị Sa di này đã phạm cả năm giới mà khởi đầu là do uống rượu.

Nhìn lại câu chuyện này, chúng ta thấy rất rõ: Trước tiên vị sa di chỉ phạm vào giới cấm uống rượu. Nhưng từ sự vi phạm ban đầu này, ông đã vi phạm nhiều giới nghiêm trọng khác. Đưa ra ví dụ này chỉ để nhấn mạnh một điều: Đừng xem thường bất cứ giới luật nào, cũng đừng cho rằng một điều gì đó không quan trọng nên không cần gìn giữ một cách nghiêm túc.

Trở lại vấn đề phạm giới. Gần đây chúng ta được biết, dư luận báo chí và các cơ quan truyền thông đề cập rất nhiều đến ông Dominique Strauss-Kahn, Cựu Giám Đốc Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, phải đối mặt với cáo buộc môi giới mại dâm tại Thành Phố Lille Nước Pháp. Cùng ra tòa với ông Dominique Strauss-Kahn, có 13 đồng phạm từng là những quan chức cao cấp một thời.

Phiên tòa xét xử ông Strauss-Kahn bắt nguồn từ vụ bê bối “hiếp dâm” tại một khách sạn tại Hoa Kỳ làm xôn xao dư luận thế giới. Khi ông Dominique Strauss-Kahn chuẩn bị lên máy bay tại Phi Trường Quốc Tế John F. Kennedy ở New York để trở về Pháp Quốc, ông đã bị cảnh sát Hoa Kỳ bắt giữ khẩn cấp với cáo buộc tấn công tình dục cô Nafissatou Diallo, 33 tuổi, nữ nhân viên dọn phòng khách sạn, vào ngày 14 tháng 5 năm 2011, ngay tại căn phòng có giá \$3.000 Mỹ kim/1 đêm của khách sạn 5 sao Sofitel.

Vụ bắt giữ đương kim Tổng Giám Đốc của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, một tổ chức tài chánh lớn nhất nhì thế giới, đã làm chấn động dư luận thế giới. Scandal này được dàn xếp ổn thỏa tại một tòa án thượng thẩm

Hoa Kỳ, sau khi ông Dominique Strauss-Kahn đồng ý bồi thường một số tiền không được công bố tại tòa cho cô Diallo. Một nguồn tin thân cận ông cho rằng số tiền bồi thường lên tới \$6 triệu Mỹ kim.

Vụ án hiếp dâm đóng hồ sơ, nhưng quá đủ để làm tiêu tan sự nghiệp chính trị của ông Dominique Strauss-Kahn. Không những buộc phải từ chức Tổng Giám Đốc Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, vị cựu Bộ trưởng Tài chính của nước Pháp còn bỏ lỡ cơ hội ra tranh cử tổng thống năm 2012, thời điểm ông được xem là ứng cử viên sáng giá nhất để trở thành chủ nhân của Điện Elysee.

Đưa ra ví dụ cụ thể về một nhân vật quốc tế có danh vọng được cả thế giới ngưỡng mộ, người có quyền phê duyệt hay không phê duyệt cho quốc gia này hay quốc gia khác vay tiền... Chỉ vì sai phạm nhất thời đã khiến ông thân bại danh liệt; uy tín, danh dự, tình cảm, hạnh phúc gia đình bị tổn thương nghiêm trọng. Điều này cho thấy, bất cứ ai xao nhãng việc giữ gìn phẩm hạnh, chỉ cần đánh mất lý trí dù chỉ trong khoảnh khắc rất ngắn, cũng đủ phải đối diện với hậu quả nghiêm trọng, đôi khi ăn năn cả một đời cũng không chắc đã hết.

Một lần nữa chúng tôi muốn nhấn mạnh: Không thể xem thường việc giữ giới luật. Giới luật đóng vai trò vô cùng quan trọng và thiết yếu, không chỉ đối với người xuất gia tu hành mà đối với người tại gia hay cư sĩ cũng vậy.

Lợi ích của việc giữ giới và sống đúng chánh pháp.

Khi chúng ta dốc lòng trì giới sống theo đúng giới luật, sẽ được đón nhận những lợi ích vô cùng to lớn. Giới luật không chỉ bảo vệ phẩm giá – bao gồm tác phong, nhân cách đạo đức của chúng ta – mà chúng ta còn được người khác tôn trọng yêu quý. Điều đáng nói nhất ở đây, đó là chính đời sống phạm hạnh của từng người trong chúng ta. Đừng quên một người có phạm hạnh trang nghiêm, sẽ là nhân tố đặc biệt giúp cho thế giới nhân loại được thăng hoa viên mãn.

Hiểu theo một cách khác, hay nói rộng ra theo *Đại Thừa Bồ Tát Giới*, thì giới luật bao gồm ba điều gọi là “*Tam tụ tịnh giới*” được kể theo thứ tự như sau:

1. Nhiếp luật nghi giới: Điều răn thân nhiếp luật nghi. Giới luật có nhiều bậc: 10 giới trọng và 48 giới khinh của Bồ Tát, 250 giới của Tỳ Kheo, 348 giới của Tỳ Kheo Ni, 10 giới của Sadi, 5 giới của người Phật tử tại gia.... Tùy theo địa vị của mình mà giữ giới thể, gọi là Nhiếp luật nghi giới. Tức là *chut ác mạc tác*, đừng làm những điều ác, đừng gây tội lỗi.

2. Nhiếp thiện pháp giới: Giới thân nhiếp pháp lành, Phật tử đối với các pháp lành, những pháp môn trong Đạo Phật, cần thực hành tinh tấn, nên thực hành các thiện pháp, tức là chúng thiện phụng hành.

3. Nhiếp chúng sanh giới, hay còn gọi là *Nhiều ích hữu tình giới*. Khi đã tu tập luật nghi và tu tập

thiện pháp, nên lấy lòng từ bi làm lợi ích cho chúng sinh, phát nguyện cứu độ hết thảy chúng sinh. Tức là rộng cứu độ tất cả chúng sinh trong ba đường sáu cõi.

Những điều vừa trình bày cho thấy lợi ích vô lượng không thể nghĩ bàn của việc thọ trì giới luật. Ví như một đất nước thượng tôn luật pháp. Người dân tự nguyện bảo vệ luật pháp của đất nước mà mình đang cư trú, quốc gia sẽ tiết kiệm được ngân sách, vì không cần phải tuyển mộ hay trả lương cho nhân viên an ninh, cảnh sát; trong xã hội sẽ không còn tội phạm, không có những cảnh bắt cóc, giết người, cướp của, không còn bất cứ tệ nạn đáng sợ nào khác. Cũng như không có tà dâm, sẽ không còn những cảnh ngoại tình, không còn những gia đình tan nát chia ly, đổ vỡ hạnh phúc; không còn những người phải tự tử vì tình; cũng không còn những người căm thù người khác chỉ vì chữ tình oan trái.

Chúng ta biết rằng, khi tất cả mọi người đều phát nguyện giữ gìn giới luật mà Đức Phật đã chế định, thì lợi ích vô cùng to lớn. Lợi ích này không chỉ đối với bản thân, đối với gia đình, đối với đoàn thể, hay đối với tôn giáo chúng ta đang ký thác đức tin, mà còn đối với xã hội và thế giới nhân loại. Hãy nghĩ xem, nếu tất cả mọi người trong cộng đồng quốc tế đều giữ giới không sát sanh, không giết người, không giết sinh vật, thế giới sẽ không còn chiến tranh, không còn bất cứ tệ nạn hay bất cứ sự tranh giành nào khác. Quốc gia này sẽ không tranh chấp hay lấn chiếm biển đảo của quốc gia kia. Hiểm họa về chiến tranh

đẫm máu không xảy ra, sinh mạng của những người lương thiện, của những em bé không còn bị bom đạn tước đoạt.

Chỉ cần nhìn vào giới luật của Phật chúng ta sẽ thấy rằng, quan điểm của Đức Phật đã đi trước thời đại về rất nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề pháp luật, đạo đức, trật tự xã hội v.v

Lợi ích hữu hiệu nhất của giới luật, trong vấn đề tu học và nhờ giữ giới có thể chứng quả vị giải thoát giác ngộ.

Mỗi người đều có những giới hạn khác nhau, nói như vậy để chúng ta hiểu rằng nhân vô thập toàn, không có ai là người hoàn hảo, không ai là người không có khuyết điểm hay nhược điểm. Chúng ta là người không phải là thánh. Vì thế khi tiếp xúc với những đối tượng bằng giác quan, chẳng hạn như tai nghe âm thanh, mắt nhìn hình ảnh, lưỡi nếm mùi vị, mũi tiếp xúc với mùi hương... Tất nhiên là khi tiếp xúc như vậy, chúng ta không thể tránh những thèm khát, không thể tránh những ham muốn, nên dễ bị quyến rũ hay bị thu hút. Nhưng nhờ sức mạnh của giới luật, nhờ được giới luật bảo vệ, chúng ta tránh không bị những đối tượng của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp cảm dỗ.

Giới luật mang lại lợi ích lớn lao cho mọi người, nhất là các vị tu sĩ. Đức Phật dạy rằng, mỗi ngày khi các vị Tỳ kheo hãy sờ lên đầu tự hỏi: Tại sao phải cạo

đầu, cắt bỏ đi những mái tóc mà người đời gia công cố sức cắt-uốn-chải-ép cho thật đẹp. Để làm đẹp cho mái tóc, không chỉ tốn thời gian mà còn tốn tiền bạc. Chúng tôi có nghe câu chuyện, cắt nhuộm hay uốn một mái tóc tốn đến ba hay bốn trăm mỹ kim – số tiền có thể giúp một gia đình nghèo ở Việt Nam hay ở Phi Châu sống cả tháng.

Những người xuất gia, đã cắt bỏ mái tóc là quyết tâm tu tập tinh tấn. Mỗi khi sờ lên đầu, biết rằng mình đã từ bỏ mái tóc là một phần làm nên vẻ đẹp của thân thể, thì vì cố gì lại để lòng vướng mắc hay chạy theo những điều thuộc về sắc đẹp. Mặc pháp phục của người xuất gia được gọi là hoại y, để ý thức được vai trò, trách nhiệm, sứ mệnh lớn lao của người Tăng sĩ, đó là phải thanh tịnh hóa ba nghiệp. Từ sự thanh tịnh bản thân, người Tăng sĩ mới có thể giúp người khác sống thanh tịnh, phạm hạnh.

Cũng giống như vậy, khi muốn có bình trà nóng thơm, chúng ta phải súc bình trà cũ, đổ nước nguội ra. Nếu giữ nguyên xác trà cũ đã pha suốt một tuần qua, làm sao có được hương vị nóng thơm của một bình trà mới?

Phải từ bỏ, rửa sạch những điều nhớ nhớt, tham lam, sân hận, si mê trong tâm thức. Đây là những độc tố mà mỗi một người cần phải ý thức được, để không bị vướng mắc. Cũng giống như chúng ta tụng kinh nhiều, nhưng không nhớ lời Đức Phật dạy. Ngược lại chỉ nhớ những điều mê lung, như nhớ âm thanh của bài hát khiến lòng phải xao xuyến, như nhớ những

lời ca ngợi làm cho lòng tự mãn, hay nhớ những lời mắng chửi của tha nhân khiến lòng bực dọc khó chịu. Vì sao chúng ta lại nhớ những điều vô vị ấy? Xin thưa bởi vì chúng ta không nhận ra đó là độc tố.

Nếu biết thực phẩm trên bàn có độc, chúng ta có thản nhiên dùng chúng hay không? Trừ những người đã đánh mất lý trí, còn lại tất cả những ai tỉnh táo, sáng suốt chắc chắn sẽ không đụng đến các loại thực phẩm bị nhiễm độc đó. Cũng giống như vậy, vì không ý thức được tham-sân-si-mạn-nghi-ác-kiến là những điều độc hại, chúng ta cứ mãi ôm chặt trong lòng, không chịu bỏ ra, thật vô cùng nguy hiểm.

Sự trì giới đòi hỏi ý thức trong sáng, khi nghĩ về lợi ích của việc tuân thủ đúng giới luật và, cái hại của việc phá giới. Nhờ ý thức trong sáng về hai mặt đối nghịch này, chúng ta có thể gìn giữ giới pháp một cách trọn vẹn và tốt đẹp.

Giới luật có một sức mạnh vô biên, giúp mỗi người trong chúng ta có một đời sống lành mạnh, trong sạch. Nhờ giữ giới luật, xã hội sẽ được thái bình, được ổn định, không có nạn cướp bóc, không có tệ nạn, không có bất công, không rơi vào tình trạng hỗn loạn.

Ước mong mỗi người, cho dù là Phật Tử hay không phải là Phật Tử, nếu giữ những giới luật do Đức Phật chỉ dạy, sẽ có được một đời sống hạnh phúc, an lạc đích thực.

Chương 38

SANH TỨC HỮU DIỆT

Có Sinh Tất Có Diệt

第三十八章·生即有滅

Hán văn:

佛問沙門。人命在幾間。對曰。數日間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間。對曰。飯食間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間。對曰。呼吸間。佛言。善哉。子知道矣。

Phiên Âm:

Phật vấn Sa-môn: Nhân mạng tại kỷ gian?

Đối viết: Sở nhật gian.

Phật ngôn: Tử vị tri Đạo.

Phục vấn nhất Sa-môn: Nhân mạng tại kỷ gian?

Đối viết: Phạn thực gian.

Phật ngôn: Tử vị tri Đạo.

Phục vấn nhất Sa-môn: Nhân mạng tại kỷ gian?

Đối viết: Hô hấp gian.

Phật ngôn: Thiện tai! Tử tri Đạo hỷ.

Việt dịch:

Đức Phật hỏi một vị Sa-môn rằng: Mạng người dài được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, khoảng vài ngày.

Đức Phật dạy: Ông chưa hiểu biết đạo!

Lại hỏi một Sa-môn khác: Mạng người sống được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng một bữa ăn.

Đức Phật dạy: Ông chưa hiểu biết đạo.

Phật lại hỏi một vị Sa-môn khác: Mạng người được bao lâu?

Đáp rằng: Thưa, trong khoảng một hơi thở.

Đức Phật dạy: Lành thay! Ông đã hiểu biết đạo!

Anh ngữ:

Chapter 38: The Impermanence of Life

The Buddha asked a monk, “How do you measure the length of a man’s life?” The monk answered, “By days.” The Buddha said, “You do not understand the Way.”

The Buddha asked another monk, “How do you measure the length of a man’s life?” The monk answered, “By the time that passes during a meal.”

The Buddha said, “You do not understand the Way.”

The Buddha asked a third monk, “How do you measure the length of a man’s life?” The monk answered, “By the breath.” The Buddha said, “Very well, you know the Way.”

Lược giảng:

Ý chính của Chương thứ 38 như sau: Đức Phật muốn nhấn mạnh một thực tế, đó là sự sống rất mong manh, rất vô thường, rất ngắn ngủi. Chúng ta cần ý thức triệt để về bản chất vô thường giả tạo của một

đời người, ngô hầu có thể nỗ lực hơn nữa trong việc dụng công hành trì chánh pháp. Chỉ có như vậy, chúng ta mới không làm hoang phí đời sống vốn rất mong manh tạm bợ. Tổ Quy Sơn có dạy:

“Nguyên lý vô thường như sự già nua, bệnh tật, cái chết... không dự báo cho một ai. Sự ra đi chỉ xảy ra một sát na và đời sau đã hình thành ngay trong tích tắc ấy. Nguyên lý vô thường này rất phổ biến, tưởng chừng như những hạt sương mai lóng lánh chẳng mấy chốc đã còn đâu... Sự chuyển biến vô thường nhanh lẹ trong từng đơn vị nhỏ nhiệm của thời gian. Một hơi thở ra mà không hút vào đã trở thành đời khác của sự sống. Do đó, không một lý do gì được xem là hợp lý, khi chúng ta an nhàn để thời gian trôi qua một cách vô ích.”

Đức Phật nhấn mạnh đến phần “hiểu đạo,” và “không hiểu đạo.”

Hiểu đạo có nghĩa là thể nhập chân lý. Nói một cách đơn giản, một người Phật tử hay không phải là Phật tử, muốn tìm hiểu chánh pháp cần phải nghiên cứu thật tường tận, cần phải học hỏi đến nơi đến chốn và đem sự hiểu biết ứng dụng vào đời sống thực tế thể thật sự thể nghiệm giáo pháp. Bằng vào sự học hỏi và hành trì rốt ráo, chúng ta mới có khả năng hiểu trọn vẹn những lời dạy của Đức Phật.

Trong Kinh Bách Dụ có ghi lại một câu chuyện khá lý thú như thế này:

Một ngày kia người cha có việc phải vắng nhà;

ông gọi người con đến dặn dò: “*Con ở nhà phải xem cửa ngõ thật cẩn thận.*” Người con thưa: “*Xin cha yên tâm. Con sẽ xem xét cửa ngõ thật cẩn thận.*” Khi người cha đi rồi, ban đầu người con coi chừng nhà cửa rất tốt. Nhưng vài ngày sau, có gánh hát từ xa đến trình diễn ở gần nhà. Người con vẫn không quên lời cha dặn, vẫn chăm sóc nhà cửa chu đáo, không đi xem hát. Nhưng cuối cùng lời ca tiếng nhạc hấp dẫn quá, người con chẳng thể nào cưỡng lại sự cuốn hút của những âm thanh dặt dìu ấy. Vì thế, người con đã quyết định đi xem hát.

Trước khi đi, anh ta gỡ toàn bộ cửa lớn cửa nhỏ trong nhà, chất lên một chiếc xe và ngồi lên những cánh cửa để đi đến gánh hát.

Khi người cha trở về, tất cả những bảo vật trong nhà đều bị kẻ trộm lấy sạch. Ông hỏi con trai: “*Cha đã dặn con phải coi cửa ngõ cẩn thận, vậy vì lý do nào tất cả bảo vật trong nhà không cánh mà bay?*” Anh thưa rằng: “*Thưa cha, cha dặn con coi chừng cửa ngõ, thì tất cả mọi cánh cửa vẫn còn đây.*”

Ví dụ này cho thấy, một khi hiểu sai lời nói của bất cứ ai, hành động của chúng ta sẽ hoàn toàn không chính xác. Giống như vậy, nếu chúng ta không hiểu đúng những lời dạy của Đức Phật, ngài dạy một đường chúng ta thực tập một nẻo, tất nhiên không thể nào giác ngộ, giải thoát được. Đây là điều chúng ta cần đặc biệt quan tâm.

Vô thường tác động đến phần tâm thức bao gồm thọ, tưởng, hành và thức của con người.

Cũng giống như thân thể, phần tâm thức luôn luôn bị chi phối bởi luật vô thường. Khi chúng ta còn ở trong thân ngũ uẩn, lãnh vực tâm thức chưa đạt đến sự giác ngộ, tất nhiên sẽ luôn luôn biến chuyển trong từng sát na, lúc buồn lúc vui, lúc nóng giận lúc bình thản. Đây là những trạng thái, những dấu hiệu cho thấy sự thay đổi liên tục của tâm thức. Nhiều khi ngồi trên chiếc ghế, chúng ta cảm nhận rất bình yên, rất thoải mái. Nhưng điều gì sẽ xảy ra, nếu chúng ta bị bắt buộc phải ngồi mãi trên ghế suốt hai mươi bốn giờ đồng hồ, hay phải ngồi mãi suốt một tháng? Dĩ nhiên nếu phải ngồi lâu như vậy, chúng ta sẽ thấy tâm thức biến động, rất khó chịu. Không nhất thiết ngồi suốt hai mươi bốn tiếng, càng không cần ngồi cả tháng; chỉ cần ngồi một thời gian ngắn, tâm thức của chúng ta đã có những thay đổi không thể tri nhận được, nếu chúng ta chưa giác ngộ.

Chúng ta thường nghĩ rằng: Người lớn tuổi mới qua đời; điều này được xem như một định luật hiển nhiên, một điều rất bình thường. Nhưng một người còn quá trẻ nhưng đã qua đời thì sao? Sự kiện này phải chăng giúp chúng ta ý thức rằng, sống chết là vô thường, không chỉ xảy ra với người cao niên, mà có thể xảy ra với tất cả mọi người, kể cả trẻ em – những người hãy còn rất trẻ. Chúng ta vẫn nghe Đức Phật giảng dạy về sự vô thường, nhưng không nhớ. Cho đến khi chứng kiến sự ra đi của một người còn rất trẻ,

chúng ta mỗi giạt mình nhận ra sự vô thường không hề có kỳ hạn; ngược lại bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra những biến động, bất cứ lúc nào những điều vốn có từ trước cũng có thể biến mất.

Phương pháp giữ tâm thức luôn được an định, không bị sự vô thường tác động.

Nếu muốn tâm thức lúc nào cũng an lạc, không bị luật vô thường chi phối và tác động khiến chúng ta phải đau khổ, chúng ta có thể thực hành nhiều phương pháp. Những phương pháp này đã được Đức Phật giảng dạy từ nhiều ngàn năm trước. Tuy nhiên, bất cứ ai trong chúng ta có thực tập đều thấy được kết quả vô cùng lớn lao. Ví dụ như chúng ta có thể niệm Phật một cách nhất tâm bất loạn, không để tâm thức bị âm thanh, màu sắc, mùi vị, hay bất cứ điều gì chi phối.

Chúng ta thường tiếp xúc với thế giới bên ngoài bằng các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi... chúng ta có thể gìn giữ các cơ quan này được thanh tịnh, bằng cách niệm Phật, bằng cách theo dõi hơi thở, bằng cách quán tưởng đến một sự vật nào đó. Chúng ta có thể chọn một câu thần chú, thực hành phương pháp trì chú với mức độ tam nghiệp tương ứng. Hoặc giả chúng ta ngồi tụng kinh, rồi tư duy về một đối tượng nào đó. Ví dụ như chúng ta nhìn một bình hoa, quán chiếu sao để có thể thấy được bản chất thật sự của nó. Trong những thời khắc thực hành những điều như vừa đơn cử, chắc chắn chúng ta không bị sự đảo điên, sự loạn động của tâm thức do các trần cảnh chi phối.

Một hôm có tiếng chuông lớn vang lên, Đức Phật hỏi Tôn giả A nan:

- Tiếng chuông đến từ đâu?

- Từ chuông.

- Chuông? Nhưng nếu không có dùi chuông, thì làm sao có tiếng chuông?

- Cái dùi, cái dùi!

- Cái dùi? Nếu không có không khí, làm sao tiếng chuông có thể đến đây?

- Vâng? Dĩ nhiên! Nó đến từ không khí!

- Không khí? Nhưng trừ khi ông có lỗ tai, nếu không ông không thể nghe tiếng chuông.

- Vâng! Con cần có tai để nghe nó. Vậy nó đến từ tai con.

- Tai ông ư? Nếu ông không có ý thức, làm sao ông có thể biết tiếng chuông?

- Ý thức của con tạo ra tiếng chuông.

- Ý thức của ông? Vậy thì, A Nan, nếu ông không có tâm, làm sao ông nghe tiếng chuông?

- Nó được tạo bởi tâm thôi.

Đức Phật nói:

Mọi vật đều do tâm tạo, đúng không? Nếu bạn không có tâm, tiếng chuông đi đâu? Tiếng chuông từ đâu tới?

Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Nhược như dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”

Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, bảy lần Đức Phật hỏi ngài A Nan về tâm, ngài A Nan đã không thể trả

lời đúng. Tánh nghe, chơn tâm v.v... là những giáo pháp quan yếu đã được Đức Phật khai thị rất rõ trong Kinh Lăng Nghiêm.

Chúng ta nên thường xuyên quán chiếu cái tâm của mình, xem cái tâm như quyển sách hấp dẫn đọc đi đọc lại nhiều lần. Ngày nào cũng say mê đọc quyển sách tâm thức của chính mình, điều đó sẽ giúp ta biết rõ về tâm ý, về cảm giác của tâm. Chúng ta sẽ không còn bị chi phối bởi bất cứ đối tượng nào khi được tiếp xúc.

Người đời thường nghĩ, cái chết của thân xác tức là vô thường. Vậy những điều như sơn hà, đại địa, vũ trụ, cỏ cây, có đi theo luật vô thường biến đổi này không?

Tất cả các pháp có nghĩa là muôn sự, muôn vật, mọi hiện tượng, từ bên trong đến bên ngoài, đều thay đổi. Thân vô thường. Tâm vô thường. Hoàn cảnh vô thường. Tất cả vạn vật đều đổi thay biến dịch. Trái Đất này cũng sẽ có ngày bị tan vỡ thành từng ngàn tỷ mảnh. Hiện nay có những nơi lũ lụt vì nước sông nước biển trào dâng, nhưng lại có những nơi bỗng nhiên khô cạn. Có những nơi trước đây từng là ngọn núi cao, bây giờ đã trở thành bình nguyên. Nói chung, một sự vật cho dù lớn như Trái Đất hay nhỏ như một hạt sương, một hạt bụi, cũng đều thay đổi trong từng mỗi một giây phút ngắn ngủi.

Một Phật tử mới quy y vừa học đạo, cần phải thực hành giáo pháp như thế nào, phải sống như thế nào để được an lạc, để có thể xem nhẹ sự chết? Bởi vì nếu

một người sợ già, sợ chết, làm sao họ có thể coi nhẹ cái chết cho được?

Là người Phật Tử trong giai đoạn đầu tiên tầm đạo, việc trước tiên cần làm, đó là phải chọn một vị minh sư. Cho dầu khả năng của chúng ta là vô biên, nhưng ở giai đoạn đầu không chắc chúng ta có khả năng am hiểu tất cả những điều Đức Phật đã giảng dạy. Hoặc giả nếu chúng ta có thể hiểu hết mọi lời Phật dạy, điều này cũng chỉ là hiểu trên mặt lý thuyết, chứ trên mặt thực nghiệm hay thực chứng, chúng ta chưa thật sự đạt được rốt ráo. Chúng ta cần phải tầm sư học đạo, cần phải gần gũi với những bậc thiện hữu tri thức, tránh xa những người bạn xấu ác, có thể dẫn đưa chúng ta vào con đường sa đọa, đi ngược lại chánh pháp.

Có một câu nói rất đơn giản nhưng ý nghĩa vô cùng sâu sắc mà chúng ta thường nghe, đó là “*Ăn cơm có canh, tu hành có bạn.*” Chúng ta cần có những người bạn hiền lành, thiện tâm, để hỗ trợ chúng ta trong bước đầu tìm hiểu chánh pháp. Một khi đã học hỏi đến nơi đến chốn, chúng ta cần phải đầu tư thì giờ và năng lực, để thực tập những điều chúng ta đã học hỏi. Nếu không thực tập, cho dầu học hỏi nhiều đến đâu đi nữa, thì sự học hỏi này cũng không thể giúp ta giác ngộ được.

Người Phật Tử trong bước đầu tầm đạo, có nhiều điều cần thực hiện. Cũng như một hạt giống rơi xuống đất phải bị mục nát, phải bị tiêu hủy, phải chết đi, mới có thể nảy ra mầm. Và mầm non đó rất có thể sẽ

bị mưa gió, bị những loài chim hay loài thú làm cho thui chột, hay hư hỏng hay biến mất. Đây chính là lý do vì sao cần phải bảo vệ những mầm non. Người mới bước chân vào đạo, sự học hỏi chưa thấm nhuần sâu xa, đức tin chưa vững vàng, rất có thể bị những chướng duyên cướp đi niềm tin trong sáng. Do đó, họ cần phải có những người bạn hiền, có những vị thầy tốt để trợ duyên.

Nhờ ý thức được sự vô thường, phải chăng người Phật Tử nên phát Bồ đề tâm tu tập, để một ngày nào đó có thể giải thoát vòng sanh tử. Có phải đây là một cách nhìn khác, giúp cho bản thân không phải sợ hãi, khi đối diện với sự vô thường?

Đúng thế. Nếu học Phật, hiểu được Phật Pháp, thực tập những lời giảng dạy của Đức Phật, tất nhiên chúng ta sẽ hiểu rằng, sự vô thường là một qui luật tự nhiên và tất cả các hữu vi đều huyễn hóa. Thân xác được cấu thành bởi tứ đại của chúng ta chỉ là tạm bợ, vô ngã, không đáng để chúng ta phải nuối tiếc một khi thân xác chẳng còn thuộc về chúng ta. Điều quan trọng đó là trước khi cái chết đến, cướp đi tất cả những gì chúng ta đang có, chúng ta hãy ban phát, bố thí cho mọi người. Bởi vì khi cái chết đến, nó không chỉ cướp đi sự sống của chúng ta, mà cùng một lúc cướp đi tất cả những gì chúng ta đang thủ đắc ngoại trừ cái nghiệp mà chính ta tạo tác. Chúng ta phải nhanh tay hơn cái chết, nên phát tâm bố thí, cúng dường, và tu tạo những công đức lành, chia sẻ những gì cần chia sẻ cho tha nhân. Đây là điều rất quan trọng, bởi vì chỉ có chuẩn bị thật kỹ như vậy,

chúng ta mới không còn thì giờ để lo lắng về sự chết. Ngược lại chúng ta sẽ đón nhận cái chết, như đón nhận một người bạn thân thiết của bản thân.

Nói tóm lại, khi hiểu được cuộc sống là vô thường, chúng ta không hề sợ hãi trước bất cứ một biến đổi nào.

**Trong Tam pháp ấn, Vô thường đứng đầu.
Vây giáo lý nào không mang tính vô thường,
sẽ không phải là Phật Pháp.**

Bởi vì Tam pháp ấn cho thấy cái được gọi là thế giới hiện thực chỉ là ảo hóa, cũng chỉ do tâm biến hiện, thay đổi không ngừng, do vậy, Đức Phật gọi đó vô thường sinh diệt. Vô thường khổ, vô ngã hay niết bàn. Tất cả đều vô thường là một trong ba nguyên lý căn bản của Phật pháp. Ba nguyên lý này dựa trên toàn bộ cấu trúc nền tảng của Phật pháp, nên dù là với truyền thống Nguyên Thủy, Đại Thừa hay Kim Cang Thừa cũng đều lấy đó làm sở y.

Những điều nói trên nhằm xác định rằng, những thời giảng, những quyển kinh nếu có ba dấu ấn này thì được xem hoàn toàn phù hợp với chân lý. Ngược lại bất cứ bài giảng nào dẫu nghe rất hay, viết rất khéo, nhưng không nói lên được bản chất vô thường, khổ và vô ngã của các pháp, thì nên biết phải không phù hợp với Phật pháp.

Trong *Quy Sơn Cảnh Sách* có câu: “*Vô thường lão bệnh, bất dữ nhân kỳ. Triêu tồn tịch vong, sát na dị thế.*”

Quy Sơn Cảnh Sách là tác phẩm của Thiền Sư Linh Hựu. Do ngài ở núi Quy, nên người đương thời gọi ngài là Tổ Quy Sơn. Tổ dạy, “*Vô thường già bệnh không hẹn cùng ai. Sáng còn buổi chiều mất, trong tích tắc đã chuyển sang đời khác.*” Vấn đề ở đây là, hãy tinh tấn tu tập, trong lúc chúng ta còn có cơ hội tu tập. Đừng để khi bệnh tật đến, đừng để khi già yếu đến, đừng để khi cái chết đến, lúc đó chúng ta mới hoảng hốt tu tập, khi hối hận thì mọi sự đã quá trễ. Hãy nỗ lực tu tập, để ngay trong đời này có thể giải thoát vòng luân hồi sanh tử khổ đau.

Trong Kinh *Vô Thường*, Đức Phật đã dạy lý vô thường rất rõ, và được kinh ghi lại rằng:

Phật Thuyết Vô Thường Kinh

“Như thị ngã văn, nhưt thời Bạc già phạm tại Thất la phiệt thành, Thệ đa lâm, Cấp cô độc viên.

Nhĩ thời Phật cáo chư bậc sô hữu tam chủng pháp, ư chư thế gian thị bất khả ái, thị bất quang trạch, thị bất khả niệm, thị bất xưng ý. Hà giả vi tam? Vị lão, bệnh, tử. Nhữ chư bậc sô thử lão bệnh tử thế gian vô giả, Như Lai ứng chánh đẳng giác bất xuất ư thế vị chư chúng sanh thuyết sở chứng pháp cập điều phục sự. Thị cố ưng tri thử lão bệnh tử ư chư thế gian thị bất khả ái, thị bất quang trạch, thị bất khả niệm, thị bất xưng ý. Do thử tam sự Như Lai ứng chánh đẳng giác xuất hiện ư thế vị chư chúng sanh thuyết sở chứng pháp cập điều phục sự.

Nhĩ thời Thế Tôn trùng thuyết tụng viết:

Ngoại sự trang thể hàm qui hoại
 Nội thân lý biến diệt đồng nhiên.
 Duy hữu thắng pháp bất diệt vong,
 Tri hữu trí nhân ứng thiện sát,
 Thủ lão bệnh tử giai cộng hiền
 Hình nghi xú ác cực khả yếm
 Thiếu niên dung mạo tạm thời đình,
 Bất cứu hàm tất thành khô toái.
 Giả sử thọ mạng mãn bách niên,
 Chung qui bất miễn vô thường bức,
 Lão bệnh tử khổ thường tùy trực,
 Hằng dữ chúng sanh tác vô lợi.

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thị kinh dĩ chư bậc sô
 chúng, thiên, long, dục xoa càn thất bà, a tu la đẳng
 giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.”

Phật nói Kinh Vô Thường

Đồi Đường, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch ra
 chữ Hán - HT Thích Trí Thủ dịch ra chữ Việt:

“Tôi nghe như vậy. Một thời Phật tại thành Thất
 la phệet nơi rừng Thệ đa, vườn Cấp cô độc.

Bảy giờ Phật bảo các Tỳ kheo rằng trong các thế
 gian có ba pháp không thể yêu, không trong sạch,
 không thể muốn, không vừa ý. Ba pháp là gì? Là
 già, bệnh, chết. Nay các Tỳ kheo, nếu trong thế
 gian không già, bệnh, chết thì Như Lai ứng chánh
 đẳng giác không xuất hiện ra đời vì các chúng sanh
 nói pháp đã chứng và cách điều phục. Vậy nên biết
 rằng trong các thế gian, già bệnh chết này là không

thể yêu, là không trong sạch, là không thể muốn, là không vừa ý. Vì ba việc này Như Lai ứng chánh đẳng giác xuất hiện ra đời vì các chúng sanh nói pháp đã chúng và cách điều phục. Bấy giờ Thế Tôn lặp lại bài tụng rằng:

*Bề ngoài trang điểm đều hư hoại,
 Trong thân biến đổi cũng vậy thôi.
 Chỉ có thắng pháp thường chẳng mất,
 Các người có trí hãy xét coi!
 Đây già bệnh chết đều đáng chán,
 Hình nghi xấu xí thật khó ưa
 Tuổi trẻ dung nhan tạm thời đó,
 Nào có lâu chi, đều héo khô.
 Dẫu cho tuổi thọ trăm năm đủ,
 Chẳng khỏi vô thường nào bức thân.
 Già bệnh chết, khổ thường theo đuổi.
 Chẳng lợi gì cho thân chúng sanh.”*

Bấy giờ Thế Tôn nói kinh này xong, các chúng tỳ kheo, thiên, long, được xoa, càn thất bà, a tu la đều rất hoan hỷ tín thọ, phụng hành.”

Qua bài kinh *Vô Thường* này, nguyện cầu cho mỗi một người trong chúng ta tự thấp sáng tuệ giác siêu việt của mình, để có thể nhận chân được sự vô thường giả tạo. Từ đó tinh cần hơn trong việc tu tập, hầu chứng đạt vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Điều thứ nhất trong kinh *Bát Đại Nhân Giác*, đức Phật cũng đã dạy: Phải biết thế gian là vô thường; quốc độ thì mong manh không bền chắc; bốn đại là khổ, là không; năm ấm là vô ngã, hay sinh diệt đổi dời, nó giả

đối không thật, cũng không chủ; tâm là nguồn gốc của mọi điều ác; thân là chỗ tu tập nhiều điều tội lỗi. Nếu đúng như vậy mà quán chiếu thì xa dần sinh tử.

Hai chữ *Vô thường* (無常; sa. *anitya*; pi. *anicca*) dù được thường xuyên nhắc nhở, từ kinh luận cho đến thơ văn và đã trở thành một thuật ngữ hết sức quen thuộc nhưng không hẳn ai cũng liễu triệt được giáo nghĩa vô thường. Thiền sư Vạn Hạnh, (萬行禪師 – 938-1025, là Tổ đời thứ mười hai của dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruci), thầy dạy đạo pháp của vua Lý Thái Tổ đã để lại một bài kệ bất hủ, rằng:

身如電影有還無
萬木春榮秋又枯
任運盛衰無怖畏
盛衰如露草頭鋪。

*“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.”*

*Thân như bóng chớp, có rồi không
Cây cối xuân tươi, thu nào nùng
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông.*
(Ngô Tất Tố dịch)

Cũng để diễn tả sự vô thường, thi hào Nguyễn Du đã cảm thán trong bài *Đối tửu* (Uống rượu):

*“Thế sự phù vân chân khả ai”
[Thế sự như mây nổi thật đáng buồn thay]*

và, trong bài *Mạn hứng* (Cảm hứng lan man), ông biểu đạt:

“Bách tuế vi nhân bi thuận tức”

[Cuộc đời trăm năm chỉ là chốc lát buồn biết bao]

Biết được cuộc sống vô thường không phải để chúng ta bi quan, mà hãy tinh tấn tu tập, làm những điều phước thiện, đem lại lợi ích cho mình và tha nhân, để một ngày cuối đời chúng ta không phải hối hận hay sợ hãi trước lúc lâm chung và nhờ vun trồng căn lành mà nhiều kiếp trong tương lai sẽ hưởng được những phước báo thù thắng và, nếu tinh tấn tu học một cách rất ráo, chúng ta sẽ giải thoát vòng sinh tử luân hồi đầy dẫy đau khổ.

Chương 39

GIÁO HỐI VÔ SAI

Sự Dạy Bảo Vốn Không Phân Biệt

第三十九章。教誨無差

Hán văn:

佛言。學佛道者。佛所言說。皆應信順。
譬如食蜜。中邊皆甜。吾經亦爾。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Học Phật Đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ưng tín thuận. Thí như thực mật, trung biên giai đim, ngô Kinh diệc nhĩ.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người học đạo Phật, những lời Phật dạy, đều nên tín chắc thuận theo tu tập. Ví như ăn mật, trong ngoài đều ngọt; kinh điển của Ta cũng giống như thế.

Anh ngữ:

Chapter 39: The Dharma Is Like Honey

The Buddha said, “Those who study the doctrine of the Buddhas will do well to believe and observe all that is taught by them. It is like unto honey; it is sweet within, it is sweet without, it is sweet throughout; so is the Buddhas’ teaching.”

Lược giảng:

Ý chính của Chương thứ 39, Đức Phật muốn nhắc nhở chúng ta rằng: Đã là một Phật Tử, điều quan trọng nhất đó là, cần có một đức tin thật kiên định, thật vững chắc đối với những gì mà Đức Phật đã khai thị. Điều quan trọng tiếp theo, đó là cần phải học hiểu những giáo pháp của Đức Phật, như chính những giáo pháp đang là. Nhưng chỉ với niềm tin và sự hiểu biết không thôi, không thể giúp chúng ta chứng ngộ được. Không chứng ngộ thì không thể giải thoát ra khỏi phiền não, sinh tử khổ đau. Chính vì thế, một Phật tử không chỉ đòi hỏi có một đức tin trong sáng vững chắc, mà còn cần phải hiểu giáo pháp một cách rõ ráo, cũng như phải thực hành giáo pháp đến nơi đến chốn. Có như vậy mới giúp chúng ta có được đời sống thật sự hạnh phúc, an lạc.

Ví dụ là chúng ta thường tin vào những hình thức nhiều hơn là tin vào chân lý – vì thế Đức Phật muốn qua những hình thức đó – giúp chúng ta hiểu rõ về chân lý. Cụ thể là, chúng ta thường tin vào những pho tượng Phật, cho đó là những vị thần linh thiêng. Nghe thấy có người quảng cáo ở đâu có tượng Phật rất linh thiêng, nào Phật ngọc nào Phật vàng, chúng ta liền tức khắc tìm đến van vái lễ bái. Một đức tin như vậy, theo lời dạy của Đức Phật, không phải là chánh tín, mà là mê tín. Bởi vì Phật ở trong tâm, không phải ở những hình tượng bên ngoài. Hình tượng chỉ là biểu tượng. Qua những biểu tượng này, chúng ta phải nhìn thấy Đức Phật đang ngự trị ngay trong tâm thức của chúng ta, cũng như phải thấy được Phật tánh. Có

nghĩa là không phải nhìn thấy một hay nhiều tượng Phật, mà có thể nói hay hiểu rằng mình đã thấy Phật.

Trong kinh *Kim Cang*, đức Phật dạy:

*“Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị như hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai*

*(Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Người đó tu đạo tà!
Chẳng thấy được Như-lai).*

Chúng ta cầu Phật hay Như-lai không phải chấp vào hình sắc hay âm thanh bên ngoài, mà là nương vào hình sắc, âm thanh đó để soi lại chính mình, tinh tấn gạn lọc phiền não để thấy bản tâm thanh tịnh trong chính mình. Đó là Phật tánh, là Như-lai tạng, là chơn tâm, là bản thể tịnh lạc, giải thoát.

Như một số lần chúng tôi cũng đã chia sẻ: Khi Đức Phật còn tại thế, mỗi ngày ngài vào trong làng xóm để khát thực hóa duyên. Ngài đã đi ngang qua rất nhiều người, nhưng thử hỏi bao nhiêu người đã thật sự thấy Phật, bao nhiêu người đã thật sự gặp Phật, theo đúng ý nghĩa trọn vẹn là đã thấy và đã gặp Đức Phật: “*Kiến Phật ngộ vô sanh.*” Có hàng tỷ người, nhưng không phải ai cũng là đệ tử của Đức Phật. Điều này chứng minh họ từng đi ngang qua Đức Phật, nhưng đã không thấy Ngài cũng không nhận biết Ngài.

Là những người Phật tử cần phải có đức tin hoàn

toàn đúng với chánh pháp. Chúng ta không mê tín dị đoan. Chúng ta đừng tự biến bản thân, thành nạn nhân của sự mê tín. Nếu chúng ta mê tín, có nghĩa là chúng ta đang góp phần hủy diệt chánh pháp.

Phải tin tưởng và nương tựa vào Ngôi Tam Bảo.

Tam Bảo có nhiều nghĩa, nhưng tựu trung có ba nghĩa chính.

- 1- Đồng Thể Tam Bảo;
- 2- Xuất Thế Gian Tam Bảo;
- 3- Thế Gian Trụ Trì Tam Bảo.

Đại sư Trí Húc đã phân Tam Bảo thành bốn nghĩa:

- 1- Trụ trì Tam Bảo;
- 2- Thắng nghĩa Tam Bảo;
- 3- Đại thừa Biệt tướng Tam Bảo;
- 4- Nhất thể Tam Bảo.

Điều quan trọng đó là chúng ta phải đặt đức tin vào Đồng Thể Tam Bảo. Vì mỗi một chúng sinh, cũng giống như Đức Phật, vốn có Phật tánh như nhau. Phật tánh này bình đẳng, đang hiện hữu thường hằng trong tâm thức của chúng ta. Mỗi người cần quay về nương tựa vào Phật tánh, thấp sáng tự tánh, làm hiển lộ Phật tánh đang hiện hữu trong chính đời sống của chính mình. Bởi vì mỗi người vốn có Ngôi Pháp Bảo, mỗi chúng ta vốn có sẵn ngôi Tăng Bảo, đó chính là bản thể sáng suốt, bình đẳng, thanh tịnh và hòa hợp.

Nhưng vì là những người chưa thật sự hiểu đạo, chúng ta cũng đến chùa, cũng thờ Phật, cũng chọn

một bậc minh sư để quy y. Không ai có thể không phủ nhận những hình thức quan trọng này, bởi vì nếu không có hình thức thì không có nội dung. Nói đến nội dung, cũng đồng nghĩa với việc chúng ta gián tiếp nói đến hình thức. Hai mặt này tuy đối lập, nhưng rõ ràng là nó đang đồng lúc có mặt. Tuy nhiên, nếu chỉ bám víu vào hình thức suông, không tìm hiểu sâu hơn để có thể lãnh ngộ chân lý do Đức Phật khai thị, tất nhiên đây sẽ là sự thiệt thòi, là điều rất đáng tiếc.

Người Phật tử muốn tu tập phải có niềm tin vững chắc vào giáo pháp, vào Đức Phật, vào Tăng Đoàn. Nhưng, đã có những người tin vào ba ngôi báu mà không tin vào “*Phật tánh*” của bản thân, không tin vào khả năng tu tập và có thể thành Phật. Chỉ đặt niềm tin vào các tượng Phật, mà không tin vào khả năng thành Phật của mình thì đó là điều chưa hoàn hảo.

Đức Phật dạy rằng: Mỗi một người đều là Một Vị Phật Sẽ Thành, mỗi một người đều đang có Phật Tánh ở trong tâm; Đức Phật đã đặc biệt nhấn mạnh: “*Ta là Phật đã thành, các con là Phật sẽ thành.*” Chúng ta phải vững tin vào lời dạy này. Chính nhờ đức tin trong sáng nói trên, chúng ta mới có thể nỗ lực tu tập. Nếu chúng ta không tin bản thân mình sẽ thành Phật, thử hỏi làm sao chúng ta có thể bỏ thời gian, công sức để tu tập.

Thiền sư Khuông Việt nhìn thấy được Phật tánh vốn sẵn có trong mỗi chúng sanh nên cảm tác rằng:

“*Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sinh.*”

*Nhược vị mộc vô hoá
Toàn toại hà do manh?”*

Nghĩa là:

*“Trong cây vốn có lửa,
Sẵn lửa, lửa mới sinh ra.
Nếu cây không có lửa,
Khi cọ xát sao lại thành?”*

Phật tánh có sẵn trong mỗi chúng ta giống như lửa vốn có sẵn trong cây. Nếu chúng ta tinh tấn tu tập đúng theo lời đức Phật dạy thì Phật tánh của chúng ta sẽ được hiển bày.

Một ví dụ khác: Nếu chúng ta không tin thực phẩm này có thể giúp chúng ta được no bụng, chắc chắn chúng ta sẽ không ăn. Nếu chúng ta không tin loại thuốc kia có thể chữa lành bệnh tật, chắc chắn chúng ta sẽ không uống. Những ví dụ này mục đích chỉ để khẳng định một điều: Chúng ta phải tin rằng chính mình có khả năng thành Phật, nếu chúng ta thực hành đúng theo lời thuyết giảng của Đức Phật. Đây là điều quan trọng, giúp chúng ta có thể chứng đạo.

Trong Chương thứ 39, Đức Phật đưa ra thí dụ về việc ăn mật, cho dẫu ăn ở chung quanh chén hay giữa chén, vẫn cảm nhận hương vị ngọt ngào của mật. Vì sao Đức Phật lại dùng ẩn dụ này?

Trong Kinh *Pháp Cú*, Đức Thế Tôn đã dạy: *“Giáo pháp của Phật chỉ thuần một vị, đó là vị giải thoát. Cũng như nước trong biển cả chỉ thuần một vị, đó là vị mặn.”*

Trong Chương thứ 39 này, Đức Phật dùng một ví dụ khác, đó là mật. Đã là mật thì dù ở chung quanh, ở giữa hay ở trên miệng chén, cũng vẫn là mật, có cùng một vị ngọt. Qua ví dụ này, ngài muốn nhắc nhở chúng ta rằng, giáo pháp của Phật chỉ thuần một vị, đó là vị giải thoát. Cho dầu chúng ta ở Đông hay ở Tây, cho dầu chúng ta là người Việt Nam hay người Hoa Kỳ, chúng ta đều có Phật tánh bình đẳng. Khi tinh cần tu tập, cứu cánh mà chúng ta đạt đến, sẽ được giải thoát. Có thể nói đây là lời dạy vô cùng quan trọng của Đức Phật về sự công bằng, không phân biệt đông-tây-nam-bắc, không phân biệt văn hóa, chủng tộc hay người thuộc quốc gia này hoặc thuộc quốc gia khác.

Để thấy rõ tính chất bình đẳng trong đạo Phật, chúng ta cùng xem qua cuộc đối thoại sinh động giữa Ngũ tổ Hoàng Nhãn và Lục tổ Huệ Năng được chép trong kinh *Pháp Bảo Đàn* khi ngài Huệ Năng còn là một cư sĩ tới Huỳnh Mai yết kiến Ngũ tổ.

Tổ hỏi: “*Ông là người phương nào, muốn cầu việc gì?*”

Huệ Năng nói: “*Đệ tử là dân Tân Châu Lãn Nam, từ xa đến lễ bái, chỉ cầu làm Phật, chẳng cầu việc gì khác.*”

Tổ nói: “*Ông là người Lãn Nam, cũng là người kém văn hóa, làm sao có thể làm Phật được?*”

Huệ Năng nói: “*Người có Nam Bắc, Phật tánh vốn chẳng có Nam Bắc, thân hèn hạ này với thân hòa thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai biệt.*”

Qua cuộc đối thoại lần đầu tiên này, Tổ Hoàng Nhân đã xác định Ngài Huệ Năng là bậc Đại căn. Sau này lại thêm bài kệ kiến tánh trình Tổ, Ngài Huệ Năng được trao truyền y bát và kế nghiệp đời Tổ thứ Sáu của dòng Thiền Trung Hoa.

Như vậy, tất cả mọi người đều có Phật tánh, nếu nỗ lực tu tập, chắc chắn Phật tánh sẽ hiển lộ và, mọi người đều sẽ thành Phật.

Có một số người, thường bảo rằng: Một người khi đã đổi sang kiếp khác, sẽ có đời sống khác. Vậy những gì họ đã làm trong đời hiện tại, khi chuyển sang một cảnh giới khác, mọi chuyện sẽ không còn liên quan với họ nữa.

Một số người cũng tin rằng, chết là hết, là kết thúc tất cả, tin như vậy là đoạn kiến, không phù hợp với chánh pháp. Nếu chúng ta cho rằng không có kiếp sau, điều này thật sự nguy hiểm, vì chúng ta sẽ tha hồ hưởng thụ, hoặc tạo những việc ác, như vậy thế giới này sẽ ra sao? Hỏi tức trả lời. Hiện nay khoa học đã chứng minh là có kiếp sau. Nhiều người biết được tiền kiếp của họ. Có người sinh ra đã là thần đồng; tuổi còn rất trẻ đã theo học chương trình đại học. Sở dĩ được như thế là nhờ kiếp trước họ từng là những nhà bác học thông thái, nên đời này khi tái sanh làm người, họ nhớ lại quá trình từng học tập. Vì vậy chỉ trong một thời gian ngắn, họ có thể nhanh chóng phát triển trí tuệ, có khả năng hiểu biết siêu việt hơn người. Thực tế này được đề cập và chứng minh trong một số sách, với nhiều tài liệu khả tín rõ ràng. Nếu chúng ta tin rằng chết là hết không có kiếp

sau, không tin luân hồi nhân quả nghiệp báo, như đã trình bày, thế gian này trở thành nguy hiểm vô cùng như chúng tôi đã trình bày ở phần trên.

Đứng trên lãnh vực hiện tượng học, chúng ta thấy rằng: Mỗi một hạt giống, thí dụ như hạt avocado, khi trái chín rụng rơi xuống, thịt nó vỡ ra, hạt avocado ở trong đất tiếp tục tăng trưởng, trở thành một cây avocado khác. Mưa cũng vậy. Nước từ biển bốc hơi kết tụ thành mây. Mây gặp lạnh thành mưa rơi xuống biển hay trên mặt đất. Quá trình mây và mưa tiếp tục tuần hoàn theo bốn mùa liên li. Hiện tượng thiên nhiên tuần hoàn biến hóa như thế nào, tâm thức của con người cũng tuần hoàn, hay còn gọi là luân hồi biến hóa tương tự như thế. Chết không phải là hết. Chết rồi, tùy theo nghiệp lực đã tác tạo, chúng ta sẽ chuyển sinh vào những cảnh giới tương ứng, chẳng hạn như cảnh giới của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, loài người, chư thiên... Nếu nỗ lực tinh cần tu tập, chúng ta sẽ sinh vào cảnh giới của chư Phật, sẽ thành Phật, hay hóa thân làm những vị Bồ tát.

Mục đích của Chương thứ 39 là nhấn mạnh về niềm tin vào giáo pháp của Đức Phật – Tin vào giáo pháp của Đức Phật ở đây có nghĩa là tin vào khả năng của chính mình – Con người có thể chinh phục thiên nhiên, thay đổi vũ trụ. Quan trọng hơn, con người có thể tạo địa ngục hay thiên đường trong chính tâm thức của mình, chứ không phải một đấng toàn năng nào đó có quyền ban phước hay giáng họa. Do đó con người cần phát huy mặt thiện vốn có sẵn, để tạo

cuộc sống lợi ích, an lạc cho mình và người trong hiện tại cũng như tương lai.

Như vậy, niềm tin vào giáo pháp do Đức Phật khai thị, sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho xã hội. Chúng ta nên biết rằng: Cứu cánh của Phật Pháp là sự giác ngộ giải thoát, và khi một hành giả tu tập rốt ráo, đạt đến sự giác ngộ và giải thoát, họ không còn ích kỷ, vì bản ngã đã hoàn toàn triệt tiêu. Bản thân họ không còn khổ đau chính vì thế, trên tinh thần vô ngã vị tha chắc chắn khả năng cứu độ sẽ là khả năng to lớn.

Sự hiểu biết của người bình thường rất giới hạn, nhưng sự hiểu biết của bậc Đại giác ngộ là vô hạn. Với khả năng hiểu biết vô hạn như vậy, họ sẽ cống hiến và mang lại lợi ích không thể nghĩ bàn cho nhân loại và tất cả muôn loài. Có thể làm thay đổi cả một xã hội, chấm dứt chiến tranh, tệt nạn xã hội, nghèo đói, bất công và, kiến tạo một thế giới thái bình thịnh trị.

Tóm lại, đức tin của chúng ta phải là đức tin trong sáng, hoàn toàn phù hợp với chánh pháp. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể tự cứu mình và giúp đời. Chúng ta phải tin vào nhân quả, nghiệp báo. Tin rằng chết không phải là hết. Tin rằng cảnh giới này có thể khổ đau nhưng cũng có thể an lạc; an lạc hay khổ đau hoàn toàn tùy thuộc vào nghiệp lực mà chính chúng ta đã tạo ra. Hãy cố gắng tạo những nghiệp lành, tránh xa những nghiệp dữ và làm trong sạch tâm ý của mình.

Chương 40

HÀNH ĐẠO TẠI TÂM

Tâm Phải Thực Hành Theo Đạo

第四十章·行道在心

Hán văn:

佛言。沙門行道。無如磨牛。身雖行道。
心道不行。心道若行。何用行道。

Phiên Âm:

***Phật ngôn: Sa-môn hành Đạo, vô như ma
ngưu, thân tuy hành Đạo, tâm Đạo bất hành.
Tâm Đạo nhược hành, hà dụng hành Đạo?***

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Bậc Sa-môn hành đạo, không như trâu kéo cối mài đá, dù thân hành đạo, nhưng tâm chẳng hành đạo. Nếu tâm hành đạo thì dụng công hành Đạo làm gì?

Anh ngữ:

Chapter 40: Ox Turning a Millstone

The Buddha said: “O monks, you must not walk on the Way as the ox that is attached to the wheel. His body moves, but his heart is not willing. But when your hearts are in accord with the Way, there is no need of troubling yourselves about your outward demeanor”

Lược giảng:

Khi nói đến vấn đề tu tập, là nói đến tu tâm chứ không phải nói đến hình thức. Đây là điều vô cùng quan trọng của Giáo lý Phật Giáo.

Trong phần cuối của chánh văn, Đức Phật khai thị rằng: Chỉ cần tu tâm, không cần tu thân. Nhưng nếu có nhiều người chấp theo lời khai thị này để khẳng định, họ chỉ chú trọng đến phần tu tâm, không cần tu về hình tướng. Như vậy nên hiểu cách suy nghĩ này như thế nào?

Khi tu tập, nếu tâm của chúng ta hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn giác ngộ, đâu cần để ý đến bất cứ hình thức bên ngoài nào khác. Điều này nói đến tinh thần vô ngã tuyệt đối, nói đến điều mà đạo Phật gọi là *“Tâm dẫn đầu các pháp,” “Nhất thiết duy tâm đạo.”* Trong nhà thiền có câu chuyện như sau:

Một thiền sinh mới gia nhập thiền đường.

Thiền sư dạy:

- Hãy nhìn vạn pháp với cái nhìn hồn nhiên lặng lẽ và trong sáng.

Từ đó, mỗi ngày anh nhìn mọi sự vật trước mắt với tâm hồn nhiên, lặng lẽ và trong sáng: mây trôi trên bầu trời, giọt sương long lanh đầu ngọn cỏ, con chim hót trên cành, đóa hoa vàng mới nở,... nhất nhất hiện ra như một thế giới tinh nguyên mà anh vừa thể nhập vào.

Rồi một buổi sáng mùa xuân, bên cửa sổ thiền đường bỗng hiện ra bóng dáng một giai nhân tuyệt

sắc, nổi bật giữa muôn hoa rực rỡ trong ánh nắng bình minh. Cảnh vật như chìm đi sau hình bóng của nàng. Thế giới như thu lại chỉ còn một mình nàng là hình ảnh duy nhất đọng lại trong tâm hồn anh.

Nàng đã đi qua từ lâu mà lòng anh còn bồi hồi như mộng.

Chợt nhớ lời Thầy, anh hoảng hốt như lạc lõng giữa mây trời cây cỏ... chợt thấy rằng thế giới tinh nguyên mà anh vừa thể nhập chỉ còn là ảo ảnh. Còn ảo ảnh của nàng thì độc chiếm một cách hiện thực rõ ràng trong tâm khảm của anh.

Không giải quyết được xung đột nội tâm này anh đành tìm Thiền sư xin lời giáo huấn.

Thiền sư vẫn nói:

- Hãy nhìn hình ảnh bên trong với cái nhìn hồn nhiên lặng lẽ và trong sáng.

Theo lời Thiền sư dạy, vị thiền sinh này thực tập như vậy một thời gian thì hình ảnh của cô gái ấy không còn trong tâm khảm của anh nữa.

Như vậy, tất cả mọi hình tướng bên ngoài, thiện hay ác, đều phản ánh trung thực của tâm thức. Chính vì thế, Đức Phật dạy chúng ta hãy chú trọng vào cái tâm. Như chúng tôi đã từng chia sẻ, cái tâm của chúng ta phải được quán chiếu, như chúng ta đang đọc một quyển sách quan trọng nhất, hấp dẫn nhất. Mỗi ngày cần phải đọc nhiều lần, để có thể hiểu được mọi trạng thái tâm thức, kể cả những cảm nhận của tâm thức. Lập lại ý này, để một lần nữa nhấn mạnh rằng: Tâm

thật sự quan trọng đối với các vị sa môn, đối với các Phật tử, và đối với tất cả những ai đang muốn tìm hiểu Phật pháp hay không muốn hiểu Phật pháp.

Dựa vào Chương thứ 40 này, chúng ta biết rằng: Đến chùa công việc quan trọng là phải tu tâm; trong khi có một ít Phật tử, cũng đến chùa tọa thiền, niệm Phật, làm công quả, nhưng tâm không an định, không có chánh niệm, lúc nào cũng mông lung, vọng động. Như vậy những điều họ thực hiện chỉ thuần túy mang nặng hình tướng bề ngoài, có tạo được phước báo nào không?

Đức Phật đã thuyết giảng: Tâm là phần chính, là phần chủ động. Đối với công việc tu tập của người con Phật, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả. Tâm ảnh hưởng đến ngôn ngữ hay hành động, nếu tâm xấu ác sẽ tạo ra những điều ác và nói năng không lương thiện. Giống hệt như bánh xe, lăn theo chân con bò kéo xe như kinh Pháp Cú đã dạy.

Trong vấn đề tu tập, nếu chúng ta chỉ chú trọng hình thức bên ngoài, không tu tâm sửa tánh thì đây là điều hết sức sai lầm.

Nếu chỉ chú trọng hình thức bên ngoài không thôi, đó là tu cầu tướng, cầu danh, cầu lợi, chứ không phải là tu thật sự. Bởi vì cái tâm sẽ chi phối toàn bộ hành động và ngôn ngữ của chúng ta.

Từ những nhận định nói trên, Phật Giáo xem tâm là điều tối ưu quan trọng, tâm là điều chủ yếu, vì tâm dẫn đầu tất cả các pháp.

Khi chúng ta đến chùa, đối với tập thể là đại chúng, chúng ta cần chú trọng đến cái tâm của mình. Một khi tâm đã có chánh niệm, hành động biểu lộ ở bên ngoài cũng đúng với chánh pháp.

Khi chúng ta đến chùa làm công quả, tụng kinh, thiêu quán, làm tất cả Phật sự nhưng đồng lúc phải duy trì chánh niệm

Nên nhớ: Nếu đem chánh tâm làm việc tà, việc tà sẽ thành chánh. Nhưng nếu đem tâm tà làm việc chánh thì việc chánh sẽ biến thành tà.

Một số người thỉnh thoảng đặt câu hỏi: Tại sao một số thầy để tóc hơi dài mà không cạo đầu thật láng? Thời đại hiện nay, có rất nhiều thanh niên cạo đầu thật láng, mỗi ngày cạo một lần. Sau đó thoa một loại dầu khiến đầu lúc nào cũng bóng láng.

Hình thức cạo đầu và thoa dầu thật bóng láng, đã đang trở thành một mode thời trang. Điều này không giống như mục đích cắt tóc của các vị sa môn. Đức Phật dạy rằng, những người xuất gia cắt tóc để hủy hoại hình tướng, không giống như cách của những người cạo đầu thời nay theo phong trào, là mode. Xuất gia chỉ đơn giản cắt bỏ mái tóc, theo đúng giới luật Phật chế. Nếu cạo sạch rồi xoa dầu bóng láng, thì lại trở thành một “căn bệnh” coi trọng hình thức.

Đây chính là lý do vì sao có nhiều thầy không muốn biến bản thân mình thành loại người tu theo hình thức. Hơn nữa, vì Phật sự đa đoan đôi lúc nhiều thầy không có thời giờ chăm sóc hình thức bên ngoài.

Nhưng nói như vậy không có nghĩa là xem nhẹ hình thức, bởi vì hình thức bên ngoài cũng rất quan trọng đối với người xuất gia. Do đó, nếu thấy tóc quá dài, chắc chắn cần phải cạo bỏ.

Phước báo hữu lậu và phước báo vô lậu.

Nói đến phước báo là nói đến hai loại hữu lậu và vô lậu. Phước báo hữu lậu có nghĩa là, khi chúng ta làm việc thiện, bố thí, giúp đỡ người nghèo, chúng ta sẽ nhận được phước quả sẽ được sanh về cảnh giới tốt hay cảnh giới chư thiên. Nói một cách khác, phước báo hữu lậu mà chúng ta tạo ra cho dù lớn đến đâu đi nữa, cũng lẫn lẩn trong tam giới nên được gọi là hữu lậu. Chữ “lậu” trong “hữu lậu” có nghĩa là rơi rớt, chưa thoát ra khỏi luân hồi sanh tử, còn nằm trong ba cõi.

Phước báo vô lậu còn được hiểu như là công đức. Công đức vô lậu không thể nghĩ bàn vì làm bằng cái tâm không trụ trước, không ô nhiễm, không mưu cầu. Từ chỗ không mong cầu, không ô nhiễm, không chấp ngã pháp, nên diệu hạnh không thể nghĩ bàn, giải thoát khỏi vòng luân hồi trong ba cõi. Xin kể câu chuyện về phước báo của Bà Lão Nghèo cúng dường đầu cho Đức Phật.

Một thời, đức Phật ở nước La Duyệt Kỳ, tại núi Kỳ Xà Quật. Lúc bấy giờ, vua A Xà Thế thỉnh đức Phật dự lễ trai tăng trong Hoàng cung. Sau khi thọ trai, đức Phật trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Vua hỏi Kỳ Bà rằng:

- Ta thỉnh Phật thọ trai xong, nay không biết làm gì?

Kỳ Bà nói:

- Ngài nên đem rất nhiều đèn để cúng dường Phật. Vua liền sai chở một trăm thùng dầu về tịnh xá Kỳ Hoàn.

Có một bà già rất nghèo, có tâm chí thành muốn cúng dường đức Phật mà không có tiền. Bà thấy vua A Xà Thế làm công đức như vậy, rất lấy làm cảm kích.

Bà đi xin được hai tiền, liền đến nhà hàng mua dầu. Chủ hàng hỏi:

Bà rất nghèo túng, xin được hai tiền, sao không mua đồ ăn mà lại mua dầu?

Bà già đáp rằng:

- Tôi nghe ở đời gặp đức Phật rất khó, vạn kiếp mới được một lần. Tôi nay may mắn được sanh đời Phật, mà chưa có dịp cúng dường. Ngày nay tôi thấy Vua làm việc đại công đức, lòng rất cảm kích. Tôi tuy cùng khổ, cũng muốn cúng dường một ngọn đèn để làm căn bản cho đời sau.

Lúc bấy giờ người chủ quán cảm phục chí nguyện của bà già, liền đong thêm cho 3 tiền thành được năm tiền dầu. Bà đến trước đức Phật, thắp đèn, tự nghĩ dầu thắp không quá nửa đêm, bà phát nguyện rằng:

“Nếu sau này tôi được chứng đạo như đức Phật thì ngọn đèn sẽ đốt suốt đêm và sáng tỏ khác thường.”

Phát nguyện xong, bà lễ Phật rồi về.

Cái ngọn đèn của Vua cúng dường, có ngọn tắt, có ngọn đỏ, tuy có người săn sóc, nhưng không được châu toàn. Riêng ngọn đèn của bà lão thì chiếu sáng hơn các ngọn đèn khác, suốt đêm không tắt, dầu lại không hao.

Trời sáng, đức Phật bảo ngài Mục Kiền Liên rằng:

- Trời đã sáng, hãy vào tắt các ngọn đèn.

Ngài Mục Kiền Liên vâng lời, thứ lớp tắt các ngọn đèn, nhưng riêng ngọn đèn của bà già thì tắt ba lần cũng không được, sau lấy áo chà sa mà quạt, ngọn đèn lại đỏ rực rõ hơn. Đức Phật bèn bảo rằng:

- Hãy dừng lại! Ngọn đèn ấy là hào quang công đức cho một vị Phật tương lai, không thể lấy thần thông của người mà trừ diệt được.

Vua A Xà Thế nghe nói như vậy liền hỏi Kỳ Bà rằng:

- Ta làm công đức rộng lớn như vậy mà đức Phật không thọ ký cho ta thành Phật, còn bà già kia chỉ thắp một ngọn đèn mà được thọ ký là cố làm sao?

Kỳ Bà đáp rằng:

- Ngài cúng đèn tuy nhiều mà tâm không chuyên nhất, không bằng tâm địa thuần thành của bà già đối với đức Phật.

Phương pháp tu để đạt được phước báo, sớm thoát sanh tử.

Người Phật Tử khi tu tập, muốn thoát ra khỏi luân hồi sanh tử, cần phải đoạn trừ tất cả mọi phiền não, hoàn toàn dứt tuyệt, không còn vi tế hoặc, thì mới đạt

được cứu cánh giải thoát tức thành Phật. Con đường từ phàm phu tiến đến quả vị Phật rất xa. Chúng ta từng bước đoạn trừ tất cả mọi phiền não vô minh, thông qua nhiều pháp môn mà Đức Phật đã chỉ dạy. Căn cơ, trình độ thích hợp với pháp môn nào, chúng ta sẽ lựa chọn pháp môn đó để hành trì, đoạn trừ phiền não, vô minh không còn chút bợn nhơ. Khi những điều được gọi là “vì tế hoặc” hay là “vô minh hoặc” v.v... không còn nữa, lúc đó mới thành Phật.

Chánh báo và y báo của người tu đúng chánh pháp.

Chánh báo là quả báo gốc của nghiệp do con người tạo ra. Chánh báo là thân tâm. Y báo là quả báo nương tựa vào chánh báo mà có, chẳng hạn như nhà cửa, cảnh vật chung quanh... Đối với một cảnh vật nói chung hay con người nói riêng, đều có chánh báo và y báo. Nhìn vào góc độ của từng quốc gia cũng như vậy, cũng có những chánh báo và y báo khác nhau.

Chánh báo và Y báo nương tựa với nhau. Người nào tạo ra một nhân quả tốt đẹp ở đời trước, có chánh báo tốt, chắc chắn họ sẽ được sinh ra trong một quốc gia có những điều kiện tốt đẹp, chắc chắn họ sẽ được gặp Phật Pháp, có điều kiện thuận lợi để tu tập một cách trang nghiêm. Còn người nào tạo nghiệp dữ thì chắc chắn sẽ lãnh lấy hậu quả xấu ác. Xin dẫn một câu chuyện của mẹ Tôn giả Mục Kiền Liên, Ngài là đệ tử lớn của Phật nổi tiếng là có thần thông bậc nhất. Sau khi chứng A La Hán, Ngài nghĩ đến mẹ là bà Thanh

Đề. Bình sanh bà sống không lương thiện, tánh tình keo kiệt tham lam, Tôn Giả sợ bà thác sanh vào đường ác, nên dùng thiên nhãn thông để xem bà sanh ở cõi nào. Tôn Giả nhìn đến cõi ngạ quỷ thấy bà đang làm quỷ đói thân hình tiêu tụy vô cùng đói khổ, động lòng thương, Tôn Giả đi khuất thực được một bát cơm, liền vận thần thông đem dâng cho mẹ. Bà vốn là kẻ đầy lòng tham lam và bòn xén, khi vừa được bát cơm một tay bà bốc cơm một tay che lại, sợ kẻ khác thấy giựt cơm của bà. Do tham lam bòn xén còn đầy dẫy trong lòng bà, nên cơm vừa đưa tới miệng thì hóa thành lửa, bà không ăn được, vẫn đói khổ. Nếu lúc đó bà phát tâm hỷ xả, thì chắc cơm không hóa thành lửa. Tôn Giả Mục Liên Liên trông thấy cảnh khổ của mẹ, Ngài không biết làm sao cứu mẹ thoát khỏi kiếp ngạ quỷ, bèn trở về Phật bạch tự sự. Thế Tôn dạy: Một mình ông không đủ oai lực chuyển tâm niệm của mẹ ông. Vậy nhân ngày chúng tăng hội về tự tứ, ông hãy sắm sửa trai nghi để cúng dường các vị Thánh Tăng, và nhờ cầu nguyện khiến cho mẹ ông chuyển tâm tham lam bòn xén thì sẽ thoát kiếp ngạ quỷ.

Một ít người không hiểu, nên cho rằng câu chuyện Mục Liên cứu mẹ là huyền thoại, thực ra, đó là một chuyện rất thật.

Khi chú nguyện cho một người đang đau khổ để giúp họ giải thoát khổ đau cần hội đủ những yếu tố quan yếu như:

- 1- Lòng thành của trai chủ,
- 2- Năng lực thanh tịnh của chư Tăng,
- 3- Năng lực mầu nhiệm vi diệu của chánh pháp,

4- Lòng thiết tha mong cầu được cứu độ của người đang đau khổ.

Cũng giống như vậy, khi nói đến thế giới Cực lạc của Đức Phật A Di Đà, người ta nghĩ ngay đến chánh báo và y báo nơi thế giới cực lạc Phương Tây, chúng sinh dù đời (mang) nghiệp vãng sanh cũng dễ dàng trong việc tu tập và chuyển hóa.

Bởi vì chánh báo vô cùng trang nghiêm, nên y báo hoàn toàn trang nghiêm. Vì có con người tốt, mới có cảnh vật tốt. Người tài trí đức hạnh ở đâu, hoàn cảnh sẽ chuyển theo họ trở thành tốt đẹp viên mãn đến đó. Trong cõi sa bà của chúng ta cũng vậy, chánh báo và y báo có mối tương quan mật thiết lẫn nhau.

Khi có chánh báo và y báo trang nghiêm, chúng ta sẽ đóng góp cho quốc gia mà chúng ta đang cư ngụ nhiều điều tốt đẹp. Càng có nhiều người cùng tu tập tốt, sự đóng góp càng lớn. Cõi ta bà này sẽ trở thành cõi tịnh độ, ảnh hưởng tốt vô cùng sâu rộng và lớn lao.

Tuy nhiên, nếu hành giả muốn vãng sanh về cảnh giới cực lạc, những yếu tố căn bản cần phải có đủ đó là: Tín, Hành và Nguyện đó là chưa kể đến việc thực hiện những công đức thù thắng.

Vấn biết một Phật tử phải tu tập và sống đúng chánh pháp, nhưng lời giảng dạy của Đức Thế Tôn về giáo pháp mênh mông như biển cả. Làm thế nào nhận ra những điều căn bản nhất, những bài học cụ thể nhất, giúp các đệ tử gia có thể áp dụng trong đời sống thường ngày, để việc tu học Phật càng ngày càng thăng tiến?

Sau khi thành đạo dưới cội bồ đề, bài pháp đầu tiên Đức Phật thuyết giảng tại vườn Lộc Uyển, đó là bài pháp “*Tứ Diệu Đế*.” Trong phần Đạo Đế – chân lý về con đường thoát khổ – Đức Phật có dạy về Bát Chánh Đạo. Điều đầu tiên của Bát Chánh Đạo là “*Chánh Tri Kiến*,” tức là sự hiểu biết phải hoàn toàn chân chánh, hoàn toàn đúng với chân lý.

Muốn có sự hiểu biết phù hợp với chân lý, không có cách nào khác, ngoại trừ việc y cứ vào chánh pháp để học hỏi, tu tập. Có học hỏi và tu tập đúng chánh pháp, cái nhìn của chúng ta về mọi sự vật mới thấu triệt, mới chân xác. Ngược lại, chúng ta sẽ nhìn mọi sự vật qua một cặp kính màu, chứ không thật sự nhìn thấy sự vật như chính sự vật đang là; không thật sự nhìn thấy đối tượng như chính đối tượng là.

Để có thể quán chiếu một cách thấu triệt, chân xác từng sự vật, từng đối tượng, nhất cử nhất động của chúng ta – từng suy nghĩ, từng hành động, từng lời nói phải hoàn toàn đúng như những gì mà Đức Phật đã giảng dạy. Ngài là bậc Đại giác, những điều ngài dạy là sự thật, là chân lý. Một khi chúng ta sống đúng với chân lý, có nghĩa là chúng ta sống đúng với chánh pháp. Chúng ta không suy nghĩ vớ vẩn, không nói sai sự thật, không hành động bất thiện.

Từ khi Đức Phật thành đạo cho đến khi nhập niết bàn, cuộc đời của ngài là một thời gian bao gồm 49 năm thuyết pháp. Chúng ta hiểu rằng: Một người Phật tử tu tập thì làm đúng lời Phật dạy: “*Chớ làm các việc ác, thành tựu các hạnh lành và, thanh tịnh tâm ý của mình.*”

Trong xã hội công nghệ thông tin kỹ thuật văn minh, tân tiến về mọi mặt của thế kỷ 21, nhịp sống thật nhanh, thật vội, thật nhiều biến động. Mỗi một người gần như đều lao vào thế giới vật chất không ngừng nghỉ, cố gắng theo đuổi sự nghiệp, cố gắng giữ vững công danh. Trong khi đó chương thứ 40 Đức Phật dạy rằng, chúng ta nên chú trọng đến tâm, cố gắng thanh tịnh hóa cái tâm. Như vậy xin hỏi mỗi một Phật tử, cũng như những người đang tìm hiểu Phật pháp, cần phải làm gì để giữa dòng nhân thế đa đoan này, vẫn giữ được nội tâm thanh tịnh?

Cho dầu mọi người hầu như bị cuốn theo cơn lốc xoáy không ngừng nghỉ của xã hội công nghệ tin học kỹ thuật hiện nay. Nhưng nếu chúng ta biết cách tu tập tốt, đem giáo lý do Đức Phật giảng dạy áp dụng vào đời sống thường ngày, chúng ta vẫn nhận được những kết quả hữu hiệu. Không phải vì bận rộn, mà chúng ta không thể tu tập. Bởi vì trong các pháp môn của Đức Phật, có rất nhiều phương cách chúng ta có thể áp dụng một cách thích hợp với công việc.

Ví dụ: Nếu có nhân duyên tiếp cận với pháp môn Thiên, bất cứ ai cũng có thể chú ý theo dõi hơi thở, Nhờ chú ý theo dõi hơi thở, chúng ta sẽ có được sự an định. Nếu chúng ta thích hợp với pháp môn Niệm Phật, chúng ta có thể nhất tâm niệm Phật trong mọi trường hợp, mọi tình huống. Như vậy tâm hồn của chúng ta luôn được an trú trong chánh niệm. Sự tu tập phải được liên tục suốt ngày, chứ không chỉ thiền định hay niệm Phật trong thời gian rảnh rỗi.

Nói tóm lại, chúng ta đang hiện hữu trong cảnh giới tràn ngập đau khổ, nếu muốn giải thoát khổ đau, cần phải hành trì Phật pháp.

Ước mong mỗi một chúng ta ý thức rằng, cho dầu thời đại chúng ta đang sống rất tân tiến, rất văn minh, nhưng không phải do văn minh hiện đại mà nhân loại có thể giải quyết tận gốc rễ sự đau khổ, mà mỗi cá nhân đã và đang đối diện trong từng giây từng phút. Vì thế, chúng ta cần đầu tư thời giờ và năng lực nhiều hơn để chăm sóc đời sống tâm linh của mình thật kỹ. Chỉ có như thế chúng ta mới có thể giải thoát mọi khổ đau, mới có thể thành tựu hạnh cứu độ.

Tục ngữ Pháp có câu: “*L’habit ne fait pas le moine,*” tức là: “*Chiếc áo cà sa không tạo ra người tu sĩ.*”

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy:

“*Sanh diệt ký diệt. Tịch diệt hiện tiền.*”

Nghĩa là: Sinh diệt đã diệt, thì tịch lặng, an lạc có mặt.

Kinh Kim Cang dạy:

“*Ly nhứt thiết tướng thị danh thực tướng*”

Nghĩa là: Xa lìa tất cả tướng, đó là thật tướng.

Những lời dạy trong các Kinh vừa trích dẫn rất phù hợp với Chương 40 này.

Chương 41

TRỰC TÂM XUẤT DỤC

Ngay Thẳng Dứt Trừ Dục Vọng

第四十一章·直心出欲

Hán văn:

佛言。夫為道者。如牛負重。行深泥中。疲極。不敢左右顧視。出離淤泥。乃可蘇息。沙門當觀。情欲甚於淤泥。直心念道。可免苦矣。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Phù vi Đạo giả, như ngưu phụ trọng, hành thâm nê trung. Bì cực, bất cảm tả hữu cố thị. Xuất ly ú nê, nãi khả tô tức. Sa-môn đương quán, tình dục thậm u ú nê, trực tâm niệm Đạo, khả miễn khổ hỷ.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Người hành đạo ví như con trâu chở nặng, đi trong bùn sâu. Vô cùng mỏi mệt, chẳng dám nhìn trái ngó phải; ra khỏi chốn bùn lầy mới dám dừng nghỉ. Bậc Sa-môn phải quán chiếu (để thấy), tình dục còn tệ hơn bùn lầy. Phải một lòng nhớ nghĩ đến đạo thì mới có thể thoát khỏi thống khổ.

Anh ngữ:

Chapter 41: A Steadfast Mind Frees One from Desire

The Buddha said: “Those who practice the Way might well follow the example of an ox that marches through the deep mire carrying a heavy load. He is tired, but his steady gaze, looking forward, will never relax until he come out of the mire, and it is only then that he takes a respite. O monks, remember that passions and sins are more than the filthy mire, and that you can escape misery only by earnestly and steadily thinking of the Way.”

Lược giảng:

Đức Phật muốn nhắc nhở chúng ta rằng, chướng duyên lớn nhất trong tiến trình hướng đến giải thoát giác ngộ, đó là tình dục. Do vậy mà những hành giả đang trong thời kỳ tu tập, cần phải quán chiếu để thấy rõ được sự nhơ nhớp, sự nguy hiểm của tình dục. Không đánh mất chánh niệm, ngược lại tinh tấn tu tập một cách phi thường, chỉ có như thế mới tránh được sự đắm nhiễm và, mới có thể giác ngộ giải thoát.

Có rất nhiều Chương trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật nhấn mạnh đến tình dục. Sự nguy hiểm khi say mê sắc dục như thế nào chắc chắn ai cũng biết. Chúng ta từng chứng kiến những nhân vật tên tuổi trên chính trường, chỉ trong phút chốc trở thành những tù nhân chỉ vì vướng vào scandal tình dục.

Đức Phật dạy: Người say đắm tình dục, chẳng khác nào người đang gởi thân mạng trên gươm sừng. Bản thân luôn luôn buồn rầu, lo âu, sợ hãi, thất tình, tuyệt vọng. Gia đình vì vậy mà tan vỡ. Xã hội vì vậy trở nên bất ổn. Chính vì thế, nói đến sự nguy hiểm của tình dục, là nói đến một điều mà ngôn ngữ không thể nào diễn tả đầy đủ. Đó là chưa nói đến bệnh tật, chưa nói đến những sự hiểm nghèo khác. Tuy nhiên, chỉ trong phạm trù giới hạn này chúng ta cũng nhận thức rõ, sự say đắm tình dục là điều vô cùng nguy hiểm.

Xưa kia ở Chiết Giang có một vị Hòa thượng lập chí tu hành. Ngài phát thệ nguyện không sợ gian khổ, nhất định tu thành. Quả thực vị Hòa thượng này rất tinh tấn khổ tu, thường xuyên ngồi thiền, không nằm ngủ một cách thoải mái.

Một đêm nọ, bỗng nhiên có một mỹ nữ xinh đẹp đi đến bên vị Hòa thượng này. Vị Hòa thượng trong lòng biết rằng mình đã gặp ma sắc đến dẫn dụ, ngài liền nhắm mắt và thiền định, không nghe, không nhìn mỹ nữ này.

Mỹ nữ xinh đẹp kia dùng đủ mọi chiêu thuật để dẫn dụ vị Hòa thượng nhưng bởi vì hòa thượng có tâm chính, không động niệm dâm dục cho nên mỹ nữ một mực không thể đến gần ông.

Từ sau hôm đó, đêm nào mỹ nữ kia cũng xuất hiện bên cạnh ông và dùng đủ mọi thủ đoạn mê hoặc Hòa thượng, nhưng vị Hòa thượng vẫn một mực giữ vững tâm của mình, không động niệm trước sắc dục.

Cuối cùng, mỹ nữ kia nói: “*Định lực của ngài cao như vậy, ta thực sự phải đoạn tuyệt vọng tưởng. Ngài hiện tại đã đạt đến cảnh giới Thiên nhân của Đạo Lợi Thiên, biết được gần ta sẽ bị hủy hoại con đường tu luyện nên ngài coi ta như hổ lang. Nếu như ngài cố gắng đạt tới cảnh giới “Phi Phi Tưởng Thiên” thì cho dù ngài có ôm một cơ thể mềm mại, ngài cũng sẽ có cảm giác như ôm một băng tuyết, nhìn thấy dung mạo xinh đẹp cũng chỉ như nhìn thấy bùn đất, sẽ không bị sắc dục làm động tâm. Còn nếu ngài tu hành đến cảnh giới “Tứ Thiện Thiên” thì ngài đã thực sự thoát khỏi sắc dục. Nếu như ngài dám cho phép ta tới gần mà thực sự không bị động tâm thì ta từ nay sẽ không tới quấy nhiễu ngài nữa!*”

Vị Hòa thượng nghĩ rằng mình đã đủ năng lực thắng được ma sắc dục nên thân nhiên đồng ý. Kết quả, mỹ nữ kia đã tới gần tựa sát vào vị Hòa thượng, vuốt ve ngài và làm hủy hoại giới thể của vị Hòa thượng.

Vị Hòa thượng sau này buồn phiền mãi không thôi, mất hết hy vọng, uất ức mà lìa đời. – (Câu chuyện do Mai Trà dịch.)

Đức Phật đã giảng dạy về tình dục cho các đệ tử của ngài như sau: *Tuyệt đối đoạn dục*. Người tại gia phải giữ ngũ giới “*Không được tà dâm*.” Người xuất gia phải hoàn toàn đoạn trừ dâm dục, bởi vì trên con đường giải thoát sinh tử, phải nhất tâm đoạn trừ dâm dục mới có cuộc sống phạm hạnh thanh tịnh. Một khi đoạn trừ tất cả phiền não, thì mới đủ khả năng tiến đến giải thoát, giác ngộ.

Nếu một vị sa môn đắm nhiễm tình dục, thì không phải là đệ tử của Đức Phật. Nếu một vị sa môn đắm nhiễm tình dục, sẽ bị sa đọa, sẽ bị những tình dục khống chế. Bản thân lúc nào cũng lo âu, hồi hộp, sợ hãi, trạng thái tệ hại như vậy càng ngày càng tăng trưởng, tâm loạn động, trí tuệ do đó không thể tỏa sáng. Trên con đường giải thoát sinh tử luân hồi, đoạn trừ tình dục là vấn đề tối quan trọng.

Rất nhiều người không đồng ý và thắc mắc: Tại sao phải đoạn trừ tình dục. Bởi vì trong sinh hoạt đời thường, sống là phải có tình cảm giữa nam và nữ, phải có tình dục, nếu không sẽ bị xem như bất bình thường, sống không lành mạnh. Như vậy các vị sa môn nhận định như thế nào, về quan niệm của người đời?

Quan điểm này cũng giống như nhận thức của nhiều người cho rằng, phải đi săn bắn phải giết loài vật thì cuộc đời mới lý thú, mới cảm nhận niềm vui trên sự chết chóc đau đớn của những sinh vật khác. Hoặc giả họ phải ăn chơi trác táng, mới làm cho cuộc đời có ý nghĩa hơn. Phải sử dụng thuốc phiện cuộc đời mới ý nghĩa... Thật sai lầm. Điều này cũng giống như trẻ em chưa có đủ nhận thức sâu sắc về cuộc đời, khi bị cha mẹ cấm chơi game, cấm không được lêu lổng, thì rất buồn chán, không thoải mái, thấy khó chịu.

Người đời nghe nói ngăn cấm tình dục, cũng cảm thấy không thoải mái. Bởi vì nhận thức của họ về sự nguy hiểm của tình dục, không phải là một nhận thức toàn diện. Vì thế khi biết rằng giáo lý của Đức

Phật nghiêm cấm tình dục, họ thấy không hoan hỷ. Riêng đối với các tu sĩ Phật giáo, vì ý thức được sự nguy hiểm của dục lạc, nên rất hoan hỷ phụng hành lời Phật dạy.

Đệ tử của Đức Phật gồm có 7 chúng, nhưng căn bản thì có hai hạng người: Phật Tử Xuất Gia và Phật Tử Tại Gia. Đức Phật đặt trọng tâm vào các đệ tử xuất gia, có nghĩa là các vị Thích tử sa môn. Các vị này phải hoàn toàn đoạn trừ dâm dục, mới có khả năng bước đi trên con đường giải thoát giác ngộ một cách trọn vẹn.

Riêng đối với các Phật tử tại gia, Đức Phật chỉ chế giới Không được tà dâm, nghĩa là sống đức hạnh, đoan chánh; một vợ một chồng, có kỷ cương, có chung thủy. Điều quan trọng cần chú ý ở đây, đó là việc ngăn ngừa sự tà dâm.

Đã là đệ tử của Đức Phật, cho dẫu là Phật tử tại gia, cũng cần phải có đời sống tình dục lành mạnh, tiết chế, điều độ...

Khả năng đoạn trừ tình dục của một người, tùy thuộc vào tâm thức và sự hiểu biết của họ. Nếu có nếp sống lành mạnh, sẽ dẫn đến sự lành mạnh. Nếu thường chiêm nghiệm những lời dạy của Đức Phật và đem ra ứng dụng vào đời sống hàng ngày, cuộc sống sẽ quân bình và hạnh phúc an nhiên.

Khi đã quyết định đoạn trừ tình dục, đoạn trừ tham sân si, là đã trút bỏ được một gánh nặng, gần tiến đến phương vị giải thoát.

Nếu đoạn trừ được tham-sân-si, khả năng tu tập của chúng ta tiến bộ một cách rõ ràng. Tuy nhiên, để có thể đoạn trừ tham-sân-si, thật không dễ. Tham-sân-si là loại phiền não căn bản rất khó đoạn trừ. Khi dứt bỏ tham-sân-si, không để dục tình nhiều loạn có nghĩa là chúng ta mạnh mẽ đi trên con đường giải thoát giác ngộ mà Đức Phật khai thị là không bị sa lầy.

Đoạn trừ được tận gốc vô minh phiền não lậu mạng, có nghĩa là chúng ta đã đạt được sự giác ngộ, giải thoát. Mỗi ngày chúng ta đoạn trừ một ít. Mỗi ngày chúng ta chấm dứt một ít. Cuối cùng chúng ta sẽ hoàn toàn giác ngộ.

Lợi ích của việc đoạn trừ tình dục, có ảnh hưởng gì đối với xã hội hiện nay?

Ai cũng nhận thấy, trong xã hội hiện nay, nạn đánh ghen xảy ra nhiều nhất, trở thành một tình trạng phổ biến. Những người từng giữ những địa vị cao có uy tín, trong phút chốc trở thành thân bại danh liệt chỉ vì sắc dục. Đó là chưa nói đến các tệ nạn xã hội; bởi vì con người chỉ đắm nhiễm sắc dục, tất nhiên tệ nạn xã hội sẽ là sản phẩm tất yếu.

Nếu ai cũng vâng theo lời giáo huấn của Đức Phật, sống đời thanh tịnh, không đắm nhiễm dục lạc, chắc chắn sẽ thoát ra khỏi những hệ lụy và những hậu quả không thể đo lường do sắc dục gây ra. Thay vì đắm chìm trong lạc thú vô vắn, chúng ta nên đầu tư thời gian để phát minh những điều khả dĩ có thể làm thăng hoa đời sống của tha nhân. Việc kiểm soát,

đình chỉ, ngăn ngừa những ham muốn tình dục, đóng góp vô cùng lớn lao trong tiến trình thanh tịnh hóa, Phật hóa quốc độ vốn dĩ đầy đầy sự ô trược và đau khổ này.

Lợi ích của đời sống thanh tịnh, quả thật là lợi ích đích thực, đáng trân trọng, khi chúng ta biết đoạn trừ và tiết chế tình dục trong đời sống lứa đôi. Chúng ta sẽ có thời gian đóng góp được những điều ích lợi tích cực, trong việc kiến tạo một xã hội lành mạnh, một thế gian đầy hoa trái thù thắng thì thế gian này đích thực là thiên đường hạ giới.

Khi nói đến tình dục người ta hay nghĩ đến phái nam, đã làm như thế này hay như thế khác. Nhưng cũng có nhiều ý kiến cho rằng, vì phái nữ khiêu khích, cám dỗ. Một câu hỏi được đặt ra ở đây là: Vì phái nam có hành động quá lộ với nữ giới, vì phái nữ tìm cách mê hoặc nam giới, hay là vì vấn đề nào khác nên mới xảy ra những điều bị cho là đắm say sắc dục?

Tất cả đều xuất phát từ nội tâm. Có những người sống giữa phố thị huyên náo, họ vẫn giữ được ba nghiệp thân-khẩu-ý một cách tuyệt đối thanh tịnh. Lại có những người sống giữa rừng sâu, cả năm không hề tiếp xúc với ai, nhưng tâm của họ lúc nào cũng bị loạn động. Vấn đề ở đây không phải là những đối tượng chúng ta tiếp xúc, mà là nội tâm của chúng ta như thế nào, khi chúng ta tiếp xúc với những đối tượng bên ngoài.

Xin đơn cử ví dụ đơn giản sau đây: Một thùng xăng chỉ cần một đốm lửa nhỏ rớt vào, đủ bộc phát thành đám cháy khủng khiếp. Ngược lại nếu là một thùng chứa đầy nước lạnh, dù ngọn đuốc nhúng vào cũng sẽ bị dập tắt.

Tâm thanh tịnh như thùng nước lạnh, cho dầu có tiếp xúc với bất cứ đối tượng nào, lòng của ta cũng không khởi lên những ham muốn thèm khát.

Tâm như thùng phi xăng chứa đầy khao khát, ham muốn như thế này hay như thế khác, thì trước bất cứ một đối tượng nào, chúng ta cũng dễ dàng phát sinh những tư tưởng bất chánh, bất thiện.

Trong giáo lý của Đức Phật, ngài thường dạy: *“Tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả.”* Lời thuyết giảng của Đức Thế Tôn cho chúng ta thấy tầm quan trọng của nội tâm, bởi vì tâm chi phối toàn bộ hoạt động của chúng ta.

Đời sống của mỗi người trên thế gian này rất ngắn ngủi, rất mong manh, rất vô thường, tạm bợ. Xin hãy nỗ lực hơn nữa, để sống một đời sống Phật đầy phạm hạnh. Có như vậy chúng ta mới có thể mang lại hạnh phúc đích thực cho chính bản thân, cho muôn loài muôn vật. Sống đúng chánh pháp, không chỉ giúp ta được an lạc trong đời sống hiện tại, mà còn được an lạc trong vô lượng đời sống ở tương lai.

Chương 42

ĐẠT THẾ NHƯ HUYỄN

Hiếu Được Cõi Đời Là Hư Huyền

第四十二章。達世如幻

Hán văn:

佛言。吾視王侯之位。如過隙塵。視金玉之寶。如瓦礫。視紈素之服。如敝帛。視大千界。如一訶子。視阿耨池水。如塗足油。

佛言。視方便門。如化寶聚。視無上乘。如夢金帛。視佛道。如眼前華。視禪定。如須彌柱。視涅槃。如晝夕寤。視倒正。如六龍舞。視平等。如一真地。視興化。如四時木。

Phiên Âm:

Phật ngôn: Ngô thị Vương Hầu chi vị như quá khích trần; thị kim ngọc chi bảo như ngổa lịch; thị hoàn tổ chi phục như tệt bạch; thị đại thiên giới như nhất ha tử; thị A-nậu trì thủy như đồ túc du. Thị phương tiện môn như hóa bảo tụ; thị Vô-thượng Thừa như mộng kim bạch; thị Phật đạo như nhĩn tiền hoa; thị Thiên Định như Tu-di trụ; thị Niết-bàn như trú tịch ngụ; thị đảo chánh như lục long vũ; thị bình đẳng như Nhất-chân địa; thị hưng hóa như tứ thời mộc.

Việt dịch:

Đức Phật dạy: Ta xem ngôi vị Vương, Hầu như bụi qua kẽ hở; xem của báu vàng ngọc như ngói gạch; xem trang phục tơ lụa như giẻ (lụa) rách; xem đại thiên thế giới như một hạt cải; xem nước hồ A-nậu như dầu thoa chân. Xem môn phương tiện như đồng châu báu hóa hiện; xem Vô-thượng Thừa như giấc mơ vàng lụa; xem Phật đạo như hoa trước mắt; xem Thiên Định như trụ cột Tu-di; xem Niết-bàn như ngày đêm tỉnh thức; xem sự đứng và quấy như sáu con rồng múa; xem sự bình đẳng như Nhất-chân địa; xem sự thịnh suy như cây cối bốn mùa.

*Anh ngữ:***Chapter 42:****Seeing the Illusions of the World**

The Buddha said: "I consider the dignities of kings and lords as a particle of dust that floats in the sunbeam. I consider the treasure of precious metals and stones as bricks and pebbles. I consider the gaudy dress of silks and brocades as a worn-out rag. I consider this universe as small as the holila fruit. I consider the lake of Anavatapta as a drop of oil with which one smears the feet. I consider the various methods of salvation taught by the Buddhas as a treasure created by the imagination. I consider the transcendental doctrine of Buddhism as precious metal or priceless

fabric seen in a dream. I consider the teaching of Buddhas as a flower before my eyes. I consider the practice of Dhyana as a pillar supporting the Mount Sumeru. I consider Nirvana as awakening from a daydream or nightmare. I consider the struggle between the heterodox and orthodox as the antics of the six [mythical] dragons. I consider the doctrine of sameness as the absolute ground of reality. I consider all the religious works done for universal salvation as like the plants in the four seasons.”

Lược giảng:

Ý chính của Chương thứ 42 – Chương cuối cùng của Kinh Tứ Thập Nhị Chương – nói về tâm thái của một bậc Đại giác, đã hoàn toàn buông xả mọi tham ái thủ chấp đối với tất cả mọi hiện tượng, tức là các pháp hữu vi. Chương thứ 42 đúc kết toàn bộ cốt lõi, tư tưởng trọng yếu của Kinh Bộ Tứ Thập Nhị Chương.

Chương này đề cập đến rất nhiều lãnh vực, rất nhiều phạm trù khó nắm bắt. Có thể nói mười ba đối tượng đúc kết trong Chương thứ 42 chính là thái độ xả ly toàn diện, xả ly tham ái và, xả ly chấp thủ. Để có thể hiểu, chúng ta sẽ chia làm 4 đoạn nhỏ sau đây.

Đoạn thứ nhất: *“Xem địa vị vương hầu như bụi đi qua khe hở; xem vàng bạc quý giá như ngói gạch; xem y phục vải vóc lụa là như giẻ rách.”*

Những điều có trong đoạn thứ nhất, Đức Phật đã đề cập đến gồm những đối tượng, mà chúng ta thường được nghe nói là tham ái hay ái dục. Đa số

nhân loại bất kể là người khôn ngoan có trí thức hay người khờ khạo ngu si, tất cả đều xem chức quyền vương hầu khanh tướng, như mục tiêu cần phải đạt được. Bao nhiêu cuộc chạy đua tranh giành hơn thiệt, cũng đều nhắm vào địa vị – một điều mà người đời quan niệm, tượng trưng cho uy quyền trên thế gian này. Nhưng đối với Đức Phật, ngài xem tất cả những điều nói trên, như hạt bụi lọt qua khe cửa, không có bất cứ giá trị nào. Điều này cho thấy, cái nhìn của Đức Phật đối với uy quyền của thế tục rất thông suốt. Ngài nhìn thấy trong địa vị, công danh, uy quyền, có rất nhiều tranh chấp, có rất nhiều đau khổ, làm cho con người đôi lúc phải đi đến cùng đường tuyệt vọng. Nếu không thể áp dụng việc thực nghiệm giáo pháp, tất không thể giải thoát được.

Chúng ta còn nhớ khi Đức Phật về thăm thành Ca Tỳ La Vệ, vua Tịnh Phạn cho bảy vương tử theo Phật xuất gia để hỗ trợ Ngài. Những vị này có tiền đồ xán lạn, nhưng họ đã quyết lòng tu theo Phật thì họ sẵn sàng rời bỏ những gì quý giá trên cuộc đời, giống như Phật đã từ bỏ địa vị, danh vọng và quyền lợi vật chất. Lúc đó, những vị vương tôn công tử này còn một số đồ trang sức quý báu mới nói với ông Ưu Ba Ly rằng, ngài theo Phật đã lâu, nay chúng tôi xuất gia, nên tặng cho ngài các thứ của báu này. Là một người nghèo mà bỗng nhiên có được nhiều châu báu, ngài Ưu Ba Ly rất vui mừng và gom hết lại. Nhưng với căn lành sâu dày, ngài chợt suy nghĩ, các vị vương tôn công tử có đầy đủ những đồ quý báu mà họ còn bỏ hết, thì mình ôm giữ làm chi, nên ngài cũng bỏ

luôn bên vệ đường để ai muốn lấy cũng được và ngài vội chạy theo Phật xin xuất gia.

Đức Thế Tôn đã bỏ danh vọng, địa vị, quyền lợi vật chất. Bảy vương tử và ngài Ưu Ba Ly theo Phật tu cũng từ bỏ tất cả sự nghiệp thế gian. Nhờ vậy mà ngài đã đắc Thánh quả.

Những gì người đời trân quý như vàng bạc, Đức Phật chỉ xem như ngói như gạch vỡ vụn, không có bất cứ một giá trị nào. Chúng ta hiểu rằng, vàng bạc là huyết mạch của đời người. Không có tiền bạc, con người không thể tồn tại. Nhưng đối với Đức Phật, những điều nói trên hoàn toàn vô nghĩa.

Ngoài việc xem vàng bạc như gạch ngói vỡ vụn, Đức Phật còn xem y phục, tơ lụa, vải vóc sang trọng tốt đẹp như giẻ rách, không mấy may tơ hào vọng tưởng. Có nghĩa là, Đức Phật đã khước từ tất cả mọi sự cám dỗ của vật chất. Ngài xem tất cả những gì mà thế gian tranh đoạt, ham muốn, nắm bắt, đều là những điều không đáng để phải thủ chấp, không đáng để phải tìm kiếm, ôm giữ, để bị vướng mắc. Đây trí tuệ siêu việt của bậc Đại giác, mà chúng ta cần phải chiêm nghiệm. Để chúng ta cũng có thể thấy tất cả tiền tài-châu báu-gấm vóc cũng vô nghĩa, như Đức Phật đã thấy.

Một câu hỏi được đặt ra: Đức Phật muốn dùng những hình ảnh so sánh rất tương phản này, để giảng dạy cho đối tượng nào?

Đối tượng chính mà Đức Phật muốn hướng đến, đó là hàng ngũ tứ chúng xuất gia, gồm có Tỳ kheo,

Tỳ kheo ni, Thích xoa ma na, Sa di, Sa di ni. Tuy nhiên, chúng ta cũng không loại trừ, việc Đức Phật muốn giáo hóa những người được mệnh danh là hàng Phật tử bao gồm cả xuất gia lẫn tại gia. Những lời giáo huấn của Đức Thế Tôn nhắm đến tất cả những người con của Phật; ngay cả những người không phải là Phật tử, nhưng có nhân duyên nghe được Phật pháp, vì ngài cũng muốn mọi người hiểu được bản chất đích thực của quyền lực, tiền tài, danh vọng, giàu sang, phú quý v.v..., chính là sự trôi buộc, nên xa lánh để không bị đau khổ.

Đoạn thứ hai: *“Đức Phật xem đại thiên thế giới như hạt cải; xem nước ao A Nậu như dầu thoa chân.”*

“Đại thiên thế giới” nếu nói cho đủ thì là *“Tam thiên đại thiên thế giới.”* Một thái dương hệ là tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Một ngàn đại thiên thế giới, qua ba lần nhân với một ngàn, nên gọi là *“Tam thiên đại thiên thế giới.”*

Thế giới Sa-bà nằm trong tam thiên đại thiên thế giới, các thế giới như thế xoay vần qua một tiến trình thành, trụ, hoại không; trên mặt vũ trụ quan, Đức Phật dạy vũ trụ bao la không có bờ bến như đã ghi rõ trong Kinh Hoa Nghiêm. Danh từ thời đại hiện nay chính là thiên thể, là dải ngân hà bao la, có hàng tỷ-tỷ hành tinh. Đối với Bạc đại giác, dù thế giới bao la lớn lao đến đâu đi nữa, ngài chỉ xem như hạt cải bé nhỏ.

Ao A Nậu còn gọi là Anavatapa, một cái ao chứa tám loại nước công đức gọi là “*Bát công đức thủy*,” có khả năng giúp người có được những yếu tố thanh lương, xóa tan những điều bất tịnh. Cho dầu nước trong ao là vô lượng không thể đo lường, rất quý hiếm. Nhưng với tri giác của bậc Đại giác như Đức Phật, nước trong ao A Nậu cũng ít ỏi như một chút dầu để thoa chân; không có gì để đáng xưng tụng.

Khi thuyết giảng về tam thiên đại thiên thế giới, về ao A Nậu, đối tượng mà Đức Phật nhắm đến cũng chính là những người có duyên với Phật nói chung, đặc biệt là đối với hàng xuất gia nói riêng. Ngài khuyên những người đã cát ái từ thân nên nhìn cuộc đời, nên nhìn mọi sự bằng cái nhìn vô nhiễm không bị trụ trước, không bị vướng mắc, cho dầu sự vật ấy lớn như thế nào cũng vậy.

Đoạn thứ ba, Đức Phật đã giảng dạy 6 điều như sau: “*Xem phương tiện như các châu báu hóa hiện. Xem vô thượng thừa như đang mộng thấy lụa là vàng bạc. Nhìn Phật Đạo như hoa trước mắt. Xem thiền định như núi Tu Di. Thấy Niết Bàn như ngày đêm đều thức.*”

Trong phần khai thị đầy ẩn dụ về phương tiện, về vô thượng thừa, về thiền định, về niết bàn, về sự thuận - nghịch, Đức Phật muốn nói đến sự phân biệt thủ chấp của hàng nhị thừa. Cho dầu trình độ kiến giải có cao hơn hàng phàm phu tục tử, nhưng hàng nhị thừa vẫn không tránh được kiến chấp. Đó là lý do tại sao Đức Phật dạy phải nhìn sáu điều nói trên,

như những điều rất bình thường. Thí dụ, phương tiện chẳng qua chỉ là thiện xảo, chỉ là khai huyền để hiển thật, không nên chấp nê. Ngay cả vàng bạc, lụa là, châu báu, ngay cả pháp tối thượng thừa cũng chỉ là những điều được nhìn như đang trong giấc mộng, không thật.

Đức Phật muốn nhấn mạnh đến một thực tế như sau: Trong thế giới của giác quan, tất cả những điều chúng ta gọi là thực tại, chẳng qua chỉ là loại hoa đốm trước mắt, không có thật. Khi dụi mắt, chúng ta thấy hoa đốm xuất hiện, nhưng trên thực tế những hoa đốm này chẳng hề hiện hữu. Ngay cả thiên định – được xem như núi Tu Di hàm ý chỉ sự bền bỉ, ổn định, vững chắc – nhưng cũng không phải là cứu cánh tối hậu, mà một hành giả muốn hướng đến. Bởi vì núi Tu Di vẫn chỉ là một thể trạng vật chất có rất nhiều biến đổi, còn nhiều hủy hoại và, huyễn hóa. Tất cả những điều này đều nằm trong phạm trù đối đãi phân biệt, không phải là cùng đích và cứu cánh tối hậu mà người Phật tử muốn hướng đến.

Những điều chúng ta đang sống và đang thấy không phải là một thế giới hiện thực, nhưng không phải là một thế giới phi thực, cũng không phải là một thế giới ảo hay một thế giới của trò chơi; mà là một thế giới có hai mặt trong cùng một thực thể nhưng không loại trừ hay phủ nhận lẫn nhau. Tất cả mọi lý luận phủ định hay khẳng định, mà Đức Phật nhấn mạnh khi giảng dạy trong Chương thứ 42 này, theo Ngài hoàn toàn vô nghĩa. Vì tất cả chỉ là giả

danh. Đây cũng là những điều vượt lên trên tất cả mọi tư duy, mọi khái niệm, mọi ngôn ngữ, mọi danh xưng..., cũng không thể đạt đến điều mà trong Đạo Phật gọi là *Lý Tánh Tuyệt Đối*. Phải đạt đến trình độ rất cao, chúng ta mới có thể lãnh ngộ được. Bởi vì Đức Phật muốn phá đổ mọi sự thủ chấp, mà chúng ta luôn vướng vấp trong đời thường. Tích truyện *Pháp Cú* có câu chuyện như sau:

Thời Phật còn tại thế, có một vị Lão Tăng ẩn cư trong rừng sâu, người ta gọi Ngài là Hòa thượng Nhất Cú, vì Ngài chỉ biết đọc nhất có mỗi câu kệ, đó là:

“Sa môn nào với tư tưởng thanh cao, tinh tấn luyện mình trong sự im lặng thì vị ấy sẽ được an tịnh, thông suốt và không còn phiền não.”

Vào những ngày Bồ Tát, vị lão Tăng chỉ đọc có bài kệ ấy và được Chư Thiên trong vùng tán thưởng bằng những tràng pháo tay vang rền.

Một hôm cũng vào ngày Bồ Tát có hai vị Tỳ kheo thông suốt Tam Tạng cùng đi với một hội chúng đông đảo đến khu rừng ẩn cư. Ngài Nhất Cú vui vẻ đón tiếp họ và câu thỉnh:

- Các hiền giả đến đây thật quý hóa, xin quý vị đọc luật cho tôi và chư vị nơi đây cùng nghe.

Đoàn khách Tăng ngạc nhiên:

- Nhưng... Ngoài Thầy ra, khu rừng này còn ai nữa đâu?

- Có chứ! Vào những ngày tuyên giới, khu rừng này vang dội tiếng vỗ tay của chư thiên.

Sau khi phân tọa, một vị Tỳ kheo bắt đầu đọc luật và vị kia giảng rộng ra... Nhưng chẳng có ông trời nào vỗ tay cả. Đoàn khách Tăng ngạc nhiên:

- Thế này là thế nào?

Vị lão Tăng cũng thắc mắc không kém:

- Mấy bữa trước họ đều vỗ tay sao hôm nay lạ vậy cà? Được rồi, thưa các Tôn giả, để tôi đọc thử coi...

Hòa thượng Nhất Cú bèn đọc câu kinh thường nhật và Chư thiên lại vỗ tay vang rền.

Thấy vậy nhiều người bất bình:

- Chư thiên ở vùng này quả là có lòng thiên vị, khi người ta giảng thông suốt về giáo pháp thì họ im lặng, không một tiếng tán dương, còn khi lão Tăng này chỉ đọc có một câu thì họ lại hoan hô ầm ĩ.

Các Tỳ kheo trở về bạch Phật tự sự. Nghe xong Đức Đạo sư dạy:

- Nay các Tỳ kheo, ta không gọi ai là người thông suốt giáo pháp chỉ vì họ biết hoặc đọc nhiều kinh điển. Nhưng kẻ nào, dù chỉ biết một câu, hiểu rõ như thật, theo đó hành trì, ta mới gọi là người thông suốt kinh điển.

- Nói nhiều lời hư vọng thêm huyền hoặc cuồng si.

- Học ít nhưng tâm đắc, mới là bậc hộ trì.

“Dù tụng nhiều kinh mà buông lung không thật hành theo, thì chẳng hưởng được phần ích lợi của Sa Môn, khác nào kẻ chặn bò, chỉ lo đếm bò cho người khác.

Tuy tụng ít kinh mà thường y giáo hành trì, hiểu biết chân chánh, trừ diệt tham, sân, si, tâm hiền lành, thanh tịnh, giải thoát, xa bỏ thế dục, thì dù ở cõi này, hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần ích lợi của Sa môn.”

Đoạn thứ tư: “Xem thuận nghịch như sáu con rồng múa. Xem bình đẳng như nhất chân địa. Nhìn việc hưng hóa thịnh suy như cây cỏ bốn mùa.”

Trong đoạn kinh nói trên, Đức Phật dạy chúng ta phá bỏ những thủ chấp thường vấp phải, khi nhìn ngắm những đối tượng được chúng ta cho là thực tại. Ví dụ: Chúng ta xem sự thuận nghịch phải trái, là thuận nghịch phải trái. Nhưng đối với Đức Phật, sự múa máy quay cuồng của sáu giác quan, giống như sự nhào lộn của sáu con rồng. Chỉ một con rồng nhào lộn, uốn lượn, nhảy múa thoi, chúng ta đã không thể nhìn thấy tất cả mọi hình tướng của nó; huống chi sáu con rồng cùng nhảy múa một lúc, làm sao chúng ta có thể nhìn rõ sự biến ảo, thay đổi này.

Đức Phật khai thị để chúng ta thấy, sáu giác quan của con người biến ảo khôn lường. Tuy nhiên, những biến ảo này là hư huyền, không thật. Tất cả chỉ là dòng sông hiện thức trôi chảy miền trường. Vì tâm thức của chúng ta chưa thể an trú trong chánh niệm, chưa thể hòa nhập làm một vào dòng sông hiện thức này; nên chúng ta không thể tri nhận được thực tướng, đang có mặt trong sự biến hóa khôn lường của sáu giác quan. Đây cũng là lý do khiến chúng ta chấp trước, xem những hình ảnh được thấy trước mắt

là thật, là sự bình đẳng giống hệt nhất chân địa – một thực tại tuyệt đối.

Đức Phật cũng khẳng định: Nhất chân địa không mang ý nghĩa đơn thuần là mảnh đất chỉ có sự chân thực, hay là mảnh đất chỉ khởi từ một nguồn duy nhất. Nhất chân địa còn được hiểu là quốc độ, là một cõi nước ở đó không còn có sự khác biệt, không có sự đối lập giữa thiện và ác, giữa sinh tử và Niết bàn. Bình đẳng vừa là chủ trương khởi nguồn cho nhận thức tư tưởng của nhân loại, vừa là nguyên lý không tiền khoáng hậu trong việc tiêu diệt, đập đổ chủ nghĩa nhị nguyên, triệt hủy sự phân biệt chủng tộc, màu da, đẳng phái, ý thức hệ... Bình đẳng trong Phật Pháp là tiếng chuông cảnh tỉnh những ai, đang lún sâu trong ý thức phân biệt, kỳ thị, chia rẽ, phân hóa.

Chúng ta nhìn sự hưng phế thịnh suy, như là sự đổi thay của cây cỏ bốn mùa. Nhưng, với ngài Vạn Hạnh thiền sư thì:

*“Thân như điện ảnh hữu hoàng vô.
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô.
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy.
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.”*

Có nghĩa là:

*Thân như bóng chớp có rồi lại không.
Vạn vật xuân tươi thu héo khô.
Suy thịnh xoay vần không sợ hãi.
Thịnh suy, ngọn cỏ giọt sương mai.*

Do vậy cần phải ý thức rõ, xác thân tứ đại không

thật, sớm còn tối mất. Muôn sự muôn vật đều huyền hóa, vô thường, chẳng khác nào hạt sương mong manh trên đầu ngọn cỏ, khi ánh sáng mặt trời chiếu vào thì tức khắc bị tan biến. Dù là thịnh hay suy, không có gì đáng để cho chúng ta phải bận tâm vướng mắc.

Nên hiểu rằng, nói đến thực tại tuyệt đối là nói đến vô sanh vô diệt, khi sanh diệt chấm dứt thì đó chính là niết bàn tịch lặng an nhiên. Bao lâu chúng ta còn chấp cái này có cái này không; cái kia còn cái kia mất, đẹp-xấu, vui-buồn, thành-bại, vinh-nhục... là bấy lâu chúng ta vẫn còn vướng mắc vào ngã chấp và pháp chấp. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* dạy: Tất cả chỉ là huyền hóa, không thật, chỉ do vọng tưởng khởi sanh, tất cả chỉ là giả danh, do vậy cần phải “*Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt.*”

Có thể nói mười ba đối tượng được đúc kết trong Chương thứ 42 chính là thái độ xả ly toàn diện, xả ly tham ái và, xả ly chấp thủ dù đó là chấp thủ giải thoát niết bàn.

Nếu thành tựu được những điều kể trên, chúng ta mới thể nghiệm được thực tại tuyệt đối. Mới thật sự giải thoát an lạc.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương là bộ kinh vô cùng quan trọng dễ hiểu nhưng cũng khó hiểu, nhưng nếu quyết tâm tinh tấn tu học thì ai trong chúng ta cũng có thể hành trì. Nếu không thể hành trì hết những gì được đặt trong 42 Chương, chúng ta có thể chọn một số Chương thích hợp để ứng dụng vào đời sống thực tế. Khi tự thấy khả năng có thể áp dụng đầy đủ 42

Chương, chúng ta sẽ tu tập một cách trọn vẹn. Nên nhớ rằng, từng Chương kinh sẽ giúp chúng ta vượt qua từng chặng đường khổ nạn, những khổ nạn mà chúng ta đang phải đối diện trong thực tế đời thường hàng ngày.

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Tổng Kết

Trong suốt 42 Chương, Đức Phật dạy rất nhiều điều. Nhưng mục đích chính của Ngài là chỉ muốn chúng ta thấy rõ sự hư huyền của mọi hiện tượng, để từ đó khước từ sự kiến chấp. Nói một cách dễ hiểu, Kinh Bộ Tứ Thập Nhị Chương dạy chúng ta phải đoạn trừ mọi tham ái. Khi tham ái đã đoạn trừ, tâm thức chúng ta sẽ viễn ly tất cả điên đảo, mộng tưởng và hoàn toàn an nhiên, tịch lặng. Đây cũng chính là điều, mà bất cứ ai trong chúng ta khi tìm đến Đạo Phật cũng đều mơ ước, khát ngưỡng.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương giúp ta nhận thức rõ: Cương lĩnh căn bản của việc tu tập.

- 1- Phải nỗ lực tinh tấn hành trì bố thí, trì giới, thiền định... để chứng đắc Tứ quả Sa môn.
- 2- Con đường duy nhất để đạt được thanh tịnh, giải thoát là lìa bỏ ái dục.
- 3- Không thủ chấp dù đạt được giác ngộ giải thoát.

Lợi ích của Kinh Bộ Tứ Thập Nhị Chương quả thật bất khả tư nghị, không chỉ đối với những Phật tử tại gia hay xuất gia mà còn đặc biệt đối với tất cả

mọi người không phân biệt văn hóa, chủng tộc hay chính kiến.

Tựa đề “*Đại Thế Như Huyền*” của Chương thứ 42, cũng là Chương cuối cùng của Kinh Tứ Thập Nhị Chương, đã nói lên toàn bộ cốt lõi của bộ kinh, từ thấp đến cao theo tiến trình mà Đức Phật đã khai thị.

“*Đại Thế Như Huyền*” có nghĩa là chúng ta cần có một tư duy, một kiến giải để hiểu biết rằng: Sự hiện hữu của tất cả các pháp trên thế gian này đều là hư huyền, chẳng khác chi giấc mộng không thật. Đến khi nào chúng ta thấy rõ mọi sự trên thế gian này chỉ như giấc mộng, “*Giấc nam kha khá bất bình, bừng con mắt dậy thấy mình tay không,*” thì mới lìa bỏ ngã chấp và pháp chấp; mới đoạn trừ tham ái và an trú giải thoát Niết bàn.

Giống như Kinh Kim Cang: Tất cả ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng đều hoàn toàn rỗng lặng, vô ngã.

Đức Phật nhấn mạnh rằng: “*Tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” Có nghĩa là: Phải biết rằng các pháp mà ta thuyết giảng giống như chiếc bè, pháp còn phải buông xả, huống hồ là phi pháp.

Người hiểu đạo rồi, cần phải buông bỏ tất cả, nếu còn chấp là còn chưa giải thoát, do vậy phải *giải thoát tri kiến*. Tất cả kinh điển chỉ là phương tiện “*Như tiêu nguyệt chỉ*” – Tựa như ngón tay chỉ mặt trăng. Nhớ nương theo hướng ngón tay để thấy mặt

trắng, chú đừng nhìn chăm chăm vào ngón tay thì không thể nào có thể thấy mặt trăng được.

Lời giảng dạy của Đức Phật giống như phương tiện, giống như ngón tay, chỉ cho chúng ta thấy được chân lý. Đừng chấp vào những phương tiện, ngữ ngôn mà bỏ mất chân lý. Chân lý chúng được là do tu tập nhưng không là kết quả của tu tập. Vì tu tập hay không tu tập, chân lý vẫn hiện hữu. Tu tập là để thể nhập chân lý chứ không phải chân lý là kết quả của tu tập.

Mục Lục

Duyên Khởi	5
Dẫn Nhập	9
Kinh Tứ Thập Nhị Chương	13
Chương I - Xuất Gia Chứng Quả	27
Chương 2 - Trừ Dục Vọng, Dứt Mong Cầu	42
Chương 3 - Cắt Đứt Ái Dục, Xả Bỏ Lòng Tham	50
Chương 4 - Thiện, Ác Phân Minh	60
Chương 5 - Chuyển Nặng Thành Nhẹ	68
Chương 6 - Nhịn Kẻ Ác Và Không Oán Hận	76
Chương 7 - Ở Ác Gặp Ác	86
Chương 8 - Gieo Gió Gặt Bão	99
Chương 9 - Về Nguồn Gặp Đạo	106
Chương 10 - Hoan Hỷ Bồ Thí Tất Được Phước	111
Chương 11 - Bồ Thí Thức Ăn Gia Tăng Công Đức	120
Chương 12 - Khó Nhọc Nên Gắng Tu	126
Chương 13 - Hỏi Về Đạo & Túc Mạng	147
Chương 14 - Hỏi Về Tánh Thiện Và Đại	152
Chương 15 - Hỏi Về Sức Mạnh & Sáng	154

Chương 16 - Bỏ Ái Dục Tất Đắc Đạo	162
Chương 17 - Ánh Sáng Đến, Bóng Tối Tan	174
Chương 18 - Ý Niệm Và Mọi Thứ Vốn Là Không	189
Chương 19 - Quán Xét Cả Thật Lẫn Giả	205
Chương 20 - Suy Ra Cái “Ta” Vốn Là Không	216
Chương 21 - Danh Vọng Hại Người	230
Chương 22 - Tiền Của Và Sắc Dục Mang Lại Đau Khổ	242
Chương 23 - Gia Đình Còn Tệ Hơn Lao Ngục	256
Chương 24 - Sắc Dục Chướng Ngại Đường Đạo	267
Chương 25 - Lửa Dục Đốt Người	276
Chương 26 - Thiên Ma Quấy Nhiễu Phật	291
Chương 27 - Không Chấp Trước Tất Đắc Đạo	306
Chương 28 - Đùng Theo Con Ngựa Ý Niệm	320
Chương 29 - Quán Tưởng Chân Chánh	
Thắng Được Sắc Dục	325
Chương 30 - Lánh Xa Lửa Dục	336
Chương 31 - Tâm Vắng Lặng, Dục Vọng Dứt	344
Chương 32 - Không Còn Cái Ngã Thì Hết Sợ Hãi	356
Chương 33 - Trí Huệ Và Sự Sáng Suốt	
Phá Tan Chúng Ma	368
Chương 34 - Giữ Trung Dung Tất Đắc Đạo	382
Chương 35 - Tẩy Sạch Cấu Bần, Chỉ Còn Vẻ Sáng	396
Chương 36 - Sự Chuyển Đổi Thù Thắng	410
Chương 37 - Nhớ Nghĩ Đến Giới Là Gần Với Đạo	437
Chương 38 - Có Sinh Tất Có Diệt	454
Chương 39 - Sự Dạy Bảo Vốn Không Phân Biệt	470
Chương 40 - Tâm Phải Thực Hành Theo Đạo	480
Chương 41 - Ngay Thắng Dứt Trừ Dục Vọng	494
Chương 42 - Hiểu Được Cõi Đời Là Hư Huyền	503

CÙNG TÁC GIẢ DỊCH GIẢ

Sách Đã Xuất Bản

- 1- Pháp Tu Quan Âm (dịch)
- 2- Trung Luận (dịch)
- 3- Phật Giáo Và Tâm Lý Học Hiện Đại (dịch)
- 4- Bước Vào Thiền Cảnh (dịch)
- 5- Đại Cương Triết Học Trung Quán (dịch)
- 6- Đại Tạng Kinh Nhập Môn (dịch)
- 7- Cẩm Nan Nhân Sinh (dịch)
- 8- The Four Sublime States: Doctrine & Practice in Buddhism.
- 9- Thập Nhị Môn Luận (dịch)
- 10- Phật Giáo Hướng Dẫn Thế Kỷ 21 (dịch)
- 11- Phủ Định Thức & Biện Chứng Pháp Trung Quán (dịch)
- 12- Thiền Trong Nghệ Thuật Bắn Cung (dịch)
- 13- Thơ: Giọt Sương Huyền Hóa
- 14- Thơ: Hoa Nở Trời Tây
- 15- Lược Sử Thời Gian (dịch)
- 16- Con Đường Dẫn Tới Hạnh Phúc Đích Thực (dịch)
- 17- Tứ Vô Lượng Tâm
- 18- Beginning And Development Of Buddhist Education In Vietnam (Luận Án Tiến Sĩ)

- 19- Dharma Of Leadership: A Journey For Leaders From The Teaching Of The Buddha.
- 20- Taking Refuge In The Buddha, Dharma, Sangha And Receiving The Five Precepts.
- 21- Buddhist Meditation Practice
- 22- Bát Chánh Đạo:
Con Đường Dẫn Đến An Lạc Đích Thực.
- 23- Phật Giáo Và Khoa Học
- 24- Phật Giáo Và Phân Tâm Học
- 25- Phật Giáo Và Xã Hội
- 26- The Key To Happiness: The Buddha way
- 27- Phật Giáo Và Giáo Dục
- 28- Kinh Tứ Thập Nhị Chương - *Dịch & Giảng*
- 29- Kinh Bát Đại Nhân Giác - *Dịch & Giảng*

Sách Sắp Xuất Bản

- 1- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới
- 2- Phật Giáo Và Chính Trị
- 3- Phật Giáo Và Nữ Giới
- 4- Phật Giáo Và Nghệ Thuật
- 5- Phật Giáo Và Thiên Nhiên
- 6- Mindfulness Meditation

**KINH TỬ THẬP NHỊ
CHƯƠNG. THÍCH VIÊN
LÝ DỊCH & GIẢNG.
BODHI WISDOM DN
PUBLISHING XUẤT BẢN
TẠI CALIFORNIA, HOA
KỲ. IN LẦN THỨ NHẤT,
2019. TÁC GIẢ GIỮ BẢN
QUYỀN / COPYRIGHT ©
2019 - THÍCH VIÊN LÝ.**

Bodhi
Wisdom
DN Publishing